

262

**BẮC THÁI
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
1945 - 1954**

Cải đạo nội dung:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY -
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BẮC THÁI

Chỉ đạo trách nhiệm xuất bản:
Đại tá NGUYỄN CÔNG NGỎAN

Hội đồng chỉ đạo biên soạn:
Chủ tịch: Đại tá Vũ Văn CỜ

Phó chủ tịch: Phạm Tất Quynh

Người viết:
NGUYỄN VĂN KỶ

Thống nhất NGUYỄN VĂN THẮNG

Hợp chỉnh bản thảo:
NGUYỄN VĂN THẮNG

Vội sự tham gia của các đồng chí:
HOÀNG THỌ THUAN

PHẠM QUANG LINH

ĐƯƠNG VĂN TÂM

THẮNG - THANH - TÂM

THẾ NGUY

LƯU CÔNG TRIỆU

BAN NGHỊS QUẢN LÝ SỬ DẠNG

VĂN SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN B.T.

Số bản in:

Bìa

Bìa đ. số đ.:

Ảnh:

Chỉ đạo nội dung :

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY —
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BẮC THÁI

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Đại tá NGUYỄN CÔNG NGOAN

Hội đồng chỉ đạo biên soạn :

Chủ tịch : Đại tá VŨ VĂN CỐI
Phó chủ tịch : PHẠM TẮT QUYNH

Người viết :

NGUYỄN VĂN KỶ
Thiếu tá NGUYỄN VĂN THẮNG

Hoàn chỉnh bản thảo :

NGUYỄN VĂN THẮNG

Với sự tham gia của các đồng chí :

HOÀNG THỌ THUÂN
PHẠM QUANG LIÊN
DƯƠNG VĂN TÂM

Sửa bản in :

THẮNG — THÀNH — TÂM

Bìa :

THẾ NGỰ

Bản đồ, sơ đồ :

LƯU CÔNG TRIỆU

Ảnh :

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG
VÀ SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN B.T

BẮC THÁI
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
1945 – 1954

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BẮC THÁI
BẮC THÁI 1990

BẮC THÁI
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
1945 - 1954

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BẮC THÁI
MONG BẠN ĐỌC GÓP Ý VÀ PHÊ BÌNH

BẮC THÁI 1950



Bộ Chính trị trong chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 tại ATK
(Định Hóa - Bắc Thái)



LỜI GIỚI THIỆU

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, Bắc Thái có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng.

Từ thời Lý đất Bắc Thái đã được coi là phen giậu của Thăng Long. Trong kháng chiến chống Pháp Bắc Cạn, Thái Nguyên là trung tâm căn cứ địa Việt Bắc (ATK), là Thủ đô kháng chiến.

Nhân dân các dân tộc Bắc Thái vốn có chung một nền văn hóa từ lâu đời, một truyền thống đoàn kết, đấu tranh kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm bảo vệ quê hương, đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam truyền thống quý báu ấy của nhân dân các dân tộc Bắc Thái đã được nhân lên gấp bội.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược vừa qua, Bắc Thái đã làm tròn nhiệm vụ của một tỉnh hậu phương căn cứ địa, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc.

Thực hiện nghị quyết của Đảng ủy quân sự Trung ương, dưới sự chỉ đạo của Ban thường vụ Tỉnh ủy, được Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Phòng Khoa học — Lịch sử Quân sự Quân khu I, Khoa Sử trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, các Sở, Ban ngành trong tỉnh và đông đảo nhân dân, cán bộ, chiến sĩ đã công tác chiến đấu trên địa bàn Bắc Thái qua các thời kỳ giúp đỡ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã biên soạn xong cuốn: « Bắc Thái: Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 — 1954) ». Cuốn sách đã phản ánh tương đối đầy đủ, trung thực cuộc chiến tranh « toàn dân toàn diện » của nhân dân và

các lực lượng vũ trang trên địa bàn Bắc Thái trong kháng chiến chống Pháp. Cuốn sách không chỉ ghi lại những thành công mà còn phản ánh cả những mặt chưa thành công trong suốt chặng đường đấu tranh gian khổ, quyết liệt để bảo vệ hậu phương căn cứ địa, giải phóng quê hương của nhân dân và các lực lượng vũ trang Bắc Cạn, Thái Nguyên.

Tuy còn có những hạn chế về tư liệu lịch sử và năng lực của người viết nên cuốn sách còn có những thiếu sót, khuyết điểm cần được bổ sung, hoàn chỉnh thêm nhưng về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu giáo dục truyền thống cho nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh.

Nhân dịp cuốn sách « Bắc Thái lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 — 1954) » được ra mắt bạn đọc, tôi chân thành cảm ơn các cơ quan, tập thể ở Trung ương, địa phương và đồng bào nhân dân, cán bộ, chiến sĩ đã tận tình giúp đỡ.

Tôi trân trọng giới thiệu với các đồng chí trong Đảng bộ, nhân dân các dân tộc và các lực lượng vũ trang trong tỉnh cùng toàn thể bạn đọc cuốn « Bắc Thái lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 — 1954) ».

NGUYỄN NGÔ HAI

Bi thư Tỉnh ủy, kiêm Bi thư Đảng ủy
Quản sự tỉnh Bắc Thái

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

BẮC THÁI — ĐẤT NƯỚC — CON NGƯỜI TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH

Bắc Thái — tỉnh miền núi và trung du — nằm giữa căn cứ địa Việt Bắc và miền đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Thời các vua Hùng, vùng đất Bắc Thái thuộc bộ Vũ Định.

Thế kỷ II trước công nguyên, bắt đầu từ cuộc xâm lược của Triệu Đà, nước ta bị phong kiến phương Bắc thống trị. Từ đó, dưới ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, bộ Vũ Định lúc nằm trong huyện Long Biên, quận Giao Chi (thời thuộc Hán) lúc thuộc châu Vũ Nga (thời nhà Đường).

Từ thế kỷ X, cha ông ta đã khôi phục được nền độc lập và thay đổi lại địa vực hành chính trong cả nước.

Đời Lý, đất Bắc Thái thuộc châu Thái Nguyên. Đời Trần chia nước thành lộ, trấn, thì Bắc Thái thuộc trấn Thái Nguyên. Đời Lê, Bắc Thái có lúc thành đạo, có lúc thành xứ Thái Nguyên. Từ cuối Lê đến hết triều Tây Sơn, xứ Thái Nguyên bao gồm phủ Phú Bình và phủ Thông

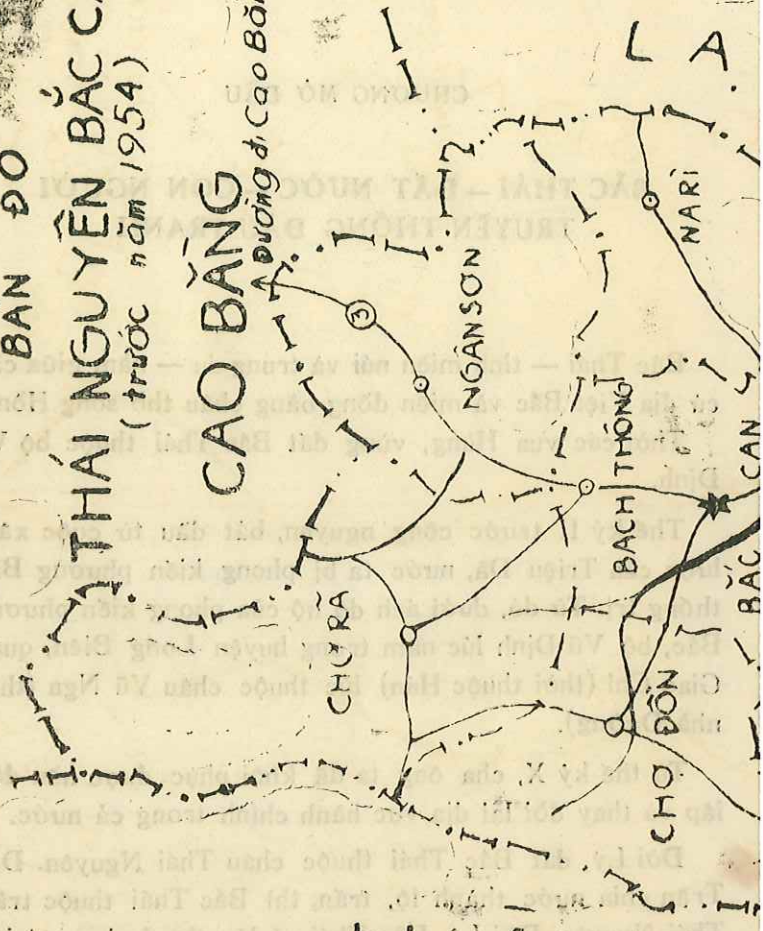
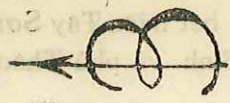
BẢN ĐỒ

THÁI NGUYỄN BẮC CẠN

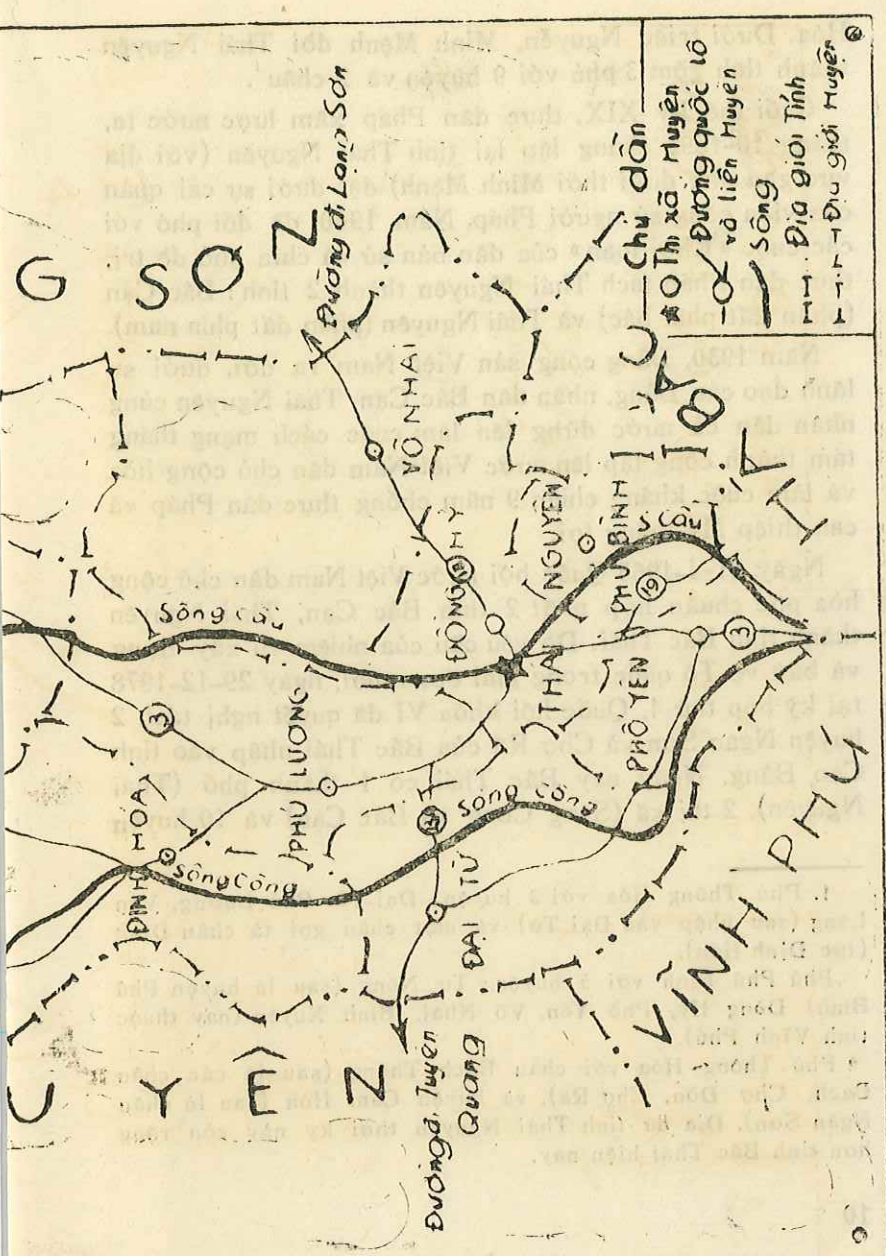
(trước năm 1954)

CAO BĂNG

Đường đi Cao Bằng



H A T



Hóa. Dưới triều Nguyễn, Minh Mệnh đổi Thái Nguyên thành tỉnh gồm 3 phủ với 9 huyện và 2 châu¹.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược nước ta, tháng 10-1892 chúng lập lại tỉnh Thái Nguyên (với địa vực gần như dưới thời Minh Mệnh) đặt dưới sự cai quản của viên công sứ người Pháp. Năm 1900, để đối phó với các cuộc «Khởi loạn» của dân bản sứ và chia nhỏ để trị, thực dân Pháp tách Thái Nguyên thành 2 tỉnh: Bắc Cạn (phần đất phía bắc) và Thái Nguyên (phần đất phía nam).

Năm 1930, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Bắc Cạn, Thái Nguyên cùng nhân dân cả nước đứng lên làm cuộc cách mạng tháng tám thành công lập lên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và làm cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ thắng lợi.

Ngày 21-4-1965 Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa phê chuẩn hợp nhất 2 tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Do yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, ngày 29-12-1978 tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa VI đã quyết nghị tách 2 huyện Ngân Sơn và Chợ Rã của Bắc Thái nhập vào tỉnh Cao Bằng. Ngày nay Bắc Thái có 1 thành phố (Thái Nguyên), 2 thị xã (Sông Công và Bắc Cạn) và 10 huyện

1. Phủ Thông Hóa với 3 huyện: Đại Từ, Phú Lương, Văn Lãng (sau nhập vào Đại Từ) và một châu gọi là châu Định (tức Định Hóa).

Phủ Phú Bình với 5 huyện: Tư Nông (sau là huyện Phú Bình) Đồng Hỷ, Phồ Yên, Võ Nhai, Bình Xuyên (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú).

Phủ Thông Hóa với châu Bạch Thông (sau là các châu Bạch, Chợ Đồn, Chợ Rã), và huyện Cẩm Hóa (sau là châu Ngân Sơn). Địa dư tỉnh Thái Nguyên thời kỳ này còn rộng hơn tỉnh Bắc Thái hiện nay.

(Phú Bình, Phồ Yên, Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Đông Hỷ, Bạch Thông, Na Rì, Chợ Đồn, Võ Nhai).

Bắc Thái có diện tích tự nhiên: 6494,5 kilômét vuông. Phía bắc giáp Cao Bằng (90 kilômét), phía đông giáp Lạng Sơn (115 kilômét), phía tây giáp Hà Tuyên (108 kilômét), phía đông nam giáp Hà Bắc (60 kilômét), phía nam và tây nam giáp Hà Nội và Vĩnh Phú (50 kilômét). Tính theo đường chim bay: chiều dài nhất từ Xuân Lạc (Chợ Đồn) đến Thuận Thành (Phồ Yên) là 124 kilômét, chiều rộng nhất từ cao điếm 800 (Khau Tiên, Chợ Đồn) đến núi xuất tác (Phương Giao, Võ Nhai) là 104 kilômét.

Trên 84% đất đai trong tỉnh là đồi núi, trong đó đại bộ phận là núi đất. Bắc Thái có nhiều dải núi lớn. (Dải Phia-biôoc hay còn gọi là núi « cứu quốc » chạy suốt từ bắc xuống nam trong nửa phần phía tây vùng bắc tỉnh với độ cao trung bình là 1000 mét). Có 2 ngọn núi cao hơn cả là ngọn Phia Yạ cao 1980 mét ở phía tây bắc và ngọn Phia Ngoàn cao 1190 mét ở phía đông bắc, tạo thành một đường thẳng cắt chéo từ tây bắc xuống đông nam vùng phía bắc tỉnh, ở trên máy bay rất dễ nhận thấy.

Trong các dải núi đất, có nhiều núi đá xen kẽ. Trong núi đá có nhiều hang, hốc lớn, khi cần thiết có thể dùng làm kho tàng hoặc nơi trú quân. Một số vùng như ở Chợ Đồn, Na Rì, Võ Nhai có nhiều núi đá liên tiếp nhau (chiếm khoảng gần 300 kilômét vuông).

Diện tích vùng núi phần lớn là rừng rậm (trừ huyện Ngân Sơn là núi trọc trống trải). Rừng rậm Bắc Thái bao la, trập trùng, góc ngách, vừa hiểm trở, vừa tạo thành các khu ruộng nhỏ phì nhiêu nằm sâu kín và rải rác cách xa nhau trên khắp địa bàn tỉnh tạo thành địa thế thuận lợi đề đối phó với địch.

Phía nam tỉnh là vùng đồi thấp, trung du (15,6%), độ cao trung bình 50 mét đến 70 mét, thuận lợi giao thông cả

về đường sông và đường bộ. Đây là cầu nối liền giữa vùng rừng núi với vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Bắc Thái có nhiều sông, suối quanh năm có nước, rất thuận lợi cho việc canh tác trên các đồng ruộng phân tán và đảm bảo cho đời sống sinh hoạt để xây dựng các khu căn cứ an toàn, bí mật trong chiến tranh.

Ngoài một số sông ngắn chảy trong nội tỉnh như sông Chu, sông Na Rì v.v..., Bắc Thái còn một số sông chảy sang các tỉnh bạn như sông Cầu, sông Bắc Giang, sông Công... Trên địa bàn tỉnh, các sông có độ nông, sâu không đều, có nhiều ghềnh thác nên không thuận lợi cho giao thông vận tải đường thủy. Về mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 9) nước ở các sông, suối dâng cao gây lũ lụt, phá hoại mùa màng, cản trở giao thông đường bộ; đoạn sông Cầu từ thành phố Thái Nguyên đến Thuận Thành (Phồ Yên) tàu, thuyền trọng tải 30 tấn đến 60 tấn có thể đi lại được.

Bắc Thái có các đường giao thông chính là:

— Quốc lộ số 3: chạy dọc qua tỉnh nối liền Hà Nội với Cao Bằng, chia diện tích tỉnh thành 2 phần Đông, Tây xấp xỉ bằng nhau. Trên địa phận Bắc Thái (trong kháng chiến chống Pháp) quốc lộ số 3 dài trên 200 kilômét, từ cầu Đa Phúc lên thị xã Thái Nguyên, thị trấn Chợ Mới, thị xã Bắc Cạn, Phủ Thông, Nà Phặc đến Nguyên Bình (Cao Bằng). Dọc 2 bên đường từ thị xã Thái Nguyên lên Nguyên Bình (Cao Bằng) là rừng rậm xen kẽ những cánh đồng hẹp, núi đá và vực sâu, có nhiều đoạn đường độc đạo, rất hiểm trở, thuận lợi cho tổ chức bố trí các trận phục kích các đoàn xe cơ giới và bộ binh địch.

— Đường số 3B từ Nà Phặc qua Ngân Sơn lên Cao Bằng dài 87 kilômét (trong địa phận Bắc Thái dài 53 kilômét). Đoạn đường này có dốc dài (Đèo Gió), 2 bên đường phần nhiều là núi trọc. Ở phía bắc đường số 3 nối liền với đường số 4 ở đèo Pắc Bó.

— Đường số 1B bắt đầu từ cầu Gia Bầy (thị xã Thái Nguyên) qua La Hiên, Đình Cả lên Đồng Đăng (Lạng Sơn) gặp đường số 4.

— Đường số 13A bắt đầu từ đường số 3 ở ngã ba Bờ Đậu (Phú Lương) qua Đại Từ, Đèo Khế sang Tuyên Quang gặp đường số 2 từ Hà Nội lên.

— Đường số 19 từ Lưu Xá (Thái Nguyên) qua Hà Châu (Phú Bình) về thị trấn Thắng (Hiệp Hòa, Hà Bắc).

Các tuyến có ý nghĩa quan trọng chiến lược là: quốc lộ 3, 13A và 1B nối liền giữa Bắc Thái với Hà Nội, Bắc Thái với các tỉnh hậu phương căn cứ địa, và với biên giới Việt — Trung.

Bắc Thái còn có hai tuyến đường sắt chạy qua là Hà Nội lên Quán Triều và Lưu Xá (Thái Nguyên) đi Kép (Hà Bắc) sang Ưông Bí (Quảng Ninh). Hệ thống đường Bắc Thái góp phần quan trọng phục vụ các nhu cầu quân sự, kinh tế trong các cuộc kháng chiến vừa qua. Do địa hình phức tạp, có nhiều sông, suối nên các tuyến đường giao thông phải qua trên 500 cầu các loại và nhiều ngầm to, nhỏ khác nhau. Chất lượng đường, cầu, cống chưa cao, nên có nhiều khó khăn đề bảo đảm giao thông trong mùa mưa và khi bị địch đánh phá ác liệt.

Bắc Thái có nhiều loại cây lương thực, cây công nghiệp cùng các loại lâm thổ sản quý. Lòng đất Bắc Thái có nhiều khoáng sản. Hiện nay Bắc Thái là vùng than lớn thứ 2 của cả nước với các mỏ Làng Cầm, Giang Tiên, Phấn Mễ, núi Hồng... Quặng sắt có trữ lượng tương đối lớn, hàm lượng sắt và mangan khá cao được phân bố ở các vùng Trại Cau, Đại Từ, Phú Lương, Bạch Thông. Ngoài ra còn có những kim loại quý khác như vàng, chì, kẽm, thiếc, ti-tan, ăng-ti-moan, thủy ngân và nhiều tài nguyên dùng làm vật liệu xây dựng và hàng mỹ nghệ. Những khoáng sản ấy ngoài giá trị kinh tế còn có ý nghĩa

không nhỏ cho công nghiệp quốc phòng. Khí hậu Bắc Thái nắng lắm, mưa nhiều đi liền với lũ lụt bất thường, đã gây nên những trở lực không nhỏ trong các hoạt động quân sự.

Trải qua nhiều biến động, trên một địa bàn đất không rộng lắm (6494,5 km²), cư dân không đông lắm (1.032.792 người theo số liệu điều tra 4-1989), mật độ dân số phân bố không đều (thấp nhất là 22 người/km², đông nhất là 2310 người/km²), Bắc Thái có nhiều dân tộc sinh sống (Việt, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Cao Lan, Sán Chỉ, H'Mông), gần bó với nhau từ lâu đời, có truyền thống thương yêu, đoàn kết giúp đỡ nhau, cần cù làm ăn sinh sống, anh dũng, thông minh trong đánh giặc, giữ làng.

Với những yếu tố tự nhiên, xã hội, con người, truyền thống, Bắc Thái giữ một vị trí chiến lược quan trọng trong chiến tranh. « Cả một vùng rừng núi trùng điệp, đi dần từ những ngọn đồi lúp súp ở Phú Thọ, Vĩnh Yên, Bắc Giang, đi qua các dãy Tam Đảo chắt ngất hay Yên Thế, Nhã Nam hùng vĩ; rồi tiến về phía bắc là Đình Cả, Bắc Sơn, Cai Kinh, là Kim Hỷ, là tiền Phia Bióc..., và bao nhiêu dãy núi đá nguy nga ở biên giới Việt Trung... Sản đường giao thông với quốc tế, liền với trung châu tam giác, tức là có cái thế uy hiếp Hà Nội. Phía đông có thềm men theo rừng núi mà tiến đến lân cận Hải Phòng và đi ra biển, phía tây có thềm men theo rừng núi và tiến về Hà Đông hay liên lạc với Thanh — Nghệ. Đứng về địa thế mà luận, thực là một nơi dụng binh hiểm yếu « tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ »¹.

Từ thực tế trên, dù cho quan điểm, mục đích sự nhìn nhận có khác nhau, nhưng tất cả những người đã ít hoặc

1. Võ Nguyên Giáp — Khu giải phóng, một sự nghiệp vĩ đại của phong trào giải phóng dân tộc (tài liệu đánh máy lưu tại BNCLSD Bắc Thái).

nhiều đề công nghiên cứu về Bắc Thái đều thừa nhận chung về ý nghĩa quan trọng và vị trí chiến lược của vùng đất này.

Trong quá trình dựng nước và giữ nước, từ xưa ông, cha ta đã coi vùng Bắc Cạn — Thái Nguyên « là nơi phen giậu thứ hai về phương Bắc »¹ của nước Việt. Đảng ta coi Bắc Cạn, Thái Nguyên là một địa bàn có ý nghĩa chiến lược quan trọng cho việc xây dựng căn cứ địa trong đấu tranh cách mạng, trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Trước cách mạng tháng Tám, Bắc Thái được Đảng chọn để xây dựng an toàn khu (Phủ Bình, Phồ Yên và Hiệp Hòa — Hà Bắc), xây dựng căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai và lực lượng Cứu quốc quân. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 — 1954), Bắc Thái trở thành trung tâm căn cứ địa Việt Bắc, là Thủ đô kháng chiến — nơi tập trung các cơ quan đầu não của Đảng, Chính phủ và quân đội... Bắc Cạn, Thái Nguyên còn là mảnh đất sinh ra, và trưởng thành của nhiều đơn vị bộ đội chủ lực.

Nhân dân Bắc Thái có truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm từ lâu đời. Truyền thuyết dân gian đã phản ánh nhiều cuộc đấu tranh quyết liệt của các tộc người vùng núi phía Bắc chống các thứ « giặc Ân », « giặc Hồ Tôn », « giặc mũi đỏ »... Thế kỷ II trước công nguyên, các tộc người vùng núi Đông Bắc cùng với người Việt vùng trung châu Bắc Bộ biết dựa vào cơ cấu của một xã hội có tổ chức, biết lợi dụng vùng rừng, núi hiểm trở để vận dụng các hình thức đánh nhỏ, đánh bất ngờ, chống lại giặc xâm lược nhà Tần, khiến cho chúng có hàng chục vạn quân mà « tiến không được, thoát cũng không xong »² cuối cùng chịu đại bại. Buổi đầu công

1. Nguyễn Trãi toàn tập, NXB khoa học xã hội, 1976, tr. 238.

2. Xem Tư Mã Thiên — Sử ký.

nguyên dưới ngọn cờ xưng nghĩa của Trưng Nữ Vương, dân chúng ở vùng núi Việt Bắc cùng dân chúng miền xuôi nổi dậy « công phá Châu, Quận » giành lại các thành trì phương Nam cho người Việt làm chủ. Thế kỷ 10, trong cuộc kháng chiến chống Tống, người dân Thái Nguyên, Bắc Cạn sát cánh cùng người Việt miền xuôi đã « bắt chém được Hầu Nhân Bảo » làm cho « quân Tống bị thua »¹, phải rút về nước, cam chịu thất bại trong dã tâm xâm lược Tống đề bảo vệ và củng cố biên giới phía bắc của cha ông ta, có công lao to lớn của Dương Tự Minh².

Thế kỷ XV, nhân dân châu Thái Nguyên nổi dậy tham gia nghĩa binh Áo đỏ³ chống lại bọn giặc Minh dưới sự lãnh đạo của Trần Nguyên Kháng, Nguyễn Đa Bi, Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng, Dương Khắc Chung, Nguyễn Trà... Suốt 17 năm đầu thế kỷ XV, địa bàn hoạt động của nghĩa binh « Áo đỏ » lan rộng ở vùng núi Việt Bắc, Tây Bắc, vùng Trung du rồi lan vào Thanh — Nghệ. Năm 1410, nghĩa binh « Áo đỏ » đã tấn công vào huyện lỵ Đại Từ, bọn thống trị nhà Minh phải điều quân từ Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang về trấn áp.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ và kéo dài 10 năm. Bắc Thái đã đóng góp cho bộ tham mưu của cuộc khởi nghĩa 2 nhân vật xứng đáng, đó là hai cha con Lưu Nhân Chú. Với lòng căm thù giặc sâu sắc, yêu quê hương, đất nước tha thiết, Lưu Nhân Chú cùng với cha là Lưu

1. Việt sử lược, NXB Văn sử địa, HN 1960, tr. 55.

2. Xem: con người và sự tích Bắc Thái.

3. Ra trận, nghĩa binh thường mặc áo đỏ. Nhân dân lấy đó để đặt tên.

Trung¹ thắng ngày lặn lội tìm đến Lam Sơn. Hai cha con ông trở thành những mưu sĩ tin cậy, tướng lĩnh có tài góp phần xứng đáng vào thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, đánh đổ hoàn toàn ách đô hộ của nhà Minh, giành quyền độc lập cho dân tộc².

Năm 1858 thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Tháng 3-1884, đem quân đánh chiếm Thái Nguyên, giặc Pháp vấp phải « sự kháng cự mãnh liệt » của nhân dân Thái Nguyên, chịu nhiều tổn thất khá nặng nề. Trong trận tấn công Chợ Mới ngày 4-1-1889 giặc Pháp đã phải trả giá đắt, gần 100 tên bị diệt trong đó có 10 sĩ quan. Đây là một trong những thất bại cay đắng nhất của thực dân Pháp trong chiến tranh xâm lược Việt Nam ở cuối thế kỷ XIX.

Đầu năm 1888, quân Pháp từ Cao Bằng đánh xuống vùng Bắc Cạn, đến năm 1890 chúng mới qua được Ngân Sơn, Chợ Rã xuống Bạch Thông, đến năm 1895, chúng mới hoàn thành được việc chiếm đóng vùng Bắc Cạn.

Sau khi bị Pháp chiếm đóng, đô hộ, nhân dân Bắc Thái tiếp tục đứng lên chống Pháp dưới các ngọn cờ xướng nghĩa của Hoàng Hoa Thám (cuối thế kỷ XIX — đầu thế kỷ XX), của Chung Á Dật (người Ngái ở Bằng Khâu, Ngân Sơn), của những tù nhân ở nhà tù Bắc Cạn do Lý Tháo Long, Đội Kỳ, Đội Thám chỉ huy. Cuối cùng là cuộc khởi nghĩa lớn nổ ra rất bất ngờ tại tỉnh lỵ Thái Nguyên vào đêm 30 rạng 31-8-1917 do Trịnh Văn Cấn

1. Lưu Trung tham gia nghĩa quân Lam Sơn từ những ngày đầu, lập nhiều công lớn. Năm 1427 ông cùng Lê Khả (Trịnh Khả) Lê Địch chỉ huy đánh viện binh của Mộc Thạnh ở vùng núi Lê Hoa. Lưu Trung được liệt vào hạng những người khai quốc công thần của triều Lê và được phong quốc công.

2. Xem Lịch sử Đảng bộ Bắc Thái — tập 1.

(tức Đội Cận) và Lương Ngọc Quyến (Lương Lập Nhan) lãnh đạo. Tuy cuộc khởi nghĩa chỉ diễn ra trong thời gian ngắn và bị kẻ thù dập tắt, song đó là một trong những cuộc đấu tranh chống Pháp có tiếng vang lớn trong cả nước ở đầu thế kỷ XX.

Do thiếu đường lối đúng đắn của một chính đảng nên các phong trào chống Pháp của nhân dân ta đều bị thất bại. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930) đã đáp ứng những đòi hỏi bức thiết, khách quan của cuộc đấu tranh đó. Từ khi mới ra đời, Đảng ta đã nhận thấy « lực lượng đấu tranh của các dân tộc thiểu số là một lực lượng rất lớn »¹. Vì vậy sau hội nghị Hải ngoại (6-1934) và Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3-1935) nhiều cán bộ, đảng viên đã trở về nước xây dựng cơ sở, đào tạo cán bộ và chỉ đạo phong trào cách mạng ở vùng núi Việt Bắc. Tại Bắc Thái, cơ sở đảng đầu tiên được xây dựng ở La Bằng (Đại Từ) năm 1936 rồi đến Võ Nai.

Trong những năm 1936 — 1939, phong trào đấu tranh của nhân dân trong tỉnh chủ yếu diễn ra bằng những hình thức biểu tình chống tăng thuế, chống bắt phu ngày mùa, đòi tăng tiền công, vạch mặt bọn kỳ hào tham nhũng. Một vài nơi, quần chúng dùng cuộc, xẻng, gậy gộc chống lại sự đàn áp của địch và trừng trị bọn cai, ký, tay sai, phản động gian ác.

Tháng 11-1939, chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương trở mặt thẳng tay đàn áp cách mạng. Đảng triệu tập hội nghị Trung ương lần thứ 6 tại Hóc Môn (Gia Định) đề ra chủ trương: cùng với việc mở rộng phong trào quần chúng, Đảng phải lo phát triển các đội tự vệ « to rộng đủ dũng cảm và diêm tĩnh, khôn khéo và hy sinh ».

1. Văn kiện Đảng, tập 1, Sự thật, HN, 1977, tr. 533.

Sau hội nghị Trung ương, các đồng chí Trường-Chinh, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh... thường qua lại hoạt động ở Võ Nhai, Phú Bình, Phò Yên. Trong những năm 1939, 1940, cùng với quá trình hình thành các cơ sở cách mạng của xứ ủy (Long Giàn — Đèo Khế), các hội phản đế ở Làng Ca, Làng Soi, Mai Sơn (Phú Bình), Tràng Xá, Lâu Thượng, Phú Thượng (Võ Nhai) Tiên Thù (Phò Yên)... đã bắt đầu xuất hiện các nhóm thanh niên trung kiên. Trung ương và Xứ ủy giúp đỡ địa phương mở các lớp huấn luyện cho các nhóm thanh niên trung kiên tại Tràng Xá, Lâu Thượng, Phú Thượng (Võ Nhai), Tiên Thù (Phò Yên). Lực lượng thanh niên trung kiên vừa là hạt nhân nòng cốt cho đấu tranh chính trị, vừa là lực lượng chuẩn bị cho xây dựng các đội tự vệ. Năm 1940, tại tổng Tiên Thù (Phò Yên), đội tự vệ được thành lập gồm 8 thanh niên hăng hái được chọn lựa từ trong phong trào quần chúng, vũ khí chủ yếu là dao, kiếm và súng kíp.

Việc thành lập các Hội phản đế, sự xuất hiện các nhóm thanh niên trung kiên và các đội tự vệ đánh dấu sự biến chuyển mới trong cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

Tháng 9-1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ.

Trước khí thế của nhân dân các dân tộc châu Bắc Sơn và vùng phụ cận, Nhật tạm thỏa hiệp cho Pháp rảnh tay đối phó với cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn. Sau đòn choáng váng ban đầu, thực dân Pháp tập trung đưa quân từ Bình Gia (Lạng Sơn) xuống, từ Võ Nhai (Thái Nguyên) lên đàn áp quân khởi nghĩa. Chúng bắt bớ, tàn sát nhân dân, đốt phá làng, bản, chia rẽ đồng bào các dân tộc, cô lập nghĩa quân hồng đim cuộc khởi nghĩa trong máu, lửa. Máu chảy, ruột mềm, 10 thanh niên trung kiên trong đội tự vệ của Võ Nhai đã tình nguyện lên Bắc Sơn cùng với quân khởi nghĩa chiến đấu chống lại sự đàn áp và khủng bố của kẻ thù.

Khởi nghĩa Bắc Sơn là sự trả lời bằng hành động vũ trang của đồng bào các dân tộc Việt Bắc, trước hết là vùng Bắc Sơn — Võ Nhai đối với thực dân phong kiến. Khởi nghĩa Bắc Sơn tuy bị kẻ thù đàn áp đẫm máu, nhưng đã để lại cho Đảng ta một vốn quý trong quá trình tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang. Cùng với các chiến sĩ Bắc Sơn, tự vệ quần chúng Võ Nhai bước đầu được thử thách trong thực tế chiến đấu, một số người trở thành cán bộ, chiến sĩ đội du kích Bắc Sơn, hạt nhân cho việc phát triển các đội tự vệ địa phương góp phần xây dựng và bảo vệ căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai sau này.

Đầu tháng 11-1940, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 7 tại Đình Bảng- (Bắc Ninh) quyết nghị: « Ở Bắc Bộ phải duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn; thành lập những đội du kích hoạt động phân tán và tiến tới thành lập căn cứ du kích; lực lượng vũ trang Bắc Sơn, các đội tự vệ có nhiệm vụ bảo vệ nhân dân, đấu tranh chống khủng bố khi cần thiết, vừa phát triển các cơ sở cách mạng vừa giữ vững và mở rộng khu căn cứ, lấy vùng Bắc Sơn — Võ Nhai làm trung tâm». Thực hiện nghị quyết duy trì và bồi dưỡng lực lượng vũ trang Bắc Sơn làm vốn quân sự đầu tiên của cuộc khởi nghĩa sau này, Trung ương Đảng đã cử đồng chí Lương Văn Tri, ủy viên thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ lên cùng Đảng bộ địa phương xây dựng khu căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai và củng cố lực lượng du kích Bắc Sơn. Trung ương còn cử thêm một số cán bộ ở xuôi lên bổ xung cho đội du kích. Căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai dần dần hình thành và đặt dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Trung ương và Xứ ủy. Tháng giêng năm 1941, các đồng chí lãnh đạo khu căn cứ mở các lớp huấn luyện quân sự, chính trị ngắn ngày nâng cao kiến thức quân sự, trình độ chính trị và ý thức kỷ luật cho quân du kích, đồng thời cũng đề chuẩn

bị lực lượng cho các cơ sở khắp Bắc Kỳ. Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 14-2-1941 tại khu rừng Khuổi Nọi, thuộc xã Vũ Lễ (giáp giới giữa Bắc Sơn — Võ Nhai) đội du kích Bắc Sơn chính thức thành lập, gồm 32 cán bộ, chiến sĩ chia làm 3 tiểu đội, vũ khí có 5 súng trường, còn toàn súng kíp và dao găm do đồng chí Lương Văn Tri chỉ huy. Đồng chí Hoàng Văn Thụ thay mặt Trung ương Đảng công nhận, trao nhiệm vụ và lá cờ đỏ, sao vàng cho đội du kích Bắc Sơn.

Sau khi thành lập đội du kích Bắc Sơn nhanh chóng hoạt động củng cố phong trào. Trong một thời gian ngắn phong trào từ khu vực Bắc Sơn mở rộng xuống Đình Cả (Võ Nhai). Các đội tự vệ được phục hồi và phát triển. Phong trào học tập quân sự lên khá mạnh. Khe Khuổi Nọi, rừng Phú Thượng, Lâu Thượng, rừng Tràng Xá..., những cơ sở của quân du kích, đều biến thành nơi huấn luyện quân sự cho du kích và tự vệ.

Đề tăng cường lãnh đạo các tổ chức vũ trang và nửa vũ trang, Trung ương Đảng cử đồng chí Phùng Chí Kiên, ủy viên Trung ương Đảng về trực tiếp chỉ đạo khu căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai, đồng thời cử thêm cán bộ, bổ xung thêm vũ khí cho đội du kích Bắc Sơn. Đồng chí Trường-Chính, Tổng bí thư của Đảng trực tiếp phổ biến tinh thần nghị quyết Trung ương lần thứ 8 cho cán bộ, chiến sĩ đội du kích Bắc Sơn. Đây là cuộc học tập đầu tiên về đường lối, chính sách của Đảng trong lực lượng vũ trang ta.

Đề phù hợp với nhiệm vụ cứu nước tháng 5-1941 đội du kích Bắc Sơn mang tên đội Cứu quốc quân.

Cuối tháng 6-1941 vào lúc một số đồng chí ủy viên Trung ương Đảng đi dự hội nghị Trung ương lần thứ 8 về tới khu căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai, thực dân Pháp mở một cuộc càn quét lớn vào khu căn cứ nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não của Đảng, tiêu diệt Cứu quốc quân, trấn áp

phong trào cách mạng ở Bắc Sơn — Võ Nhai. Chúng huy động 4000 quân, bao gồm cả lính Pháp, lính lê-dương, lính khố đỏ và bọn phản động từ Thái Nguyên lên, từ Lạng Sơn xuống, từ Bắc Giang sang, bao vây chặt khu căn cứ. Bọn địch đi đến đâu thực hiện đốt sạch, phá sạch đến đó. Tình thế rất nghiêm trọng, Ban chỉ huy Cứu quốc quân cử một bộ phận về Võ Nhai tìm đường đưa một số đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng về xuôi an toàn, còn toàn đội chuẩn bị chống khủng bố.

Vòng vây của giặc khép chặt, Cứu quốc quân bị dồn hết từ khu rừng này sang khu rừng khác. Tình thế bất lợi, 2 tiểu đội phải vượt vòng vây rút lên biên giới Việt Trung. Ngày 22-8-1941 khi rút qua vùng Bằng Đức (Ngân Sơn) bị địch phục kích, đồng chí Phùng Chí Kiên hy sinh, đồng chí Lương Văn Tri bị địch bắt và sau đó cũng hy sinh ở trong tù; 1 tiểu đội ở lại căn cứ chiến đấu, bị địch truy lùng ráo riết, hy sinh 7 đồng chí, còn 4 đồng chí phải rút xuống vùng Võ Nhai. Tháng 8-1941 địch chuyển cuộc càn quét xuống vùng Võ Nhai. Được sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Hoàng Quốc Việt, các chiến sĩ Cứu quốc quân còn lại tập trung củng cố, xây dựng lại lực lượng. Ngay giữa vòng vây của hàng ngàn quân địch, ngày 16-9-1941 trung đội Cứu quốc quân 2 được thành lập tại rừng Khuôn Mánh, xã Tràng Xá (Võ Nhai) gồm 47 cán bộ, chiến sĩ, chia làm 5 tiểu đội, vũ khí có 3 súng khai hậu, còn lại là dao găm và súng kíp do đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy. Đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Trung ương Đảng công nhận Cứu quốc quân 2.

Cứu quốc quân 2 ra đời đã giữ vững được lực lượng chiến đấu, duy trì tiếng súng đấu tranh mà Đảng giao phó. Thực dân Pháp khiếp sợ trước sự ra đời của Cứu quốc quân 2, nên đã hết sức tàn bạo, điên cuồng càn quét, dồn dân vào các trại tập trung ở Đồng Yên, Đình Cả, Làng Giữa, thực hiện « tát cạn nước đê bắt cá » hòng làm

cho Cứu quốc quân tuyệt đường nương tựa. Trong các trại tập trung, hàng nghìn người phải sống trong các khu đất chật hẹp với những túp lều xiêu vẹo, âm thấp, xung quanh có các hàng rào tre, nứa kiên cố, có lính canh gác suốt ngày, đêm. Đêm địch thiết quân luật, ai ra khỏi cửa là bắn, ngày nhân dân đi làm phải thành từng đoàn có lính đi theo kiểm soát.

Bất chấp sự kìm kẹp, kiểm soát gắt gao của địch, nhân dân vẫn tìm mọi cách cứu mạng, giúp đỡ Cứu quốc quân duy trì tiếng súng đánh địch. Đối với bọn tay sai, phản động, Cứu quốc quân đã giáo dục thuyết phục, mở đường cho những tên biết hối cải trở về với dân tộc. Đối với một số tên đầu sỏ, ngoan cố thì nghiêm khắc cảnh cáo, trừng trị. Ngày 16-9-1941 một tđ Cứu quốc quân 2 đã phục kích tại đèo Bấp diệt tên Nho Phú, tay sai đắc lực của Pháp, có nhiều nợ máu với nhân dân.

Ngày 2-10-1941, 20 cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân đã dày lùi 2 trung đội lê-dương càn vào Khuôn Kẹn (Tràng Xá). Ngày 5-10 phá tan cuộc tiến công của 200 tên địch vào Khuôn Ba, cứu được nhiều cụ già và trẻ em đang bị bao vây. Tiếp đó ngày 15-10, 1 tiểu đội du kích đã chặn đánh 100 tên địch tràn vào Khuôn Đã (Tràng Xá) diệt 10 tên, buộc chúng phải tháo chạy. Ngày 25-10: 3 cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân đã đánh lui nhiều đợt tiến công của địch vào Khuôn Xồm diệt 9 tên, bẻ gãy trận càn.

Ngày 17-12-1941, 1 tiểu đội Cứu quốc quân đi công tác bị lọt vào vòng vây của 60 tên lính lê-dương tại Mỏ Mùng (Lau Hạ). Mặc dù ở thế bất lợi Cứu quốc quân vẫn nòng súng đánh địch. Tiểu đội trưởng Hà Văn Mạnh dũng cảm ở lại chiến đấu, kìm chân địch yểm hộ cho đồng đội rút lui. Với khẩu súng trường và 28 viên đạn anh đã tiêu diệt và bắn bị thương 20 tên giặc. Hà Văn Mạnh đã hy sinh anh dũng nêu gương sáng cho đồng đội noi theo.

Đêm 31-12-1941 Cứu quốc quân tổ chức bắn súng, thổi còi, xung phong, quấy rối đồn lính lê-dương ở Trảng Xá, làm cho địch lo sợ mất ăn, mất ngủ.

Tháng 10-1941 Trung ương Đảng chỉ thị cho Cứu quốc quân 2 phải giữ vững lực lượng vũ trang, giữ vững cơ sở, mở rộng căn cứ ra ngoài vòng vây địch, đồng thời phải duy trì cho được tiếng súng Bắc Sơn — Võ Nhai để cổ vũ phong trào toàn quốc và thiết thực ủng hộ Liên Xô chống phát xít.

Thực hiện chủ trương trên, Cứu quốc quân cử các tổ công tác đi gây dựng cơ sở. Ngày 19-11-1941, tổ của các đồng chí Nguyễn Cao Đàm, Chu Viết Phóng vượt vòng vây địch sang hướng Đại Từ, nối liên lạc với cơ sở Đảng ở La Bằng rồi mở rộng sang vùng Chợ Chu (Đình Hóa), Phương Liên (Sơn Dương, Tuyên Quang). Tổ của đồng chí Quốc Hưng lấy Phú Thượng (Đình Cả) làm bàn đạp để khôi phục lại ngọn lửa đấu tranh ở vùng Bắc Sơn. Tổ của đồng chí Hoàng Văn Tài phát triển theo hướng Yên Thế (Bắc Giang), Hữu Lũng (Lạng Sơn) và Đồng Hỷ (Thái Nguyên). Nhờ phát triển thêm cơ sở, khu căn cứ được củng cố và mở rộng, là điều kiện tốt để xây dựng các lực lượng tự vệ địa phương.

Bộ phận Cứu quốc quân ở lại trong khu căn cứ gồm 40 cán bộ, chiến sĩ, phân chia thành từng tổ kiên trì bám dân, giác ngộ quần chúng, gây dựng chấp nối cơ sở, mở rộng phong trào. Tuy địch khủng bố, kìm kẹp rất gắt gao, lực lượng vũ trang trong khu căn cứ vẫn giữ được mối liên hệ với nhân dân, được nhân dân tận tình giúp đỡ. Cán bộ chiến sĩ Cứu quốc quân vừa vận động nhân dân đấu tranh với địch, vừa trừng trị những tên phản động có nhiều nợ máu với nhân dân và cùng nhân dân tuyên truyền, địch vận. Nhiều binh lính trong hàng ngũ địch tỏ thái độ trung lập hoặc có thiện cảm với cách

mạng, đi càn bản chỉ thiên, cố ý làm lộ ý định trận càn, tránh lúng sục vào những nơi biết là có cơ sở Việt Minh. Đã có trường hợp lính địch bắn chết tên dẫn đường rồi rút về báo cáo bị đối phương phục kích... Công tác địch vận của Cứu quốc quân góp phần phân hóa hàng ngũ địch, làm giảm sút sức chiến đấu của chúng.

Tháng 2-1942, thực dân Pháp tập trung lực lượng khủng bố dã man khu căn cứ Võ Nhai. Chúng lập thêm đồn bốt, bao vây, cắt đứt hết liên lạc giữa khu căn cứ với Trung ương và các tổ công tác ở Đại Từ, Định Hóa...

Đề bảo toàn lực lượng và tránh tổn thất cho dân, Cứu quốc quân quyết định «hóa chỉnh vi linh», rút ra ngoài vòng vây của địch. Ngày 10-3-1942, 1 tiểu đội Cứu quốc quân xuôi về vùng Cây Thị (Đông Hỷ) rồi vòng sang Bắc Giang đề đánh lạc hướng địch. Tiếp đó, ngày 14-3, 42 cán bộ, chiến sĩ bí mật rời căn cứ lên biên giới Việt Trung. Mất mục tiêu khủng bố về quân sự, cuối tháng 3-1942 thực dân Pháp rút bớt lực lượng khỏi khu vực Bắc Sơn — Võ Nhai.

Trong suốt 8 tháng (từ 7-1941 đến 3-1942) phát động chiến tranh du kích và tác chiến trong những điều kiện vô cùng khó khăn và gian khổ, bị kẻ thù khủng bố hết sức dã man, tàn bạo nhưng do biết dựa vào dân, được nhân dân cu rù mang, giúp đỡ Cứu quốc quân vẫn tồn tại và phát triển. Đến tháng 3-1942 lực lượng đã phát triển lên 70 người, vũ khí tăng gấp 5 lần khi mới thành lập. Qua 8 tháng đánh du kích, Cứu quốc quân đã tiêu hao được sinh lực địch, thể hiện được tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất, tự lực cánh sinh vượt mọi khó khăn, gian khổ của lực lượng vũ trang cách mạng. Sự tồn tại của căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai và đội Cứu quốc quân có ý nghĩa rất quan trọng, thể hiện sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sức mạnh của tình đoàn kết quân, dân và

tin thần cách mạng của đồng bào các dân tộc miền núi. Tiếng súng du kích Bắc Sơn — Võ Nhai là sự tôi luyện bước đầu thực tế chiến đấu của Cứu quốc quân và tự vệ địa phương, đã để lại nhiều bài học quý cho cách mạng Việt Nam. Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng từ ngày 25 đến ngày 28-2-1943 đã nhận định:

« Đáng chú ý nhất trong phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Đông Dương trong 18 tháng lại đây là cuộc vũ trang chống Nhật — Pháp của đội quân du kích Bắc Sơn — Đình Cả..., ở châu Võ Nhai, Thái Nguyên (Bắc Kỳ)... Cuộc chiến đấu anh dũng này chứng tỏ rằng:

1. Nhân dân Đông Dương có thể đánh du kích chống nhau với Nhật — Pháp mặc dù chúng có máy bay, trái phá.

2. Mặt trận dân tộc chống phát xít Nhật — Pháp đã thực hiện ngay trên đường đấu tranh vũ trang.

3. Cầm khí giới chống nhau với phát xít, đội quân du kích Bắc Sơn, Đình Cả đã thực tế ủng hộ Liên Xô kháng chiến.

Sau 8 tháng chiến đấu làm cho quân địch phải chật vật và thiệt hại, quân ta không đủ điều kiện tấn công, đã phá vòng vây của Pháp, tạm rút lui và để lại cho ta một bài học quý báu. Nó dạy ta muốn thắng:

a) Phải làm cho chiến tranh du kích sinh sôi nảy nở thành cuộc khởi nghĩa của nhân dân toàn Xứ.

b) Phải luôn luôn tấn công quân địch và giữ địa vị chủ động.

c) Phải phối hợp với dân chúng quấy rối sau lưng quân địch không để cho chúng bao vây về kinh tế cũng như về quân sự¹.

1. Văn kiện Đảng 1939 — 1945, NXB Sự thật, Hà Nội 1963, tr. 331 — 332.

Tiếng súng đánh địch của Cứu quốc quân và tự vệ khu căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai có ảnh hưởng tích cực tới những vùng khác của Bắc Cạn, Thái Nguyên và các tỉnh lân cận. Tại huyện Phò Yên: tự vệ Tiên Thù từ tiểu đội phát triển thành trung đội. Tự vệ tích cực rải truyền đơn dọc quốc lộ số 3 kêu gọi nhân dân đấu tranh; kéo cờ đỏ, sao vàng trên đồi Thông Hạc (8-1941); dũng cảm, mưu trí, dựa vào dân bảo vệ an toàn cho các đồng chí Trung ương và Xứ ủy trong những cuộc vây quét của địch vào khu căn cứ Tiên Thù cuối năm 1941. Sang năm 1942 tại Thuận Thành hình thành lực lượng tự vệ nhỏ, lúc đầu gồm 3 người, sau tăng lên 7 người. Mặc dù số lượng còn ít, trang bị thiếu thốn, thô sơ, nhưng tự vệ Tiên Thù, Thuận Thành là lực lượng nòng cốt bảo vệ cán bộ và cơ sở cách mạng, là hạt nhân trong phong trào đấu tranh chính trị ở Phò Yên.

Tại huyện Phú Bình đã hình thành đường dây liên lạc giữa căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai với Trung ương và Xứ ủy. Từ những cơ sở cách mạng vốn được gây dựng từ những năm 1939 — 1940 ở Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, lại có địa thế giáp liền với Võ Nhai, nên Phú Bình đã góp thêm sức người, sức của cho cuộc đấu tranh giữ vững khu căn cứ trong những năm 1940 — 1941. Sau lớp học phổ biến nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 mở tại Kha Sơn Hạ năm 1942, phong trào đấu tranh chống thuế, chống tô ruộng, chống bắt phu làm đường Hà Châu di Yên Thế lên mạnh. Cuối năm 1942 tại Kha Sơn Hạ, thành lập tiểu đội tự vệ gồm 10 người, trang bị chủ yếu là kiếm, mã tấu và một vài khẩu súng. Tiểu đội có nhiệm vụ bảo vệ cán bộ Đảng, và các cơ sở bí mật của Xứ ủy, giữ vững đường dây liên lạc của Trung ương, Xứ ủy với Bắc Sơn — Võ Nhai, với chỉ bộ Đảng ở Cánh Bá Văn (Đồng Hỷ). Đầu năm 1943, Phú Bình mở một lớp huấn luyện quân sự — chính trị đề tự đào tạo

cán bộ. Ở Kha Sơn Thượng và Làng Phầm một số đội tự vệ được hình thành. Tại Chợ Rã do ảnh hưởng tích cực của mặt trận Việt Minh và căn cứ Cao Bằng, năm 1942, ở xã Cao Minh (vùng cao Chợ Rã) — địa bàn cư trú của người Dao và người H'mông, một số đội tự vệ được thành lập. Trang bị của các đội là súng săn, dao găm, mã tấu do nhân dân ủng hộ. Các đội đã cùng với một số thanh niên trung kiên tham dự các lớp huấn luyện quân sự — chính trị tại Nà Lài, Mây Sào, Ché Veng. Đây là lực lượng tự vệ đầu tiên của huyện Chợ Rã, được thành lập do yêu cầu bảo vệ cơ sở, trùng trị bọn mật thám, tay sai phản động.

Tháng 2 năm 1943, trước sự phát triển của tình hình ở trong và ngoài nước, Ban thường vụ Trung ương Đảng chủ trương củng cố phát triển mặt trận Việt Minh, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa vũ trang.

Hội nghị liên tịch giữa tổng bộ Việt Minh, liên tỉnh ủy Cao — Bắc — Lạng và đại biểu Cứu quốc quân 2 tháng 2-1943 tại Lũng Hoài (Hòa An — Cao Bằng) đã quyết nghị khai thông đường dây liên lạc giữa khu căn cứ Cao Bằng với Bắc Sơn — Võ Nhai và giữa các khu căn cứ với Trung ương. Sau hội nghị đồng chí chỉ huy trưởng Cứu quốc quân 2 trở lại Bắc Sơn — Võ Nhai củng cố phong trào, mở đường liên lạc với Cao Bằng và tìm cách liên lạc với Trung ương ở dưới xuôi. Đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng với 1 tiểu đội Cứu quốc quân lên đường làm nhiệm vụ Nam tiến. Từ tổng Kim Mã (Nguyên Bình — Cao Bằng), đoàn xung phong Nam tiến hình thành 2 mũi chính, theo các triền núi tiến về xuôi. Mũi thứ nhất qua vùng bắc Ngân Sơn đến Chợ Rã, vượt dãy Phia-Bioóc xuống Chợ Đồn. Mũi thứ 2 từ Nguyên Bình qua Bằng Đức (Ngân Sơn) xuống Phú Thông, một bộ phận nhỏ theo hướng Cao Môn, Xuất Tinh, ngoặt sang Na Rì. Cứu quốc quân 2 sau khi về tới căn cứ Bắc Sơn — Võ Nhai

mở đường Bắc tiến theo 2 hướng chính: hướng thứ nhất từ Võ Nhai sang Na Rì, Bạch Thông, hướng thứ 2 từ Đại Từ lên Định Hóa, Chợ Đồn.

Tháng 8-1943 đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đội Nam tiến và đồng chí chỉ huy trưởng Cứu quốc quân 2 chỉ huy đội Bắc tiến đã gặp nhau tại xã Nghĩa Tá (Chợ Đồn). Đường dây liên lạc giữa khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn — Võ Nhai được khai thông.

Hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn — Võ Nhai được mở rộng dựa vào nhau tạo thành thế liên hoàn chiến đấu, tiến có thể đánh, lui có thể giữ.

Các đội xung phong Nam tiến và Bắc tiến đi đến đâu tổ chức tuyên truyền, gây dựng phong trào cách mạng đến đó. Phong trào cách mạng ở Bắc Cạn, Thái Nguyên phát triển nhanh. Việc xây dựng lực lượng vũ trang và huấn luyện quân sự — chính trị được tiến triển mạnh. Tại Đại Từ, nhiều đội tự vệ được thành lập ở các xã. Vùng núi Hồng — Nơi tiếp giáp giữa 3 huyện Đại Từ, Định Hóa và Sơn Dương — trở thành căn cứ thuận lợi cho quá trình khai thông đường dây liên lạc giữa 2 căn cứ Cao Bằng với Bắc Sơn — Võ Nhai. Tại Phồ Yên đội tự vệ xã Cải Đan được thành lập gồm 7 người do Lê Minh Ngọc phụ trách. Ở vùng giáp giới giữa Đổng Hỷ và Phồ Yên, đội tự vệ cứu quốc xã Bá Xuyên được thành lập gồm 6 người. Tại Phú Lương, được sự chỉ đạo trực tiếp của cán bộ Xứ ủy, đội tự vệ đầu tiên của huyện được thành lập ở làng Hái Hoa (Phấn Mễ), gồm 21 đội viên. Ngay sau khi thành lập đội tự vệ đã bao vây nhà đốc Hiến — một mật thám khét tiếng, tay sai thân cận của tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận — khiến hắn hoảng sợ, bỏ nhà trốn lên đồn Đu. Tự vệ thu tại nhà đốc Hiến 2 khẩu súng giáo-cơ-ba và 200 viên đạn. Tại Chợ Rã lực lượng tự vệ xã Cao Minh phát triển thành trung đội gồm 72 người, biên chế

thành các tiểu đội. Tại các huyện Bạch Thông, Ngân Sơn, Chợ Đồn, trong những năm 1943 — 1944 đã hình thành những đội « thanh niên xung phong phát triển » có nhiệm vụ tham gia đưa đón, bảo vệ cán bộ cùng với các đội xung phong Nam tiến mở rộng « con đường quần chúng ».

Cùng với quá trình mở rộng, khai thông liên lạc giữa Cao Bằng với Bắc Sơn — Võ Nhai, trong những năm 1943 — 1944, hầu hết các huyện đều xây dựng được lực lượng tự vệ và hình thành vùng căn cứ núi Hồng. Ngoài việc luyện tập thường xuyên, lực lượng tự vệ còn được dự một số lớp huấn luyện quân sự — chính trị tập trung, trong đó có lớp quy mô khá lớn như lớp huấn luyện 2 tháng ở Pụp Nhùng (Cao Tân, Chợ Rã), gồm hơn 100 học viên, có nhiều học viên là người các dân tộc Dao, H'Mông ở vùng cao.

Bằng « con đường quần chúng » dần dần Cứu quốc quân bắt liên lạc được với chi bộ đảng ở Căng Bá Văn, ở nhà tù Chợ Chu. Đường dây liên lạc giữa chi bộ Căng Bá Văn với An toàn khu II được chấp nối. Qua nhiều lần, bằng nhiều con đường tháng 6-1943 Cứu quốc quân bắt được liên lạc với Xứ ủy và tháng 8-1943 bắt liên lạc được với Trung ương.

Lo sợ trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở Cao Bằng và Bắc Cạn, thực dân Pháp quyết định phải đàn áp ngay vào các vùng mà chúng cho là có « sự hoạt động mạnh của cộng sản ». Mũi nhọn chủ yếu nhằm vào các huyện Chợ Rã, Ngân Sơn, Bạch Thông và một phần huyện Chợ Đồn.

Ngày 22-11-1943, chúng cho quân đàn áp huyện Chợ Rã, trọng điểm là xã Cao Minh. Kẻ thù dùng nhiều thủ đoạn thâm độc, nham hiểm (vừa lùng sục, cướp phá, bắn giết vừa mua chuộc, lừa bịp, chia rẽ), nên 1 số quần chúng hoang mang. Phần lớn hội viên cứu quốc rút vào rừng

sâu. Đầu tháng 12-1943, địch khủng bố mạnh ở vùng Ngân Sơn và bắc Bạch Thông. Chúng tăng cường lực lượng cho các đồn binh ở những nơi hiểm yếu như Bằng Khâu, Kéo Lặng, Pắc Nặm, Tòng Quận và tập trung huy động lính đông ở các địa phương vào các trận càn. Mật thám Bắc Cạn phối hợp với mật thám Cao Bằng, Lạng Sơn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sở mật thám Bắc Kỳ ngày đêm rình rập, truy lùng và ám hại cán bộ cách mạng. Ở Ngân Sơn lực lượng càn quét của địch chia làm 3 hướng chính. Hướng thứ nhất do tên đồn trưởng người Pháp chỉ huy càn vào các xã Thiều Quan, Trung Hòa. Hướng thứ hai do tên Tri Châu chỉ huy lùng sục vào Văn Tùng, Thượng Quan, Thuần Mang. Hướng thứ ba do 1 tên mật thám Pháp chỉ huy càn lên vùng Thượng Ân, Cốc Đán, Bằng Đức. Ngoài Chợ Rã, Ngân Sơn, phạm vi khủng bố của địch còn lan ra một số vùng của Bạch Thông và Chợ Đồn. Chúng dồn dân vào trại tập trung Pá Danh (Huyện Tụng, Bạch Thông), đánh đập, cắt cò, bêu đầu, giết hại dã man nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng trung kiên, như các đồng chí Đức Xuân, Bàn Văn Hoan, Đồng Văn Bằng, Mỹ Thanh, Hồng Giang... gây cho ta nhiều khó khăn và tổn thất. Trước tình hình đó, tỉnh bộ Việt Minh Bắc Cạn chủ trương cho những cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên không còn điều kiện hoạt động hợp pháp thoát ly gia đình rút vào hoạt động bí mật. Ở các Tòng, Châu, một số tự vệ phân chia thành các « tiểu tổ bí mật » hòa nhập với quần chúng vận động đấu tranh, sẵn sàng « quân sự hóa » và « du kích hóa » chống lại sự khủng bố của địch, một số rút vào rừng, núi để bảo toàn và củng cố lực lượng. Trong cuộc chống khủng bố này, tuy tự vệ chưa đủ sức nổi súng đánh địch như ở Bắc Sơn — Võ Nhai, nhưng đã góp phần tích cực bảo vệ cán bộ, liên hệ với quần chúng giữ cơ sở, phá âm mưu « tách cá khỏi nước » của địch. Kẻ thù đã phải thú

nhận: « các cuộc táo thanh này tuy có làm cho chúng rối loạn nhưng không thể xóa được hành động tuyên truyền của Việt Minh trong tỉnh »¹.

Đầu năm 1944, đồng chí Hoàng Quốc Việt, thường vụ Trung ương lên kiểm tra chiến khu Hoàng Hoa Thám và truyền đạt Nghị quyết của Thường vụ Trung ương. Tháng 2-1944, đồng chí đã triệu tập hội nghị quan trọng tại Khuổi Kịch (Sơn Dương). Hội nghị đã quyết nghị lấy sông Cầu làm ranh giới chia chiến khu Hoàng Hoa Thám làm 2 phân khu. Phân khu A (Quang Trung) gồm vùng đất tả ngạn sông Cầu và Phân khu B (Nguyễn Huệ) gồm vùng đất hữu ngạn sông Cầu. Thực hiện nghị quyết của Hội nghị, nhằm phát triển thêm lực lượng vũ trang cách mạng ở chiến khu, ngày 25-2-1944 tại Khuổi Kịch trung đội Cứu quốc quân 3 được thành lập gồm 30 cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân hoạt động ở Đại Từ, Bắc Cạn, Tuyên Quang do các đồng chí Triệu Khánh Phương: trung đội trưởng, Chu Phóng và Phương Cương trung đội phó.

Trung đội Cứu quốc quân 3 ra đời đánh dấu sự phát triển mới của lực lượng vũ trang trong chiến khu Hoàng Hoa Thám. Nó có vai trò quan trọng trong quá trình chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho việc giành chính quyền cách mạng tại Phân khu Nguyễn Huệ sau này.

Sau Hội nghị Khuổi Kịch, Võ Nhai trở thành trung tâm của Phân khu A — nơi đóng cơ quan lãnh đạo của Phân khu và Ban chỉ huy Cứu quốc quân 2. Với điều kiện thuận lợi ấy nên các đội vũ trang tự vệ ở Võ Nhai tiếp tục được củng cố và phát triển ở các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá. Không kể lực lượng của Phân khu, lực lượng tự vệ vũ trang của Phú Thượng có 1 trung đội, Lâu Thượng có 2 trung đội và làng Mười

1. Báo cáo của Sở cầm Bắc Cạn — Tài liệu của BNCLSD Bắc Thái.

(Tràng Xá) có từ 2 đến 3 tiểu đội. Nhân ngày Quốc tế lao động 1-5-1944, tự vệ phối hợp với nhân dân ở Phú Thượng, Lâu Thượng, Tràng Xá, La Hiền tổ chức mít tinh biếu dương lực lượng.

Dựa vào chủ trương của Trung ương Đảng ngày 7-5-1944 Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về «sửa soạn khởi nghĩa» đẩy mạnh phong trào lên một bước mới.

Ngày 10-8-1944, Trung ương Đảng ra lời kêu gọi «sắm vũ khí, đuổi thù chung». Nhiều nơi trong tỉnh, quần chúng hăng hái hưởng ứng phong trào quyên góp tiền, của, mua sắm vũ khí, trang bị cho các đội tự vệ. Các huyện Định Hóa, Chợ Rã, Ngân Sơn, Võ Nhai, Phò Yên, Chợ Đồn... đã mở các cơ sở sản xuất và sửa chữa các loại vũ khí thô sơ (súng kíp, dao, kiếm, giáo, mác...). Không khí chuẩn bị «sửa soạn khởi nghĩa», «sắm vũ khí, đuổi thù chung» lan rộng khắp nơi trong tỉnh.

Tại Bắc Cạn, sau khi có nghị quyết «phát động chiến tranh du kích» (thực chất là phát động vũ trang khởi nghĩa bộ phận) của Liên tỉnh ủy Cao — Bắc — Lạng, công tác chuẩn bị đấu tranh vũ trang khẩn trương hơn. Tháng 7-1944, Ủy ban quân sự Liên tỉnh được thành lập đề chỉ đạo «chiến tranh du kích» và chuẩn bị phát động khởi nghĩa vũ trang vào sau khi thu hoạch vụ mùa năm 1944.

Tháng 10 năm 1944, đơn vị vũ trang tự vệ (tự vệ chiến đấu) đầu tiên của huyện Chợ Đồn được thành lập tại Bó Lợn (Bản Bàng, xã Nghĩa Tá), gồm 40 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Vũ Yến chỉ huy, vũ khí có 1 rô-manh-tông, một số súng kíp, súng khai hậu còn lại là dao, kiếm. Sau một thời gian ngắn quân số của tự vệ Bó Lợn tăng lên 100 người, biên chế thành các trung đội và tiểu đội. Qua 20 ngày huấn luyện quân sự — chính trị tập trung cán bộ, chiến sĩ tự vệ Bó Lợn bước đầu được huấn luyện về chiến thuật đánh du kích, và một số khoa mục quân sự khác.

Đề có vũ khí trang bị cho các đội tự vệ chiến đấu, huyện Chợ Đồn đã xây dựng một cơ sở sửa chữa, sản xuất vũ khí ở khu rừng Khuổi Phạ (Nghĩa Tá). Không khí chuẩn bị khởi nghĩa của nhân dân Bắc Cạn ngày càng khẩn trương. Nhiều gia đình tình nguyện ủng hộ tiền mua sắm vũ khí, nhiều « kho thóc khởi nghĩa » được bí mật lập ra nhằm cung cấp lương thực tại chỗ khi khởi nghĩa bùng nổ. Trong vòng 2 tháng, phần lớn kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa đã được thực hiện. Lực lượng vũ trang và quần chúng Bắc Cạn cùng nhân dân Cao Bằng, Lạng Sơn tiếp tục công tác chuẩn bị, sẵn sàng chờ lệnh khởi nghĩa.

Giữa lúc đó, đồng chí Hồ Chí Minh từ nước ngoài trở về. Sau khi phân tích tình hình trong cả nước và kế hoạch dự định khởi nghĩa giành chính quyền của Liên tỉnh ủy Cao — Bắc — Lạng, Người chỉ thị hoãn khởi nghĩa vì « chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao — Bắc — Lạng mới chỉ căn cứ vào tình hình địa phương mà chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong toàn quốc » và « thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới... » « Quân khởi nghĩa Cao — Bắc — Lạng đơn độc dấy lên, nhất định đế quốc sẽ mau chóng tập trung lực lượng đàn áp. Riêng về mặt quân sự thì cũng không theo đúng nguyên tắc tập trung lực lượng; cán bộ, vũ khí đều phân tán, thiếu hẳn một lực lượng nòng cốt »¹.

Quyết định sáng suốt của đồng chí Hồ Chí Minh đã giúp cho phong trào cách mạng Cao — Bắc — Lạng tránh được tồn thất, kịp thời chuyển từ chủ trương khởi nghĩa vũ trang sang hoạt động kết hợp quân sự, chính trị.

Tại Thái Nguyên, cuối năm 1944 thấy phong trào cách mạng ở Bắc Sơn — Võ Nhai lan rộng, thực dân Pháp

1. Võ Nguyên Giáp: Từ nhân dân mà ra. NXB Quân đội nhân dân HN, 1964. tr. 137, 138, 139.

hoảng hết mở một cuộc càn quét lớn vào Võ Nhai. Đây là cuộc khủng bố trắng lần thứ 3 đầy tội ác của chúng ở khu căn cứ này.

Ngày 2-11-1944 địch phá vỡ cơ sở của ta ở Cay Thi (Đồng Hỷ), đường dây liên lạc phía nam Khu căn cứ với Trung ương và Xứ ủy bị đứt. Ngày 5-11, địch vây bắt cán bộ Việt Minh ở Ngọc Mỹ (Tràng Xá, Võ Nhai). Ngày 7-11 chỉ bộ Võ Nhai huy động 300 người ra biểu tình thị uy ở Lân Cùng, dùng cờ, trống, còi... khuấy động phong trào, lôi cuốn đông đảo quần chúng vào làn sóng đấu tranh. Địch tiếp tục đàn áp. Ngày 8-11 chúng bắt tiếp 5 cán bộ trong chấp hành Việt Minh xã Tràng Xá.

Trước tình hình đó, ngày 10-11 Ban lãnh đạo Phân khu A triệu tập Hội nghị mở rộng tại Đồng Mỏ (Phú Thượng). Qua phân tích tình hình, so sánh lực lượng¹, Hội nghị chủ trương: « Phải trừng trị quân giặc, kè cả việc tiêu diệt các đồn, bốt và phát triển cơ sở cách mạng và quyết định: lập các ban phá hoại, chiến đấu, trinh sát, binh vận... tiến hành trừng trị bọn đầu sỏ phản động, mật thám, vận động nhân dân cất giấu lương thực, làm « vườn không nhà trống », tiêu thổ làng mạc, phá hoại giao thông, tổ chức chặn viện và tiêu diệt đồn địch ở Đình Cả, Quang Thái, Tràng Xá và La Hiên ».

Ngày 11-11 lực lượng vũ trang trừng trị một số tên mật thám, chỉ diêm, phá sập cầu Trúc Mai (ki lô mét 25 đường Thái Nguyên — Đình Cả), cắt đứt liên lạc của địch ở Võ Nhai với Thái Nguyên, cắt đứt lên các hang núi hàng tấn lương thực.

1. Lực lượng ta ở Võ Nhai có 2 trung đội Cứu quốc quân và 1 số tự vệ địa phương. Địch có hàng ngàn quân, có máy bay, pháo yểm hộ.

Sáng 12-11-1944, Ban lãnh đạo Phân khu A họp tại chùa Đôn (Phú Thượng) quyết định bổ sung: dân chúng lánh vào rừng, lực lượng vũ trang sẽ tiếp tục đánh vào các đồn, bắt dịch ở Quang Thái, Đình Cả, Tràng Xá, Châu lý La Hiên, phối hợp với Bắc Sơn chặn dịch từ Lạng Sơn xuống. Đêm 12-11 tuy ta tập kích bắt Quang Thái không thắng lợi nhưng Ban lãnh đạo Phân khu vẫn kiên trì kế hoạch dùng lực lượng vũ trang tiến công các đồn, bắt dịch, sau đó tập trung lực lượng giải phóng Châu lý La Hiên. Nhân dân khắp các vùng Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá triệt để thực hiện « vườn không, nhà trống », đưa cả gia đình lên núi theo Cứu quốc quân đánh giặc. Lực lượng Cứu quốc quân phát triển lên tới 400 người. Nhận thấy « một cuộc nổi loạn ở Thái Nguyên bùng nổ »¹, thực dân Pháp quyết định mở rộng cuộc khủng bố, đàn áp. Ngoài 80 binh lính đóng ở các đồn, trạm trên đất Võ Nhai, ngày 13-11 dịch điều thêm 1 tiểu đoàn lính khố đỏ, 1 trung đội lính khố xanh cấp tốc hành quân từ thị xã Thái Nguyên lên Võ Nhai bao vây Khu căn cứ.

Mặc dù phải đánh địch trong điều kiện không cân sức và đơn độc, lực lượng vũ trang và nhân dân Phân khu A vẫn anh dũng, mưu trí chiến đấu tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Ngày 13-11, vừa đánh bắt Quang Thái, lực lượng vũ trang ta vừa chặn đánh viện binh địch từ Đình Cả đến ở khu Mỏ Gà và phục kích địch ở Trúc Mai. Ngày 16-11 đánh địch ở La Hóa, ngày 17-11 đánh địch ở Đất Đỏ. Trong các trận đánh trên, lực lượng vũ trang Phân khu biết chọn địa hình có lợi, dùng lực lượng nhỏ tấn công bất ngờ vào các toán dịch di nhỏ, lẻ trên đường giao thông, khiến chúng hoảng sợ.

1. Báo cáo của Sở mật thám Bắc kỳ, năm 1944.

Thực dân Pháp điên cuồng điều thêm quân từ Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn đến xiết chặt vòng vây căn cứ Võ Nhai. Ngày 25-11, chúng tiến công vào Vạn Hán — một cơ sở quan trọng của ta. Lực lượng vũ trang ta vừa nổ súng đánh địch, vừa tuyên truyền kêu gọi binh lính người Việt quay súng trở về với nhân dân. Dựa vào địa hình hiểm trở ta vừa tránh được sự bắn phá điên cuồng của địch vừa tổ chức đánh trả các đợt tấn công của chúng diệt hàng chục tên, thu được vũ khí và bảo toàn được lực lượng. Ngày 27-11 địch cho 100 lính lê-dương và khố đỏ tấn công lên hang Mỏ Gà. Bị ta đánh quyết liệt, nên ngày 29-11 lên được đến cửa hang lại bị bật trở xuống, nhiều tên địch bị tiêu diệt. Tuy vậy, vì cả nước chưa trực tiếp nổ ra cách mạng nên cuộc chiến đấu ở Võ Nhai bị đơn độc. Mặt khác khi thực hiện « vườn không nhà trống », đưa nhiều quân chúng không có khả năng chiến đấu lên núi nên làm cho lực lượng vũ trang nặng nề thêm và lâm vào tình thế bất lợi, dần dần mất thế chủ động tiến công.

Được tin cuộc chiến đấu ở Võ Nhai nổ ra ngoài kế hoạch, Ban thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị chuyên, cuộc đấu tranh vũ trang thành cuộc chống khủng bố theo những hình thức thông thường để phá kế hoạch càn quét của địch và bảo toàn lực lượng ta. Đồng chí Ngô Thế Sơn, ủy viên ban Quân chính Bắc kỳ được cử tới Võ Nhai để truyền đạt chỉ thị.

Tháng 12-1944, tại cuộc họp ở Cây Bồng (Tràng Xá) Ban lãnh đạo Phân khu A thống nhất kế hoạch thực hiện chỉ thị của Trung ương. Cuộc đấu tranh vũ trang tạm dừng, nhân dân dần dần được tổ chức trở về làng, bản làm ăn và đấu tranh với địch. Cứu quốc quân phân tán đi các nơi để bảo toàn lực lượng, phần lớn rút sang Yên Thế, một bộ phận sang Phân khu B, bộ phận còn lại

cùng tự vệ bám sát cơ sở và duy trì tinh thần đấu tranh của quần chúng. Chi thị của Ban thường vụ Trung ương Đảng đã giúp phong trào Võ Nhai vượt qua được khó khăn nghiêm trọng, lực lượng được bảo toàn, phong trào được nuôi dưỡng, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa sau này. Mặc dù còn có những hạn chế, thiếu sót nhưng « Những việc xảy ra ở Thái Nguyên bấy giờ làm rung động cả miền xuôi và làm cho quân địch khủng khiếp »¹.

Hướng về Võ Nhai, Trung ương Đảng kêu gọi toàn quốc: « Hãy họp mít tinh hoan hô tinh thần du kích. Hãy quyên tiền, gạo, lương khô, thuốc thang, quần áo cho chiến sĩ Thái Nguyên. Hãy tìm hết cách đề tở tinh thần đối giặc Pháp đàn áp và giam giữ đồng bào Võ Nhai vô tội... Hãy kíp sắm vũ khí, học kinh nghiệm du kích Thái Nguyên, chờ lệnh nổi lên diễn lại những trận đánh tài tình của du kích Thái Nguyên anh dũng »². Cuộc đấu tranh vũ trang ở Thái Nguyên trong những tháng cuối năm 1944 để lại những bài học kinh nghiệm vô cùng bổ ích. Nó chứng tỏ khẩu hiệu « sửa soạn khởi nghĩa » của Đảng phù hợp với tình hình cách mạng và nguyện vọng của quần chúng; chứng tỏ khả năng khởi nghĩa vũ trang của quần chúng là rất lớn. Nếu lãnh đạo, chỉ huy biết chọn đúng thời cơ, phát động quần chúng, đấu tranh vũ trang thì cuộc chiến đấu sẽ giành được thắng lợi.

Tình hình thế giới và châu Á cuối năm 1944, đầu năm 1945, làm cho mâu thuẫn Nhật — Pháp thêm gay gắt. Tại Đông Dương, « hai con chó để quốc không thề ăn chung một miếng mồi béo bở » nên cả Pháp lẫn Nhật đều ráo riết chuẩn bị cho một cuộc vật lộn quyết liệt. Đêm 9-3-1945, Nhật hất cẳng Pháp đề độc chiếm Đông Dương.

1. Võ Nguyên Giáp: Khu giải phóng một sự nghiệp vĩ đại của phong trào giải phóng dân tộc. Đã dẫn.

2. Cờ giải phóng, số 9, ngày 25-12-1944.

Tin Nhật hất cẳng Pháp truyền tới Thái Nguyên, Bắc Cạn. Quân Pháp vội vã rút chạy khỏi thị xã Thái Nguyên và thị xã Bắc Cạn. 10-3 Nhật vào chiếm tỉnh lỵ Thái Nguyên và ngày 17-3 chiếm tỉnh lỵ Bắc Cạn, không mất một viên đạn.

Ngày 11-3 quân Nhật từ thị xã Thái Nguyên lên chiếm Võ Nai, bắt giữ tên chỉ huy Pháp tại Đình Cả, làm cho quân Pháp và tay sai càng thêm hoang mang lo sợ. Quân Nhật đến, một số công chức người bản xứ thay thầy, đòi chủ, quỳ gối, cúi đầu làm tay sai phụng sự cho Nhật. Về quân sự Nhật mở rộng các vị trí chiếm đóng, tập hợp binh lính Việt trong quân đội Pháp và tuyển mộ thêm bọn lưu manh, còn đồ lập thành lực lượng «Bảo An». Quân Nhật và bọn tay sai, mật thám ngày đêm lùng sục, bắt bớ, chém giết và cướp bóc dân lành. Một không khí nặng nề, ngột ngạt đè nặng lên người dân ở các vùng bị chúng chiếm đóng.

Về phía ta, được tin quân Pháp từ thị xã Thái Nguyên rút chạy sang Tuyên Quang theo đường 13, chiều ngày 10-3-1945, Cứu quốc quân và tự vệ Đại Từ đã chặn đánh tại Đèo Khế làm thương vong hơn 70 tên địch... Tên phó sứ Pháp và nhiều binh sĩ hoảng loạn, bỏ chạy vào rừng, ta thu được nhiều vũ khí, đạn dược và các trang bị khác do quân Đồng Minh thả dù tiếp tế cho Pháp.

Được tin Nhật — Pháp bắn nhau, ngày 10-3-1945, Ban thường vụ Liên tỉnh ủy Cao-Bắc-Lạng khẩn cấp triệu tập hội nghị ở Cao Bằng ra quyết định: đánh đổ chế độ thống trị của địch ở nông thôn, tiến tới thành lập chính quyền nhân dân cấp xã, châu (huyện), phủ (tỉnh). Cử cán bộ của Đội tuyên truyền Giải phóng quân về cùng với các đội vũ trang địa phương tổ chức thêm những đơn vị vũ trang chuẩn bị trực tiếp đánh địch.

Tại Thái Nguyên, đêm 11-3-1945 ban chỉ huy Cứu quốc quân và đảng bộ địa phương triệu tập hội nghị tại làng Phật (Phú Lương). Hội nghị phân tích và đánh giá tình hình, đề ra chủ trương: cử người xin chỉ thị của Trung ương và Xứ ủy, phiên chế lại đội ngũ chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy. Nhận được chỉ thị ngày 12-3-1945 của Ban thường vụ Trung ương Đảng « Nhật — Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta », Ban lãnh đạo Chiến khu Hoàng Hoa Thám khẩn cấp bàn kế hoạch hành động giành chính quyền ở địa phương. Cứu quốc quân và tự vệ được giao trọng trách đánh chiếm các vị trí đóng quân của giặc, tước vũ khí của chúng đề trang bị cho ta, làm nòng cốt cho nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 14-3-1945, Cứu quốc quân phối hợp với tự vệ địa phương đánh chiếm kho thóc của giặc ở Võ Nhai thu được 30 tấn, đem chia cho dân. Hôm sau (15-10) ta tiếp tục đánh chiếm đồn điền Boóc-di-ê thu nhiều gạo, muối đem chia tiếp cho dân. Sau những thắng lợi mở đầu đó, ta cho một trung đội Cứu quốc quân bao vây đồn Đình Cả đề cô lập và đánh chiếm châu lỵ La Hiên. Ngày 20-3 ta cho một trung đội hành quân qua Vân Hán bí mật đến bao vây châu lỵ La Hiên. Chiếm lĩnh xong trận địa khoảng 22 giờ, ta dùng loa kêu gọi địch hạ vũ khí, cùng ta chống Nhật, nhưng chúng ngoan cố tìm cách trì hoãn, hy vọng có quân từ Đình Cả và Thái Nguyên tới ứng cứu. Ban chỉ huy quyết định dùng búa lớn phá cổng sắt, dùng thang vượt tường nhanh chóng chiếm lĩnh các vị trí trọng yếu, nổ súng tấn công. Địch dồn về một phía chống cự, một số tên tìm đường chạy trốn. Gần sáng 21-3 viên trỉ châu cùng bọn quan, quân buộc phải đầu hàng, trao vũ khí, đạn dược cùng toàn bộ hồ sơ cho ta. Châu lỵ Võ Nhai được giải phóng. Chính quyền địch ở La Hiên bị xóa bỏ. Ngày 21-3 tại châu lỵ La Hiên ta tổ chức một cuộc mít tinh lớn, Ủy ban nhân dân lâm thời châu ra mắt

trước quân chúng. Đây là chính quyền cách mạng cấp huyện đầu tiên trong tỉnh ra đời.

Đồn Đình Cả tiếp tục bị ta bao vây, uy hiếp. Đề tạo thế và lực tiến công đồn Đình Cả, ta quyết định tiến công đồn Trảng Xá trước.

Đồn Trảng Xá cách đồn Đình Cả 10 ki-lô-mét về phía tây nam, do 3 tiểu đội lính cơ đóng giữ. Được nhân dân giúp đỡ, 14 giờ ngày 23-3-1945, Cứu quốc quân phối hợp với tự vệ nổ súng tiến công đồn Trảng Xá. Dựa vào lô cốt vững chắc địch tỏ chức chống cự quyết liệt. Ta phải dừng tiến công, rút về hậu cứ chuẩn bị đề đến đêm đánh tiếp. Nhưng ta chưa kịp đánh thì lợi dụng trời tối, địch bí mật rút theo đường tắt, xuyên rừng chạy về thị xã Thái Nguyên.

Giải phóng La Hiên xong, ngày 23-3-1945, lực lượng tự vệ và Cứu quốc quân tiếp tục lên bao vây đồn Đình Cả. Đồn Đình Cả là đồn mạnh nhất ở châu Võ Nhai, một vị trí trọng yếu của địch trong Phân khu A. Đồn nằm trên một ngọn đồi cao có thể khống chế toàn bộ phố Đình Cả và trục đường giao thông Thái Nguyên — Đình Cả — Bắc Sơn. Đồn được xây dựng khá kiên cố, có các lô cốt bằng đá và bê tông, có hệ thống giao thông hào bao quanh, do hai trung đội gồm 80 lính khố xanh đóng giữ, được trang bị 4 súng máy, 80 súng trường và 20 hòm đạn các loại. Để tránh đổ máu ta cử hai đồng chí Thái Long và Nhật Sơn là cán bộ Cứu quốc quân vào đồn thương lượng, kêu gọi địch hạ vũ khí đầu hàng.

Địch chấp nhận đầu hàng, nhưng sau đó tráo trở, nổ súng sau lưng bắn chết 2 đồng chí Thái Long và Nhật Sơn, đồng thời xả súng bắn phá phố Đình Cả và dùng loa đe dọa nhân dân. Cứu quốc quân quyết định xiết chặt vòng vây, khống chế nguồn nước và mọi hoạt động của địch trong đồn. Không chịu nổi tình hình căng thẳng

kéo dài và không nhận được viện binh, một số tên địch vác súng ra hàng. Đêm 9 rạng 10-4-1945 lợi dụng trời mưa, đêm tối, bọn địch rút chạy tắt theo đường hào, sang cầu Rắn về thị xã Thái Nguyên. Được tin giặc rút chạy, ta khẩn trương vừa cho lực lượng truy kích vừa cho lực lượng vận động theo đường tắt phục kích chặn địch. Khoảng 12 giờ trưa ngày 10-4, địch rút chạy tới Đèo Khế — Long Giàn (Đồng Hỷ) thì lọt vào trận địa phục kích của ta. Ta nổ súng chặn địch làm cho đội hình rút chạy của chúng rối loạn, vừa lúc đó bộ phận truy kích cũng tới, nhanh chóng phối hợp chiến đấu. Nhiều chiến sĩ dũng cảm xung phong dùng dùi cui, dao, kiếm đánh giáp lá cà với địch. Kết thúc trận đánh ta diệt và làm bị thương 71 tên, thu 2 súng máy, 19 súng trường, nhiều đạn dược, quân trang, quân dụng khác.

Qua chiến đấu tự vệ và Cứu quốc quân ngày càng trưởng thành, đúc rút được nhiều kinh nghiệm đánh giặc. Tuy nhiên, ta còn thiếu cảnh giác với địch, điều tra, nắm địch chưa chắc nên có lúc còn bị tổn thất đáng tiếc và bỏ lỡ mất một số cơ hội diệt địch.

Tại Phú Bình, sau khi đồng chí bí thư Ban cán sự A.T.K truyền đạt chỉ thị « Nhật — Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta », không khí chuẩn bị khởi nghĩa lan rộng khắp nơi. Lực lượng tự vệ bắt và trừng trị bọn cường hào, tay sai, mật thám phản động, làm hậu thuẫn cho nhân dân phá kho thóc và vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền ở cơ sở. Xuất phát từ yêu cầu cấp bách của cách mạng, ngày 28-3-1945 trung đội vũ trang thoát ly của Phú Bình và Hiệp Hòa (Bắc Giang) được thành lập tại xóm Soi (Kha Sơn Hạ)¹. Trung đội này và các đội tự vệ khác làm nhiệm vụ bảo vệ khu an toàn.

1. Trang bị của trung đội khi thành lập có 14 súng trường, 9 súng săn.

Tại Phồ Yên tự vệ cùng quần chúng phá các kho thóc của giặc ở Chã, Thác Nhái, Sơn Cốt..., đập tan cuộc càn quét của địch khi chúng đến cướp phá ấp Đại Tân. Như vậy, trong thực tế nửa cuối tháng 3-1945, ta đã làm chủ cả vùng nông thôn Phồ Yên. Do yêu cầu mới đòi hỏi, ngày 31-3-1945, tại Hồng Tiến, tiểu đội vũ trang thoát ly được thành lập dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đào Văn Long (tức Ngọc Lan).

Nửa cuối tháng 3 đầu tháng 4-1945, cùng với hoạt động của bộ phận tuyên truyền xung phong vũ trang của khu căn cứ, các đội tự vệ được tiếp tục thành lập và phát triển ở các xã thuộc Đồng Hỷ như Cây Thị, Văn Hán, Khe Mo, Hợp Tiến, Hóa Trung... Tại những nơi đó, tự vệ và Đội tuyên truyền xung phong vũ trang đã tước vũ khí của bọn «bảo an», thu bằng, triện của bọn lý trưởng, chánh tổng. Tự vệ các huyện Đồng Hỷ, Phồ Yên, Đại Từ phối hợp đập tan bọn tay sai phản động giả danh Đồng Minh hoạt động cướp phá ở vùng giáp giới 3 huyện.

Tại Phú Lương, ngày 18-3-1945, tự vệ và Cứu quốc quân tập kích vị trí Chợ Mới buộc địch đầu hàng và phải nộp cho ta 10 súng trường, 600 viên đạn cùng các trang bị khác. Ngày 2-4-1945, Cứu quốc quân và tự vệ tiến đánh đồn Đu và huyện lỵ Phú Lương.

Tại Đại Từ ngày 29-3-1945, đơn vị Cứu quốc quân và tự vệ có đông đảo nhân dân tham gia đã kéo vào bao vây huyện lỵ Đại Từ, trước sức mạnh của quần chúng và lực lượng vũ trang cách mạng, viên Tri huyện và quân lính bỏ chạy, ta thu 200 khẩu súng các loại, đập tan bộ máy thống trị của địch.

Tại Định Hóa, đêm 25 rạng 26-3 Cứu quốc quân và tự vệ nổ súng tấn công địch ở Chợ Chu. Linh khố xanh mất tinh thần vội theo đường hầm rút chạy, lính cơ, lính đồng

bảo vệ dinh Tri châu tan rã. Chính quyền dịch ở châu ly Định Hóa sụp đổ.

Tại Chợ Đồn, lực lượng vũ trang ta có 1 trung đội thoát ly được trang bị tương đối đầy đủ và 2 trung đội mới thành lập. Về phía địch, ngoài đồn binh Tổng Quận ở châu ly, chúng còn 2 đồn ở Bình Trung và Bản Thi, lực lượng mỗi đồn có khoảng 1 tiểu đội lính khố xanh. Đêm 28-3 lực lượng ta chia thành 2 bộ phận tiến đánh đồn, bọn địch chống cự yếu ớt, một số tháo chạy, một số xin hàng. Tự vệ các xã cùng quần chúng nổi dậy tước vũ khí của lính đồn, tịch thu bằng triện của bọn chức dịch, xóa bỏ chính quyền địch ở cơ sở. Ngày 29-3 tự vệ Chợ Đồn cùng bộ phận Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tiến đánh châu ly. Viên Tri châu bỏ chạy, một trung đội lính khố xanh (vừa mới từ Chợ Rã về) nộp vũ khí xin hàng. Bộ máy thống trị của địch tại Chợ Đồn bị xóa bỏ.

Tại Chợ Rã: sau ngày Nhật đảo chính Pháp, hàng trăm lính do tên phó giám binh Pháp ở Bắc Cạn cầm đầu chạy lên Chợ Rã, cướp bóc và phá phách kiếm sống. Ngày 19-3-1945, tự vệ và lực lượng vũ trang khu Thiện Thuật chặn đánh bọn Pháp di cướp phá tại Pồ Mò (xã Bằng Thành) buộc chúng phải đầu hàng, giao nộp cho ta 30 súng các loại và nhiều chiến lợi phẩm. Thừa thắng, lực lượng vũ trang ta tấn công đồn Pắc Nặm, xóa bỏ chính quyền địch ở các xã phía bắc Chợ Rã. Ngày 21-3-1945, một đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến vào Chợ Rã. Đề tránh đổ máu, và tranh thủ Pháp chống Nhật, ngày 22-3, đồng chí Võ Nguyên Giáp gửi thư yêu cầu tên phó giám binh Pháp đem quân cùng Việt Minh đánh Nhật với điều kiện:

« 1. Phải tôn trọng chủ quyền của ta.

2. Binh lính của chúng không được quấy nhiễu nhân dân...»¹.

Trước thiện chí của cách mạng, và hoàn cảnh thực tế của mình, những người Pháp ở đây chấp nhận yêu cầu đó. Ngày 23-3, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tiến vào giải phóng châu lỵ Chợ Rã trước niềm hân hoan, phấn khởi của đồng bào các dân tộc.

Tại Ngân Sơn, dao động trước cao trào cách mạng, viên Tri châu Ngân Sơn bỏ trốn, bọn lính rút chạy khỏi các đồn Kéo Lặng, Bằng Khâu. Ngày 20-3, 1 đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân từ nhiều hướng tiến vào đất Ngân Sơn. Tên chỉ huy người Pháp và bọn lính khố xanh ở đồn Ngân Sơn hết sức hoang mang. Để tránh đổ máu và bớt thù, ta chủ trương kêu gọi binh lính ở đồn Ngân Sơn « cùng hợp tác với Việt Minh để đánh Nhật » với điều kiện « phải kéo quân vào ngay khu du kích, sẽ được giúp đỡ, trái lại nếu ở lại để nộp vũ khí cho Nhật thì Việt Minh sẽ đánh lấy đồn »². Bọn địch buộc phải chấp nhận yêu cầu có tính chất tối hậu thư của ta, kéo quân vào vị trí do ta qui định tại Hoàng Phái. Các đội tự vệ tước khí giới của bọn đồng, thu bằng triện của bọn hào lý ở các xã, giải phóng châu lỵ Ngân Sơn.

Tại Na Rì ngày 28-3-1945, 1 trung đội tuyên truyền Giải phóng quân từ Ngân Sơn tiến sang Na Rì. Hoảng sợ, tên Tri châu bỏ chạy, lính đồn Yên Lạc đầu hàng, bọn hào, lý đem bằng, triện, sò, sách nộp cho Quân giải phóng. Ta hoàn toàn làm chủ châu lỵ Na Rì.

Tại Bạch Thông, được 1 đơn vị tuyên truyền Giải phóng quân giúp đỡ, tự vệ và quần chúng nổi dậy làm tan rã bộ máy thống trị tay sai ở các xã Vi Hương, Quân Bình, Lục Bình, Hà Vị...

1, 2. Võ Nguyên Giáp: Những chặng đường lịch sử, hồi ký, NXB Quân đội nhân dân, tr. 177, 178.

Từ tháng 4-1945 quân Nhật bắt đầu mở các cuộc tấn công vào vùng giải phóng của ta, nhằm chia cắt vùng giải phóng ra làm nhiều mảnh, bao vây tiêu diệt Giải phóng quân và cơ quan đầu não lãnh đạo cách mạng. Đi đến đâu chúng cũng khủng bố, chém giết nhân dân ta, đốt phá bản, làng không từ một hành động dã man nào. Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ ra lệnh cho lực lượng vũ trang và nhân dân phát động chiến tranh du kích, kiên quyết tiến công Nhật ở khắp nơi. Ngày 5-4, chúng cho quân chiếm thị trấn Hùng Sơn (Đại Từ). Ngày 9-4, một tốp lính Nhật có chỉ diêm dẫn đường càn quét vào vùng Cát Nè — Ký Phú, bị lực lượng ta tiêu diệt và bắt gọn. Nhật phái huy động khoảng 100 tên lính Nhật và «bảo an» mở cuộc tấn công vào vùng tây nam Đại Từ nhằm bao vây tiêu diệt lực lượng vũ trang ta ở Cát Nè — Ký Phú. Cứu quốc quân và tự vệ áp dụng chiến thuật du kích, chiến đấu dũng cảm đẩy lùi cuộc tiến công của chúng. Ngày 9-5-1945, quân Nhật từ Thái Nguyên theo đường 1B đánh chiếm châu lỵ La Hiên. Chiếm được La Hiên, được việt gian dẫn đường, chúng tiếp tục càn sâu vào rừng Lịch Sơn, Sa Lung. Đến Lịch Sơn bị ta phục kích đánh bất ngờ và quyết liệt địch buộc phải rút chạy. Chấn chỉnh lại lực lượng, chúng lại tiếp tục hành quân lên Sa Lung. Đến Sa Lung bị tự vệ và Cứu quốc quân chặn đánh dữ dội phải quay trở lại La Hiên.

Giữa tháng 5-1945 Nhật tập trung hơn 2000 quân có bọn việt gian dẫn đường mở một cuộc tấn công lớn vào khu căn cứ thuộc khu vực giáp giới Bắc Cạn — Tuyên Quang — Thái Nguyên. Địch chia làm 3 mũi: mũi thứ nhất từ Vĩnh Yên, Thiện Kế tiến lên Sơn Dương, gặp cánh quân ở Tuyên Quang vào, rồi cùng tiến đánh Thanh La, mũi thứ hai từ Thái Nguyên lên, Chợ Mới xuống tiến đánh Chợ Chu, mũi thứ ba từ Bắc Cạn lên Chợ Rã, sang Chợ Đồn.

Về phía ta : Giải phóng quân phối hợp với tự vệ, du kích các địa phương tổ chức phục kích, tập kích, quấy rối địch ở khắp nơi. Nhật chiếm được Chợ Chu, du kích quấy rối 5 đêm liền, đốt cháy nơi đóng quân, chặn đường tiếp tế buộc chúng phải rút về Thái Nguyên. Ở Bắc Cạn ta đánh địch ở nam Mẫu Ninh (Chợ Rã), buộc quân Nhật phải rút khỏi Chợ Rã.

Ngày 27-5 cánh quân chủ yếu của Nhật từ cây số 31 (đường 3B) đánh xuống Chợ Chu, Quảng Nạp, cùng với cánh quân từ Thiện Kế đánh lên hình thành mũi nhọn gồm gần 500 tên tiến sâu vào Thanh La, uy hiếp vùng núi Hồng, Tân Trào — trung tâm căn cứ cách mạng. Đơn vị bảo vệ trung tâm căn cứ địa có hơn 1 trung đội Giải phóng quân và du kích phục kích chặn địch ở Đèo Chẩn (gần Thanh La), chiến đấu dũng cảm diệt 60 tên buộc quân Nhật phải vội vã rút về Thái Nguyên và Tuyên Quang. Thắng lợi này đã đập tan cuộc tiến công lớn của địch vào khu căn cứ. Ngày 29-5 quân Nhật từ La Hiên đánh chiếm Đình Cả. Vừa chiếm được Đình Cả, địch chưa kịp củng cố thì bị ta tiến công quyết liệt, phải rút chạy về La Hiên. Ta truy kích diệt 10 tên.

Phối hợp với các hướng chính nói trên, lực lượng vũ trang ta còn đánh các trận phục kích tại Cao Kỳ, Nà Hoan (Bạch Thông) và tập kích vị trí đóng quân của địch ở Chợ Mới, Phú Thông. Vấp phải lối đánh du kích, mưu trí, linh hoạt của ta, quân Nhật không thực hiện được ý định tiêu diệt cơ quan đầu não cách mạng và xóa bỏ khu giải phóng. Cuối tháng 5-1945, chúng phải rút khỏi căn cứ.

Trong niềm vui chiến thắng ngày 4-6-1945, Tổng bộ Việt Minh triệu tập cán bộ 6 tỉnh Việt Bắc tuyên bố chính thức thành lập khu giải phóng.

Sang tháng 6 lực lượng vũ trang ta tiếp tục tấn công quân Nhật ở những nơi chúng chiếm đóng.

Tại Phò Yên, Phú Bình ngày 3-6-1945 được sự giúp đỡ của quân giải phóng, tự vệ Phú Bình, Phò Yên và Hiệp Hòa (Hà Bắc) tiến công bọn bảo an ở đồn điền Chã, thu 40 súng các loại, thu lại nhiều tài sản cho nhân dân. Ngày 24-6 tự vệ Phú Bình, Phò Yên lại cùng nhân dân phá kho thóc Cầu Mây (Phú Bình) thu 300 tấn, sang ngày 25 lại tiếp tục đánh địch ở Đức Lân (Phú Bình) thu 5 Sà Lan và toàn bộ hàng hóa.

Tại Phú Lương tự vệ kết hợp với quân giải phóng đánh một số trận phục kích trên quốc lộ 3, bắt tên đồn trưởng bảo an Phấn Mễ, buộc quân địch phải co cụm ở một số nơi hoặc rút chạy về thị xã Thái Nguyên.

Tại Chợ Rã ngày 21-6 ta phá tan cuộc càn lần thứ 4 của Nhật, mãi đến cuối tháng 6 chúng mới lập được cứ điểm mới ở châu lý và Hà Hiệu.

Tại Bạch Thông sáng 2-7, khoảng 100 quân Nhật từ thị xã Bắc Cạn càn quét vào vùng giải phóng giữa Bạch Thông và Chợ Đồn. Bị ta phục kích tại bản Pè (xã Dương Phong — Bạch Thông) địch phải bỏ dở cuộc càn quét, đem quân trở lại thị xã Bắc Cạn. Tự vệ Bạch Thông còn tiến đánh một số vị trí của địch ở Lanh Chanh (xã Lục Bình), Na Ri (xã Quang Thuận), thị trấn Phú Thông và phá hoại giao thông chặn nguồn tiếp tế của địch trên quốc lộ 3. Bị ta liên tục tiến công, tập kích bao vây, chia cắt nên cuối tháng 7-1945, trên địa bàn Bắc Cạn, địch phải rút quân ở các vị trí nhỏ về tập trung chiếm đóng, bảo vệ một số vị trí trọng yếu ở thị trấn, thị xã.

Trên thế giới, sau khi phát xít Đức — Ý đầu hàng Đồng Minh (7-5-1945), Liên Xô tuyên chiến với Nhật làm cho quân Nhật ở Đông Dương hoảng loạn tạo điều kiện rất thuận lợi cho cuộc đấu tranh chống Nhật của nhân dân ta.

Ngày 10-8-1945, tin phát xít Nhật đầu hàng Đồng Minh lan nhanh chóng khắp các nước và Đông Dương.

Hội nghị toàn quốc của Đảng đang họp ở Tân Trào thì được tin Nhật đầu hàng Đồng Minh. Sau khi phân tích tình hình, Hội nghị quyết định: phát động khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Ngày 13-8-1945 Ủy ban khởi nghĩa do Tổng bộ Việt Minh thành lập, ra quân lệnh số 1. Ngày 16-8 Quốc dân đại hội khai mạc tại Tân Trào qui định quốc kỳ, quốc ca, cử Chính phủ lâm thời Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Hồ Chủ tịch đã gửi thư cho đồng bào cả nước. Theo lệnh tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng, tổng bộ Việt Minh và lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, cùng với cả nước, Bắc Cạn, Thái Nguyên đồng loạt nổi dậy giành chính quyền.

Tại thị xã Thái Nguyên: sau cuộc càn quét vào khu giải phóng tháng 5-1945 bị thất bại, quân đội Nhật bố trí phòng thủ thị xã Thái Nguyên thành một cứ điểm mạnh nhằm uy hiếp khu giải phóng. Thị xã Thái Nguyên án ngữ phía nam Việt Bắc, một bàn đạp tỏa đi vùng Trung châu Bắc Bộ, một vị trí yết hầu đò về Hà Nội. Lực lượng địch chiếm giữ ở đây có khoảng 120 lính Nhật, 400 lính bảo an, 200 lính cảnh sát, vũ khí có 600 súng trường, súng máy các loại, có hệ thống hầm hào, lô cốt kiên cố. Mặc dù chính phủ Nhật đầu hàng Đồng Minh nhưng quân Nhật ở thị xã Thái Nguyên vẫn tỏ ra ngoan cố.

Giải phóng thị xã Thái Nguyên vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân trong tỉnh, vừa là yêu cầu cấp thiết mở đường cho quân giải phóng Thủ đô. 14 giờ ngày 16-8-1945, từ Tân Trào (Sơn Dương — Tuyên Quang), đơn vị quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát tiến về giải phóng Thái Nguyên. Nhận lệnh của Ủy ban khởi nghĩa đa số tự vệ võ trang huyện Võ Nhai, Phú Bình, Phồ Yên, Đồng Hỷ được tiến vào thị xã chuẩn bị sẵn sàng phối hợp với quân giải phóng tấn công địch giải phóng tỉnh lỵ. Ngày 16-8, tự vệ

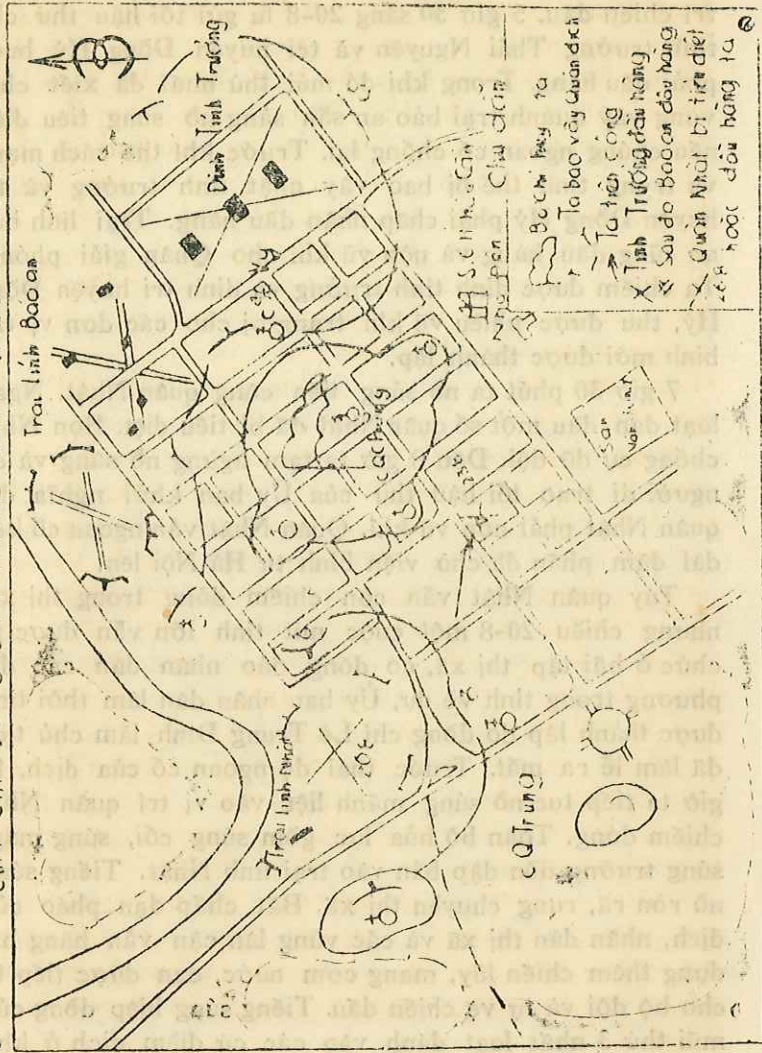
các xã tây nam Đồng Hỷ tập kết tại Bình Định (xã Bình Sơn). Đêm 18-8 đội tuyên truyền xung phong Võ Nhai cùng với tự vệ và nhân dân các xã đông bắc Đồng Hỷ tập kết tại Đồng Bầm chờ lệnh. Bất chấp mưa, lũ, 2 đại đội vũ trang của Phú Bình từ Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng vượt sông Cầu tiến lên nam tỉnh lỵ. Sáng 19-8, tự vệ Phú Bình, Phồ Yên và thị xã Thái Nguyên đánh chiếm đồn điền Gia Sang, bắt tên Việt gian thân Nhật Lưu Bảo Ngọc (Béc-na Ngọc). Chiều ngày 19-8-1945, đơn vị quân giải phóng về đến xã Thịnh Đán (Đồng Hỷ) cách trung tâm thị xã khoảng 4 km về phía tây. Dọc đường hành quân, nhiều thanh niên các dân tộc đã xung phong gia nhập quân giải phóng. Tới Đồng Hỷ, quân giải phóng đã phát triển lên tới 450 cán bộ, chiến sĩ.

Sáng 19-8 Ban chỉ huy phân đội vũ trang ở Đồng Bầm tổ chức quần chúng nổi dậy thành 1 đoàn biểu tình có cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ qua cầu Gia Bầy kéo vào các phố trong nội thị. Đoàn biểu tình của quần chúng đã lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân thị xã tham gia. Trước khí thế áp đảo của quần chúng bọn Nhật và tay sai phải rút vào các trại lính cố thủ, không dám đàn áp. Đêm 19-8 lực lượng vũ trang ta chia làm 3 mũi tiến công vào thị xã. Mũi thứ nhất khoảng 1 đại đội do đồng chí Vi chỉ huy bao vây xung quanh trại bảo an binh ở khu vực Bến Tượng. Mũi thứ 2: 1 đại đội được trang bị một ít hỏa lực mạnh do đồng chí Đàm Quang Trung chỉ huy bao vây xung quanh trại lính Nhật đóng trên đồi Chánh Xứ (khu bảo tàng dân tộc ngày nay). Mũi thứ 3: gồm 1 đại đội Quân giải phóng do đồng chí Đàm Quốc Chung chỉ huy, phối hợp với lực lượng tự vệ các huyện vừa làm nhiệm vụ tiến công địch ở các vị trí lẻ, vừa là lực lượng dự bị.

Đến 24 giờ đêm 19-8 ta chốt chặt cửa ngõ đông nam thị xã, cắt đứt đường liên lạc của địch từ Thái Nguyên

DIỄN BIẾN TRẬN TẬP KÍCH QUÂN NHẬT Ở THỊ XÃ THÁI NGUYÊN

① CỬA CHI ĐỘI 3 GIẢI PHÓNG QUÂN TỰ 20 đến 26.8.1945 ②



về Hà Nội. 4 giờ sáng 20-8 các mũi chiếm lĩnh xong vị trí chiến đấu. 5 giờ 30 sáng 20-8 ta gửi tối hậu thư cho tỉnh trưởng Thái Nguyên và tri huyện Đồng Hỷ buộc phải đầu hàng. Trong khi đó mũi thứ nhất đã xiết chặt vòng vây quanh trại bảo an sẵn sàng nổ súng tiêu diệt, nếu chúng ngoan cố chống lại. Trước khi thế cách mạng và trong tình thế bị bao vây chặt tỉnh trưởng và tri huyện Đồng Hỷ phải chấp nhận đầu hàng. Trại lính bảo an cũng đầu hàng và nộp vũ khí cho Quân giải phóng. Ta chiếm được dinh tỉnh trưởng và dinh tri huyện Đồng Hỷ, thu được nhiều vũ khí trang bị cho các đơn vị tân binh mới được thành lập.

7 giờ 30 phút ta nổ súng tiến công quân Nhật. Ngay loạt đạn đầu một số quân Nhật đã bị tiêu diệt. Bọn Nhật chống cự dữ dội. Đến 8 giờ ta tạm ngừng nổ súng và cử người đi trao tối hậu thư của Ủy ban khởi nghĩa đòi quân Nhật phải nộp vũ khí. Quân Nhật vẫn ngoan cố kéo dài đàm phán để chờ viện binh từ Hà Nội lên.

Tuy quân Nhật vẫn còn chiếm đóng trong thị xã, nhưng chiều 20-8 một cuộc mít tinh lớn vẫn được tổ chức ở bãi tập thị xã, có đông đảo nhân dân các địa phương trong tỉnh về dự, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh được thành lập do đồng chí Lê Trung Đình làm chủ tịch đã làm lễ ra mắt. Trước thái độ ngoan cố của địch, 15 giờ ta tiếp tục nổ súng mãnh liệt vào vị trí quân Nhật chiếm đóng. Toàn bộ hỏa lực gồm súng cối, súng máy, súng trường dồn dập bắn vào trại lính Nhật. Tiếng súng nổ ròn rã, rung chuyển thị xã. Bất chấp đạn pháo của địch, nhân dân thị xã và các vùng lân cận vẫn hăng hái dựng thêm chiến lũy, mang cơm nước, đạn dược tiếp tế cho bộ đội và tự vệ chiến đấu. Tiếng súng hiệp đồng của mũi thứ 3 nhất loạt đánh vào các cứ điểm địch ở kho gạo, Ty Liêm phóng, biệt thự Gô-Ghiê... Ta kết hợp dùng hỏa lực với xung lực tấn công ném lựu đạn, ném chất

cháy vào 2 ngôi nhà gạch, diệt trại hiến binh Nhật và vây chặt 2 trại lính còn lại. Cuộc chiến đấu đang tiếp diễn thì Quân giải phóng được lệnh cấp tốc tiến về Hà Nội; Nhiệm vụ bao vây tỉnh lỵ được giao lại cho một phân đội Quân giải phóng và tự vệ vũ trang thoát ly địa phương. Cuộc bao vây quân Nhật còn được tiếp tục cho tới khi phái viên Bộ tư lệnh quân Nhật và phái viên Việt Minh tới Thái Nguyên thỏa thuận đề quân Nhật rút vào ngày 26-8-1945. Sau đó, quân Nhật đã phải trao nộp cho ta một số vũ khí chúng tước được của Pháp. Thái Nguyên hoàn toàn giải phóng. Tại Bắc Cạn: tin Nhật đầu hàng quân Đồng Minh làm cho bọn Nhật trong thị xã và các đồn bốt run sợ phải rút về cố thủ trong đồn Phủ Thông, Na Cù và các thị trấn, thị xã. Khi nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa, ta chủ trương:

— Một mặt vây chặt tỉnh lỵ không cho Nhật rút chạy, mặt khác điều một đơn vị Quân giải phóng kết hợp với tự vệ từ phía bắc tiêu diệt các cứ điểm Phủ Thông, Na Cù, rồi tiến xuống bao vây tỉnh lỵ.

— Đồng thời huy động lực lượng vũ trang tiến vào tỉnh lỵ từ phía nam và tây nam, dùng sức mạnh quân sự và chính trị buộc địch đầu hàng.

Theo kế hoạch quân ta khép chặt vòng vây quanh tỉnh lỵ, cắt đứt mọi đường tiếp tế lương thực thực phẩm, vũ khí của địch. Trước tình thế khốn quẫn, bọn Nhật cho phái viên ra Phắc Tràng (Dương Quang) liên hệ với ta đề nghị thương lượng. Sáng 19-8, đại diện quân Nhật gặp Quân giải phóng tại sân bay Bắc Cạn đề giao nộp hồ sơ bộ máy tay sai cấp tỉnh và toàn bộ kho tàng với 21 vạn đồng tiền Đông Dương, 1800 khẩu súng và 500 kết đạn. Ngày 21-8, ta tiến vào thị xã, chiếm giữ các công sở. Ngày 22-8 ta giải tán trại bảo an binh và tuyên bố xóa bỏ chính quyền cấp tỉnh của địch. Ngày 23-8, quân Nhật rút khỏi Bắc Cạn. Ngày 25-8 tại thị xã Bắc

Cạn, Đảng bộ Bắc Cạn tổ chức mít tinh ra mắt Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh và mừng Bắc Cạn được giải phóng.

Cách mạng tháng 8-1945 thành công, lực lượng vũ trang và nhân dân Bắc Cạn, Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đã đập tan ách kìm kẹp của quân đội Nhật và chính quyền tay sai phản động, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời 2 tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên, mở ra một thời kì mới trong chặng đường đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc và ấm no, hạnh phúc cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh; củng cố niềm tin tưởng của nhân dân các dân tộc Bắc Thái vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ to lớn và vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sau này.

CHƯƠNG MỘT

BẢO VỆ, CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG — CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

(9-1945 — 9-1947)

I. BẢO VỆ CÙNG CỐ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, mở ra cho dân tộc ta một thời đại mới — thời đại độc lập dân tộc, dân chủ và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau khi giành được độc lập, dân tộc Việt Nam phải đương đầu với những khó khăn và thử thách hết sức nghiêm trọng tưởng chừng không thể vượt qua nổi. Nạn đói tiếp tục hoành hành, trong khi nền kinh tế khánh kiệt, tài chính trống rỗng. Các ngành sản xuất đình đốn, hàng hóa khan hiếm, kho bạc chỉ còn lại hơn một triệu đồng mà quá nửa lại là tiền rách, số nợ lên tới hàng trăm triệu đồng. Thiên tai liên tiếp đe dọa, hết lụt lội lại đến hạn hán, đồng ruộng bị bỏ hoang, giao thông bị tàn phá, nhà máy ngừng làm việc, công cụ, sức kéo thiếu hụt. Nạn «giặc đói» cùng những tàn dư của xã hội cũ — hậu quả ngót một thế kỷ dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến — thực sự là một gánh nặng dai dẳng đối với dân ta. Chính quyền dân chủ nhân dân còn hết sức non trẻ, lực lượng vũ trang còn sơ khai «tinh thần dũng cảm có thừa, nhưng

thiếu vũ khí, thiếu kinh nghiệm, thiếu cán bộ, thiếu mọi mặt »¹.

Giữa bao khó khăn chông chốt, lại bị bao vây bốn phía. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa cùng một lúc phải đối phó với nhiều thế lực phản động trong nước cấu kết với nhiều kẻ thù xâm lược hung bạo và vô cùng xảo quyệt. Ở miền Bắc, gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch mượn tiếng vào giải giáp quân đội Nhật, nhưng kỳ thật là thi hành âm mưu của đế quốc Mỹ hòng lật đổ chính quyền dân chủ nhân dân của ta, lập chính phủ bù nhìn tay sai. Ở miền Nam, đầu tháng 9-1945, quân đội Hoàng Gia Anh kéo đến với danh nghĩa tước vũ khí quân đội Nhật, nhưng lại làm chỗ dựa giúp thực dân Pháp mưu quay trở lại cướp nước ta một lần nữa. Tuy có mâu thuẫn về quyền lợi riêng, nhưng tất cả các thế lực ngoại xâm đều thống nhất một mục đích là tiêu diệt chính quyền cách mạng còn non trẻ, thủ tiêu nền tự do độc lập mà dân tộc Việt Nam vừa mới giành được bằng biết bao hy sinh xương máu của nhiều thế hệ. Nhân cơ hội ấy, bọn tay sai thân Mỹ, thân Tưởng, thân Pháp cùng các thế lực phản cách mạng trong nước ngóc đầu dậy, ra sức hoạt động chống phá cách mạng. Một số phần tử phản động mang tư tưởng chống cộng sâu sắc trong các đạo Thiên Chúa, Cao Đài, Hòa Hảo lợi dụng thần quyền và lòng sùng đạo của các tín đồ để hoạt động chia rẽ, chống cách mạng. Bọn cầm đầu các tổ chức tay sai thân Tưởng và đế quốc như Việt Quốc (Việt Nam quốc dân đảng), Việt Cách (Việt Nam cách mệnh đồng minh hội), Đại Việt quốc dân đảng, Đại Việt cách mạng đảng, Việt Nam phục quốc... mưu toan ngóc đầu dậy, cam tâm làm tay sai cho ngoại bang, bán rẻ Tổ quốc.

1. Hồ Chí Minh: Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội.
Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr 105.

Vận mệnh của Tờ quốc như ngàn cân treo sợi tóc.

Lịch sử một lần nữa lại đặt dân tộc ta trước những thử thách hết sức nặng nề và vô cùng phức tạp.

Cùng với nhân dân cả nước, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, đồng bào các dân tộc Bắc Cạn, Thái Nguyên từng bước vượt qua những thử thách gay go, bảo vệ và giữ vững những thành quả của cuộc cách mạng tháng Tám.

Do ách thống trị của đế quốc, phong kiến, cũng như hầu khắp nông thôn Việt Nam, tại hai tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên, phần lớn ruộng, đất (hầu hết là ruộng đất, tốt) nằm trong tay bọn địa chủ người Pháp và người Việt. Tại Thái Nguyên, địa chủ người Pháp nắm trong tay 66% ruộng, đất toàn tỉnh, đó là chưa kể hàng nghìn mẫu Bắc Bộ còn nằm trong tay của hơn một trăm địa chủ người Việt. Riêng đồn điền của Nguyễn Thị Năm đã bao chiếm 1.200 héc-ta ruộng và rừng. Thực trạng ấy cùng với hậu quả của những năm chiến tranh, chính sách vơ vét bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật, tiếp đến là nạn lụt lớn hồi tháng 8-1945 khiến cho nhân dân Bắc Cạn Thái Nguyên càng thêm đói khổ. Trong khi ấy nông dân chiếm trên 90% dân số toàn tỉnh vẫn đang trong tình trạng canh tác hết sức lạc hậu; sức kéo, nông cụ thiếu hụt trầm trọng, ruộng đất hoang hóa nhiều, lại luôn bị thiên tai đe dọa tàn phá. Nguy cơ thiếu đói luôn rình rập ngay trong mỗi người, mỗi gia đình. Nạn đói thực sự là một thứ « giặc », một gánh nặng đặt ra ngay trước mắt nhân dân các dân tộc và chính quyền các cấp.

Cách mạng vừa thành công, hưởng ứng chiến dịch tăng gia sản xuất « diệt giặc đói » do Hồ Chủ tịch và Chính phủ phát động, đảng bộ và chính quyền hai tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên có những chủ trương cấp bách lãnh đạo toàn dân « diệt giặc đói ». Giữa tháng 9-1945,

tỉnh ủy lâm thời Thái Nguyên tập trung lãnh đạo giải quyết hậu quả của trận lũ lụt hồi tháng 8; tổ chức cứu đói đề tạm ổn định đời sống nhân dân và phục hồi sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp. Tháng 10-1945, tỉnh ủy lâm thời Bắc Cạn một mặt kiện toàn các cơ quan tỉnh, mặt khác đề ra chủ trương tạm cấp ruộng đất của địa chủ cho nông dân cày cấy, vận động toàn dân tiết kiệm, cứu đói. Thấu hiểu tấm lòng của Hồ Chủ tịch đối với dân nghèo khi Người kêu gọi «Lúc này chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng»¹, nhân dân cùng cán bộ trong tỉnh nhiệt liệt hưởng ứng phong trào lập «hũ gạo tiết kiệm» và tổ chức lạc quyên cứu đói. Thông qua các Ban cứu đói, số của cải tiết kiệm và lạc quyên được đã góp phần cứu giúp đồng bào nghèo đói trong tỉnh và đồng bào thiếu ăn từ dưới các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ lên. Tuy nhiên, việc lập hũ gạo tiết kiệm và tổ chức lạc quyên, cứu đói chỉ là biện pháp cần kíp nhất thời, nếu không có những chủ trương và biện pháp tích cực hơn thì không thể ngăn chặn được nạn đói lâu dài. Đáp lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, cán bộ các ngành, các giới cùng đồng bào Bắc Cạn, Thái Nguyên sôi nổi thực hiện phong trào «tăng gia sản xuất!». Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!»! Từng tỉnh đã lập ra các Ban kinh tế dân sinh, Ban quản trị đề quản lý và tổ chức tăng gia sản xuất. Một số đồn điền được giao cho các cơ quan, đơn vị bộ đội và nhân dân canh tác. Khắp nơi nhân dân khẩn trương khai hoang, phục hóa, khôi phục và mở rộng diện tích gieo trồng. Đồng bào ở dưới xuôi lên từng bước ổn định đời sống và bắt tay vỡ đất tăng gia sản xuất, cấy lúa, trồng ngô,

1. Hồ Chí Minh tuyên tập. T1, Nxb Sự thật, Hà Nội 1980, tr. 378.

khoai, sắn. Nhờ nỗ lực phi thường của toàn Đảng, toàn dân, diện tích gieo trồng sản lượng lúa và hoa màu các loại đều tăng, góp phần nuôi cán bộ, bộ đội, nhân dân, vượt qua được nạn đói, đời sống dần dần ổn định. Những cố gắng và thắng lợi bước đầu ấy của cán bộ, nhân dân trong tỉnh là đóng góp « thiết thực để ta giữ vững quyền tự do, độc lập »¹.

Tháng 9-1945 Chính phủ ký sắc lệnh lập « Quỹ Độc lập » và khai mạc « Tuần lễ vàng ». Cán bộ, nhân dân khắp nơi sôi nổi hưởng ứng. Tuy còn nghèo, đời sống còn khó khăn, chật vật, nhưng với tấm lòng yêu nước, yêu độc lập, tự do, cán bộ cùng đồng bào các dân tộc từ vùng xuôi đến miền núi, từ thành thị đến nông thôn đều góp vàng, tiền, hiện vật, kể cả những kỷ vật thiêng liêng của mình cho « Tuần lễ vàng » và « Quỹ Độc lập ». Ngoài hình thức trực tiếp đóng góp vàng, của cải, ở một số nơi đồng bào còn tổ chức các quán bán hàng, thu lãi sung vào « Quỹ Độc lập ». Trong phong trào yêu nước ấy, hàng trăm lạng vàng, hàng trăm con trâu bò cùng nhiều tài sản khác được nhân dân các dân tộc Bắc Cạn, Thái Nguyên tự nguyện đóng góp cho cách mạng. Riêng Bắc Cạn đã góp vào « Tuần lễ vàng » và « Quỹ Độc lập » 100 lạng vàng, bạc, 70 vạn đồng, 500 tấm vải, hơn 100 con trâu... Số tiền, của đó góp một phần quý giá cho nhà nước giải quyết những khó khăn về chi tiêu trước mắt và mua sắm thêm vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang để củng cố nền quốc phòng.

Vừa chống nạn đói, vừa chống nạn dốt, vì nạn đói và nạn dốt là hai thứ giặc, là « đồng minh của giặc ngoại xâm ». Cùng với nhân dân cả nước, đồng bào các dân tộc Bắc Thái góp phần tiến công « diệt giặc dốt ». Theo lời

1. Hồ Chí Minh tuyên tập, T1, sách đã dẫn, tr 378.

dạy của Hồ Chủ tịch « Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh, nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ »¹, cán bộ và nhân dân hai tỉnh tích cực tham gia vào công cuộc chống nạn mù chữ, thực hiện « đời sống mới ». Phong trào bình dân học vụ, chống nạn mù chữ, thực hiện đời sống mới xóa bỏ các tập tục lạc hậu diễn ra sôi nổi ở thành thị và khắp bản, làng. Nhiều nơi đã tổ chức được các lớp học cho các lứa tuổi. Từ nam, nữ thanh niên, đến các ông bà già, các chị em con nhỏ... đều đến lớp học, ngày đi làm, tối đốt đuốc, thắp đèn đi học. Những khẩu hiệu, áp phích vận động đi học, xây dựng đời sống mới và phê bình những thói hư tật xấu... được dán ở các công sở, bản, làng, bến chợ, nơi đông người qua lại. . Nhiều nơi xuất hiện các hình thức kiểm tra, đố chữ, tính cộng, trừ, nhân, chia đơn giản theo định kỳ hoặc đột xuất tại các công chợ, đầu làng, lối đi... để khuyến khích động viên mọi người tham gia chống mù chữ. Các đoàn thể cứu quốc vận động hội viên thực hiện « đời sống mới », bài trừ tập tục lạc hậu, trong ma chay, cưới xin, đình đám... Đảng bộ, chính quyền các cấp vận động nhân dân góp tiền, của, công sức xây dựng hàng trăm trường, lớp với quy mô nhỏ thích hợp ở từng vùng để kịp thời đón con em đồng bào các dân tộc vào học trong năm học đầu tiên dưới chế độ dân chủ cộng hòa. Riêng Thái Nguyên đã có 97 trường với 3812 học sinh. Công cuộc « diệt giặc dốt » là một sự nghiệp lâu dài, nhưng những cố gắng của cán bộ, nhân dân Bắc Thái

1. Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Nxb Sự Thật, Hà Nội 1958, TL, tr 41, 42.

trong năm đầu sau cách mạng đã giúp cho người dân lao động có thêm hiểu biết về quyền lợi, bổn phận, góp phần có hiệu quả hơn vào công cuộc đấu tranh giữ vững nền độc lập, tự do.

Việc xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân các cấp từ trung ương xuống cơ sở là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Quán triệt chỉ thị « cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là đây tớ của nhân dân »¹ và phải chống thái độ « làm quan cách mạng », đảng bộ Bắc Cạn, Thái Nguyên, lựa chọn cán bộ, đảng viên đưa vào bộ máy chính quyền các cấp và tích cực chuẩn bị cho việc bầu cử Quốc hội. Lực lượng dân quân, du kích được giao nhiệm vụ bảo vệ trật tự, an ninh và tham gia chuẩn bị cho các ngày bầu cử. Ngày 6-1-1946, toàn dân từ thị trấn, thị xã đến các huyện, xã, bản làng đều nô nức, phấn khởi đi bầu cử Quốc hội khóa I của Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cả hai tỉnh bầu được 5 đại biểu Quốc hội (Thái Nguyên 3 đại biểu; Bắc Cạn 2 đại biểu). Sau thắng lợi của tổng tuyển cử bầu Quốc hội, các cơ quan hành chính các cấp từ tỉnh, huyện tới các xã tiếp tục được củng cố, kiện toàn về tổ chức và lề lối làm việc. Trong các cơ quan hành chính các cấp, đều có đại biểu của nhiều thành phần, phản ánh khối đoàn kết dân tộc rộng rãi dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các tổ chức mặt trận, đoàn thể quần chúng (thanh niên, phụ nữ, nông dân, phụ lão...) dần dần được kiện toàn và bước vào hoạt động nhằm mục tiêu động viên toàn dân bảo vệ thành quả cách mạng. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và các cuộc bầu cử cơ quan hành chính các cấp là cuộc động viên chính trị rộng lớn và sâu sắc, biểu thị sức mạnh đoàn kết, niềm tin của nhân dân các dân tộc

1. Hồ Chí Minh: Tuyên tập, Nxb ST, Hà Nội 1960, tr 215.

Bắc Thái vào chế độ mới. Các ty Liêm phóng (từ 2-1946 đổi là ty Công an) có nhiệm vụ trấn áp bọn phản cách mạng, giữ vững trật tự an ninh xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, giữ thành quả cách mạng được kiện toàn.

Nhân dân ngày càng gắn bó với chế độ mới.

Vượt qua muôn vàn khó khăn của buổi đầu sau cách mạng, cùng với cả nước, nhân dân Bắc Cạn, Thái Nguyên dần từng bước vượt qua những trở lực ban đầu, tạo nên thế đứng của người chủ quê hương đất nước, sẵn sàng đối phó với thế lực ngoại xâm và bọn tay sai phản động trong nước.

*
**

Dưới sự điều khiển của đế quốc Mỹ, cuối tháng 8 đầu tháng 9-1945, Tưởng Giới Thạch đưa gần 20 vạn quân và bọn tay sai (Việt Quốc, Việt Cách) vào miền Bắc nước ta. Sau khi tràn qua một số tỉnh biên giới phía Bắc, khoảng 5 vạn quân Tưởng của quân đoàn 93 thuộc phương diện quân thứ nhất kéo vào đất Thái Nguyên với ý đồ thâm hiểm « tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, giúp bọn phản động Việt Nam đánh đổ chính quyền nhân dân để lập một chính phủ phản động làm tay sai cho chúng »¹. Bọn Tưởng cướp bóc, tàn phá, chiếm nhà dân, quán chợ, bắt buộc ta phải tiêu tiền « quan kim » mất giá; đòi ta cung cấp lương thực, thực phẩm và phương tiện giao thông. Chúng lập trụ sở « Nam dương Hoa Kiều hiệp hội » ở nhiều nơi thuộc Thái Nguyên và Bắc Cạn, nhất là tại những vùng có nhiều người Hoa sống tập trung như Chợ Mới, Phú Thông (Bạch Thông), Bản Thi (Chợ Đồn), Pác Nặm, Đài Khao (Chợ Rã), Bằng Khâu (Ngân

1. Hồ Chí Minh: Vì độc lập tự do, vì CNXH, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1970, tr. 203.

Son), Yên Lạc (Na Rì)... Cái gọi là tổ chức « Đại Việt quốc gia liên minh » được bọn phản động dựng lên ở Bắc Cạn (do Đỗ Mạnh Cung cầm đầu) ở Thái Nguyên (do Đặng Vĩ cầm đầu) tích cực hoạt động nhằm lôi kéo quần chúng, tranh giành ảnh hưởng với Việt Minh. Một số phần tử phản động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo tổ chức « Liên đoàn thanh niên chống cộng » ở một vài nơi như Nhã Lộng (Phú Bình), liên hệ bí mật với Pháp xin vũ khí chống cách mạng. Tại một số nơi vùng núi hẻo lánh thuộc các huyện Chợ Rã, Na Rì (Bắc Cạn), Đồng Hỷ (Thái Nguyên)..., một vài toán phi nòi lên cùng với bọn lưu manh giả danh Việt Minh quấy phá. Bọn phản động được các thế lực ngoại bang che chở, khuyến khích đã có những hành động chống phá ta như: tuyên truyền chia rẽ các dân tộc, khiêu khích Quân giải phóng, ám sát, bắt cóc cán bộ, cướp phá của cải của nhân dân, có nơi chúng ngấm ngầm cất giấu vũ khí, tổ chức lực lượng quân sự... chuẩn bị thời cơ lật đổ chính quyền cách mạng, thủ tiêu thành quả cách mạng mới giành được của nhân dân ta.

« Độc lập, tự do là quý báu, quý giá vô ngần. Ta đã khổ sở đau đớn trong bao nhiêu năm mới giành được, cần phải cố gắng gìn giữ, bảo vệ »¹. Đó là giá trị thiêng liêng, là khát vọng cháy bỏng của toàn dân tộc, đó cũng là quyết tâm sắt đá của tất mọi người dân yêu nước. Muốn có tự do thực sự phải giữ được chính quyền cách mạng, giữ vững nền độc lập. Quán triệt chỉ thị của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch: cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, « tránh xung đột, giao thiệp thân thiện với Tưởng », tinh úy Bắc Cạn, Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân từng bước đấu tranh với quân Tưởng và bọn tay sai.

1. Những văn kiện lịch sử Đảng. T.1 Nxb Sự Thật, Hà Nội 1976 tr. 665.

phản động. Tại Thái Nguyên giữa tháng 9-1945, Hội nghị tỉnh ủy làm thời hợp đề ra chủ trương, biện pháp cấp bách nhằm giữ gìn trật tự, trị an, bảo vệ chính quyền cách mạng. Sau đó, tại Trường Xô (Phân Mễ, Phú Lương) Tỉnh ủy triệu tập tiếp hội nghị cán bộ (có đông đủ đại biểu các huyện về dự) bàn bạc, thống nhất một số chủ trương, biện pháp đối phó với quân Tưởng đang có mặt trên địa bàn Thái Nguyên. Tại Bắc Cạn, tháng 10-1945 tỉnh ủy làm thời hợp bàn biện pháp trấn áp bọn phản động. Để có thể theo sát diễn biến tình hình, lại tránh được sự khiêu khích, xung đột với bọn Tưởng, cơ quan lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên chỉ đề một số cán bộ, bộ đội ở lại thị xã, còn đại bộ phận di chuyển lên Phú Lương. Một mặt, ta tạm thời nhân nhượng cung cấp lương thực, thực phẩm, phương tiện đi lại cho quân Tưởng, mặt khác dựa vào sức mạnh quần chúng để đấu tranh với chúng bằng các hình thức: tày chay đồng « quan kim », mít tinh, biểu tình phản đối những yêu sách vô lý, đồng thời tổ chức cất giấu tài sản, chống cướp phá... Ta vạch cho quần chúng thấy rõ tính chất phản động, âm mưu thâm độc của Tưởng trong việc tổ chức « Nam dương Hoa Kiều hiệp hội ». Ở đâu, lực lượng vũ trang cách mạng cũng là chỗ dựa đáng tin cậy của phong trào quần chúng chống Tưởng.

Thi hành sắc lệnh số 8 (ngày 5-9-1945) của Chính phủ về việc giải tán các đảng phái phản động và sắc lệnh ngày 13-9-1945 về việc đưa đi an trí các phần tử phản cách mạng nguy hiểm, lực lượng vũ trang cùng ngành công an đề cao cảnh giác, đi đầu trên mặt trận chống phản cách mạng, trấn áp bọn phá hoại, bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhân dân, giữ vững, trật tự trị an. Những tên phản cách mạng, cam tâm làm tay sai cho giặc đều bị vạch mặt. Hơn 80 tên mật thám, chỉ điểm, 48 quan lại, cường hào, cai ký có tội ác với nhân dân, 3 tên cầm đầu phi... bị bắt giữ và xử lý. Những tên đặc vụ của Tưởng,

bọn cầm đầu các tổ chức phản động như « Nam dương Hoa Kiều hiệp hội » (Lài Gioông, Hâu Sãi Voông), « Đại Việt quốc gia liên minh » (Đặng Vĩ, Đỗ Mạnh Cung, Nguyễn Thế Giai) và những tên cầm đầu « Liên đoàn thanh niên chống cộng » ở nhà thờ Nhã Lộng (Phú Bình) đều bị ta bắt giữ. Một số tên tay sai phản quốc có nhiều trọng tội với nhân dân bị nghiêm trị. Cung Đình Vận, bị tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử tử hình. Bản án được thi hành ngay tại bãi tập thị xã Thái Nguyên, trước sự chứng kiến của đông đảo nhân dân. Được sự giúp đỡ của quần chúng, lực lượng vũ trang Chợ Đồn phối hợp với công an Bắc Cạn trấn áp bọn phản động tại Bản Thi, xử tử tên Lãn Mãn Phó, trục xuất Lâm Thăng Văn. Dựa vào quần chúng nhân dân, lực lượng vũ trang cùng với công an dẹp tan bọn phi ở Minh Lập (Đồng Hỷ) do anh em Hoàng Bính Trai, Hoàng Bính Ki cầm đầu; trừng trị bọn giả danh Việt Minh dè dớp của, những nhiều nhân dân ở Đồng Bầm (Đồng Hỷ), kẻ Đái Gân (Phú Bình)... Ta cũng kịp thời phát hiện bọn địa chủ, tay sai thân Pháp tàng trữ vũ khí tại đồn điền Đồng Quàng (Định Hóa), tịch thu 114 khẩu súng các loại và gần 2.000 viên đạn dè dặt bị ngay cho các đơn vị vũ trang cách mạng.

Bằng trí tuệ và sức mạnh của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, hai tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên, từng bước làm thất bại những âm mưu thâm hiểm của bọn Tưởng, ngăn chặn những hoạt động chống phá của bè lũ tay sai phản động, bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững thành quả Cách mạng tháng Tám. Vượt qua được những khó khăn, phức tạp trước mắt ấy, nhân dân hai tỉnh có thêm những tiền đề mới cho những bước đi tiếp theo.

Được sự đồng lõa và tiếp tay của đế quốc Anh, ngày 23-9-1945 thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn.

Như vậy là « kẻ thù không đội trời chung của đồng bào ta 80 năm nay lại hiện ra trước mắt »¹. Với ý chí « quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền độc lập tự do »², một lần nữa, đồng bào Nam Bộ lại đi tiên phong trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược Pháp.

Trước hành động xâm lược Nam Bộ của thực dân Pháp, Chính phủ và Hồ Chủ tịch kêu gọi đồng bào cả nước « phải trút toàn lực vào đó. Hy sinh hết thảy vì kháng chiến. Hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam »³. Quân, dân Bắc Thái cùng đồng bào cả nước hướng về Nam Bộ kháng chiến. Máu chảy, ruột mềm, căm thù bọn đế quốc xâm lăng, vì miền Nam ruột thịt, phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến diễn ra sôi nổi trong tất cả các ngành, các giới và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Biểu thị quyết tâm « chia lửa » cùng miền Nam chống giặc, khắp các địa phương trong tỉnh, nhân dân xuống đường mít tinh, biểu tình, phản đối chiến tranh xâm lược. Băng cờ, biểu ngữ, khẩu hiệu « đả đảo thực dân phản động Pháp xâm lược », « ủng hộ Nam Bộ kháng chiến », « nước Việt Nam của người Việt Nam »... được giương lên khắp các thị xã, huyện lỵ đến các bản, làng. Tiếng súng kháng chiến ngày, đêm giục giã mọi người dân hướng về miền Nam thân yêu. Hàng ngàn thanh niên con em các dân tộc trọng tình nô nức đến các « Phòng Nam Bộ » ghi tên tình nguyện vào Nam đánh giặc. Các đơn vị « Nam tiến » được gấp rút xây dựng, lựa chọn cán bộ, chiến sĩ trong các

1. Hiệu triệu của chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Báo Cứu quốc, ngày 24-9-1945.

2. Hồ Chí Minh: Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945.

3. Lời kêu gọi « ủng hộ kháng chiến Nam Bộ » do d/c Võ Nguyên Giáp thay mặt Chính phủ lâm thời, đọc tháng 9-1945. Những sự kiện lịch sử Đảng. T2, Nxb ST, Hà Nội, tr. 29.

chi đội Giải phóng quân của Bắc Cạn, Thái Nguyên Các đơn vị « Nam tiến » được tổ chức biên chế chặt chẽ, trang bị tốt, hầu hết đội viên được huấn luyện quân sự, có ít nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Cán bộ của các đơn vị « Nam tiến » là những người từng trải qua thử thách chiến đấu trong những ngày tổng khởi nghĩa. Cùng với Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Nam Định..., nhân dân các dân tộc trong tỉnh lưu luyến tiễn đưa đơn vị bộ đội rời Bắc Thái đi « Nam tiến » đợt đầu. Ba ngày sau khi thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Nam Bộ, đêm 26-9-1945 đơn vị « Nam tiến » đầu tiên (trong đó có đại đội Bắc Cạn) lên tàu rời Hà Nội vào Nam. Cán bộ, chiến sĩ chi đội I Nam tiến (gồm các đại đội Bắc Cạn, Bắc Sơn, Hà Nội, sau được bổ sung thêm hai đại đội Thanh Hóa và Nghệ An) vào miền Đông Nam Bộ, tác chiến ở cầu Bình Lợi, ở Xuân Lộc; sau chuyển ra Phan Thiết, chiến đấu ở Nha Trang và đường số 21. Một số quân đội cùng đồng chí Hoàng Đình Giang (tức Vũ Đức) vào sâu tận miền Tây Nam Bộ. Tiếp đó, các đơn vị « Nam tiến » khác được thành lập và lần lượt lên đường sát cánh cùng đồng bào Nam Bộ và nam Trung Bộ chiến đấu.

Các đoàn quân ra đi từ đất Bắc Thái, con em đồng bào các dân tộc Bắc Cạn, Thái Nguyên cùng lực lượng « Nam tiến » của cả nước vào chiến trường, đã góp một phần quan trọng làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu cho miền Nam ruột thịt.

Cùng với phong trào « Nam tiến », thanh niên các dân tộc hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang, tỏ rõ ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được. Trung đoàn Bắc Thái được khẩn trương thành lập. Bắc Thái còn cử 5 đại đội vũ trang sang tham gia trấn áp bọn phản cách mạng ở Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái. Các đại đội này đã cùng với bộ đội của Chiến

khu I, Chiến khu II tấn công, truy quét bọn phản động ở Bạch Hạc, Việt Trì, thị xã Phú Thọ và thị xã Yên Bái.

Tháng 10-1945, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quyết định thành lập các chiến khu. Bắc Cạn, Thái Nguyên thuộc Chiến khu I. Quán triệt đường lối vũ trang toàn dân, các cấp ủy Đảng địa phương coi trọng nhiệm vụ xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang. Thời kỳ khởi nghĩa giành chính quyền, tại hai tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên, ta đã xây dựng được lực lượng tự vệ khá hùng hậu hoạt động bên cạnh Quân giải phóng. Lực lượng tự vệ được biên chế thành các tiểu đội, trung đội và đại đội, ở các huyện trong tỉnh đều có những đơn vị tự vệ tập trung. Sau cách mạng tháng Tám, do yêu cầu chung của cách mạng cả nước, hầu hết cán bộ, chiến sĩ có kinh nghiệm chiến đấu đều được điều động vào các đoàn quân « Nam tiến » hoặc các đơn vị Vệ quốc đoàn. Một mặt, tỉnh tập trung ưu tiên trang bị cho các đơn vị Nam tiến, vì vậy, tại địa phương chỉ còn lại một số cán bộ khung và vũ khí thô sơ. Trong tình hình đó, lãnh đạo hai tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên chủ trương động viên sức người, sức của của nhân dân đề củng cố, phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ và đề bổ sung quân cùng trang bị cho các đơn vị Vệ quốc đoàn. Con em đồng bào các dân tộc Việt, Tày, Nùng, Cao Lan, Dao, H'Mông... khắp các vùng trong tỉnh mang theo súng hai nòng, súng kíp, dao găm, mã tấu tự nguyện gia nhập lực lượng vũ trang. Nhờ vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, hầu hết các xã, huyện đều xây dựng, phát triển lực lượng tự vệ rộng rãi, tự vệ chiến đấu và du kích tập trung. Ban lãnh đạo Chiến khu I, các đơn vị Vệ quốc đoàn đã giúp cho tỉnh kinh nghiệm về tổ chức biên chế, quản lý bộ đội và huấn luyện quân sự. Các đội du kích tập trung, các đội tự vệ chiến đấu, được biên chế thành các tiểu đội, trung đội,

có quân báo, liên lạc, cứu thương... Mặt trận Việt Minh, các ủy viên quân sự trong các ủy ban nhân dân được phân công chỉ đạo các đội du kích tập trung và tự vệ chiến đấu. Từ năm 1946, lực lượng du kích được đặc biệt chú ý phát triển để làm nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng và chuẩn bị kháng chiến. Các đội du kích thị xã Bắc Cạn, thị trấn Chợ Mới, các xã nam Bạch Thông, Phú Bình, Phồ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ được trang bị tương đối tốt, có tổ chức chỉ huy chặt chẽ. Đến tháng 5-1946, các huyện phía nam Thái Nguyên có 300 du kích. Tháng 5-1946, Bắc Cạn, Thái Nguyên thành lập Ủy ban bảo vệ các cấp có đại diện lực lượng vũ trang tham gia Bộ đội cảnh vệ được xây dựng ở huyện, tỉnh trên cơ sở các đội du kích tập trung. Nhân dân tình nguyện góp sức người, sức của để xây dựng lực lượng, mua sắm vũ khí trang bị. Chấp hành chỉ thị thành lập các trung đoàn, tiểu đoàn độc lập, từ tháng 6-1946, đồng bào các dân tộc Bắc Cạn, Thái Nguyên lại tình nguyện góp người, góp của xây dựng trung đoàn độc lập 22 (Thái Nguyên, Phú Yên) và trung đoàn độc lập 23 (Bắc Cạn), thuộc Chiến khu I.

Hơn 1 năm sau ngày cách mạng thành công, nhân dân hai tỉnh đã vượt qua biết bao khó khăn, phát triển lực lượng về mọi mặt, xây dựng Bắc Thái trở thành một địa bàn trọng yếu của căn cứ địa Việt Bắc, sẵn sàng bước vào công cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện chống thực dân Pháp.

II — GÓP PHẦN XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA — CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN

Với bản chất cực kỳ phản động, hiếu chiến, thực dân Pháp ngang nhiên xóa bỏ Hiệp định sơ bộ 6-3, Tạm ước

14-9, từng ngày từng giờ mở rộng chiến tranh xâm lược. Ngày 19-10-1946, Hội nghị quân sự toàn quốc dưới sự chủ tọa của đồng chí Trường-Chinh — Tổng bí thư Đảng — đã nhận định: « Nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp ».

Đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ! Cả nước chuyển vào chiến tranh.

Đề chiến thắng kẻ thù có quân đông, trang bị hiện đại, phải có một hậu phương vững mạnh, một khu căn cứ địa vững chắc, cho nên với một tầm nhìn chiến lược, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã chọn vùng rừng núi Việt Bắc mà trung tâm là Bắc Cạn, Thái Nguyên và Tuyên Quang để xây dựng căn cứ địa kháng chiến của toàn dân. Đây là vùng có vị trí chiến lược quan trọng, như Hồ Chủ tịch từng nói « tiến có thể đánh, lui có thể giữ ». Rừng núi Bắc Thái hiểm trở có thể che mắt và cản trở hoạt động của địch, ngược lại tạo thuận lợi cho hoạt động của ta. Đất đai và sản vật vùng rừng núi rộng lớn, đa dạng có thể đảm bảo cung cấp một phần quan trọng về hậu cần giúp lực lượng kháng chiến tồn tại và phát triển. Đặc biệt, đồng bào các dân tộc ở đây có truyền thống yêu quê hương đất nước, đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm qua nhiều thế hệ, nay dưới sự lãnh đạo của Đảng, truyền thống đó càng được nhân lên gấp bội. Có rừng núi điệp trùng, có truyền thống đấu tranh bất khuất, một lòng tin theo cách mạng, lại được sự bảo vệ từ xa của quân dân các tỉnh bạn, Bắc Thái và một phần Tuyên Quang trở thành trung tâm Căn cứ địa kháng chiến của cả nước. Ngay sau ngày cách

1. Văn kiện quân sự của Đảng. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội 1976. T. 2, tr. 64.

mạng tháng Tám thành công, Hồ Chủ tịch đã chỉ thị cho đồng chí Phạm Văn Đồng và một số cán bộ khác ở lại Bắc Thái và một số vùng khác ở Việt Bắc để củng cố căn cứ địa. Khi nguy cơ chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ngày càng tới gần, tháng 10-1946 Hồ Chủ tịch lại cử đồng chí Nguyễn Lương Bằng trở lại Việt Bắc để chuẩn bị căn cứ địa kháng chiến. Nhận trọng trách đó, đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã tới vùng Định Hóa, nam Chợ Đồn, chọn một số địa điểm làm việc của các cơ quan Đảng, Chính phủ trong trường hợp phải rút khỏi Hà Nội. Đầu tháng 11-1946, Trung ương Đảng thành lập Đội công tác đặc biệt gồm đại biểu các ngành quân sự, an ninh, chính quyền, đoàn thể... do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách để làm nhiệm vụ nghiên cứu đường di chuyển lên địa điểm đóng các cơ quan, cùng các ngành hữu quan, tổ chức di chuyển các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ và kho tàng, công xưởng của Nhà nước lên Việt Bắc. Giữa tháng 12-1946, một số cán bộ trong Đội công tác đặc biệt lên Việt Bắc. Các huyện Sơn Dương (Tuyên Quang), Định Hóa, Đại Từ, Chợ Đồn, Bạch Thông, Võ Nhai (Bắc Thái) được xác định là nơi tiếp nhận các cơ quan, công xưởng của Trung ương và Liên khu chuyển đến. Từ kinh nghiệm bảo vệ cán bộ, cơ quan trong thời kỳ bí mật, ta chủ trương xây dựng các An toàn khu (gọi tắt là A.T.K) làm nơi ở, làm việc của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Địa bàn các huyện Định Hóa, Chợ Đồn, Đại Từ (Bắc Thái) và Sơn Dương, Chiêm Hóa (Hà Tuyên) được chọn làm nơi xây dựng A.T.K. của cả nước.

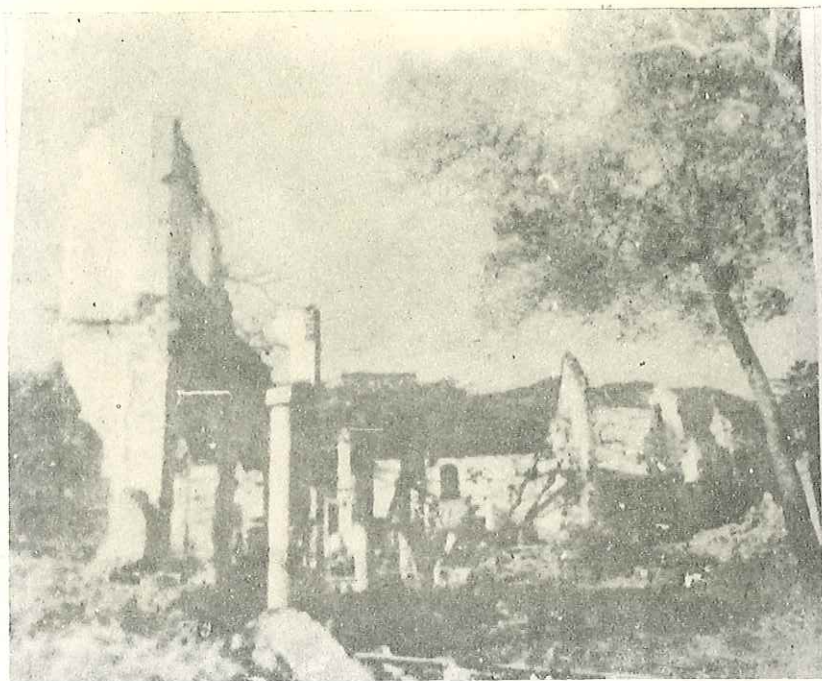
Cuối năm 1946, đầu Năm 1947, các cơ quan, công xưởng từ Hà Nội và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, quân đội: Trường Chinh, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Lương Bằng, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Võ Nguyên Giáp... lần lượt lên A.T.K. Đáp lời kêu gọi cứu

nước thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, các đại biểu Quốc hội, thành viên Hội đồng Chính Phủ cùng nhiều nhân sĩ yêu nước, các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, những nhà hoạt động tôn giáo... với balô trên vai, trèo đèo, lội suối, lên căn cứ phục vụ kháng chiến. Bắc Thái cùng với Việt Bắc trở thành hậu phương lớn, căn cứ địa kháng chiến của cả nước. Đề bảo đảm bí mật, Hồ Chủ tịch đã ở và làm việc nhiều nơi ở Việt Bắc. Sau một thời gian ở Sơn Dương (Tuyên Quang), tối 19-5-1947, Hồ Chủ tịch chuyển sang Định Hóa (Bắc Thái) A.T.K. Định Hóa là vùng có nhiều đồi cây thấp kế tiếp nhau nằm gọn trong một thung lũng gồm 4 xã Phú Đình, Diềm Mặc, Thanh Đình, Định Biên. Tối Định Hóa, Hồ Chủ tịch đặt cơ quan tại khu rừng Khau Tý (xã Diềm Mặc). Từ đây, có các con đường mòn tới Sơn Dương (Tuyên Quang), xuống Đại Từ, lên Chợ Đồn, sang Phú Lương và nhiều đường tắt kín đáo, thuận tiện.

Các cấp ủy đảng địa phương phối hợp cùng Đội công tác đặc biệt định ra phương án xây dựng vùng căn cứ mọi mặt: bảo vệ an toàn cho căn cứ, củng cố hệ thống thông tin liên lạc, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và đầy mạnh tăng gia sản xuất đảm bảo hậu cần tại chỗ. Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của một địa bàn được Đảng, Hồ Chủ tịch chọn làm căn cứ kháng chiến của cả nước, đồng bào các dân tộc Bắc Thái, đồng tâm, nhất trí sẵn sàng hy sinh hết thảy cho sự nghiệp kháng chiến toàn thắng. Nhân dân đã nỗ lực đầy mạnh tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm đảm bảo đời sống và cung cấp cho nhu cầu kháng chiến. Đồng bào Bắc Cạn — Thái Nguyên còn dành hàng vạn ngày công, ủng hộ hàng chục vạn cây tre, gỗ, nứa, hàng triệu tàu lá cọ để xây dựng nơi ở và làm việc của các cơ quan kháng chiến và kho tàng, xưởng máy. Đồng bào các dân tộc là lực lượng chủ

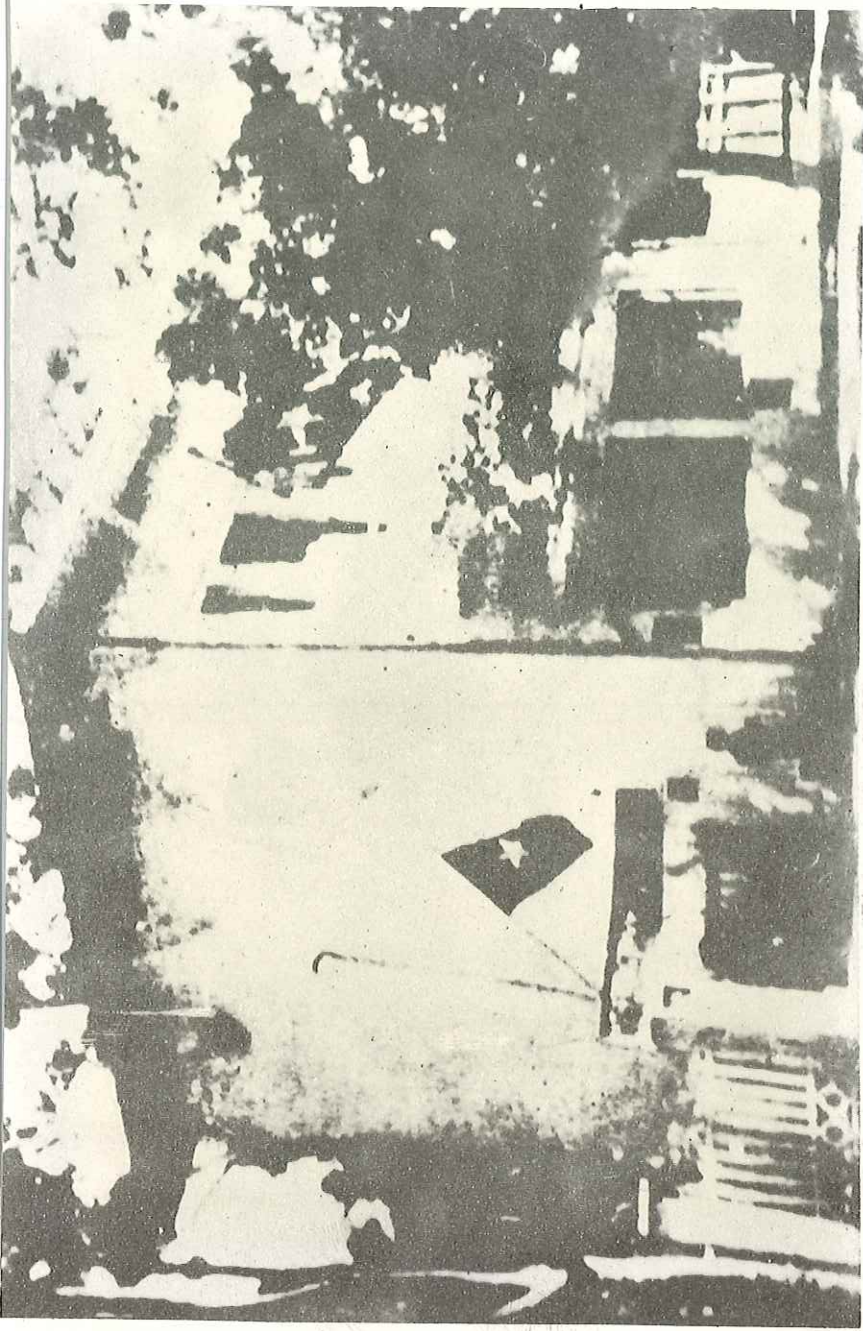


Cứ Quốc Quân



Trước khi quân Pháp tới, nhân dân đã kịp thời
"tiêu thổ kháng chiến", làm vườn không nhà trống.





Nhà Đền Thái Nguyên nơi đại tướng Võ Nguyên Giáp nói chuyện với 600 bảo an binh và là kho của đồng chí Trần Đăng Ninh dùng cung cấp lương thực, thực phẩm cho Việt Nam giải phóng quân.



yếu đề bảo vệ A.T.K. kháng chiến. Người dân ở đây dùm bọc, che chở, đảm bảo an toàn cho các cơ quan, công xưởng. Mọi người dân từ trẻ đến già đều thực hiện khẩu hiệu « ba không »: không nói chuyện làm lộ bí mật, không nghe những điều không có liên quan đến mình, không chỉ dường và cảnh giác với người lạ mặt. Đồng bào đã nhường nhà cửa và làm nhiệm vụ tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men và những vật dụng cần thiết hàng ngày cho cán bộ, nhân viên các cơ quan kháng chiến. Là người địa phương thông thạo mọi địa hình, con em đồng bào các dân tộc Bắc Thái được tổ chức thành lực lượng vành đai bảo vệ vòng ngoài của A.T.K. Lòng dân đã thực sự trở thành trận địa vô địch bảo vệ vững chắc nhất, an toàn nhất cho sự tồn tại của A.T.K. giữa lòng Việt Bắc. Chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch, các cơ quan quân, dân, chính, đảng lên Việt Bắc đều có trách nhiệm cùng đồng bào Việt Bắc xây dựng căn cứ địa vững mạnh về mọi mặt. Hồ Chủ tịch nhắc nhở các Ban căn cứ địa cử những cán bộ có năng lực, cùng với các tỉnh, huyện trọng điểm giải quyết kịp thời những vấn đề đặt ra có quan hệ tới sự tồn tại và phát triển của Khu căn cứ. Trung ương Đảng chỉ thị cho các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị quân đội phải thường xuyên cộng tác giúp đỡ các huyện, xã sở tại xây dựng phong trào, củng cố cơ sở. Bởi thế, tại các vùng Khu căn cứ, cơ sở Đảng được củng cố, phát triển, sản xuất lương thực, thực phẩm được đầy mạnh. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, nâng cao trình độ mọi mặt cho đồng bào có bước tiến rõ rệt, nhiều nạn độc của chế độ cũ và những tập tục lạc hậu từng bước được xóa bỏ. Bộ mặt của một xã hội mới đang hình thành. Trong khi phải tập trung sức lực giải quyết nhiều vấn đề nóng bỏng của sự nghiệp kháng chiến, những cố gắng đó tuy mới là bước đầu nhưng thực sự là những đóng góp quan trọng của mỗi người dân Bắc Thái trong

công cuộc xây dựng, bảo vệ căn cứ địa kháng chiến của cả nước. Cùng với cả Việt Bắc, Bắc Thái xứng đáng với lời khen của Hồ Chủ tịch « Việt Bắc trước kia là căn cứ của cách mạng đã nổi tiếng khắp cả nước và khắp thế giới, thời ngày nay Việt Bắc phải trở thành căn cứ địa của kháng chiến để giữ lấy địa vị và danh giá vẻ vang của mình. Cách mạng đã do Việt Bắc mà thành công, thì kháng chiến sẽ do Việt Bắc mà thắng lợi »¹.

*
**

Chiến tranh lan rộng, việc tổ chức cho nhân dân rời khỏi địa bàn có chiến sự, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản và ổn định đời sống của đồng bào là một vấn đề cấp thiết. Trung ương Đảng, Hồ Chủ tịch hết sức quan tâm đến vấn đề này. Một tuần sau ngày toàn quốc kháng chiến, Hồ Chủ tịch chỉ thị mỗi tỉnh, huyện, xã đều phải thành lập Ủy ban tản cư để động viên và tổ chức đồng bào tản cư sớm ổn định đời sống và tham gia kháng chiến tùy theo sức lực, khả năng của mình. Ngày 31-12-1946, Chính phủ ban hành sắc lệnh số 5-SL thành lập Ủy ban tản cư, di cư Trung ương. Ngày 12-1-1947, thành lập Ủy ban tản cư, di cư toàn khu vực. Đầu năm 1947 Ủy ban di cư, tản cư của các tỉnh, huyện, xã đều được thành lập đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính các cấp. Lúc đó, Bắc Cạn, Thái Nguyên vẫn được coi là một vùng hậu phương an toàn nên đồng bào các tỉnh Hà Đông, Hưng Yên, Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh khác tản cư lên ngày càng nhiều. Số đồng bào này cư trú rải rác ven quốc lộ số 3 từ Phồ Yên đến Phú Thông, tập trung nhất ở vùng Chợ Mới, thị xã Bắc Cạn. Tiếp nhận đồng bào tản cư, di cư, chăm lo ổn định đời sống và

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb ST, Hà Nội, 1984, t. 4, tr. 420.

việc làm cho họ là nhiệm vụ rất cấp bách, đầy khó khăn, Ủy ban tản cư, di cư của hai tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên và các huyện, xã được thành lập có sự tham gia của các ngành, các giới, chủ yếu là Mặt trận Việt Minh, đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính các cấp. Chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch « vô luận thế nào, các Ủy ban hành chính không được bỏ dân bơ vơ » các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận khăn trương triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào, phân chia khu vực định cư, tổ chức ổn định cuộc sống. Đến tháng 2-1947, riêng Thái Nguyên đã tiếp đón 12.000 đồng bào từ các nơi tản cư đến. Chiến sự càng lan rộng đồng bào tản cư lên Bắc Cạn, Thái Nguyên càng nhiều. Suốt những năm kháng chiến, Bắc Thái đã đón nhận, bố trí nơi ăn, ở và công việc cho gần 63.000 đồng bào các tỉnh bạn tản cư lên. Ban tiếp cư Bắc Cạn, Thái Nguyên đã san sẻ số tiền cứu tế trên 5 triệu đồng cho gần một vạn đồng bào tản cư gặp nhiều khó khăn. Những trợ cấp đó tuy nhỏ, nhưng đã giúp thêm cho bà con tản cư tạm thời ổn định đời sống và có ít vốn liếng phát triển sản xuất. Chính quyền hai tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên còn thành lập các trại sản xuất ở Phúc Xuân (Đông Hỷ), Phúc Thuận (Phồ Yên), Phúc Đền (Chợ Mới), tổ chức các ngành nghề thủ công như dệt vải, cuốn thuốc lá... ở thị xã Bắc Cạn và các nơi khác nhằm tạo thêm việc làm cho đồng bào tản cư. Với truyền thống « lá lành đùm lá rách », nhân dân các dân tộc Bắc Thái đã san sẻ cho đồng bào tản cư từ mảnh ruộng, bãi nương, căn lán ở đến con trâu, con bò, cái cày, chiếc cuốc, bát gạo, củ sắn, bắp ngô... giúp đồng bào điều kiện sinh sống và sản xuất. Mối quan hệ giữa nhân dân tản cư và đồng bào địa phương trở nên thân thiết, gắn gũi trong sinh hoạt hàng ngày cũng như trong công việc chung. Đồng bào tản cư coi Bắc Thái như quê hương mình, hăng hái vận động con, em tham gia bộ đội, gia nhập dân quân, du kích,

cùng góp sức, góp công cho kháng chiến. Thời kỳ đầu, một số đồng bào ở tuổi lên còn nhiều băn khoăn, lo lắng, sống tạm bợ, chờ ngày trở về quê cũ. Đảng bộ và chính quyền các nơi ra sức tuyên truyền, giáo dục để đồng bào thấy rõ kháng chiến còn lâu dài, phải tồ chức đời sống ổn định và tham gia sản xuất. Tuy nhiên, do tư tưởng chủ quan « đại hậu phương » nên công tác chuẩn bị cho đồng bào tản cư khỏi các vùng trọng điểm khi chiến sự lan tới còn sơ sài, chưa được chú ý đầy đủ, tỉ mỉ, nhất là ở khu vực Bắc Cạn.

Với đường lối chiến tranh nhân dân, nhằm « triệt để làm cho địch đói, khát, què, diếc, mù, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản »¹, ngay từ những ngày đầu kháng chiến, đảng ta chủ trương « phá hoại để kháng chiến ». Cuối năm 1946 Thái Nguyên thành lập Ban phá hoại do đồng chí ủy viên quân sự trong Ủy ban hành chính tỉnh làm trưởng ban. Đầu năm 1947, Ban phá hoại các huyện, xã cũng được thành lập. Ban phá hoại các cấp chủ trương tập trung phá hoại ở những vùng trọng điểm như thị xã, thị trấn, cầu, cống trên quốc lộ số 3, còn đình, chùa, nhà cửa... ở những nơi hẻo lánh, xa các trục đường giao thông thì vẫn giữ nguyên. Một cuộc tuyên truyền, vận động được tiến hành sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, nhất là ở những vùng trọng điểm. Đáp lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: « phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào, cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào quân địch », nhân dân các dân tộc trong tỉnh tự tay mình phá nhà cửa, đình, chùa, nhà thờ, cầu cống, đường giao thông.. ở những nơi trọng điểm nhằm không để cho kẻ thù lợi dụng đánh lại ta.

1. Những sự kiện lịch sử Đảng, BNCLSDTU xuất bản, 1979, T. 2, tr. 103,

Thị xã Thái Nguyên, đông vui sầm uất vốn là trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh Thái Nguyên, là cửa ngõ từ đồng bằng châu thổ sông Hồng đi vào căn cứ địa Việt Bắc. Riêng khu nội thị có hàng trăm ngôi nhà xây, lợp ngói, trong đó gần 10% là nhà tầng. Thị xã là một trong những trọng điểm tiêu thổ kháng chiến. Mỗi người dân ở đây đều không khỏi bùi ngùi, nước mắt khi tự tay phá đi những gì vốn đã được tạo dựng bằng chính sức lực và mồ hôi nước mắt của mình. Chính vì hiểu rằng tiêu thổ đề kháng chiến chống kẻ thù xâm lược, giữ độc lập tự do nên quân, dân Thái Nguyên vừa phá vừa đắp ụ, đào hố cản cơ giới địch. Công tác phá hoại được triển khai từng bước trong thị xã. Những nhà tầng, nơi công cộng, trụ sở cơ quan được phá trước. Những nhà vắng chủ, giao cho lực lượng dân quân, du kích đảm nhiệm. Buổi đầu vì thiếu phương tiện (nhiều nơi phải dùng đường ray làm xà beng), chưa có kinh nghiệm nên tốn nhiều mồ hôi, công sức thậm chí cả mồ máu, hy sinh. Ngoài việc phá những nhà công cộng, cơ quan, nhân dân còn tự tay mình phá nơi thờ, cúng như đình, chùa, miếu, điện. Đồng bào công giáo với tấm lòng yêu nước cũng tự nguyện phá nhà thờ xứ Thái Nguyên, nhà thờ Nhã Lộng (Phú Bình). Đến giữa năm 1947, tại Thái Nguyên công tác phá hoại đã căn bản được hoàn thành ở thị xã và một số vùng quanh các huyện lỵ và tuyến giao thông quan trọng.

Tại thị xã Bắc Cạn, từ đầu năm 1947 các cơ quan, kho tàng, công xưởng của Trung ương, Liên khu... đã di chuyển tới. Bên cạnh một số nhà gạch, ngói có từ trước, nhiều nhà mới, làm bằng tranh, tre, nứa, lá mọc lên. Cuộc sống ở thị xã Bắc Cạn, nhanh chóng trở lên sầm uất. Do tư tưởng « đại hậu phương chủ nghĩa » nên công tác tiêu thổ kháng chiến ở thị xã Bắc Cạn triển khai chậm, thiếu triệt để. Cuối tháng 8 năm 1947, Ban phá hoại của thị xã mới bắt đầu hoạt động. Vì vậy, đến khi

dịch tấn công lên Việt Bắc (Thu Đông 1947) tại thị xã Bắc Cạn mới phá được một số nhà cửa, đồn bốt cũ ở đồi Hành chính và đồi Quân sự. Điều đó đã gây cho ta những tổn thất nhất định khi thực sự bước vào chiến đấu.

*
* * *

Từ khi cả nước bước vào kháng chiến, việc xây dựng, củng cố và mở rộng lực lượng vũ trang, tăng thêm « thực lực quân sự » được các cấp đặc biệt chú ý. Sau thông tư của Bộ Quốc phòng (tháng 2-1947) quy định tổ chức và nhiệm vụ của dân quân, tự vệ, du kích, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ở Bắc Thái được triển khai với quy mô lớn hơn, nhịp điệu khẩn trương hơn. Các huyện phía Bắc của tỉnh vừa củng cố lực lượng cũ, vừa tích cực xây dựng các đơn vị dân quân, tự vệ và du kích mới.

Từ tháng 3-1947, thực hiện chủ trương của Bộ Tổng chỉ huy hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn, thành lập Ban chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến tỉnh. Tại Thái Nguyên, giữa tháng 4-1947, Ban chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân làm lễ ra mắt tại sân vận động thị xã có đại diện lực lượng vũ trang các địa phương về dự. Các đồng chí Nhị Quý, Bí thư Tỉnh ủy, Trung Định, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Quốc Hưng, Chủ nhiệm tỉnh bộ Việt Minh đến dự và giao nhiệm vụ cho Ban chỉ huy Tỉnh đội.

Đồng chí Lê Văn Lương, Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy — đã có thời gian công tác ở Vệ quốc đoàn — được Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến tỉnh cử làm Tỉnh đội trưởng kiêm Chính trị viên. Đồng chí Nguyễn Phương, học viện tốt nghiệp trường quân chính Bắc Sơn được bổ nhiệm làm Tỉnh đội phó phụ trách xây dựng lực lượng. Các cơ

quan giúp việc tinh đội được tổ chức gọn nhẹ, bao gồm một số cán bộ đã được dự lớp quân sự ngắn ngày của Bộ Quốc phòng bổ sung và một số cán bộ chính trị do các đoàn thể cử vào, với quân số từ 30 đến 40 người. Ban Chính trị do đồng chí Nguyễn Hữu Uân được Tỉnh ủy cử sang làm trưởng ban. Ban Quân sự do đồng chí Lê Đình Phò học viên trường võ bị Trần Quốc Tuấn phụ trách.

Một thời gian sau, Ban Cung cấp, Ban Hành chính do đồng chí Dương Văn Kham, đồng chí Nguyễn Liên làm trưởng ban cũng được thành lập và đi vào hoạt động. Trung đội bảo vệ cơ quan quân sự tỉnh do đồng chí Nông Chính Phát làm trung đội trưởng. Tháng 9-1947, trên bổ sung đồng chí Nguyễn Anh Vũ về làm tinh đội phó.

Tại Bắc Cạn, Ban chỉ huy Tinh đội bộ dân quân cũng được thành lập. Đồng chí Hồng Kỳ — tỉnh ủy viên — đã hoạt động ở Đội tuyên truyền Giải phóng quân — được cử làm tinh đội trưởng. Đồng chí Triệu Văn Tịnh dân tộc Dao ở Chợ Đồn được bổ nhiệm làm Tinh đội phó, đồng chí Vi Văn Tông làm Chính trị viên. Một thời gian sau, đồng chí Doanh Hằng, tỉnh ủy viên được Tỉnh ủy cử sang làm Chính trị viên Tinh đội thay đồng chí Vi Văn Tông đi nhận công tác khác.

Sau ngày Pháp nhảy dù Bắc Cạn, trên điều đồng chí Phạm Duy Tiến thay đồng chí Hồng Kỳ làm Tinh đội trưởng, bổ nhiệm đồng chí Trương Văn Lú làm Tinh đội phó phụ trách tác chiến đường số 3.

Các cơ quan giúp việc của tinh đội như Ban Quân sự, Ban Chính trị... cũng được thành lập và đi vào hoạt động. Với tinh thần khẩn trương, đáp ứng kịp thời yêu cầu xây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến, các cơ

quan huyện đội, xã đội cũng được thành lập và đi vào hoạt động. Các ban chỉ huy huyện đội dân quân được kiện toàn.

* * *

Cùng với việc thành lập, kiện toàn các cơ quan quân sự địa phương, việc xây dựng, củng cố, mở rộng lực lượng vũ trang địa phương cũng được đặc biệt chú ý. Con em đồng bào các dân tộc nô nức ghi tên tòng quân. Đến tháng 4-1947, tại Bắc Cạn đã xây dựng được 17 đại đội dân quân, du kích, trong đó Bạch Thông là huyện trọng điểm đã tổ chức được 6 đại đội. Đội ngũ dân quân, du kích ngày càng hùng hậu. Trung bình mỗi xã, mỗi thị trấn xây dựng được từ 2 đến 3 tiểu đội, biên chế thành trung đội; mỗi tổng (liên xã) xây dựng được 1 đại đội. Đến giữa năm 1947, 2 tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên đã có 6000 du kích và hàng chục ngàn dân quân, tự vệ. Dân quân, du kích được huấn luyện cách đánh giáp lá cà, gài mìn, cắm chông, phá hoại giao thông địch... và sử dụng các vũ khí thông thường. Nhân dân 2 tỉnh động viên con, em tham gia xây dựng các trung đoàn bộ đội chủ lực của Liên khu. Nhân dân còn tích cực đóng góp nguyên, vật liệu cho các công xưởng: lò nấu chì Chợ Đồn, xưởng quân giới Giang Tiên (Phú Lương)... và nhiều xưởng thuộc hệ thống quân giới để sản xuất và sửa chữa vũ khí cung cấp cho lực lượng vũ trang. Hưởng ứng cuộc vận động « Mùa đông binh sĩ », đồng bào các dân tộc hăng hái tham gia giúp đỡ, ủng hộ bộ đội, thực hiện khẩu hiệu: « Mỗi làng 2 áo chần thú, 2 chăn cho bộ đội ». Nhân dân còn tự nguyện quyên góp tiền, gạo, súng kíp, cung nỏ để nuôi dưỡng, trang bị cho bộ đội và dân quân, du kích.

Sự nghiệp bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến của quân và dân Bắc Thái 2 năm qua đạt được những thành tựu có ý nghĩa chiến lược. Khao khát độc lập, tự do, nhân dân các dân tộc Bắc Thái căm thù giặc Pháp xâm lược sẵn sàng đứng dậy cùng cả nước đánh Pháp bảo vệ làng, bản thân yêu. Thế trận chiến tranh nhân dân đang từng bước được triển khai trên mảnh đất căn cứ địa vốn là cái nôi của cách mạng.

Quân, dân 2 tỉnh có lực lượng ban đầu cần thiết đề dương đầu với những đòn tiến công quân sự của đội quân viễn chinh nhà nghề, thiện chiến của Pháp bước vào Thu Đông 1947.

I. CHUYỂN BI PHÁP CUỘC TIẾN CÔNG QUÂN SỰ CỦA QUÂN VÀ DÂN BẮC THÁI

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến, thực dân Pháp bị tiến công ở các đô thị đang tìm cách phá vỡ, vẫn cố tình đi sâu vào chiến tranh. Từ đầu năm 1947, chính khách và tướng lĩnh Pháp bắt đầu nhiều phương án. Cuối cùng đi đến nhất trí lập trung lực lượng làm đánh đơn quyết định ở miền Bắc Việt Nam, đó là lập thân và lực lượng kháng chiến của Việt Minh bằng cách nhậm vào đầu não của nó và bằng cách tổ chức các cuộc tập kích sâu để hủy hoại tiềm lực quân sự của nó. Đơn tiến công quân sự lên có tính chất quyết định này được dự kiến vào mùa Thu năm 1947. Tại phiên họp ngày 9-6-1947, Hội đồng phòng thủ Đông Dương thông qua trên nguyên tắc mục đích cuộc tiến công, một kim biên

I. Y-vô Gien, lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương (NXB Hanoi, Pa-ri, 1979), tr. 183 (Đến theo Văn LỊCH SỬ, Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954, NXB QĐP, Hà Nội, 1986, tập I).

BT

CHƯƠNG HAI

CUỘC CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ CĂN CỨ ĐỊA THU ĐÔNG 1947

I. CHUẨN BỊ PHÁ CUỘC TIẾN CÔNG THU — ĐÔNG CỦA ĐỊCH

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến, thực dân Pháp bị tiến công ở các đô thị đang tìm cách phá vây, vẫn « cố tình đi sâu vào chiến tranh », ra sức mở rộng vùng chiếm đóng hòng « nuốt trôi nước ta ». Từ đầu năm 1947, chính khách và tướng lĩnh Pháp bàn bạc nhiều phương án. Cuối cùng đi đến nhất trí tập trung lực lượng lớn đánh đòn quyết định ở miền Bắc Việt Nam, đè bẹp tinh thần và lực lượng kháng chiến của Việt Minh « bằng cách nhằm vào đầu não của nó và bằng cách tổ chức các cuộc thọc sâu đề hủy hoại tiềm lực quân sự của nó »¹. Đòn tiến công quân sự lớn có tính chất quyết định này được dự kiến vào mùa Thu năm 1947. Tại phiên họp ngày 9-6-1947, Hội đồng phòng thủ Đông Dương thông qua trên nguyên tắc mục đích cuộc tiến công, « bịt kín biên

1. Y-vơ Gra, lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương, NXB Polong, Pa-ri, 1979, tr. 183 (Dẫn theo Viện LSQSVN, Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 — 1954, NXB QĐND Hà Nội, 1986, tập I).

giới, ngăn chặn không cho Việt Minh tiếp xúc với Trung Quốc; loại trừ mọi sự chi viện từ ngoài vào; truy lùng Việt Minh đến tận sào huyệt, đánh cho tan tác mọi tiềm lực kháng chiến của họ»¹. Cùng với việc phái Xa-lăng, một viên tướng được coi là « thông thạo chiến trường », sang làm tư lệnh quân viễn chinh tại Bắc Đông Dương, tăng quân cho chiến trường Bắc Bộ và xúc tiến việc dựng chính quyền bù nhìn Trung ương, tháng 7-1947, chính phủ Pháp phê chuẩn kế hoạch tiến công Việt Bắc.

Năm vững bản chất, âm mưu chiến lược của thực dân Pháp, căn cứ vào diễn biến tình hình, Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ 3 từ ngày 12 đến ngày 15-5-1947 dự đoán địch có thể « khơi những cuộc tiến công lớn để chiếm đóng những vị trí chiến lược còn ở trong tay ta ». Về hướng của cuộc tiến công, Hội nghị dự kiến hoặc « miền Trung châu Bắc Bộ, hoặc đề không chế miền Thanh — Nghệ hay Nam — Ngãi » và « chúng cũng có thể mưu đồ mở cuộc tiến công vào Việt Bắc »². Ngày 15-9-1947 Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị vạch rõ những nhiệm vụ cần kíp « Về mặt quân sự, tích cực chuẩn bị chiến dịch mùa Đông về mọi mặt... dặt đối phó với cuộc tiến công có thể lan rộng và ác liệt của quân đội Pháp sau mùa mưa này. Chuẩn bị chống các cuộc quân dịch đánh xuyên mũi dùi, đánh vòng thật rộng, nháy dù đồ bộ sau lưng ta »³. Cùng ngày, Thường vụ Trung ương ra chỉ thị « Sửa soạn phá những cuộc tiến công lớn của địch ».

Giữa tháng 9, Trung ương quân ủy mở hội nghị cán bộ chủ trì của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng chỉ huy, các

1. Hồi ký của Xa-lăng.

2. Văn kiện quân sự của Đảng — NXB QĐND, tr. 2 1976, tr. 1950, 1951.

3. Văn kiện quân sự của Đảng — Sách đã dẫn, tr. 268.

đơn vị trực thuộc Bộ và cán bộ dân, chính, đảng của các tỉnh Việt Bắc dự kiến có chiến sự lan đến. Bộ Tổng chỉ huy triệu tập Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ 4 từ ngày 27 đến ngày 29-9-1947. Hội nghị nhận định « Bắc Bộ sẽ là chiến trường chính » và dự đoán hướng tiến công Thu — Đông của địch: « Nếu địch không mạo hiểm thì đánh đồng bằng, nếu mạo hiểm thì chúng sẽ đánh Việt Bắc » và « tấn công lên Việt Bắc, chúng sẽ chiếm các tỉnh Phúc Yên, Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang, nối liền đường Hà Nội — Lạng Sơn ». Ngày 4-10-1947, Bộ Tổng chỉ huy ra mệnh lệnh gửi các khu, khẳng định « thế nào địch cũng có những cuộc hành binh lớn », dự kiến địch có thể « quét vùng đồng bằng Bắc Bộ, đánh lên căn cứ địa Việt Bắc ». Nếu đánh Việt Bắc thì « mặt kiếm chế hay phối hợp » sẽ là vùng Hòa Bình, Sơn La (phía Tây); vùng Bắc Giang, Lạng Sơn (phía Đông); còn tại Việt Bắc, hướng tiến của chúng sẽ là: « Phúc Yên, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Tuyên Quang »¹.

Nằm trên địa bàn « địch có thể tiến công », quân và dân Bắc Cạn, Thái Nguyên triển khai mọi mặt công tác, tập trung sức người, sức của vào những việc cần kíp, tăng cường thực lực sẵn sàng chống lại kẻ thù, bảo vệ căn cứ địa và cơ quan đầu não kháng chiến. Thực hiện nghị quyết Hội nghị quân sự lần thứ 3, công tác huấn luyện chiến đấu, đào tạo cán bộ các cấp được khiên khai khẩn trương. Được sự giúp đỡ của Bộ Tổng chỉ huy, trường Võ bị Trần Quốc Tuấn và trường Quân chính Bắc Sơn, Bắc Cạn đã khẩn trương mở các lớp bồi dưỡng cán bộ cơ sở tại thị xã Bắc Cạn. Tháng 8-1947, tại xã

1. Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ tư lệnh. Bộ Tổng tham mưu xuất bản, tr. 1, tr. 13, 15.

La Bằng, huyện Đại Từ (Thái Nguyên), Bộ Tổng chỉ huy mở lớp bồi túc cán bộ trung cấp toàn quân. Hồ Chủ tịch đã tới dự lễ khai mạc và huấn thị cho cán bộ tham gia lớp học. Trường quân chính Khu cũng mở lớp bồi túc về quân sự — chính trị cho cán bộ các cấp. Các trung đoàn đoàn chủ lực của Khu triển khai các lớp huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật cho bộ đội. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang địa phương đều được tham dự các lớp tập huấn ngắn ngày về cách sử dụng binh khí, cách đánh giáp lá cà, đánh quân nhảy dù, đánh địa lôi, cắm chông, gài mìn, canh gác, báo động, truyền tin, phá hoại giao thông cản bước tiến của địch... Bộ chỉ huy Khu 1 và 2 tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên tìm mọi cách tăng cường trang bị vũ khí cho bộ đội và dân quân, du kích. Tỉnh Bắc Cạn đã vận động nhân dân chế tạo được nhiều súng kíp, hỏa mai, thuốc súng và đạn ghép bằng nguyên liệu sẵn có ở địa phương để cấp cho du kích và dân quân. Hai huyện Ngân Sơn, Chợ Đồn học tập kinh nghiệm của Cao Bằng chế tạo được « đại bác kíp », mỗi phát bắn có thể diệt được nhiều địch. Khu cấp cho Bắc Cạn một số mìn muối, mìn dừa và lựu đạn đủ trang bị cho mỗi xã dọc đường quốc lộ số 3: 10 quả mìn dừa, 30 quả mìn muối và lựu đạn. Cuối tháng 9-1947, Khu gửi cho Bắc Cạn 200 súng kíp, nhiều tạ chì và cấp thêm 1.500 lựu đạn chày, một số đạn đại bác để chế tạo địa lôi. Tại Thái Nguyên, tỉnh đội thành lập xưởng quân khí trực thuộc ban Cung cấp, có 20 công nhân, đã sản xuất được nhiều súng kíp và lựu đạn trang bị cho du kích và dân quân ở các địa phương.

Đầu Thu năm 1947, công tác phá hoại ở Bắc Thái được thực hiện khẩn trương hơn. Chấp hành chỉ thị của Trung ương và Liên khu, tỉnh ủy Thái Nguyên nhận định « Địch có thể nhảy dù để phối hợp với bộ binh càn quét chiếm đóng Thái Nguyên nhằm thực hiện âm mưu túc

chiến, tốc thắng)¹, nên đã huy động nhân dân khăn trương phá hoại nhà cửa thực hiện « tiêu thổ kháng chiến ».

Nhiều dãy phố nhà gạch, các công sở lớn, tòa công sứ, dinh tỉnh trưởng, trại lính khố đỏ, khố xanh ở thị xã Thái Nguyên đều được đánh sập. Dân quân dùng các trụ sắt lớn lao ngang tường phá đổ dễ dàng các căn nhà gạch 2 tầng. Bà Bạch Thị Tân ở thị xã có mấy ngôi nhà gạch đã tự nguyện đề dân quân đến phá. Phá đến đâu, gạch, ngói được chuyển ngay ra mặt đường đắp ụ chướng ngại cản xe cơ giới địch. Đoạn đường từ Đa Phúc lên thị xã Thái Nguyên, dân quân Phò Yên, Đồng Hỷ, Phú Bình đã xẻ hố chữ chi, chi chít trên mặt đường nhựa. Dân quân, du kích giúp nhân dân đưa người già, trẻ em di tản cư, cất giấu lương thực, thực phẩm. Một số công xưởng, cơ quan được di chuyển tới các địa điểm an toàn. Xưởng quân giới A1 chuyển từ đồn điền Du (Phú Lương) ngược lên Yên Định (Bạch Thông); Xưởng quân giới A2 chuyển từ chợ Trâu Bò (thị xã Bắc Cạn) tới Nà Nàng. Nhân dân giúp đỡ vận chuyển Nhà in báo Cứu Quốc, Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam di chuyển lên vùng an toàn ở Chợ Rã. Bộ đội triển khai các tuyến công sự bố phòng, đào hào, đắp ụ súng, dựng kè trên sông Máng, sông Cầu, cắm chông chống quân dù đổ bộ ở các bãi trống. Trên nhiều tuyến giao thông, đã xuất hiện các trạm gác, hệ thống báo động, truyền tin, các ụ, hố cản xe.

Khẩu hiệu « đập tan cuộc tiến công mùa Đông của giặc Pháp » xuất hiện khắp các ngã đường.

Bắc Cạn, Thái Nguyên nằm trong khu căn cứ địa của cả nước, địa hình hiểm trở, xa mặt trận, nên trong tư tưởng cán bộ nhân dân còn nhiều biểu hiện chủ quan, thi

1. Tổng kết chiến tranh tỉnh Thái Nguyên — Tài liệu của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Bắc Thái.

hành việc phá hoại và sơ tán thiếu kiên quyết, tích cực. Lúc này, tại thị xã Bắc Cạn và vùng xung quanh, cán bộ, công nhân các công xưởng, cơ quan trung ương và nhân dân tản cư tới rất đông. Mật độ dân cư tăng vọt, chợ búa tấp nập, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ đông vui. Tuyến xe Bắc Cạn — Thái Nguyên vẫn hoạt động. Công tác «tiêu thổ kháng chiến» triển khai chậm, thiếu tích cực và triệt để. Nhà cửa ở thị xã Bắc Cạn và các thị trấn Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn, Phú Thông, Chợ Mới... hầu như còn nguyên vẹn. Đến khi giặc Pháp tiến công, tại thị xã Bắc Cạn, ta mới phá được một số ít nhà cửa, dinh thự, đồn bốt, tháp canh trong khu vực trường học, đồi Hành chính và đồi Quân sự, Phú Thông, Chợ Mới cũng chỉ kịp phá các đồn bốt và dinh thự cũ ở huyện lỵ. Việc đào hố, đắp ụ cản bước tiến của giặc trên các đường giao thông chỉ làm được một phần ở phía Nam tỉnh. Việc tản cư, sơ tán và tồ chức di chuyển cơ quan, công xưởng, cất giấu lương thực, thực phẩm còn làm dở dang. Nhân dân đào hầm trú ẩn, hầm cất giấu tài sản ở các sườn đồi quanh thị xã Bắc Cạn, thị trấn Phú Thông, Chợ Mới chủ yếu đề phòng máy bay oanh tạc, phần đông không nghĩ tới việc sơ tán, tản cư đi xa. Một số cơ quan Trung ương chưa sơ tán hoặc sơ tán không xa thị xã. Ty Ngân khố chuyển cơ quan và kho tàng về địa điểm chỉ cách thị xã khoảng 1 ki-lô-mét và đóng gần đường lớn. Tinh đội chưa kịp chuyển kho vũ khí tới nơi an toàn. Các bãi chông, hệ thống kè trên sông không được nguy trang và bảo vệ cẩn thận nên khi Pháp nhảy dù, ít phát huy tác dụng.

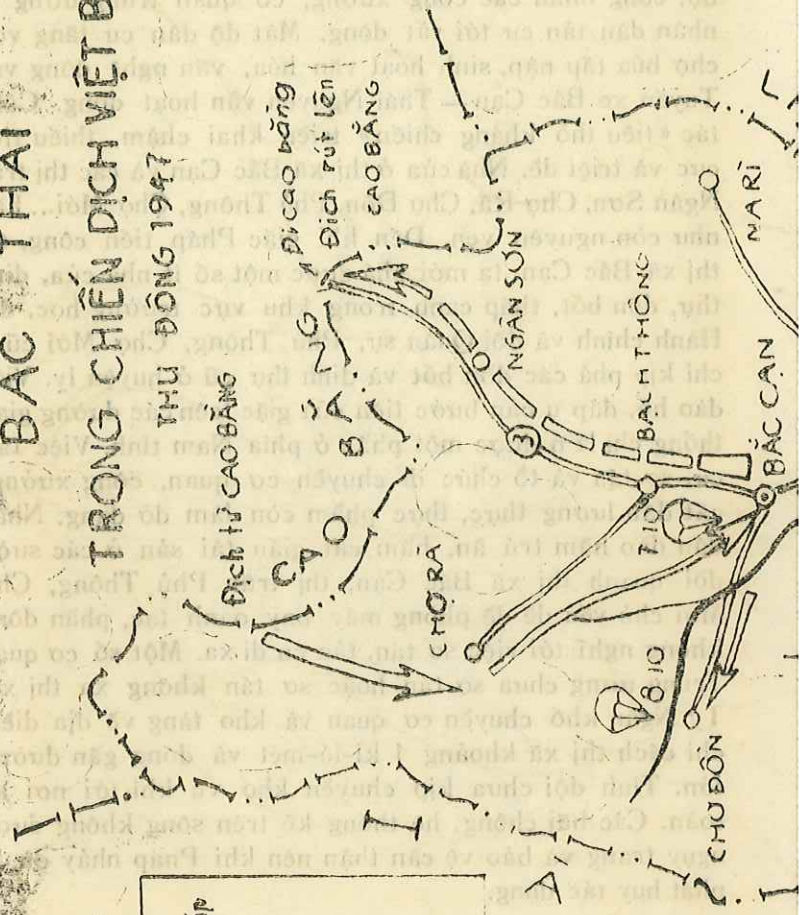
II. GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CUỘC HÀNH QUÂN LÊ A

Ngày 7-10-1947 thực dân Pháp huy động khoảng 12.000 quân gồm 5 trung đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn dù, 2 tiểu





BẮC THÁI

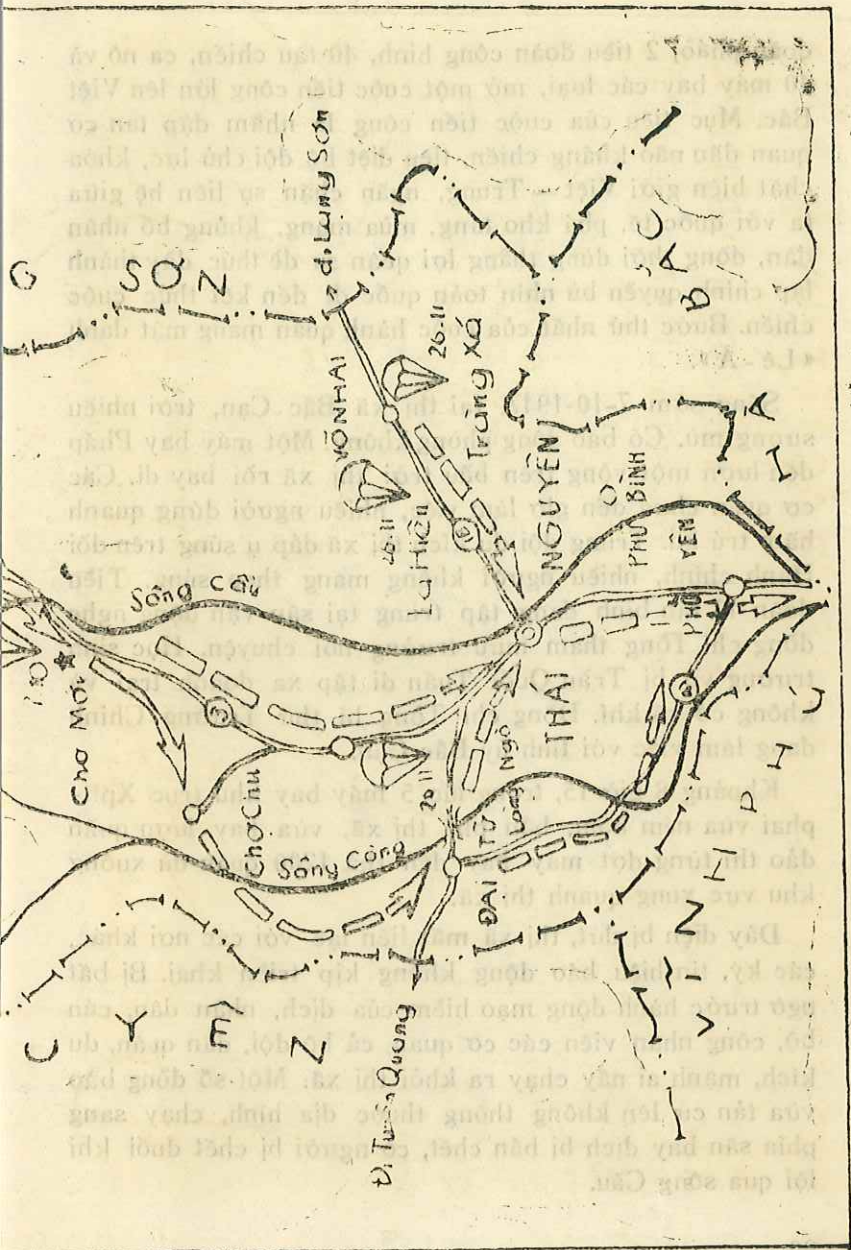
TRONG CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC

THU ĐÔNG 1947



Chú dãn

-  Nơi quân Pháp máy dù
-  Địch tấn công
-  Địch rút lui
-  Thông trận lớn của ta



đoàn pháo, 2 tiểu đoàn công binh, 40 tàu chiến, ca nô và 40 máy bay các loại, mở một cuộc tiến công lớn lên Việt Bắc. Mục tiêu của cuộc tiến công là nhằm đập tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực, khóa chặt biên giới Việt — Trung, ngăn chặn sự liên hệ giữa ta với quốc tế, phá kho tàng, mùa màng, khủng bố nhân dân, đồng thời dùng thắng lợi quân sự để thúc đẩy thành lập chính quyền bù nhìn toàn quốc đi đến kết thúc cuộc chiến. Bước thứ nhất của cuộc hành quân mang mật danh « Lê - A ».

Sáng sớm 7-10-1947, tại thị xã Bắc Cạn, trời nhiều sương mù. Có báo động phòng không. Một máy bay Pháp đến lượn một vòng trên bầu trời thị xã rồi bay đi. Các cơ quan chưa đến giờ làm việc, nhiều người đứng quanh hầm trú ẩn. Trung đội du kích thị xã đập ụ súng trên đồi Hành chính, nhiều người không mang theo súng. Tiểu đoàn 49 tân binh đang tập trung tại sân vận động nghe đồng chí Tổng tham mưu trưởng nói chuyện. Học sinh trường võ bị Trần Quốc Tuấn đi tập xa doanh trại và không có vũ khí. Đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh đang làm việc với tỉnh ủy Bắc Cạn.

Khoảng 8 giờ 15, trong lúc 5 máy bay khu trục Xpít-phai vừa ném bom, bắn phá thị xã, vừa bay lượn quanh đảo thì từng đợt máy bay đến thả 1200 quân dù xuống khu vực xung quanh thị xã.

Điện bị đứt, thị xã mất liên lạc với các nơi khác, các ký, tín hiệu báo động không kịp triển khai. Bị bất ngờ trước hành động mạo hiểm của địch, nhân dân, cán bộ, công nhân viên các cơ quan, cả bộ đội, dân quân, du kích, mạnh ai nấy chạy ra khỏi thị xã. Một số đồng bào vừa tản cư lên không thông thuộc địa hình, chạy sang phía sân bay địch bị bắn chết, có người bị chết đuối khi lội qua sông Cầu.

Khoảng hơn 1 giờ sau, quân địch cùm lại ở hai địa điểm Tồng Tò (cánh đồng phía đường đi Chợ Đồn) và bãi sông Phặc Tràng. Bọn ở Tồng Tò theo đường Đội Kỳ lên chiếm đồi Hành chính, bọn ở bãi sông Phặc Tràng theo đường Phố Mới vào chiếm đồi Quán Sứ. Đồng chí Trường Chinh, đồng chí phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh Bắc Cạn và một số cán bộ cao cấp của các cơ quan Trung ương bị kẹt trong thị xã. Cụ Nguyễn Văn Tố, trưởng ban thường trực Quốc hội, ông Lê Trọng Hiền đồng lý văn phòng Bộ Tài chính, cùng một số cán bộ và đồng bào tản cư bị địch bắt giữ Địch tràn vào thị xã, chiếm giữ các vị trí quan trọng. Chúng dùng bọn Việt gian, chỉ điểm lòng bắt cán bộ, điên cuồng phá hoại, bắn giết, hãm hiếp nhân dân, đốt hàng chục tấn thóc và nhiều nhà cửa.

Báo Sự Thật số 118 ngày 10-9-1949 đã đăng bài: « Những giờ khủng khiếp » của phóng viên Việt Bắc viết về ngày 7-10 tại thị xã Bắc Cạn như sau: « Lúc ấy vào khoảng 7 giờ sáng ngày 7-10-1947. Tiếng động cơ máy bay gầm trên không trung, súng nổ ran tứ phía. Linh Pháp hiện ra trên mặt đất. Nó nhảy dù rồi, tất cả các hầm trú ẩn kinh hãi, bàng hoàng trước sự thật quá thật ấy. Hàng ngàn người nhảy vào rừng. Có những người ngã gục, ba lô dè lên xác. Ở sân bay nhiều nhất. Có đứa trẻ chết trên tay mẹ. Cái chết trên đầu mỗi người. Đau xót, khắc khoải hơn nữa là nghĩ đến những người thân. Còn vợ, còn con, còn mẹ, cha, em gái...? Không dám kêu khóc vì giặc đã sục vào các hầm. Chúng liệng lựu đạn vào các tầng xê và chia súng lòi đi những người đàn bị chúng bắt. Linh Pháp hùng hổ, nghênh ngang. Việt gian dậm dọ, chửi bới, đánh đập, có đứa Việt gian trắng tráo tự chỉ vào ngực « Biết bố mày Việt gian hạng nặng chưa ». Bắt đầu tội ác trở lên pháp luật.

Trưa: Tập trung ở chợ những người không chết hay không chạy kịp đến hơn 1.000 người. Những đàn ông bị lựa riêng ra. Có người đang bế con phải đặt con xuống lề đường, tất cả thành phu đi nhặt dùi, khiêng hòm đạn.

Dàn bà, con gái, trẻ thơ ở lại với giặc và Việt gian. Chúng tranh nhau lần các độn khăn, tà áo... Người đàn bà ấy tản cư ở nhà ông giáo T. mới ở cũ được 3 tháng, giặc bắt vớt đứa hài nhi lại, lôi ra cầu Phà thay phiên nhau hãm hiếp 2 ngày, mỗi đứa hiếp xong lại lấy đầu thước lá chằm xem đầu vú.

Tối: Mọi người bị dồn vào nhà cao su. Dàn ông, đàn bà, trẻ thơ chen chúc, lê la ngồi bệt ngoài sân. Nhòm lên là bắn. Giặc Pháp và Việt gian soi đèn pin lưng phụ nữ lôi vào trong nhà, chốc chốc lại kêu văng lên»...

Trong khi máy bay địch bắn phá và thả quân dù, tiểu đoàn 49 đã nhanh chóng triển khai chiến đấu diệt 30 tên, lập chiến công đầu. Một số học sinh trường võ bị Trần Quốc Tuấn ở doanh trại bên kia Cầu Phà đã dũng cảm đánh địch diệt gần chục tên. Tại bãi sông khu Lò lợn cũ, đồng chí Trương Văn Cầu, thị đội phó, kiêm trung đội trưởng du kích thị xã dùng súng ngắn chiến đấu với địch và đã anh dũng hy sinh.

Do bị bất ngờ, nên việc xử trí của ta lúc đầu rất khó khăn, lúng túng, cuộc chiến đấu đánh địch trong thị xã diễn ra dòi rạc, không có hiệu quả. Du kích thị xã và đội cảnh vệ bị tan rã, chỉ có vài chiến sĩ bắn được mấy phát súng, song thấy mình đơn độc, phải rút lui ngay. Không tập trung được lực lượng, lại không có vũ khí nên một số dân quân, du kích theo gia đình chạy ra ngoài thị xã.

Tại Chợ Mới, 14 giờ 30 phút chiều 7-10, địch thả gần 300 lính dù đánh chiếm thị trấn làm vị trí khống chế tuyến đường Thái Nguyên đi Bắc Cạn và làm nơi tập kết những đạo quân lùng sục căn cứ địa của ta.

Ngày 8-10, 4 đại đội quân dù tập kích chiếm huyện lỵ Chợ Đồn.

Trên hướng Lạng Sơn, ngày 7-10-1947, Pháp sử dụng 2 tiểu đoàn có xe tăng, pháo binh hỗ trợ theo đường 4A tiến sang Cao Bằng. Ngày 16-10, từ Cao Bằng địch theo

đường số 3 tiến xuống hội quân với binh đoàn dù ở Bắc Cạn, hòng kẹp toàn bộ phía sau Việt Bắc. Khi chiếc xe đầu tiên của địch tới Bằng Khâu (Ngân Sơn), 2 chiến sĩ du kích người Mán làm nhiệm vụ canh gác ở Pù Ma (ngã ba Bằng Khâu) nhảy xuống đường chặn xe địch, khiến bọn địch hoảng sợ bắn loạn xạ. Hai chiến sĩ du kích đã anh dũng hy sinh.

Ngày 16-10-1947, địch tấn công chiếm huyện lỵ Chợ Rã.

Ngày 9-10-1947, từ Hà Nội, một binh đoàn hỗn hợp thủy, bộ của Pháp ngược sông Hồng chiếm Việt Trì, Tuyên Quang, Chiêm Hóa, tạo gọng kìm hướng Tây với ý đồ khép 2 gọng kìm ở Đài Thị (đông bắc Chiêm Hóa 12 km).

Phối hợp với hướng chính tiến công lên Việt Bắc, từ cuối tháng 9-1947, Pháp đánh Sơn Tây, Hòa Bình, Yên Bái.

Các tiểu đoàn dù dự bị tập kết ở sân bay, sẵn sàng đồ bộ tiếp xuống những nơi nghi có cơ quan đầu não kháng chiến.

Quân Pháp có phương tiện cơ động, bằng các gọng kìm từ hai phía Đông, Tây và những mũi dùi tập kích thọc sâu đã đặt toàn bộ Việt Bắc, trọng điểm là Bắc Cạn, Thái Nguyên trong tình thế bị bao vây, chia cắt. Cuộc tiến công lớn của địch lên Việt Bắc là một trong những thử thách quyết liệt nhất đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Bắc Thái đứng trước sứ mệnh lớn lao, trực tiếp đương đầu với binh lực lớn của giặc đê bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến, bảo vệ quê hương, bảo vệ căn cứ địa của cả nước.

Trước đòn tấn công ồ ạt theo nhiều hướng của kẻ thù, một số nơi « chủ quan, cho rằng địch không dám tấn

công táo bạo, chưa dám đánh Việt Bắc, không dám nhảy dù, đồ bộ xa căn cứ»¹ nên có những dao động, lúng túng, hoang mang. Do chú quan, ảnh hưởng tư tưởng « đại hậu phương chủ nghĩa », trước thế bị bất ngờ do địch nhảy dù, tập kích, thọc sâu vào hậu phương ta, những ngày đầu, các cơ quan: Ty Bru chính, Ty Thuế quan hầu như tan rã. Trưởng ty Thuế quan tự bỏ về xuôi. Nhiều nhân viên của hai ty trên bỏ việc, mạnh ai nấy chạy. Trưởng ty và Thư ký ty Thuế trực thu mất tinh thần dã theo giặc. Một số kho tàng, công xưởng phần bị địch phá, phần rơi vào tay giặc. Ta bị mất một số xe ô tô vận tải, nhiều súng, đạn, gạo, muối, vải, quân trang, dầu hỏa, máy móc. Ngân khố Trung ương và kho bạc Chợ Mới bị mất toàn bộ vàng, bạc, tiền Đông Dương và tiền Việt Nam. Hầu hết các kho hàng ngoại thương và bom, mìn, lựu đạn ở các kho quân giới, ta buộc phải phá hủy hoặc bị giặc cướp phá. Một số cán bộ, đồng bào bị Pháp bắt, giết hại, một số cán bộ bị thất tán, bỏ vị trí.

Lực lượng vũ trang ở thị xã Bắc Cạn, thị trấn Chợ Mới, Chợ Đồn, bỏ lỡ thời cơ diệt địch. Địch nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn giữa lúc các đồng chí Dương Thiết Sơn, bí thư Tỉnh ủy và Dương Mạc Thạch, Chủ tịch UBKC tỉnh Bắc Cạn đi họp ở Khu; các đồng chí tỉnh ủy viên khác, người đi học, người đi công tác vắng. Đề đối phó khẩn cấp với cuộc tấn công của địch, chiều ngày 7-10-1947 tại Bản Áng (Dương Quang, Bạch Thông) cách thị xã Bắc Cạn 3 km về phía đông nam, các đồng chí Nông Văn Lạc, chủ nhiệm tỉnh bộ Việt Minh, Hồng Kỳ tinh đội trưởng và một số đồng chí khác đã trao đổi thống nhất về những việc phải làm cần kíp trước mắt và chỉ thị cho cán bộ chỉ huy các huyện đội tức tốc về huy

1. Văn kiện Đảng (từ 25-11-1945 đến 31-12-1947) NXB Sự Thật, Hà Nội, 1969, tr. 168.

động du kích ra chiến đấu với địch¹. Sau đó, đồng chí Nông Văn Lạc lên Hà Vị phụ trách việc di chuyển trại Pháp kiều cùng một số kho tàng, xưởng máy. Đồng chí Hồng Kỳ phụ trách việc tổ chức cho hơn 1 nghìn dân sơ tán vào xã Thanh Mai (Bạch Thông).

Tối 7-10-1947, du kích thị xã vào đón được đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh ra bản Rạo (cách thị xã 7 ki-lô-mét về phía nam). Tại đây, đồng chí Tổng bí thư đã thảo và tự tay đánh máy bản chỉ thị: «Phát động du kích chiến tranh».

Ngày 8-10, Hồ Chủ tịch gửi thư kêu gọi bộ đội, dân quân, du kích cùng toàn thể đồng bào ra sức đánh giặc. Người phân tích rõ ý đồ của địch là lấy tỉnh Bắc Cạn làm nơi hội quân, tạo ô vây bọc Việt Bắc, rồi sau đó khép chặt vòng vây cụp ô, phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, kết thúc chiến tranh. Người chỉ rõ: «Địch mạnh về hai gọng kìm, gọng kìm gãy thì ô cụp xuống sẽ trở thành ô rách».

Cùng ngày, Bộ Tổng chỉ huy ra nhật lệnh và quân lệnh chỉ rõ những biện pháp cụ thể cho bộ đội, du kích, dân quân, tự vệ, Ủy ban kháng chiến các cấp và toàn thể đồng bào.

Ngày 9-10, Thường vụ Trung ương Đảng ra «chỉ thị cần kíp» cho các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, quân, dân, chính tỉnh Bắc Cạn. Chỉ thị phân tích những âm mưu, mục tiêu các cuộc nhảy dù của địch xuống Bắc Cạn, Chợ Mới:

«1. Mở đầu cuộc tiến công mùa Đông bằng những hành động táo bạo mà mục đích là:

1. Ngày 6-10-1947 Tỉnh đội có cuộc họp với cán bộ chỉ huy các huyện đội nên 7-10-1947 các đồng chí chỉ huy các huyện đội đều có mặt ở Bản Áng.

a) Làm cho ta phải đề quân chống đỡ Việt Bắc, khiến cho chúng dễ quét và chiếm miền xuôi.

b) Uy hiếp căn cứ địa chính của ta.

c) Phá cơ quan, địa điểm,

d) Triệt một đường tiếp tế khá quan trọng của nền kinh tế kháng chiến của ta.

2. Có kiếm một vài chiến công « nổi tiếng » để giữ vững lòng tin của bọn thực dân Pháp chủ chiến... đồng thời đề xúc tiến việc động viên và tập hợp các lực lượng Việt gian đang tiến tới thực hiện mặt trận « phản kháng chiến » và lập chính phủ bù nhìn toàn quốc »¹.

Chi thị đề ra cho quân dân Bắc Cạn những nhiệm vụ cần kíp trước mắt về quân sự, chính trị, kinh tế, phòng phi, phòng ngừa máy bay oanh tạc, tổ chức sơ tán dân chúng, di chuyển các cơ quan tới những vùng an toàn...

Trung ương Đảng kêu gọi :

— « Lực lượng bộ đội, dân quân, du kích và toàn dân bao vây địch xung quanh tỉnh lỵ, giam chân địch ở đó không cho chúng chiếm tỏa ra ; ngăn cản địch trên các trục đường từ thị xã Bắc Cạn tỏa đi Cao Bằng, Thái Nguyên và các huyện lỵ trong tỉnh.

— Triệt đề phá hoại đường xá, cầu, cống..., ngã cây đập ụ đề cản địch.

— Phục kích, đánh địa lôi tiêu diệt địch khi chúng vận động và ngăn cản việc tiếp tế, chuyển vận, liên lạc của địch.

— Tập hợp, chấn chỉnh và tập trung cho mau bộ đội và dân quân phản công địch ngay ở thành phố và các địa điểm chúng mới chiếm đóng, kè cả trường bay, không cho chúng kịp củng cố vị trí »².

1, 2. Chi thị cần kíp. Văn kiện quân sự của Đảng, NXBQĐND, Hà Nội 1976 — tr.2, 237 — 238 — 239.



Bác Hồ trên đường đi công tác
tại Quảng Nạp (Đình Hóa - Bắc Thái).



Ngày 9-10, sau khi dự Hội nghị Khu trở về, các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và tỉnh đội trưởng đã họp hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy khẩn cấp tại bản Đán (Đôn Phong, Bạch Thông). Hội nghị đã quyết định các chủ trương, biện pháp cấp bách:

— Thu góp lực lượng du kích, tổ chức chiến đấu với địch để gây ảnh hưởng, lấy lại tinh thần cho cán bộ và nhân dân. Huy động cán bộ di vận động nhân dân chiến đấu với địch, phát động chiến tranh du kích.

— Huy động nhân dân, dân quân, du kích di chuyển các kho tàng, công xưởng tới nơi an toàn.

— Giữ vững liên lạc với Khu, phòng gian, giữ bí mật, khàn trương thu hoạch lúa mùa, phá hoại giao thông địch; triệt để thực hiện khẩu hiệu « vườn không, nhà trống » và « ba không » (không làm việc, không tiếp tế, không dẫn đường cho địch hoặc: không nghe, không biết, không thấy).

Sự chỉ đạo kịp thời, cụ thể của Tỉnh ủy Bắc Cạn giúp cho quân và dân trong tỉnh khắc phục nhiều khó khăn, lúng túng ban đầu, kịp thời triển khai các phương án đánh địch.

Ngay sau ngày địch chiếm đóng một số nơi trong tỉnh, các huyện đội đã nhanh chóng thành lập, củng cố, kiện toàn lực lượng vũ trang tại chỗ. Mỗi xã ven đường giao thông có từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội du kích bán thoát ly sản xuất, làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ nhân dân gặt lúa và quấy rối, tiêu hao sinh lực địch. Mỗi huyện thành lập 1 đơn vị du kích tập trung do cán bộ huyện đội trực tiếp chỉ huy, vừa làm nhiệm vụ bảo vệ nhân dân sản xuất vừa phối hợp với bộ đội chủ lực đánh địch.

Ngày chiều 7-10-1947, tại bản Áng, trung đội du kích thị xã đã củng cố được 1 tiểu đội làm nhiệm vụ hướng dẫn nhân dân sơ tán vào xã Thanh Mai. Mấy hôm sau tại

Nông Thượng, trung đội du kích thị xã tập hợp gần đủ quân số, chia làm hai bộ phận, một bộ phận làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan tỉnh đội, một bộ phận phối hợp với số chiến sĩ lạc ngũ của tiểu đoàn 49 và trường võ bị Trần Quốc Tuấn xuống Cao Kỳ chuyên vũ khí, sau đó làm nhiệm vụ độc lập tác chiến ở khu vực Cao Kỳ.

Trung đội du kích Chợ Mới sau khi tập hợp lại đã phối hợp với trung đội du kích Yên Đĩnh và trung đội chống chiến xa (tiểu đoàn 49) đánh một số trận ở khu vực thị trấn rồi rút về Đèo Vai (phía nam tổng Yên Đĩnh) đánh địch, bảo vệ nhân dân.

Cuối tháng 11-1947, Bạch Thông tổ chức đưa gần 1 trung đội du kích tập trung lên Hà Vị phối hợp với đại đội 81 (trung đoàn 72) hoạt động. Na Rì xây dựng được 1 đại đội (có 2 tiểu đội du kích tập trung) làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ nhân dân sản xuất và phối hợp với bộ đội chủ lực và du kích Bạch Thông tác chiến trên đường số 3. Khi địch đánh lên Chợ Rã, Ngân Sơn tỉnh đã kịp thời điều 2 trung đội du kích của 2 huyện đang hoạt động ở Hà Vị (Bạch Thông) về địa phương đánh địch.

Đề đảm bảo liên lạc, ta đã nhanh chóng tổ chức 3 kênh thông tin vận động từ địa điểm tạm trú của các cơ quan tỉnh đi các nơi:

1. Qua Chợ Rã, lên Chợ Đồn, xuống Phú Minh liên lạc với Khu.
2. Qua các xã phía Bắc huyện Ngân Sơn, lên Nguyên Bình liên lạc với Cao Bằng.
3. Vào Na Rì, qua các xã phía bắc của huyện.

Các giao thông viên có nhiệm vụ dẫn đường cho cán bộ, bộ đội đi công tác và chuyên công văn, văn kiện. Bộ máy liên lạc được nhanh chóng tổ chức và kiện toàn đã kịp thời đưa các chủ trương, chỉ thị của Khu, tỉnh xuống các huyện, xã góp phần ổn định tình hình cán bộ, nhân dân và đưa công tác kháng chiến vào nền nếp.

Dân quân, du kích cùng với cán bộ và nhân dân địa phương thị xã Bắc Cạn, Hà Vị, Chợ Mới di chuyển cơ quan, công xưởng, kho tàng tới những nơi an toàn. Du kích nhiều xã thuộc những vùng trọng yếu dọc quốc lộ số 3, dọc đường Bắc Cạn, di Chợ Đồn... giúp dân sơ tán, cất giấu tài sản, lương thực, thực hiện « vườn không, nhà trống », bất hợp tác với địch, tìm mọi cách thiết thực tham gia chiến đấu. Đêm, đêm, bộ đội cùng dân quân, du kích và nhân dân khẩn trương thu hoạch mùa màng. Số lương thực thu được đã góp phần đáng kể nuôi bộ đội, du kích và cán bộ, nhân viên các cơ quan trong mấy tháng đầu kháng chiến.

Công tác phá hoại giao thông địch tuy có triển khai nhưng chưa mạnh, ở phía nam Bạch Thông, công binh kết hợp với du kích đánh sập một số cầu bê tông nhỏ trên quốc lộ số 3. Trên đường Chợ Đồn, Chợ Rã, ta chỉ mới phá được mấy cầu gỗ nhỏ bằng cách bóc ván bỏ ngay gầm cầu, địch chỉ cần đặt ván lót lại là xe có thể chạy qua được.

Xuất phát từ nhận định: địch sẽ từ hướng trung du đánh lên, nên hầu hết lực lượng chủ lực của Khu và Bộ đều bố trí ở Thái Nguyên. Tại thị xã Bắc Cạn, ta chỉ có tiều đoàn 49 tân binh nhưng chưa hoàn chỉnh về trang bị và huấn luyện.

Sau ngày 7-10-1947 Khu khẩn cấp điều tiều đoàn 19 từ Cù Vả (Đại Từ) lên Chợ Mới và tiều đoàn 55 (thuộc trung đoàn Bắc Thái mới) gồm 3 đại đội từ Thái Nguyên lên hoạt động ở khu vực phía bắc Bạch Thông. Đến bắc Bạch Thông, tiều đoàn 55 đã rút cán bộ đi xây dựng thêm 4 đại đội mới ở Chợ Đồn, Bản Thi, Chợ Rã, Na Rì.

Đầu tháng 11-1947, Khu điều của tiều đoàn 43 một đại đội lên hoạt động ở Chợ Mới và 1 đại đội lên hoạt động ở Na Rì, đề phòng địch từ Bình Giả (Lạng Sơn) đánh sang. Cũng đầu tháng 11-1947, Khu quyết định thành lập trung đoàn 72 do các đồng chí Chu Huy Mân làm trung

đoàn trưởng, Hoàng Xuân Tuy làm chính trị viên và Hoàng Siêu Hải làm trung đoàn phó.

Sự có mặt của các đơn vị chủ lực được điều từ phía nam lên đã tăng thêm sức chiến đấu cho mặt trận Bắc Cạn.

Tại Chợ Mới, ngày 8-10-1947 trung đội du kích Yên Đĩnh đã tập hợp được lực lượng phối hợp với trung đội chống chiến xa (tiêu đoàn 49) có trang bị badôca, kịp thời đánh địch khi chúng từ Chợ Mới tỏa ra thu dù ở bãi sông và cánh đồng quanh thị trấn. Từ phía bên bờ sông Cầu, quân ta nổ súng mạnh khiến giặc phải tháo chạy. Ngay đêm hôm đó, du kích Yên Đĩnh, tiêu đội du kích Chợ Mới và trung đội chống chiến xa chủ động áp sát, quấy rối các vị trí đóng quân của địch. Cùng với Chợ Mới, đại đội độc lập huyện Bạch Thông, tự vệ chiến đấu các binh, công xưởng C4, C5, dân quân, du kích liên tiếp tổ chức tập kích, quấy rối, chặn các toán địch lùng sục, diệt nhiều tên, thu vũ khí.

Từ ngày 9-10, các toán quân địch sau khi chiếm thị xã Bắc Cạn, và các thị trấn Chợ Mới, Chợ Đồn, đã tìm cách liên lạc với nhau.

Ngày 10-10, mấy trăm tên địch vượt đèo Kéo Phay về Yên Thịnh, Bản Thi. Trung đội du kích huyện Chợ Đồn phối hợp với bộ phận học viên trường võ bị Trần Quốc Tuấn (đang trên đường chuyển quân về Chợ Chu) tổ chức phục kích tại Kéo Phay. Lợi dụng vị trí hiểm yếu, hai bên đường là núi cao, rừng rậm, ta bố trí mai phục, chờ cho quân địch lọt vào trận địa mới đồng loạt nổ súng. Bị đánh bất ngờ, bọn giặc vừa nổ súng loạn xạ, vừa tháo chạy qua đèo, bỏ lại 2 xác chết. Sau khi sục sạo và dùng móc-chiê bắn dọn đường, bọn giặc lại tiếp tục hành quân về hướng Bản Thi. Tới vùng Bò Khéo — Phai Kẹm chúng lại rơi vào trận địa phục kích của du kích Yên Thịnh, Yên Thượng, Bản Thi và một phân đội của tiêu đoàn 55.

Đêm 13-10-1947, 19 chiến sĩ thuộc trung đội du kích xã Bằng Viễn (Chợ Đồn) do chính trị viên Nông Văn Chinh chỉ huy đã tập kích, quấy rối khoảng 500 tên địch đóng ở châu lỵ Chợ Đồn, làm cho chúng mất ngủ, lo sợ, tìm cách đối phó.

Trưa 16-10, 18 du kích huyện Chợ Đồn do chính trị viên Đông Văn Tạ chỉ huy phối hợp với một đơn vị bộ đội chủ lực phục kích bọn địch hành quân từ Chợ Đồn về Bản Thi tại Kéo Phay. Trận địa phục kích của ta bị lộ, địch tập trung hỏa lực bắn vào dữ dội, chính trị viên Đông Văn Tạ hy sinh.

Địch bao vây trận địa, ta rút về Bằng Lũng (cách Kéo Phay 4 km) và tổ chức phản công lại, diệt 5 tên, buộc địch phải rút lui.

Ngày 17-10, hơn 80 tên địch đem theo lừa, ngựa hành quân từ Bắc Cạn vào Chợ Đồn, đến Nà Chao gặp 7 du kích xã Yên Nhuận ở Nà Vạn đi ra phục bắn một bảng súng máy làm 1 du kích hy sinh và 1 du kích bị thương. Nghe súng nổ, 5 du kích xã Yên Nhuận phối hợp với trung đội bộ đội chủ lực thuộc tiểu đoàn 102 đang canh gác cho nhân dân gặt lúa ở khu vực Nà Chèng — Nà Chao đã tổ chức phục kích, ném lựu đạn, diệt 8 tên rồi rút lui.

Ngày 9-10-1947, địch cho gần 1 đại đội hành quân càn quét khu vực bắc Chợ Mới. Phát hiện kho quân nhu, quân giới của ta ở bản Tèng, chúng huy động lực lượng tới cướp phá. Trung đội chống chiến xa (thuộc tiểu đoàn 49) dưới sự chỉ huy của đồng chí Duyệt, trung đội trưởng phối hợp với 2 tiểu đội du kích xã Yên Đĩnh và thị trấn Chợ Mới, chặn đánh địch ở cánh đồng Yên Đĩnh (bắc Chợ Mới 1 ki lô mét) diệt 5 tên, làm bị thương 6 tên, buộc địch phải quay lại Chợ Mới.

Ngày 10-10, máy bay Pháp lên bắn phá bản Tèng, nhưng ta kịp thời di chuyển kho tàng đi nơi khác. Những

ngày tiếp theo, du kích Yên Dĩnh, Chợ Mới và bộ đội tổ chức phục kích đánh địch tại Khuổi Tao (đoạn ki-lô-mét 125 — 128 trên quốc lộ số 3), đánh trả các toán giặc lùng sục, cướp phá vào các vùng bản Tềng, Pác San v.v.

Ngày 14-10-1947, trung đội du kích xã Cao Kỳ thuộc đại đội 303 du kích Cao Kỳ — Hòa Mục (Bạch Thông) do đại đội trưởng Nguyễn Văn Sù chỉ huy phục kích gần 2 đại đội bộ binh địch hành quân từ Chợ Mới lên thị xã Bắc Cạn tại km 22 — 23 quốc lộ số 3 Bắc Cạn — Chợ Mới. Trận địa phục kích là một đoạn đường dài hơn 200 mét, một bên là sông Cầu, một bên là vách đá dựng đứng, cây cối rậm rạp. Trung đội du kích gồm 23 người, trang bị súng kíp và lựu đạn, chia làm ba tổ bố trí trên núi đá. Khi đại đội địch đi đầu lọt vào trận địa phục kích, đại đội trưởng Nguyễn Văn Sù ra lệnh nổ súng. Quân địch tìm cách vượt khỏi trận địa phục kích, phản kích lại ta. Đại đội địch đi sau đến đầu trận địa phục kích, nghe tiếng súng nổ phía trước tưởng bị du kích chặn đánh, đã đặt đại bác và súng máy bắn sang. Hai đại đội địch bắn nhau kéo dài mấy phút, sau mới phát hiện được. Chúng tập trung các loại súng bắn dữ dội vào khu vực có du kích khoảng 20 phút, rồi tiếp tục hành quân lên thị xã Bắc Cạn. Kết quả, ta diệt 15 tên địch, bắn bị thương nhiều tên khác.

Hôm sau (15-10-1947) đại đội trưởng Nguyễn Văn Sù tiếp tục chỉ huy 13 du kích vận động lên phục kích chặn đường hành quân của 2 đại đội địch tại Thác Giềng (ki-lô-mét 13 đường Bắc Cạn — Chợ Mới) diệt 20 tên, phá hủy 2 xe ngựa, thu một số súng đạn.

Tại Chợ Mới, ngay sau khi từ Cù Vân (Đại Từ) lên, đêm 15-10, tiểu đoàn 19 phối hợp với du kích xã Yên Dĩnh và du kích thị trấn Chợ Mới quyết định tiến công địch ở thị trấn. Đây là vị trí tiền tiêu của địch ở phía

nam tỉnh Bắc Cạn, án ngữ trục đường giao thông chính từ tỉnh lỵ Thái Nguyên lên tỉnh lỵ Bắc Cạn. Chợ Mới có địa thế hiểm yếu, núi đá cao và rừng rậm bao quanh, phía đông là sông Cầu. Ngay từ ngày đầu tiến công Việt Bắc, thực dân Pháp cho quân nhảy dù chiếm đóng vị trí này, quân số trên 1 đại đội, phần lớn là lính Pháp, được trang bị mạnh. Quân đồn trú đóng thành 2 cụm có thế ứng cứu lẫn nhau. Cụm chủ yếu đóng trong thị trấn, cụm thứ yếu bố trí tại cầu Ô Gà (được coi là cái cò hòng của Chợ Mới). Tại thị trấn, địch xây dựng công sự chiến đấu chắc chắn, có hàng rào bảo vệ. Tiến công Chợ Mới lần này, ta chủ trương dùng lực lượng lớn, hỏa lực mạnh đề tập kích vào vị trí phòng ngự của địch. Theo kế hoạch, lực lượng ta triển khai thành 4 bộ phận. Bộ phận chủ công đánh vào thị trấn; bộ phận thứ hai tiến công cụm quân địch ở cầu Ô Gà; bộ phận thứ ba được trang bị hỏa lực mạnh, bố trí tại đồi cao bên ngoài thị trấn; bộ phận thứ tư ở vòng ngoài làm nhiệm vụ chặn quân tiếp ứng của địch từ Bắc Cạn xuống. Đêm 15-10, bộ đội và du kích chiếm lĩnh các vị trí xuất phát tiến công. Rạng 16-10, trận đánh bắt đầu. Quân ta áp sát công sự, dùng súng, lựu đạn, diệt hỏa diêm địch. Sau nửa giờ chiến đấu, ta diệt được một số hỏa diêm, nhưng chưa chiếm được những vị trí trọng yếu vì hỏa lực địch mạnh, hệ thống phòng thủ của chúng còn vững. Mũi xung phong phía Đông vào được thị trấn, nhưng mũi phía Tây bị chững lại do hiệp đồng không tốt. Ta phải tạm rút khỏi thị trấn. Sau khi dùng hỏa lực mạnh từ trên núi cao bắn xuống thị trấn, ta tổ chức xung phong lần thứ hai. Các mũi xung phong vừa diệt địch, vừa châm lửa đốt kho quân nhu. Trận tiến công vị trí Chợ Mới diễn ra trong 4 giờ liền. Trời sáng, bộ đội được lệnh rút ra ngoài, trận đánh kết thúc. Trong trận này, ta diệt 50 tên địch, đốt cháy một kho quân nhu, phá một số nhà. Bị thiệt hại

nặng, Pháp vội điều một lực lượng mới tới thay thế, tiếp tục đóng giữ Chợ Mới.

Đây là lần đầu tiên bộ đội và du kích mở cuộc tiến công vào một vị trí hiểm yếu được bố phòng tương đối vững chắc. Qua trận đánh, lực lượng vũ trang địa phương rút được nhiều bài học về tạo thế bất ngờ, sử dụng hỏa lực, bố trí lực lượng, tổ chức hiệp đồng chiến đấu. Trận Chợ Mới ngày 15-10-1947 là trận đánh lớn của lực lượng vũ trang Bắc Thái trong năm đầu toàn quốc kháng chiến chống Pháp.

Sau một tuần củng cố, quân, dân Bắc Thái đã vượt qua khó khăn, lúng túng ban đầu, đánh địch ngày càng có hiệu quả. Các hoạt động quấy rối, các trận tập kích nhỏ quanh thị xã, thị trấn, những trận đánh các toán quân lúng lúng và phục kích trên các tuyến giao thông đã gây cho địch nhiều thiệt hại.

Chiến sự diễn ra ác liệt, quân và dân Bắc Thái đã giúp đỡ và góp phần bảo vệ các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ di chuyển tới khu vực Chợ Đồn, rồi sang vùng Trùng Xá, Đình Cả, (Võ Nhại).

Ngày 15-10-1947, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị «Phải phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp» chỉ rõ:

«Cuộc tấn công này của địch không tỏ ra chúng mạnh, có đủ sức đánh ta khắp các mặt trận, mà tỏ ra chúng yếu, phải mạo hiểm». Thường vụ Trung ương Đảng yêu cầu các địa phương, các đơn vị phải chủ động gắng sức trong kháng chiến «toàn quốc phải tiến tới tự cấp tự túc thật sự» và «địa phương phải tự lập phần nào».

Chỉ thị vạch ra phương hướng hành động cho quân, dân Khu căn cứ: «giam chân địch tại mấy căn cứ chúng vừa chiếm, bao vây những căn cứ đó, thu nhỏ lại như những hòn đảo giữa bể, chặt đứt giao thông liên lạc giữa

các cứ điểm của địch, không cho chúng tiếp ứng và tiếp tế; giữ gìn chủ lực nhưng cũng phải nhè những chỗ yếu của địch mà đánh những trận vang dội, những trận tiêu diệt, phát động phong trào du kích; bộ đội và dân quân, du kích phối hợp đột kích tiêu diệt những cứ điểm chúng mới chiếm, ra sức chế súng kíp, lựu đạn, địa lôi phát cho dân quân và các làng chiến đấu...» Thường vụ Trung ương chỉ thị cho quân, dân Việt Bắc cùng với cả nước phải « làm cho địch thiệt hại nặng nề không gượng lại được sau chiến dịch mùa Đông này » rồi « bắt địch chuyển sang thế thủ »¹.

Nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân ta, hạn chế nhược điểm của ta, khoét sâu những khó khăn của địch, chỉ thị ngày 15-10-1947 của Thường vụ Trung ương Đảng vừa cụ thể hóa « bước đường phải đi, công việc phải làm trong cả một thời kỳ kháng chiến »² vừa là phương sách thắng địch trong mùa Đông này. Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng có ý nghĩa quyết định thắng lợi Thu — Đông 1947.

Trong 2 tuần lễ đầu, các cơ quan lãnh đạo của Bắc Cạn luôn luôn thay đổi địa điểm, ở các xã tây-bắc và tây-nam thị xã Bắc Cạn (cách địch khoảng 10 km trở lại). Ban chỉ huy trung đoàn 72 và các cơ quan lãnh đạo tỉnh chuyển lên phía bắc huyện Bạch Thông để thuận tiện cho việc chỉ đạo và chỉ huy chiến đấu. Hệ thống thông tin liên lạc giữa các cơ quan lãnh đạo tỉnh với cấp trên, với tỉnh bạn và với các vùng trong tỉnh được tăng cường. Các đại đội, trung đội du kích ở các huyện, xã (đặc biệt là vùng phía bắc) tiếp tục được củng cố, nhất là những địa

1. Chỉ thị « Phải phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp ». Ngày 15-10-1947. Văn kiện quân sự của Đảng, Nxb QĐND, Hà Nội 1976 — Tập 2, tr. 246, 247, 250, 253.

2. Trường Chinh, Văn kiện Đảng. Sách đã dẫn, tr. 225.

bàn trọng yếu. Hai trung đội du kích thoát ly Ngạn Sơn, Chợ Rã xuống tăng cường cho Bạch Thông, nay được điều chuyển trở lại vị trí cũ, sẵn sàng đối phó với địch. Đại đội du kích huyện Na Rì phối hợp tác chiến với các đơn vị bạn trên đường số 3, đồng thời sẵn sàng ứng phó khi địch tiến công Na Rì.

Quân, dân Bắc Thái đã điều chỉnh đội hình, đẩy mạnh hoạt động trên mặt trận đường số 3 và các tuyến giao thông nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, ngăn chặn các cuộc hành quân, gây khó khăn cho việc tiếp tế, chi viện, liên lạc giữa các vị trí chiếm đóng.

Ngày 19-10-1947, tiểu đội du kích xã Cao Kỳ (Bạch Thông) do đại đội trưởng đại đội 303 du kích Cao - Hòa Nguyễn Văn Sù chỉ huy đã phối hợp với 3 tự vệ công nhân quân giới đào công sự, phục kích đánh giao thông địch tại khu vực ki-lô-mét 23 đường Bắc Cạn - Chợ Mới. Trận địa phục kích là một đoạn đường dài khoảng 100 mét, một bên sát vực sâu sông Cầu, một bên là núi đá vôi, vách đứng, cây cối rậm rạp. Vũ khí của ta gồm 30 lựu đạn, 3 quả địa lôi, 1 súng Joop 5 và 4 súng kíp. Cách trận địa phục kích 200 mét ta ngả một số cây làm vật cản chặn xe địch.

Khoảng 14 giờ 00, có tin một đoàn xe 6 chiếc chở binh lính từ Bắc Cạn xuống Chợ Mới, đại đội trưởng Nguyễn Văn Sù ra lệnh cho đơn vị chuẩn bị dùng địa lôi diệt 3 chiếc xe đi sau. Lực lượng ta chia thành 4 tổ: 3 tổ địa lôi và 1 tổ lựu đạn. Tổ lựu đạn được bố trí giữa các tổ địa lôi có nhiệm vụ tiêu diệt địch ở trên xe xuống. Các tổ địa lôi đào hố chôn 3 quả địa lôi xuống lòng đường, mỗi quả cách nhau 30 mét. Đến 14 giờ 30 công tác chuẩn bị chiến đấu hoàn tất. Gần 15 giờ, đoàn xe 6 chiếc đến cách vị trí ta ngả cây chặn đường khoảng 200 mét thì

dùng. lại Một toán bộ binh lên phá vật cản dè dọn đường cho xe qua. Sau đó, đoàn xe 6 chiếc tiếp tục chạy về Chợ Mới. Chờ 3 chiếc xe đi sau lọt vào trận địa phục kích, đại đội trưởng Nguyễn Văn Sù ra lệnh nổ mìn. Ba tiếng nổ vang trời, chiếc xe thứ 5 và thứ 6 trúng mìn đổ nghiêng về mép đường phía sông, hất bọn địch ở trên xe xuống sông Cầu. Bị bất ngờ, bọn địch ở trên chiếc xe thứ tư nhảy xuống đường, chui vào gầm xe, vách đá tránh đạn. Đại đội trưởng Nguyễn Văn Sù ra lệnh xung phong, nhưng vì vách đá cao, không có lối xuống đường nên trong khi ta đang tìm đường vòng dè xung phong thì một đoàn xe 16 chiếc của địch chạy từ Bắc Cạn xuống, đặt đại bác và súng máy bắn dữ dội vào đội hình của ta. Nhờ địa hình hiểm trở, tự vệ và du kích rút về an toàn.

Trong trận này, ta phá hủy 2 xe ô tô, loại khỏi vòng chiến đấu gần 60 tên địch, trong đó có tên thiếu tá Phốtô Ni-ê (Fautonier), thu 8 thùng đạn xăng, 1 máy ảnh, 2 mũ sắt và nhiều quần áo, chăn màn. Đây là trận phục kích đánh giao thông địch đạt hiệu suất cao của du kích Bắc Cạn trong kháng chiến chống Pháp.

Trên khu vực phía bắc thị xã Bắc Cạn ngày 13-10, 5 chiến sĩ thuộc đại đội 301 du kích xã Đào Lâm (Bạch Thông) do trung đội trưởng Nông Đức Tục chỉ huy phục kích đoàn xe 24 chiếc của địch từ thị xã Bắc Cạn lên Phú Thông tại ki-lô-mét 13. Ngày 19-10, Nông Đức Tục và chiến sĩ Nguyễn Văn Ngao đi tìm địa điểm phục kích, gặp một tiểu đội địch đi tuần dã mưu trí nổ súng, buộc địch phải rút chạy, bỏ lại 25 viên đạn và một lựu đạn. 15 giờ ngày 25-10, 5 du kích xã Đào Lâm do trung đội phó Hoàng Văn Tho chỉ huy, phục kích đoàn xe 8 chiếc của địch chạy từ Chợ Rã về Phú Thông tại km 7 đường Phú Thông đi Chợ Rã diệt hai tên.

Chiều 31-10, 2 tiểu đội du kích xã Đào Lâm do Triệu Văn Vương chỉ huy dùng súng kíp và lựu đạn phục kích

2 xe dịch chở đầy lính từ Phú Thông về Bắc Cạn tại km 13 đường Bắc Cạn đi Phú Thông, diệt 3 tên, bắn bị thương 4 tên khác.

Tại Chợ Rã ngày 16-10, địch chiếm huyện lỵ bị du kích xã Quang Thành do cán bộ huyện đội chỉ huy phục kích bắn cháy 1 xe ô tô. Ngay đêm đó, bộ đội chủ lực phối hợp với dân quân tự vệ tiến công vị trí đóng quân của địch ở huyện lỵ, diệt 2 trung đội. Chiếm được Chợ Rã, địch tìm cách hội quân với nhóm Com-muy-nan ở Bản Thi.

Ngày 18-10, gần 300 tên địch có 20 ngựa thồ theo đường mòn sang Bản Thi. Đến Nà Ngàng (cách Ba Bè 8 km), bị du kích Mẫu Ninh phục kích. Bọn địch dùng mảng vượt qua hồ Ba Bè. Một nhóm sĩ quan địch đang chụm đầu nghiên cứu bản đồ tìm đường đi, bị du kích Mẫu Ninh phục kích từ trên núi đá, bắn chết 3 tên.

Ngày 20-10, địch tới khu vực Bản Thi, cách Đài Thị — địa điểm liên lạc với cánh quân Com-muy-nan — 20 ki-lô-mét.

Cùng với các trận đánh địch trên đường giao thông và các toán quân lùng sục cướp phá, bộ đội và dân quân du kích còn tổ chức những trận đánh vào các vị trí đóng quân của địch.

Đưa quân lên Việt Bắc, thực dân Pháp ngày càng sa vào thế bị tiến công bốn mặt. Đồng bào các dân tộc Bắc Thái thực hiện « tiêu thổ kháng chiến », làm « vườn không, nhà trống », bất hợp tác với địch. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang của hai tỉnh, lúc tác chiến độc lập, khi kết hợp với chủ lực của Khu, của Bộ Tổng chỉ huy, tiến hành chiến tranh du kích rộng khắp, khiến cho quân Pháp đi đến đâu cũng bị đánh, tiếp tế khó khăn, chiếm đóng cũng không yên, ngày càng thiệt hại nhiều về người và phương

tiện chiến tranh; khi hành quân, các cánh quân khó ứng cứu cho nhau; những vị trí chiếm đóng dần dần bị cô lập, trở trọi như những hòn đảo giữa biển khơi. Khó khăn ngày một tăng, thiệt hại ngày càng lớn. Đó là thực trạng của quân Pháp trên chiến trường Việt Bắc nói chung và mặt trận đường số 3 nói riêng.

Trong quá trình chiến đấu, các cơ quan chỉ đạo tác chiến của ta từng bước điều chỉnh đội hình chiến đấu. Thế trận chiến tranh nhân dân tại địa bàn Bắc Thái ngày càng được củng cố.

Đến cuối tháng 10-1947, các đơn vị chủ lực tại Mặt trận đường số 3 đã được bố trí như sau:

— Trung đoàn 121: tiều đoàn tập trung phụ trách khu vực từ Thái Nguyên đến Phúc Yên; 7 đại đội độc lập đứng chân ở Yên Lãng, Phú Bình, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ, Chợ Chu (thuộc Thái Nguyên) và Đa Phúc, Đông Anh, Kim Anh.

— Trung đoàn 72: tiều đoàn tập trung hoạt động ở khu vực Bắc Cạn, Nguyên Bình, đường số 3; 5 đại đội độc lập ở Chợ Đồn, Chợ Rã, Ngân Sơn, Phú Thông, Na Rì.

— Trung đoàn 165 (tức trung đoàn Thủ Đô thiếu một tiều đoàn) cùng tiều đoàn 11 bố trí đánh địch ở vùng Bắc Cạn, Chợ Đồn, Chợ Rã.

Trước sức ép ngày càng mạnh mẽ của ta, từ cuối tháng 10, Bộ chỉ huy Pháp buộc phải bỏ một số vị trí ở bắc và tây bắc Bắc Cạn. Địch rút khỏi Bản Thi, Yên Thịnh, (28-10), huyện lỵ Chợ Đồn (13-11), huyện lỵ Chợ Rã (16-11).

Tận dụng cơ hội địch phải rút bỏ một số vị trí, ta tổ chức nhiều trận phục kích trên đường giao thông phía nam thị xã Bắc Cạn.

Cuối tháng 10, đầu tháng 11, nhiều đoàn xe dịch chở quân từ Bắc Cạn xuống Chợ Mới. Quân dịch ở Chợ Mới lên tới 1000 tên.

Sáng 3-11-1947, khoảng 800 tên dịch hầu hết là bộ binh được trang bị moóc-chi-ê, đại bác và súng máy, súng trường chia làm ba toán hành quân theo đường mòn nhỏ từ Chợ Mới qua Đèo Vai, xuống đôn Đu. Vừa hành quân, dịch vừa bắn vào các làng, bắn 2 bên đường để uy hiếp nhân dân và du kích.

Phán đoán dịch có thể cho quân lùng sục, cướp phá khu vực Đèo Vai, đồng chí Hoàng Văn Tân, đại đội trưởng đại đội 304 du kích tổng Yên Đĩnh đã chỉ huy 14 du kích phục kích dịch tại khu vực khe Vai Nòn (đông nam Chợ Mới 3 kilômét). Trận địa phục kích là một đoạn đường nhỏ, độ dốc, dài 200 mét, bên phải là núi đất cao, độ dốc lớn, cây cối rậm rạp, bên trái sát sông Cầu, vực sâu, nước chảy xiết. Du kích đào công sự chiến đấu ở bãi bồi đối diện với đoạn đường chọn làm trận địa phục kích qua sông Cầu. Khu vực bãi bồi cây rừng và tre rậm rạp. Khoảng 9 giờ sáng, toán quân thứ nhất lọt vào trận địa phục kích, đại đội trưởng Hoàng Văn Tân ra lệnh cho tốp 1, tốp 2 nổ súng vào giữa đội hình hành quân của dịch. Bị đánh bất ngờ, nhiều tên chết, những tên bị thương kêu khóc âm ỉ, những tên sống sót hoảng sợ nằm rạp cả xuống. Lợi dụng thời cơ có lợi, tốp 3 bắn chéo cánh sẻ vào đội hình dịch hỗ trợ cho tốp 1, tốp 2 vận động lên tiếp tục đánh dịch. Sau mấy phút hoang mang, dịch tìm cách chạy khỏi khu vực bị phục kích, đặt moóc-chi-ê, súng máy phản kích lại. Cuộc chiến đấu kéo dài gần 3 giờ. Kết quả, ta đã diệt 20 tên dịch, làm bị thương nhiều tên khác, lực lượng của ta an toàn. Đây là một trận phục kích có hiệu suất chiến đấu cao của du kích Yên Đĩnh.

Giữa tháng 11-1947, các đơn vị bộ đội chủ lực và du kích các xã Phong Lưu, Cao Kỳ, Hòa Mục liên tiếp tổ chức đánh địch trên các trục đường giao thông, gây cho chúng nhiều tổn thất. Cuối tháng 11, trên địa bàn Bắc Thái, cả hai binh đoàn Sô-va-nhắc và Bô-phơ-rô ngày càng hao mòn. Đường số 3 luôn luôn bị ta uy hiếp mạnh. Các vị trí địch còn chiếm đóng trên địa bàn tỉnh ngày càng lâm vào tình trạng cô lập, khó ứng cứu cho nhau.

Sau gần một tháng rưỡi tung quân lên Việt Bắc, ngoài việc đốt phá được một số kho tàng mà ta chưa di chuyển kịp và chiếm giữ một vài nơi, quân Pháp không thực hiện được những mục tiêu cơ bản của cuộc tiến công. Chiếc ô chụp xuống Việt Bắc bị thủng nhiều mảng lớn. Cùng Việt Bắc và cả nước, quân, dân Bắc Thái đã làm thất bại cuộc hành quân Lê-a của giặc. Bộ chỉ huy Pháp phải tính đến một bước mới trong Thu — Đông 1947.

Quân, dân Bắc Cạn, Thái Nguyên cùng cả Việt Bắc có sự phối hợp tác chiến của cả nước, phát huy thắng lợi, tiếp tục triển khai thế trận chiến tranh nhân dân, quyết phá tan những toan tính mới của kẻ thù.

II — PHÁ KẾ HOẠCH XANH-TUYA

Cuộc hành quân Lê-a không đạt được những mục tiêu đề ra, Bộ chỉ huy Pháp chuyển sang thực hiện kế hoạch mới mang tên Xanh-tuya. Theo phán đoán của chúng: Việt Minh có khoảng từ 20 đến 25 tiểu đoàn đóng ở các vùng Chợ Chu, Đại Từ, Võ Nhai, Yên Thế, phía tây Tam Đảo và lưu vực sông Dáy; các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ kháng chiến đóng ở khu vực núi đá Đình Cả (huyện Võ Nhai, Thái Nguyên). Bộ chỉ huy Pháp quyết định: kết hợp với việc rút lui, các lực lượng đã

ham gia kế hoạch Lê-a cùng trung đoàn bộ binh Ma-rốc số 5 và trung đoàn do trung tá Côtơ (Coxte) chỉ huy bao vây càn quét khu tứ giác Tuyên Quang — Thái Nguyên — Việt Trì — Phú - Lạng - Thương, rộng hơn 8.000 kilômét vuông, nhằm tiếp tục «lùng bắt kỳ được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt chủ lực Việt Minh, phá nát Căn cứ địa». Ngoài lực lượng chặn ta ở vòng ngoài, hướng càn quét của kế hoạch Xanh-tuya tập trung chủ yếu vào Thái Nguyên, hai hướng khác là Sông Thương — Yên Thế và khu vực Chợ Mới — Tuyên Quang xuống đồng bằng.

Ngày 20-11-1947, kế hoạch Xanh-tuya bắt đầu.

Ngày 22-11, nhằm dỡ dòn cho quân Com-muy-nan và chặn ta ở phía Tây, trung đoàn bộ binh Ma-rốc số 5 từ Hòa Bình tràn sang Phú Thọ càn quét khu vực Hưng Hóa, Thu Cúc; 1 tiểu đoàn từ Hưng Hóa vượt sông, đánh chiếm Việt Trì làm bàn đạp đón đồng bọn. 2 giờ sáng, sau hàng loạt hành động nghi binh, đại tá Com-muy-nan bí mật cho quân rút bỏ thị xã Tuyên Quang bằng hai đường thủy, bộ xuôi về Bình Ca và uy hiếp đường liên tỉnh 13A (Tuyên Quang đi Thái Nguyên) hòng hỗ trợ cho quân của đại tá Bô-phơ-rê rút về.

Hướng Đông, đề kiểm chế lực lượng ta và yểm trợ cho binh đoàn Bô-phơ-rê, ngày 25 tháng 11, trung đoàn Côtơ từ Phả Lại tiến lên Bắc Giang, đánh chiếm Phú Lạng Thương.

Trong khi đó, tại mặt trận đường số 3, quân Pháp vừa rút bỏ một số vị trí phía Bắc và Tây Bắc, vừa tập trung lực lượng càn quét trên hướng chủ yếu của kế hoạch Xanh-tuya thuộc địa bàn Thái Nguyên.

Bộ Tổng chỉ huy bám sát các hoạt động của địch, kịp thời chỉ đạo các mặt trận thực hiện các phương án đã

được điều chỉnh. Trên địa bàn Bắc Cạn, Thái Nguyên, lực lượng được bố trí lại: tiều đoàn 160 hoạt động tại khu vực Chợ Chu, Chợ Mới, nhưng trong trường hợp truy kích địch xuống phía Nam thì địa bàn tác chiến sẽ là Đại Từ. Tiều đoàn 103 (thuộc trung đoàn 165) hoạt động ở vùng Quảng Nạp, Phú Minh, Đồn Đu và thay thế tiều đoàn 160 khi tiều đoàn 160 chuyển xuống Đại Từ. Trung đoàn 350 ở khu vực Võ Nhai, Đại Từ, Đèo Khế và Bình Ca (Tuyên Quang) phải sẵn sàng chuyển về nam Thái Nguyên khi có lệnh. Các trung đoàn 147 và 165 (Trung đoàn Thủ đô) làm nhiệm vụ cơ động.

Về phía địch, có thêm lực lượng từ Bắc Cạn xuống và thực hiện nghi binh đánh lừa đối phương, đêm 24-11-1947 chúng cho quân rời Chợ Mới hành quân bí mật về hướng Định Hóa. Ta phán đoán địch sẽ rút lên hướng Cao Bằng theo đường số 3, nên điều lực lượng tập trung vào hướng Chợ Mới đi Bắc Cạn. 9 giờ sáng ngày 25-11, 1.500 quân địch càn quét khu vực Quán Vuông, Chợ Chu, tàn sát dân thường và lùng bắt cán bộ.

Trên hướng Võ Nhai, sáng 26-11-1947, sau khi dùng không quân ném bom, bắn phá, địch thả một tiều đoàn quân dù 500 tên xuống huyện lỵ ở La Hiên nhằm khống chế đường 1B Thái Nguyên — Bắc Sơn — Lạng Sơn và truy lùng cơ quan đầu não kháng chiến. Buổi trưa, địch lại cho máy bay bắn phá rồi thả thêm 200 quân dù xuống Trảng Xá, mở rộng phạm vi càn quét, lùng sục. 700 quân địch ở Võ Nhai đã nhanh chóng chiếm huyện lỵ La Hiên, Đình Cả, Suối Đát, Sơn Giã, Đồn Rô và Cầu Nhỏ..., càn quét, đốt phá, lùng sục trên một diện rộng nhằm truy bắt, tiêu diệt bằng được Chính phủ kháng chiến. Nhưng trước đó, Hồ Chủ tịch cùng Hội đồng Chính phủ đã rời Làng Vang (Trảng Xá) trở lại Định Hóa. 15 giờ chiều ngày 26-11, địch lại thả 400 quân dù xuống cánh đồng Làng Ngò, xã Cù Vân (huyện Đại Từ) nhằm chiếm giữ các vị trí

quan trọng trên tuyến đường liên tỉnh 13A (Thái Nguyên đi Tuyên Quang) yểm trợ cho binh đoàn của Bô-phơ-rê. Trong khi đó, từ cầu Đường (Hà Nội), binh đoàn Cốt-xơ chia thành nhiều mũi tiến lên đánh chiếm Phù Lôi, Thanh Xuyên, Sơn Cốt, thuộc huyện Phồ Yên. Một cánh quân khác từ hướng Phúc Yên men theo sườn Tam Đảo, vượt sang đánh vào phía tây nam huyện Đại Từ.

Chiến sự chuyển dần từ phía bắc xuống phía nam Bắc Thái. Với đợt tiến công mới, hàng ngàn quân địch tỏa ra đánh chiếm 32 diêm trên địa bàn 7 huyện thuộc Thái Nguyên.

Giặc Pháp không còn ở thế hung hăng như trước. Trên hướng Định Hóa, một cánh quân Pháp đã vấp phải trận địa phục kích của du kích Tân Dương tại Làng Muồng. Dựa vào địa thế hiểm yếu của đoạn đường Khe Chuộc—Đèo Cút, 1 tiểu đội du kích mưu trí chặn đánh địch, buộc chúng phải rút lên Tân Thịnh. Những ngày tiếp theo, trung đoàn Thủ Đô, trung đoàn 246... và du kích khàn trương bố trí đánh địch từ Phúc Chu, Bảo Cường, Định Biên tới Trung Lương, Sơn Phú, Bình Thành, bảo vệ vững chắc A.T.K. Sau khi tập trung lực lượng, ngày 26-11, địch cho quân lùng sục vào nhiều hướng. Từ Chợ Chu, 1 đại đội tiến vào Phúc Chu, bị chủ lực ta đánh trả, chúng phải rút. Tại nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, du kích Tân Dương, Phương Tiến và tự vệ nhà máy chặn đánh địch cách nhà máy 200 mét, diệt 7 tên. Tại xưởng quân khí A4, du kích phối hợp với tự vệ xưởng, phục kích địch ở Khâu Bao, Đồng Môn, buộc chúng phải rút, xưởng máy được bảo vệ an toàn. Ngày 27-11, địch lại tập kích vào nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ. Bộ đội ta mai phục, đánh dòn bất ngờ, diệt 2 tên, làm thất bại ý đồ phá nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ của địch. Ngày 28-11, Pháp tập trung lực lượng lớn, chia thành 2 hướng, mở trận càn từ tây bắc xuống tây nam Định Hóa nhằm triệt

phá An toàn khu, lùng bắt cơ quan đầu não kháng chiến và hợp quân với lực lượng ở Đại Từ lên, từ Sơn Dương (Tuyên Quang) sang. Theo kế hoạch, cánh quân thứ nhất càn vào rừng Phúc Chu, Đồng Thịnh, Định Biên, Diêm Mạc, Bình Yên. Cánh thứ hai càn qua vùng Bảo Cường, Trung Hội, Trung Lương. Hai cánh quân gặp nhau tại Bình Yên đề quét xuống Bình Thành, Phú Đình rồi vượt triền núi Hồng sang Sơn Dương. Các tiểu đoàn bộ đội chủ lực 101, 103, 183... cùng du kích địa phương kịp thời bố trí đánh địch. Cánh thứ nhất bị đánh tại Phúc Chu, Đồng Thịnh, Đồng Pén. Địch cố vượt qua Đồng Thịnh tới Bình Yên. Quân ta còn chặn đánh ở Yên Thông, Thâm Rộc, diệt 10 tên. Kế hoạch gặp nhau của địch tại Bình Yên thất bại. Chiều 28-11, một trận đánh ác liệt diễn ra ở cánh đồng Cam Tra (Phú Đình), hàng trăm tên địch bị diệt. Càn quét vào Định Hóa, địch không phá được ATK của ta mà còn bị chặn đánh liên tiếp, bị tổn thất nặng. Từ Định Hóa, địch rút quân qua Phú Minh xuống huyện lỵ Đại Từ, hy vọng gặp quân dù và cánh quân từ Phúc Yên lên.

Ngày 1-12, khi càn quét tới quán Ông Già (Phú Minh), chúng sa vào trận phục kích của bộ đội và du kích, buộc phải lườn rừng quay lại Quảng Nạp, bỏ lại hơn 100 xác chết. Địch vòng lên Quán Vương càn xuống ki lô mét 31 đề theo đường số 3 về Thái Nguyên. Ngày 2-12, toán đi trước dò đường bị chặn đánh ở Phố Ngừ, buộc phải quay lại. Tại Định Hóa, đội quân Bô-phơ-rê lâm vào thế bị bao vây, không dám tiếp tục mở rộng khu càn quét buộc phải lui quân về Phú Minh, Đại Từ, Phục Linh và đã bị ta chặn đánh ở các xã Độc Lập, Bản Ngoại, Yên Rã, Phục Linh.

Ở Võ Nhai, quân dù từ La Hiên, Trảng Xá tỏa ra càn quét trên nhiều hướng. Ngày 26-11, địch cho quân án ngữ phố La Hiên, khống chế các ngã đường lên Đình Cả,

xuống Thái Nguyên. Tại Tràng Xá, chúng đóng quân ở Sơn Giã, Đồng Rô và Cầu Nhỏ, đồng thời tiến hành càn quét, đốt phá, cướp bóc nhân dân các vùng lân cận.

Cho quân nhảy dù xuống La Hiên, giặc Pháp nhanh chóng tràn ra các hướng, tiến hành một kế hoạch phá hoại, lùng sục, sử dụng bọn chỉ diêm truy bắt cán bộ kháng chiến. Nhưng đi đến đâu chúng cũng bị đánh trả. Trong chiến đấu, 15 du kích anh dũng hy sinh, 2 đội viên bị thương. Nhân dân La Hiên mãi ghi nhớ tấm gương chiến đấu quên mình của du kích Lý Viết Và. Giặc tung lựu đạn vào hầm trú ẩn, Lý Viết Và bình tĩnh nhặt lựu đạn chưa kịp nổ tung trả lại chúng, diệt 4 tên. Bị thương nặng Lý Viết Và tìm cách vượt vòng vây, mang vũ khí về đến đơn vị trước khi trút hơi thở cuối cùng. Ở Tràng Xá, trong một trận đánh giáp lá cà với địch, 2 chiến sĩ bộ đội chủ lực bị hy sinh, 1 du kích dùng lê diệt địch, thu, nhặt đầy đủ vũ khí của đồng đội hy sinh, rồi rút vào rừng an toàn. Đêm 26-11, bộ đội phối hợp với du kích Tràng Xá tập kích nơi trú quân của 2 tiểu đội địch, diệt 6 tên, làm bị thương 5 tên khác. Ngày 27-11, 70 tên địch từ Tràng Xá càn quét, lùng sục vào làng Trang, lọt vào trận địa phục kích của ta, bị diệt 4 tên, bị thương 4 tên, chúng phải lui về phía Nam. Đêm hôm đó, ta lại tập kích Tràng Xá, diệt 2 tên (có một sĩ quan) và làm bị thương 8 tên khác. Ngày 1-12, 200 quân từ La Hiên hành quân càn quét các vùng xung quanh, bị 1 trung đội du kích phục kích tại đèo Bụt. Địch tìm cách sang Sa Lung và tiếp tục tìm đường tới đèo Giai Kết. Tại Giai Kết, chúng bị trung đội 22, đại đội 8 (trung đoàn 147) và du kích chặn đánh, phải quay về Đông Lương. Ngày 2-12, được sự yểm trợ của máy bay, địch mở các cuộc càn vào các vùng Xuân Quang, Hích, Mang Chang, Cốc Lung. Trong những ngày sau đó, chúng lại mở các trận càn xuống phía nam huyện Võ Nhại vào Cúc Đường, Hích, Hóa Thượng, đốc Măng

Dăng, Nà Đành. . Như vậy, tại hướng Võ Nhai, địch không thực hiện được những mục tiêu đề ra cho cuộc hành quân mà còn bị tổn thất nặng nề.

Ngày 28-11, 1 trung đội địch từ Trảng Xá tiến ra Đình Cả đề liên lạc với toán ở La Hiên lên. Bộ đội và du kích tổ chức phục kích ở đèo Bắp. Vì không bám sát địch, thông tin liên lạc không kịp thời và chính xác, nên khi địch vượt qua cầu Quang Lung thì ta ở vào thế bị bất ngờ, không kịp giật mình, bị địch phản kích dữ dội, phải rút lui, 6 chiến sĩ hy sinh.

Tối 28-11, ta tập kích địch ở La Hiên. Do nắm địch không chắc, đánh vào đúng chỗ mạnh của địch, ta bị tổn thất nặng.

Sáng 30-11, 1 trung đội địch từ Trảng Xá càn quét vào Phương Giao. Đơn vị bộ đội đóng ở đây bị bất ngờ, không kịp triển khai đánh địch.

Tại khu vực Đại Từ, sau khi đồ bộ xuống Làng Ngò xã Cù Vân, địch càn quét, lùng sục vào các vùng lân cận. Ngày 28-11, địch cho 1 đại đội càn lên Phục Linh, 1 đại đội càn vào Cồ Lũng (Phú Lương), 1 trung đội càn xuống Quán Triều. Ngày 29-11, địch lại từ Làng Ngò qua Cù Vân, Phục Linh, càn lên thị trấn Hùng Sơn. Đến đâu chúng cũng đốt phá, bắn giết rất dã man. Nhân dân đều rút vào rừng sâu.

Ngày 30-11, đại đội Tô Văn chầu đánh địch tại xóm Cây Thị khi chúng theo đường hẻm từ Làng Ngò càn lên Hùng Sơn, diệt 15 tên. Ngày 2-12 tại Đèo Khế ta phục kích bọn địch từ Sơn Dương (Tuyên Quang) càn quét sang Đại Từ, diệt 30 tên, buộc chúng phải rút về Văn Lãng. Ngày 2-12, đại đội Khánh Mỹ và Lê Văn Duyên cùng du kích tập kích Làng Ngò, diệt 2 tên. Ngày 5-12, địch ở Hùng Sơn chia 2 mũi càn quét các vùng Khôi Kỳ, Cát Nè, Bình Khang. Đi đến đâu quân Pháp cũng bị ta chặn đánh. Trong trận phục kích tại gò Đình Khôi, ta diệt 25

tên, tại trận Bình Khang ta diệt 25 tên. Tại sân tập Hùng Sơn, đại đội 10 thuộc tiểu đoàn 350 tập kích, diệt 10 tên. Đây là một ngày mà bộ đội và du kích trên hướng Đại Từ giành thắng lợi ròn rã. Ngày 6-12, quân Pháp ở Hùng Sơn lại mở cuộc càn lớn vào vùng Lục Ba, Văn Yên và An Mỹ. Tại An Mỹ, chúng bị đại đội Tô Văn chặn đánh diệt 8 tên. Ngày hôm sau ta lại chặn đánh 200 tên địch tại đoạn Đốc Điệp — Ba Giảng, khi chúng mở trận càn từ Hùng Sơn lên Văn Lãng. Ngày 9-12, đại đội 1 thuộc trung đoàn 147 cùng du kích chặn đánh địch tại đèo Phánh và Phục Linh, diệt 20 tên.

Nửa đầu tháng 12 năm 1947, bộ đội và du kích Đại Từ đã đánh nhiều trận, gây cho chúng nhiều tổn thất, góp phần quan trọng làm thất bại kế hoạch Xanh-tuya của địch.

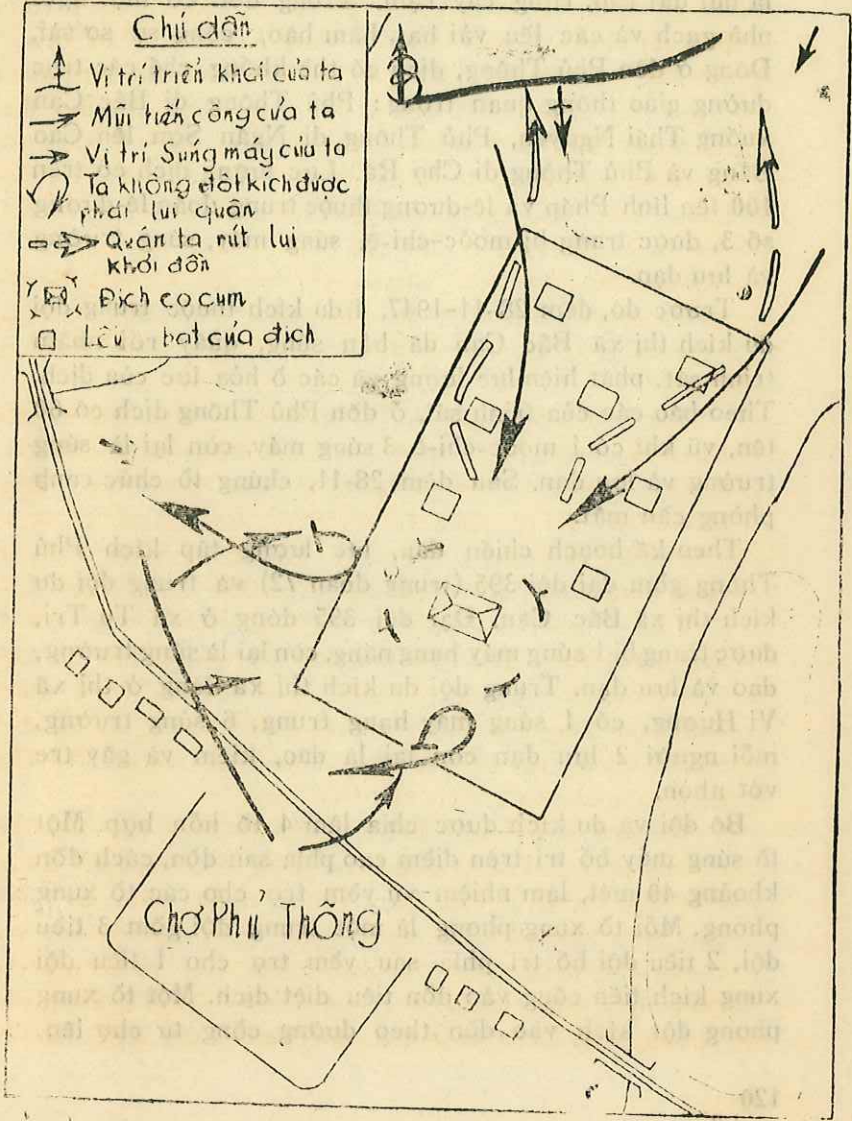
Tại Chợ Mới, ngày 27-11, địch cho 200 quân từ đồn Du (Phú Lương) càn quét lên Chợ Mới nhằm đánh lạc hướng phán đoán của ta và hỗ trợ cho đồng bọn ở Định Hóa. Ngày 29-11, địch lại từ Chợ Mới hành quân về Trảng Xá (Võ Nhai). Du kích Yên Định phục kích tại cánh đồng Pắc San (đông nam Chợ Mới 2 km). Lợi dụng địch hành quân qua đoạn đường hẹp, một bên là núi đá cao, rừng rậm, một bên là sông Cầu chảy xiết, du kích Yên Định đã nổ súng vào giữa đội hình địch, buộc chúng phải lúng túng đối phó, tạo điều kiện cho số dân bị địch bắt đi khuôn vác đồ đạc cho chúng chạy thoát. Du kích đã truy kích đánh địch đến Đèo Vai.

Tại khu vực Bạch Thông: đêm 30-11, đại đội 395 (trung đoàn 72) phối hợp với trung đội du kích thị xã Bắc Cạn tập kích đồn Phú Thông nhằm bao vây, chia cắt, tiêu hao sinh lực địch, ngăn chặn sự tiếp ứng của chúng cho cánh quân ở phía nam Bắc Cạn và hỗ trợ cho cuộc chiến đấu của quân và dân Thái Nguyên. Đồn Phú Thông đóng trên một quả đồi thấp cách ngã ba Phú

DIỄN BIẾN TRẬN TẬP KÍCH ĐỒN PHỦ THÔNG CỦA
 'c395eBB72 VÀ b ĐUKÍCH t x BẮC AN 30. II. 1947

Chỉ dẫn

- ↑ Vị trí triển khai của ta
- Mũi kiến công của ta
- Vị trí Súng máy của ta
- ↻ Ta không đột kích được phải lui quân
- ⇐ Quân ta rút lui khỏi đồn
- ⊠ Địch cocum
- Lưu bát của địch



Thông 200 mét về phía Tây Bắc. Xung quanh đồn có tường đất dày, cao 1,50 mét, có một cổng ra vào đối diện với chợ Phú Thông ở hướng Đông Nam. Phía sau đồn là núi đất cao, rừng cây rậm. Trong đồn có một ngôi nhà gạch và các lều vải bạt, hầm hào, công sự sơ sài. Đứng ở đồn Phú Thông, địch có thể khống chế các trục đường giao thông quan trọng: Phú Thông đi Bắc Cạn xuống Thái Nguyên, Phú Thông đi Ngân Sơn lên Cao Bằng và Phú Thông đi Chợ Rã. Lực lượng địch có trên 100 tên lính Pháp và lê-dương thuộc trung đoàn lê-dương số 3, được trang bị moóc-chi-ê, súng máy, súng trường và lựu đạn.

Trước đó, đêm 28-11-1947, 4 du kích thuộc trung đội du kích thị xã Bắc Cạn đã bắn súng, quấy rối nhằm trinh sát, phát hiện lực lượng và các ð hỏa lực của địch. Theo báo cáo của trinh sát, ở đồn Phú Thông địch có 60 tên, vũ khí có 1 moóc-chi-ê, 3 súng máy, còn lại là súng trường và lựu đạn. Sau đêm 28-11, chúng tở chức canh phòng cẩn mật.

Theo kế hoạch chiến đấu, lực lượng tập kích Phú Thông gồm đại đội 395 (trung đoàn 72) và trung đội du kích thị xã Bắc Cạn. Đại đội 395 đóng ở xã Tu Tri, được trang bị 1 súng máy hạng nặng, còn lại là súng trường, dao và lựu đạn. Trung đội du kích thị xã đóng ở thị xã Vi Hương, có 1 súng máy hạng trung, 6 súng trường, mỗi người 2 lựu đạn còn lại là dao, kiếm và gậy tre vót nhọn.

Bộ đội và du kích được chia làm 4 tở hỗn hợp. Một tở súng máy bố trí trên diềm cao phía sau đồn, cách đồn khoảng 40 mét, làm nhiệm vụ yểm trợ cho các tở xung phong. Mỗi tở xung phong là một trung đội gồm 3 tiểu đội, 2 tiểu đội bố trí phía sau yểm trợ cho 1 tiểu đội xung kích tiến công vào đồn tiêu diệt địch. Một tở xung phong đột kích vào đồn theo đường cổng từ chợ lên.

Một tở đột kích vào đồn ở hướng bên phải, một tở đột kích vào đồn ở hướng sau đồn. Sở chỉ huy đặt tại đỉnh đồi cao phía sau đồn, cách đồn khoảng 300 mét, dài quan sát đặt ở diềm cao cách đồn 500 mét về phía Tây Bắc. Hiệu lệnh tiến công là 3 phát súng trường, khẩu lệnh tiến công là « Xung phong » khẩu lệnh rút lui là « Phú Thông ».

19 giờ tối 30-11, đại đội 395 và trung đội du kích thị xã có mặt tại vị trí tập kết ở khu rừng thuộc xã Vị Hương (cách đồn Phú Thông 3 km). Chỉ huy trận đánh là đồng chí Hạc Dinh, đại đội trưởng đại đội 395 và đồng chí Đào Văn Phán, chính trị viên trung đội du kích. Gần 22 giờ đêm, các tở rời vị trí tập kết, bí mật hành quân chiếm lĩnh trận địa chiến đấu.

Đúng 23 giờ 30' đêm, từ vị trí chỉ huy, đại đội trưởng Hạc Dinh bắn 3 phát súng ra lệnh tiến công. Ở hướng công và hướng bên phải, xung kích chưa áp sát được chân tường rào nên bị lộ, địch từ các ð súng máy ném lựu đạn và bắn ra dữ dội. Không đột nhập vào đồn được, bộ đội phải rút lui, trung đội trưởng Nguyễn Quốc Cam thuộc đại đội 395 chỉ huy tở đột kích vào đồn ở hướng công anh dũng hy sinh.

Ở hướng sau đồn: tiểu đội trưởng tiểu đội xung kích thuộc đại đội 395 Chu Văn Vận nhảy lên tường ngay sát ð súng máy, dùng dao chém chết tên bắn súng. Chiến sĩ du kích Nguyễn Văn Y lập tức xông vào cướp súng bắn yểm trợ cho đồng đội xung phong. Chiến sĩ du kích Nguyễn Văn Rung ném lựu đạn vào ð súng máy góc bên phải sau đồn, tên giữ súng máy vác súng chạy, bỏ lại 7 băng đạn và nhiều lựu đạn. Nguyễn Văn Rung nhảy qua tường chiếm ð súng máy, dùng lựu đạn ném tới tấp vào các lều bạt và nơi có súng bắn ra ở ngôi nhà gạch.

Đồng chí Lư, trung đội trưởng thuộc đại đội 395 chỉ huy tở đột kích vào hướng sau đồn và các chiến sĩ du

kích Phạm Văn Mỹ, Bùi Quang Mạc, Lưu Hữu Tiến đột nhập vào đồn ở góc tường bên trái. Đồn chỉ Lư bắn chết một tên Pháp, chiến sĩ du kích Phạm Văn Mỹ xông ra cướp được một khẩu súng trường Mỹ; Lưu Hữu Tiến ném lựu đạn vào một ổ súng máy, lựu đạn không nổ, tên Pháp bỏ súng chạy, anh xông vào cướp súng máy.

Các chiến sĩ đột kích vào đồn đã chiến đấu dũng cảm, cướp vũ khí của địch, diệt địch, làm chủ hoàn toàn trận địa khu lều bạt. Tên chỉ huy đồn ra lệnh phản kích chiếm lại đồn, nhưng bị hỏa lực của ta bắn chặn mãnh liệt, địch phải cố thủ trong nhà gạch. Binh lính trong đồn bị thương vong nhiều, kêu la ầm ĩ, xô nhau trèo tường chạy ra ngoài rừng, bộ phận yểm trợ của ta bố trí cách đồn 100 mét tường quân ta rút ra, nên không bắn.

Hết đạn và lựu đạn, các chiến sĩ đột kích vào đồn dùng cả gạch, đá đánh địch. Cuộc chiến đấu kéo dài gần một giờ, tình thế trở nên bất lợi cho ta. Bộ đội và du kích chủ động rút ra ngoài. Kết quả trận đánh: địch bị thương vong 50 tên (15 tên chết). Ta thu 2 súng máy, 1 súng trường Mỹ, 7 băng đạn súng máy. Bên ta, 5 cán bộ, chiến sĩ hy sinh. Tuy trận đánh diễn ra không đúng kế hoạch, hiệp đồng tác chiến giữa bộ phận yểm trợ bên ngoài và bộ phận đột kích vào đồn chưa chặt chẽ, trinh sát nắm địch không chắc, nhưng đã làm cho quân Pháp rất hốt hoảng, phải điều thêm lực lượng về chiếm giữ Phủ Thông, củng cố công sự, canh phòng cẩn mật hơn.

Sau chiến thắng Phủ Thông, bộ đội, du kích và nhân dân càng phấn khởi, tin tưởng vào khả năng chiến đấu của lực lượng vũ trang ta.

○ Đến đầu tháng 12-1947, mục tiêu phá Căn cứ địa, lũng Lát cơ quan đầu não kháng chiến, diệt chủ lực Việt Minh của kế hoạch Xanh-tuya về cơ bản bị thất bại. Chiếc vành đai quanh khu tứ giác không xiết chặt được

mà đang bị chặt làm nhiều khúc. Quân địch bắt đầu rút lui.

Ngày 13-12, binh đoàn Bô-phơ-rê rút khỏi Định Hóa, qua Phú Đình về Đại Từ. Từ Định Hóa đến Đại Từ, binh đoàn Bô-phơ-rê liên tiếp bị quân và dân ta chặn đánh ở Độc Lập, Yên Rã, Phục Linh, Bản Ngoại, chịu nhiều tổn thất. Mãi tới ngày 6-12-1947, địch mới rút hết khỏi Định Hóa. Cùng thời gian, các cánh quân ở hướng Võ Nai cũng lui dần về Đồng Hỷ và thị xã Thái Nguyên. Trên đường rút, quân Pháp bị ta đánh nhiều trận tại các khu vực Cúc Đường, đèo Bụt, đèo Giai Kết, Hích, Xuân Quang... Đến ngày 7-12-1947, những tên lính cuối cùng rút khỏi Võ Nai về Đồng Bầm (Đồng Hỷ) bị du kích chặn đánh ở Trại Táo (7-12) và Chùa Hang (đêm 7 và 8-12). Ngày 9-12, chúng rút về thị xã Thái Nguyên và 10-12 bắt liên lạc với cánh quân ở Làng Ngõ xã Cù Vân.

Giữa tháng 12-1947, các cánh quân địch đã lui dần về phía nam tỉnh, tập kết ở khu vực Đại Từ và thị xã Thái Nguyên. Ngày 12-12 trung đoàn 165 đánh một trận phục kích xuất sắc tại Đèo Giàng trên quốc lộ số 3 (ki-lô-mét 187 — 188). Trận địa phục kích là đoạn đường độc đạo, hiểm trở một bên là núi cao, một bên là vực sâu. Bộ đội ta bố trí hỏa lực và chờ địch lọt vào trận địa mới nổ súng, phá hủy 17 xe (có cả xe thiết giáp) trong tổng số 22 xe, diệt 60 tên, thu 2 triệu đồng tiền Đông Dương và nhiều vũ khí, quân trang. Từ Đại Từ và thị xã Thái Nguyên, địch tiếp tục rút về xuôi. Cụm quân ở Đại Từ rút theo hai hướng: một hướng theo đường Ký Phú — Lục Ba xuống Phò Yên về Hà Nội; một hướng từ Làng Ngõ về thị xã Thái Nguyên, theo đường quốc lộ số 3 về Hà Nội. Ngày 16-12, tại Đan Hạ du kích đã đánh một trận dạt hiệu quả cao. Nhờ thông thạo địa hình du kích làm nhiệm vụ nghi binh như toán giặc vào làng

trong khi đó 9 đội viên khác đã phục sẵn tại quả đồi rìa làng. Đúng phương án, khi quân địch vừa tới rìa làng, tốp du kích bên trong nổ súng hất chúng lui trở lại. Đồng thời tốp phục kích trên đồi bắn xuống. Bị kẹp giữa hai làn hỏa lực, bọn giặc phải rút chạy, bỏ lại 15 xác chết. Bên ta, 2 du kích hy sinh, 1 bị thương. Cùng ngày, quân địch từ Phú Lương rút sang Đại Từ cùng lực lượng ở Làng Ngò, Cù Vân về thị xã Thái Nguyên bị ta chặn đánh tại đồn Yên Ngựa, đồi Đội Cấn. Ngày 18-12, địch theo đường Thái Nguyên — Gia Sàng và Thái Nguyên — Thịnh Đán — Phi Đôn về Hà Nội. Trên các hướng, quân địch bị ta chặn đánh ở Gia Sàng, Phúc Thuận, Sơn Cốt, Phố Cò...

Ngày 21-12-1947, quân địch rút qua cầu Đa Phúc về Hà Nội.

Ngày 22-12-1947, tại thị xã Thái Nguyên, hàng ngàn bộ đội, dân quân, du kích và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên tề tựu mít tinh mừng chiến thắng.

Chiến dịch Thu — Đông 1947 kết thúc thắng lợi, quân và dân 2 tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1000 tên địch (gần 900 tên bị tiêu diệt), phá hủy hơn 20 xe quân sự các loại, thu nhiều vũ khí và quân trang, quân dụng, góp phần quan trọng làm thất bại cuộc tiến công đầy tham vọng của thực dân Pháp, bảo vệ an toàn Trung ương Đảng, Hồ Chủ tịch và các cơ quan đầu não chỉ đạo kháng chiến của cả nước. Chiến thắng Việt Bắc Thu-Đông 1947 đã khích lệ quân và dân Bắc Cạn, Thái Nguyên phấn khởi, tin tưởng, bước vào cuộc chiến đấu mới khó khăn, gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.

CHƯƠNG BA

TIẾN CÔNG ĐỊCH GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG GÓP PHẦN VÀO CHIẾN THẮNG BIÊN GIỚI 1950 (1-1948 — 10-1950)

I. DÀNH ĐỊCH GIẢI PHÓNG TOÀN TỈNH

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu — Đông 1947, Bắc Thái hình thành 2 vùng: tự do và tạm chiếm. Vùng tự do bao gồm tỉnh Thái Nguyên, các huyện Na Rì, Chợ Đồn, phần lớn huyện Chợ Rã và một phần các huyện Ngân Sơn, Bạch Thông (thuộc Bắc Cạn). Địch chiếm đóng 5 cứ điểm trọng yếu là thị xã Bắc Cạn, huyện lỵ Ngân Sơn, Phủ Thông, Nà Phặc, Bằng Khâu và đóng thêm một số đồn bốt rải rác ở phía bắc Bắc Cạn (Bành Trạch: trên quốc lộ số 3B; Nà Tu: trên đường quốc lộ số 3 từ thị xã Bắc Cạn đi Phủ Thông) nhằm phong tỏa biên giới Việt — Trung, khống chế các trục đường giao thông quan trọng ở Việt Bắc, làm chỗ dựa cho phi hoạt động, thực hiện ý định chiếm đóng lâu dài.

Các đồn bốt và cứ điểm ở cách xa nhau trên dưới 20 km. Do bị rừng núi ngăn cách, không thể yểm trợ cho nhau bằng trọng pháo, nên Pháp phải để số quân chiếm đóng ở Bắc Cạn bằng cả số quân đồn trú 50 vị trí ở Cao Bằng. Lực lượng địch chiếm đóng Bắc Cạn khoảng

1500 tên thuộc trung đoàn tinh nhuệ lê-dương số 3 (3ème RTX) do tên quan năm Xi-mông (Simon) chỉ huy. Thị xã Bắc Cạn luôn có từ 400 đến 500 tên, Phủ Thông từ 150 đến 200 tên, Nà Phặc, Ngân Sơn mỗi nơi khoảng 200 tên, Bằng Khâu từ 400 đến 600 tên. Ngoài ra ở các vị trí chiếm đóng, còn có khoảng 300 tên lính ngự và thổ phi hoạt động ở vòng ngoài. Từ giữa năm 1948, ta đánh mạnh trên các trục đường giao thông, cắt đứt nhiều đợt vận tải, tiếp tế nên binh lính sống trong các cứ điểm rất thiếu thốn « Mỗi bữa 1 tên lê-dương chỉ được phát 1 lạng bánh mỳ và 2 nắm cơm con hoặc 4 khoai khoai lang rán thay rau và một ít thịt hộp »¹.

Ở các vị trí chiếm đóng, địch xây dựng hầm hào, công sự kiên cố bằng gạch dày hoặc bê tông cốt thép, trang bị hỏa lực mạnh. Ở các cứ điểm trọng yếu có đại bác 105 li đến 150 li, ở các đồn bốt nhỏ có đại bác từ 37 li đến 75 li, ngoài ra còn nhiều moóc-chi-ê và súng máy hạng nặng,

Từ các vị trí đóng quân, địch tổ chức các cuộc càn quét, lùng sục ra các vùng xung quanh bán kính 10 km, với quy mô từ 1 trung đội đến 2 đại đội, nhằm mục đích cướp bóc lương thực, thực phẩm, giết hại nhân dân, thăm dò và triệt phá lực lượng ta, bảo vệ an toàn cho các cứ điểm của chúng. Trong hai tháng 5 và 6 năm 1948, tại Ngân Sơn, chúng đã giết và cướp 127 con trâu, bò, 610 gánh thóc, đốt 20 nóc nhà, giết 24 ngư ời, bắt 18 người khác. Ở Bạch Thông, chúng đốt 34 nóc nhà, cướp 38 con trâu, bò, giết và bắt đi hàng chục người. Mặc dù địch dùng nhiều thủ đoạn để quản lý địa bàn, nhưng ở thị xã Bắc Cạn địch cũng chỉ kiểm soát được xã Huyền Tụng và nửa xã Đôn Phong với số dân trên 200 người, đa số

1. Báo cáo của tỉnh ủy Bắc Cạn năm 1949.

theo đạo Thiên chúa¹. Ở Bằng Khẩu dịch kiểm soát được xã Bằng Khẩu và xã Bằng Đức khoảng 800 dân, đa số là người Mán, Nùng, Ngái và Hoa Kiều. Ở Ngân Sơn dịch kiểm soát được thị trấn và xã Vân Tràng khoảng 500 dân. Ở Nà Phặc dịch kiểm soát được các thôn Hà Quang, Thiều Quang, Trung Quan thuộc xã Cao Minh. Ở Phú Thông, kiểm soát được một số thôn thuộc xã Vi Hương, Tu Trĩ, Phương Linh. Nhân dân ở các vùng xung quanh Nà Phặc và Phú Thông đã rút di nơi khác nên số dân bị dịch khống chế không đáng kể.

Nhân dân ở trong vùng dịch kiểm soát chỉ có một ít người cày, cấy, trồng trọt, còn phần lớn phải đi làm thuê, phục dịch cho binh lính dịch, chúng phát gạo cho ăn hàng ngày. Ban ngày, nhân dân được về ở nhà riêng, 7 giờ tối, phải đến ngủ tập trung ở gần đồn dịch. Chúng thường tổ chức kiểm tra đột xuất, nếu phát hiện thấy thừa hoặc thiếu người là tất cả những người cùng nhà đều bị bắt giam, tra khảo.

Pháp tìm cách móc nối, mua chuộc bọn tay sai thân Tưởng trong tổ chức « Nam Dương Hoa Kiều hiệp hội » và ráo riết xúc tiến lập chính quyền tay sai ở các vùng tạm chiếm. Tháng 5-1948, chúng thành lập « Hội đồng an dân » ở thị xã Bắc Cạn, Bằng Khẩu và Ngân Sơn. Ngày 11-7-1948, lập « Liên bang Tây Nùng miền Bắc Đông Dương » và đưa tên tỉnh trưởng cũ của Bắc Cạn về phụ trách. Tại thị xã Bắc Cạn, chúng thành lập chính quyền bù nhìn cấp tỉnh do Hoàng Đức Tân (cựu bố chánh)

1. Sau khi dịch nhảy dù Bắc Cạn số dân trong thị xã rất đông, đa số là đồng bào tản cư bị dịch bắt giữ. Dịch chuyển dần số dân này về xuôi qua đường Cao Bằng làm lực lượng san lấp hố phá hoại cho xe đi và làm bia cản trở bộ đội ta tiến công.

làm tỉnh trưởng, Nguyễn Như Quang (cựu chánh án đệ nhị cấp) làm tỉnh phó.

Thực dân Pháp còn sử dụng các chức sắc người thiểu số và Hoa Kiều làm nhân viên ngục quyền, đề dễ dàng khống chế dân chúng, phá hoại kháng chiến. Chúng giúp đỡ, khích lệ thồ phi, càn quét, lùng bắt cán bộ Việt Minh. Ở Bằng Khâu, một số tên tòng, lý cũ được Pháp cho làm xếp làng, xếp xóm.

Đề đối phó với âm mưu và thủ đoạn mới của địch, giữa tháng 1-1948, Trung ương Đảng họp, chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới. Về quân sự, Trung ương Đảng dự kiến Pháp cố vét lực lượng « để đánh ta những trận ác liệt hơn » rồi tìm cách « tấn công Việt Bắc một lần nữa ». Trên cơ sở phân tích, đánh giá tương quan « lực lượng so sánh giữa ta và địch đã chuyển biến » trong đó « khả năng kháng chiến đã tăng thêm và sẽ còn tăng thêm ». Hội nghị Trung ương chủ trương phát triển chiến tranh rộng khắp, « đánh táo bạo », diệt những đồn lẻ của địch, tiêu diệt sinh lực và giải phóng đất đai. Nhằm thiết thực mở rộng, củng cố căn cứ địa kháng chiến của cả nước, Hội nghị nêu rõ quyết tâm « đuổi địch ra khỏi Việt Bắc, trước hết ra khỏi Bắc Cạn, Cao Bằng, Lao Cai »¹.

Dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương, quân dân Bắc Thái quyết tăng cường tiềm lực mọi mặt, tạo thế và lực tiến tới đánh đuổi kẻ thù ra khỏi Bắc Cạn, giải phóng quê hương, thiết thực mở rộng và củng cố Căn cứ địa. Từ ngày 15 đến ngày 31-1-1948, tỉnh đội Thái Nguyên mở lớp huấn luyện bồi túc đại đội trưởng cho 43 cán bộ chỉ huy du kích các địa phương. Tháng 2-1948, Bắc Cạn

1. Nghị quyết Hội nghị TƯ mở rộng tháng 1-1948. Văn kiện Đảng 1945 — 1954. Sách đã dẫn.

tổ chức hội nghị dân quân toàn tỉnh lần thứ nhất tại xã Thượng Minh (Chợ Rã). Hội nghị chủ trương :

— Củng cố, biên chế lại du kích xã cho sát với điều kiện địa lý; lấy tờ, tiểu đội làm đơn vị tác chiến cơ sở, lấy trung đội làm đơn vị phối hợp; xây dựng chế độ sinh hoạt, luyện tập của du kích xã; tăng cường chất lượng cho du kích tập trung các huyện và xây dựng đại đội chủ lực tỉnh.

— Phát triển du kích người Mán, người Mèo; đề phòng biệt kích, thổ phi; bảo vệ vùng cao hẻo lánh.

— Tăng cường huấn luyện, đào tạo cán bộ xã đội, cán bộ chỉ huy du kích, trọng tâm là cán bộ tiểu đội.

— Kiện toàn ban chỉ huy xã đội gồm: 1 xã đội trưởng, 1 xã đội phó chỉ huy du kích, 1 xã đội phó chỉ huy dân quân. Ở những xã có nhiều dân quân, du kích người Mán, người Mèo, bố trí thêm 1 xã đội phó người dân tộc đề chỉ huy.

Hội nghị dân quân toàn tỉnh ở Thượng Minh còn chỉ rõ nhiệm vụ của dân quân, du kích Bắc Cạn là bảo vệ hậu phương. Căn cứ địa, phối hợp với bộ đội chủ lực đánh địch trên đường số 3, tiểu phi ở Chợ Rã và sẵn sàng đánh bại những cuộc tấn công mới của địch.

Tháng 3-1948, «Đại hội liên hiệp đoàn kết dân tộc tỉnh Bắc Cạn» tổ chức ở Chợ Rã quyết định thành lập «Đại đội Ba Bè» đại đội du kích tập trung đầu tiên của tỉnh Bắc Cạn, sau này trở thành đại đội bộ đội địa phương tỉnh.

Đơn vị nòng cốt để thành lập đại đội Ba Bè là trung đội du kích thị xã Bắc Cạn. Đại đội Ba Bè có 150 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Đức Sung làm đại đội trưởng, đồng chí Đào Văn Phán chính trị viên, đồng chí Long Bảo đại đội phó. Đại đội có 3 trung đội do các đồng chí

Tạ Đình Thường, Hoàng Văn Sĩ và Nguyễn Đức Nguyên làm trung đội trưởng.

Cuối năm 1947, trung đoàn 72, chủ lực của Khu I được giao cho Bắc Cạn. Trung đoàn 72 chỉ dè 1 tiểu đoàn tập trung, còn phân tán các đại đội về hoạt động ở các huyện, vừa đề kiện toàn quân số, vừa đề điều dặt dân quân, du kích tác chiến.

Từ ngày 2 đến ngày 10-6-1948, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Cạn họp, chủ trương đi đôi với tích cực xây dựng dân quân, du kích, phải «kiện toàn bộ đội chính quy — trung đoàn 72 — cho thực trưởng thành» và xác định nhiệm vụ tác chiến của tỉnh là phải «triệt đường tiếp tế vận tải của giặc, phá những âm mưu trong Thu — Đông tới của giặc, bức dịch ra khỏi Bắc Cạn»¹. Tỉnh Thái Nguyên tuy không bị chiếm đóng nhưng nằm trong Căn cứ địa của Trung ương, liền một dải với Bắc Cạn, giáp ranh với vùng tạm chiếm (Phồ Yên, Phú Bình), nên Tỉnh ủy chỉ rõ nhiệm vụ của lực lượng vũ trang và bán vũ trang là: «luyện tập sẵn sàng chiến đấu cao, làm nhiệm vụ chuẩn bị chiến trường, xây dựng và thực hành làng chiến đấu»², phối hợp với chiến trường chính tiêu diệt địch, bảo vệ hậu phương.

Cấp ủy các địa phương chủ trương tăng cường đảng viên cho lực lượng vũ trang và kiện toàn thêm một bước các cơ quan chỉ huy quân sự. Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định đưa 2/3 số đảng viên vào tham gia tự vệ và dân quân, du kích. Cuối năm 1948 Thái Nguyên có trên 200 Đảng viên tham gia du kích. Ở huyện Phồ Yên, trung bình cứ 6 du

1. Báo cáo của Tỉnh ủy Bắc Cạn (tài liệu lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Thái).

2. Tổng kết chiến tranh tỉnh Thái Nguyên (tài liệu lưu tại Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Bắc Thái), t.96.

kích có 1 dảng viên. Thành niên nô nức tham gia lực lượng vũ trang và bán vũ trang. Trong thế trận chiến tranh nhân dân, qua 2 năm (1948 — 1949) tại Bắc Cạn Thái Nguyên, lực lượng dân quân du kích lên tới hàng vạn người. Riêng Thái Nguyên có gần 3 vạn. Mỗi tỉnh có 1 đại đội du kích tập trung, mỗi huyện có từ 1 trung đội đến 1 đại đội và mỗi xã có 1 trung đội. Một số địa phương ở phía nam Bắc Cạn như Yên Dĩnh, Cao Hòa, Nông Hạ có từ 2 đến 3 trung đội. Năm 1949, sau khi có chủ trương thành lập bộ đội địa phương của Bộ Tổng tư lệnh, cùng với dân quân du kích, bộ đội địa phương của Bắc Cạn, Thái Nguyên cũng dần dần được xây dựng. Các đơn vị du kích tập trung tỉnh, huyện chuyển thành bộ đội địa phương. Đến cuối năm 1949, ngoài 2 đại đội bộ đội địa phương của 2 tỉnh, mỗi huyện của Bắc Cạn xây dựng 1 trung đội; mỗi huyện của Thái Nguyên có 1 đại đội (Phú Bình, Phở Yên, Đông Hỷ, Đại Từ) hoặc 2 trung đội (Võ Nai, Định Hóa, Phú Lương). Thời gian đầu, việc xây dựng bộ đội địa phương gặp nhiều khó khăn: đội ngũ cán bộ vừa thiếu về số lượng lại yếu về năng lực, cơ sở vật chất bảo đảm cho sinh hoạt, chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ rất khó khăn. Dựa vào sự giúp đỡ của bộ đội chủ lực, Bắc Cạn, Thái Nguyên mở các lớp đào tạo và huấn luyện cán bộ, chiến sĩ về chính trị quân sự. Năm 1948, Thái Nguyên mở hàng trăm lớp đào tạo, bồi dưỡng thời gian từ 15 ngày đến 45 ngày cho hơn một vạn cán bộ, chiến sĩ. Hưởng ứng phong trào ủng hộ, giúp đỡ bộ đội, năm 1949 nhân dân Bắc Cạn, Thái Nguyên đã bán cho bộ đội hàng ngàn tấn thóc, gạo, ủng hộ hàng triệu đồng và hàng trăm bộ quần áo (riêng Thái Nguyên bán 3.175 tấn thóc, gạo «khao quân» ủng hộ 7 triệu 86 vạn đồng và 600 bộ quần áo...). Các cơ quan quân sự tỉnh đã ưu tiên trang bị cho các đơn vị chủ lực và du kích tập trung hàng ngàn quả mìn, hàng

vạn lựu đạn. (Năm 1948 Thái Nguyên cung cấp cho bộ đội, du kích 6.947 quả mìn, 12.489 lựu đạn). Đầu năm 1948, tỉnh đội Bắc Cạn xây dựng và đưa xưởng vũ khí Mẫu Ninh (Chợ Rã) vào hoạt động. Các địa phương mở nhiều đợt vận động nhân dân và học sinh thu nhặt được hàng chục tấn gang, sắt cũ cung cấp cho xưởng. Vừa sản xuất, sửa chữa vũ khí, xưởng vừa sản xuất lưới cày đề dãi cho nhân dân địa phương lấy gang, sắt cũ. Thiếu thuốc nổ, xưởng đã lọc phân dơi, chế được hàng tấn thuốc đen và sản xuất đạn súng kíp, cấp cho du kích. Năm 1948 xưởng đã sản xuất được hàng nghìn lựu đạn, hàng trăm địa lôi, sửa chữa được nhiều súng. Nhờ vậy đến mùa hè năm 1948, đại đội Ba Bè được trang bị 4 trung liên, 40 súng trường (Nga, Nhật, Pháp), nhiều súng kíp, mìn, địa lôi, lựu đạn.

Về tác chiến, từ cuối tháng 12-1947 đến giữa tháng 1-1948, trên địa bàn phía bắc Nà Phặc, lực lượng vũ trang địa phương vẫn chưa thể đánh được trận nào vì trung đội du kích bán thoát li huyện Ngân Sơn đã giải thể để thành lập trung đội du kích tập trung. Giữa tháng 1-1948, trung đoàn 72 điều đại đội 77 ở nam Bắc Cạn lên hoạt động đánh địch ở vùng Ngân Sơn.

Tiểu đoàn 39 thuộc Bộ Tổng chỉ huy sau tởn thất trong trận đánh Nước Hai (Cao Bằng) về trú quân ở Ngân Sơn lại bị địch tập kích ở Bản Pùm, thiệt hại hơn 1 trung đội phải rút gọn, còn 1 đại đội mang phiên hiệu đại đội 39 chuyển về trung đoàn 72 và tham gia tiểu phi ở Chợ Rã.

Để tăng cường lực lượng đánh địch ở Ngân Sơn, Bộ Tổng chỉ huy điều tiểu đoàn 45 (thuộc Bộ) đang hoạt động ở Cao Bằng xuống và trung đoàn 72 đưa 1 đại đội của tiểu đoàn 55 đang hoạt động ở Bạch Thông lên, cùng phối hợp đánh địch. Bộ đội vừa tiếp tục củng cố vừa

kết hợp với du kích đây mạnh tác chiến, Đến Ngân Sơn đại đội 77 phối hợp với trung đội du kích huyện phục kích đoàn xe địch tại Nà Tông, bắn cháy 2 xe ô tô, diệt 10 tên.

Đêm 29-1-1948, 1 phân đội của tiểu đoàn 45 (Bộ Tổng chỉ huy) phối hợp với 1 đại đội của tiểu đoàn 55 (trung đoàn 72) đánh đồn Bành Trạch. Sau trận này, địch phải rút bỏ đồn Bành Trạch. Tháng 2-1948, ta mở đợt hoạt động Xuân — Hè nhằm đánh địch trên tuyến giao thông và các vị trí lẻ. Đại đội 77 phối hợp với trung đội du kích tập trung Ngân Sơn tấn công các đồn bốt tại Lũng Vai, Lũng Phái Khuổi Đăm, buộc địch phải rút khỏi các vị trí đó.

Đêm 26-2-1948, 1 đại đội thuộc tiểu đoàn 45 phối hợp với đại đội 77 và trung đội du kích tập trung huyện Ngân Sơn tiến công đồn Bằng Khâu. Đồn Bằng Khâu phụ thuộc cứ điểm Ngân Sơn. Đồn có 2 bốt: một bốt ở dưới phố Bằng Khâu và một bốt ở trên đồi cao. Ta chủ trương nhử đồn Bằng Khâu bằng 2 trận đánh. Trận thứ nhất, ta tấn công địch ở đồn dưới phố. Bị bất ngờ, một số tên liều chạy thoát thân, số còn lại rút vào bốt cố thủ. Ta chiếm được bốt, thiêu hủy bốt, rồi rút. Trời tối, bọn địch ở bốt trên đồi cao, nỏ súng bắn vu vơ không dám xuống ứng cứu. Trận thứ hai trong lúc ta đang chuẩn bị đánh bốt trên đồi thì gặp một toán địch đi càn về, Ta bao vây, truy kích địch về sát đồn, diệt 1 trung úy Pháp.

Sau 2 lần bị ta tấn công, địch điều thêm quân về tăng cường cho đồn Bằng Khâu, củng cố hầm hào, công sự, xây dựng Bằng Khâu thành một cứ điểm lớn.

Sang tháng 3 năm 1948, Bộ Tổng chỉ huy điều một đại đội chủ lực ở Lạng Sơn và một đại đội thuộc trung đoàn Bắc Bắc về tăng cường cho mặt trận phía bắc Bắc Cạn.

Đêm 12-3-1948, tiểu đoàn 45 có pháo binh yểm trợ đã tập kích Phủ Thông lần thứ 2. Ta không đột nhập vào đồn được. Đạn pháo binh của ta đã diệt 30 tên địch, làm bị thương 40 tên khác, phá hỏng nặng hầm, hào, công sự và doanh trại của địch. Cũng đêm 12-3, đại đội Ba Bè phối hợp với một phân đội của Trung đoàn 72 tấn công đồn Nà Phặc, diệt gần chục tên, bên ta một du kích hi sinh. Địch cho quân từ thị xã Bắc Cạn tiếp viện cho Phủ Thông và Nà Phặc. Đại đội Cầm Lý phối hợp với một phân đội của tiểu đoàn 55, trung đoàn 72 và trung đội du kích tập trung huyện Bạch Thông phục kích địch ở km 8 bắc thị xã Bắc Cạn, diệt và làm bị thương nhiều tên, buộc địch phải quay về thị xã, 3 ngày sau mới dám cho quân lên Phủ Thông Pháp phải cho máy bay lên Bắc Cạn chở xác bọn sĩ quan bị chết về Hà Nội.

Sau khi kiện toàn tiểu đoàn 55 của Trung đoàn 72, ta chủ động đánh mạnh trên các trục đường giao thông, uy hiếp các cứ điểm ở thị xã Bắc Cạn và Phủ Thông nhằm chặt đứt giao thông liên lạc giữa các cứ điểm, bao vây, cô lập các căn cứ của địch.

Ngày 1-5-1948, tiểu đoàn 55 phối hợp với đại đội Ba Bè và đại đội 81, phục kích đoàn xe 64 chiếc từ Cao Bằng về thị xã Bắc Cạn tại khu vực km 12 — 15 bắc thị xã trên quốc lộ số 3. Đoạn đường được chọn làm trận địa phục kích dài hơn 2km, 2 bên đường là rừng cây thưa, đồi thấp. Bộ đội ta bố trí trên mấy quả đồi bên phải, có thể kiểm soát được toàn bộ trận địa phục kích và có thể cùng lúc đánh vào toàn bộ đội hình hành quân của địch. Khi đoàn xe 64 chiếc lọt vào trận địa phục kích, ta giật địa lôi, phá hủy ngay 4 chiếc ở đoạn giữa, đồng thời các cỡ súng đồng loạt bắn vào đội hình địch. Tuy nhiên, vì quân ta bố trí xa mặt đường, không sử dụng được lựu đạn lại không mạnh đạn xung phong xuống

đường đánh giáp lá cà, nên địch nhanh chóng củng cố lực lượng, tổ chức các trận địa súng cối, súng máy, bắn yểm trợ cho bộ binh phản kích lại ta.

Tiêu đội du kích người Mán thuộc đại đội Ba Bè bình tĩnh chờ địch đến cách 5, 6 mét mới nổ súng. Cuộc chiến đấu kéo dài hơn 30 phút, trước hỏa lực mạnh của đối phương, ta phải rút. Kết quả, ta diệt hơn 60 lính Âu Phi, phá hủy 4 xe ô tô, 4 súng máy. Một số cán bộ, chiến sĩ của tiêu đoàn 55 và đại đội 81 đã anh dũng hy sinh.

Giữa tháng 7-1948, thực hiện chủ trương phá tề, trừ gian của Tỉnh ủy Bắc Cạn, đại đội 77 phối hợp với đơn vị quân báo của trung đoàn 72 và trung đội du kích tập trung Ngân Sơn tiến công bọn phản động ở Bằng Đức thuộc cứ diềm Bằng Khâu. Chỉ trong một đêm, ta đã bắt 30 tên Hoa — Nùng phản động, tịch thu 20 con trâu và 1 con ngựa. Địch ở đồn Bằng Khâu ra cứu bọn phản động, bị ta chặn đánh phải quay trở lại. Sau trận này, nhiều tên phản động ở Bằng Đức không dám công khai hoạt động.

Ngày 25-7-1948, Bộ Tổng chỉ huy mở «chiến dịch đường số 3» nhằm tiêu diệt một số cứ diềm trên đường số 3, cô lập, uy hiếp, tiến tới bức địch phải rút khỏi Bắc Cạn. Trong «Chiến dịch đường số 3», tiêu đoàn 11 thuộc trung đoàn 308¹ do đồng chí Vũ Yên chỉ huy được giao nhiệm vụ phối hợp với tiêu đoàn 55 (trung đoàn 72) và đại đội Ba Bè, có hỏa lực pháo 75 li của tiêu đoàn 410 tăng cường, đánh đồn Phủ Thông để thực hiện mục đích chiến dịch và thực nghiệm chiến thuật diệt cứ diềm bằng phương pháp cường tập. Tiêu đoàn 55 và đại đội Ba Bè được giao nhiệm vụ phục kích trên đường quốc lộ số 3,

1. Tháng 6-1948, tiêu đoàn 36 đổi phiên hiệu thành tiêu đoàn 11 và trung đoàn 17 đổi phiên hiệu thành trung đoàn 308.

chặn quân tiếp viện của địch từ thị xã Bắc Cạn lên, từ cứ điểm Ngán Sơn, Nà Phặc xuống, hỗ trợ cho tiểu đoàn 11 trực tiếp tấn công tiêu diệt cứ điểm.

Sau 2 lần bị ta tập kích (ngày 30-11-1947 và ngày 12-3-1948) đồn Phú Thông được xây dựng thành một cứ điểm vững chắc, có nhiều lớp rào tre, nứa, dây thép gai và tường «trình» đất cao hơn đầu người bao quanh. Đồn có nhiều dãy nhà gạch, với những ụ súng, lô cốt, hầm ngầm kiên cố. Lực lượng địch có 1 đại đội bộ binh và 1 trung đội trợ chiến thuộc trung đoàn lê-dương số 3 được trang bị nhiều súng cối, trọng liên.

Khoảng 18 giờ tối 25-7-1948, pháo binh của tiểu đoàn 410 nổ súng phá sập một phần khu thông tin, phá hỏng một số tường, rào, giao thông hào bao quanh cứ điểm. Tiểu đoàn 11 chia làm 2 mũi tấn công vào đồn.

Mũi thứ nhất do đại đội 245 đảm nhiệm, đại đội trưởng Nguyễn Văn Thuận chỉ huy tấn công vào hướng cổng chính bị địch tập trung hỏa lực bắn ra dữ dội, thương vong nhiều không tiến lên được. Ta tập trung súng bắn yểm trợ cho mũi thứ 2 do đại đội 243 đảm nhiệm, đại đội trưởng Đào Đình Luyện chỉ huy tấn công ở phía bên phải, cắt hàng rào dây thép gai, phá các hàng rào bằng tre, nứa, mở đường cho tồ xung kích bắc thang trèo qua tường «trình» bằng đất vào đồn. Chiến sĩ xung kích thứ nhất trèo lên tường hy sinh, chiến sĩ thứ 2 lên tiếp... đến chiến sĩ thứ 4 thì địch hoảng sợ bỏ chạy. Tồ xung kích bắc thang cho bộ đội vượt tường tấn công vào đồn. Bị thương vong nhiều, binh lính địch rút xuống hầm ngầm. Ta hoàn toàn làm chủ chiến trường, thu vũ khí, chiến lợi phẩm và dùng loa gọi những tên lùn trốn dưới hầm ngầm ra hàng. Do chủ quan, sơ hở, một số cán bộ, chiến sĩ ta tập trung trên sân giữa đồn, bị bọn địch ở trong đồn đi theo đường ngầm ra chợ Phú Thông đặt

Moóc-chiê và súng cối bắn vào và bọn địch từ các hầm ngầm dùng súng máy và lựu đạn phản kích quyết liệt. Trận đánh kéo dài đến 23 giờ đêm, ta bị thương vong gần 60 cán bộ, chiến sĩ, phải rút ra, không đem theo được tử sĩ. Tuy không chiếm được cứ diêm, nhưng ta tiêu diệt được đại bộ phận quân địch, trong đó có tên đồn trưởng, đại úy Các-di-nan và tên đồn phó, trung úy Sác-lôt-tông, phá hủy một số nhà ở và tường, rào, công sự, thu nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh. Tiều đoàn 55 (trung đoàn 72) và đại đội Ba Bề thu được 5 súng máy, 9 súng trường. Số súng tiều đoàn 11 thu được tăng thêm sức mạnh chiến đấu cho trung đoàn 308. Từ trận Phú Thông, bộ đội ta đã rút ra được những bài học về sử dụng binh lực trong điều kiện vũ khí trang bị thiếu thốn, về thời cơ sử dụng lực lượng dự bị để giải quyết trận đánh, về tổ chức chỉ huy, thông tin liên lạc và hiệp đồng bộ binh với pháo binh trong quá trình diễn biến chiến đấu. Rút kinh nghiệm trận Phú Thông, các đơn vị tăng cường huấn luyện đề bộ đội thành thực hơn các động tác kỹ thuật: xung phong vượt rào, yểm hộ đồng đội đánh thọc sâu, chia cắt địch... Trận Phú Thông ngày 25-7-1948 đã được Trung ương Đảng, Bộ Tổng chỉ huy biểu dương. Tiều đoàn 11 được mang danh hiệu Tiều đoàn Phú Thông — đơn vị mở đầu cho phong trào diệt cứ diêm của bộ đội ta bước vào Thu Đông năm 1948. Sau trận Phú Thông 25-7-1948, quân địch ở các cứ diêm không dám càn quét sạch sạo ra các vùng xung quanh, ta giành được chủ động trên địa bàn bắc Bạch Thông. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân ta mãi mãi ghi nhớ trận Phú Thông, bài hát:

« Phú Thông, Phú Thông một chiều sương âm u.

Đoàn quân oai hùng dẫn bước tới,

Pháo binh rầm trời

Dao tông chờ đây, đợi ngày diệt thù,
anh dũng»
đã được lưu hành rộng rãi.

Từ giữa tháng 8-1948, mưa liên tiếp ở phía Bắc khiến mức nước ở các triền sông, suối dâng cao, gây khó khăn trở ngại cho hoạt động tác chiến. Bộ đội, du kích tranh thủ thời gian củng cố lực lượng, bồi dưỡng mọi mặt, chuẩn bị đối phó với hoạt động Thu Đông của địch. Trung đoàn 72 tổ chức rút kinh nghiệm những trận chiến đấu vừa qua, huấn luyện thêm về kỹ thuật, chiến thuật. Du kích vừa tranh thủ luyện tập vừa cùng với nhân dân tăng gia sản xuất. Giữa tháng 9-1948, huyện Bạch Thông tập trung cán bộ củng cố cơ sở nhân dân và du kích ở 3 xã phía bắc là Đào Lâm, Hoa Sơn, Sĩ Bình (xung quanh Phú Thông) và Huyện Tụng (sát thị xã Bắc Cạn); vận động nhân dân ở các thôn, bản xa các cứ điểm địch trở về sản xuất và xây dựng được 1 trung đội du kích bán thoát ly.

Đầu tháng 10-1948, 1 tiểu đội thuộc trung đội du kích Đào — Hoa — Sĩ (Đào Lâm — Hoa Sơn — Sĩ Bình) phục kích một toán địch đi cần quét ở gần cầu Na Cù, diệt 2 tên. Cũng trong tháng 10, trung đội du kích tập trung huyện Ngân Sơn phối hợp với du kích các xã Cao Thành, Hương Nê (Chợ Rã phục kích địch ở đoạn đường Nà Phặc đến Đèo Giàng, phá hủy 1 xe, phá hỏng 2 xe khác. Ở khu vực xung quanh thị xã Bắc Cạn và trên đoạn đường từ thị xã Bắc Cạn đến Cầu Na Cù (quốc lộ số 3), đại đội 81 đặt nhiều vọng gác đề theo dõi các hoạt động của địch, tổ chức nhiều tổ chiến đấu bí mật tập kích, quấy rối các bớt canh ở xóm Đình, xóm Nhà Thờ, sân bay, sân vận động (thị xã Bắc Cạn). Trên những đoạn đường địch hay đi sục sạo, cần quét vào Duộc, Ngòan, Nà Rào, đại đội 81 phục kích bắn tỉa, cài mìn, gây cho chúng nhiều thương vong. Có lần địch sục sạo tới gần

sát kho gạo của ta ở Ngoàn, một tờ bản tia của đại đội 81 đã kịp thời nổ súng, buộc chúng phải rút. Hoạt động mạnh mẽ của đại đội 81 đã làm cho bọn địch ở thị xã phải hạn chế các cuộc hành quân càn quét ra các vùng xung quanh. Từ giữa năm 1949, thỉnh thoảng chúng mới tổ chức một vài cuộc hành quân quy mô nhỏ ra ngoại vi thị xã nhằm mục đích thăm dò lực lượng của ta.

Nhận rõ tầm quan trọng của công tác vận động binh lính địch nên ngay sau khi địch chiếm đóng, Bắc Cạn tích cực tiến khai kế hoạch vận động binh lính địch. Cấp ủy và chính quyền địa phương vận động nhân dân phối hợp với bộ đội, dân quân, du kích viết khẩu hiệu trên các vách đá ở nam Bạch Thông, thả truyền đơn bướm bướm trên dọc đường hành quân của địch, kêu gọi binh lính địch phản chiến, đòi hỏi lương, không làm bia đỡ đạn cho thực dân Pháp, không bắn vào nhân dân Việt Nam đang chiến đấu cho chính nghĩa và tự do... Các khẩu hiệu và truyền đơn đó có tác động đến tinh thần binh lính địch. Tháng 5-1949 trong một trận đánh vào gần thị xã Bắc Cạn, đã có 2 lính Pháp chạy ra hàng ta.

Ngày 11 tháng 8, 1 lính người Đức ở đồn Phủ Thông mang theo 1 súng trường Mỹ và 6 băng đạn. Ngày 14-8, 1 lính người Đức và 1 lính người Hung ở đồn Nà Phặc mang theo 2 súng ngắn. Ngày 7-9, 1 lính người Đức ở đồn Ngân Sơn mang theo 1 súng trường Mỹ và 80 viên đạn.

Ngày 23-9, 2 lính người Hung đóng ở thị xã Bắc Cạn mang theo 1 súng trường và 4 lựu đạn.

Đầu năm 1949, ta phát động phong trào « toàn dân làm binh vận ». Nhân dân các xã ven các trục đường giao thông được hướng dẫn các đón hàng binh. Dọc các tuyến đường quan trọng, ta tổ chức các trạm đón tiếp hàng binh. Do thiếu kinh nghiệm tổ chức nên công tác địch vận của ta đạt hiệu quả chưa cao. Tỉnh đội Bắc Cạn,

Thái Nguyên thiếu cán bộ chuyên trách, tiểu ban dịch vận trung đoàn 72 mới thành lập nên tiến hành công tác còn lúng túng. Đơn vị quân báo C.100 (trung đoàn 72) và tiểu đội «biệt động» (tinh đội Bắc Cạn) không được giao nhiệm vụ cụ thể về công tác này. Nhân dân và lực lượng vũ trang 2 tỉnh chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tác dụng to lớn của công tác dịch vận, ít kinh nghiệm thực tiễn nên hoạt động binh, dịch vận còn nhiều hạn chế.

Về phía ta, cuối xuân năm 1949, Bộ Tổng tư lệnh mở chiến dịch Cao-Bắc-Lạng nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, triệt giao thông tiếp tế trên đường số 3, đường số 4, buộc địch phải rút khỏi Bắc Cạn. Căn cứ vào ý định chung của chiến dịch, Liên khu I chủ trương mở chiến dịch «Đường số 3» nhằm giáng một đòn mạnh vào các vị trí địch dọc quốc lộ số 3, trọng điểm là thị xã Bắc Cạn. Ban chỉ huy chuẩn bị chiến trường huy động hơn 30.000 công của dân công, dân quân, du kích khăn trương hoàn thành việc mở đường từ Duộc qua Ngòan, Sĩ Bình lên Hương Nê dài 30 ki lô mét để vận chuyển lương thực, vũ khí. Đến cuối tháng 7-1949, công tác chuẩn bị cho chiến dịch «Đường số 3» căn bản hoàn thành. Lực lượng chiến đấu tham gia chiến dịch gồm: trung đoàn 72 có tiểu đoàn 55 và 3 đại đội độc lập: C81 (Bạch Thông), C77 (Ngân Sơn), C39 (Chợ Rã) đại đội Cầm Lý (thuộc trung đoàn Bắc Bắc), đại đội du kích Ba Bè, các trung đội du kích của các huyện Ngân Sơn, Nà Rì, Chợ Đồn và lực lượng dân quân, du kích các xã ven đường quốc lộ số 3.

Bộ Tổng tư lệnh còn điều một số đơn vị từ mặt trận đường số 4 và Lam Thao về tập kết ở phía nam Bạch Thông chờ lệnh tác chiến.

Ban chỉ huy chiến dịch phán đoán: từ mấy tháng nay, bọn địch ở các cứ điểm thị xã Bắc Cạn, Phú Thông chỉ

được tiếp tế nhỏ giọt bằng máy bay nên rất thiếu thốn cả về quân số, lương thực và vũ khí, do đó trong thời gian tới địch sẽ phải dùng một đoàn xe lớn từ Cao Bằng vận chuyển, tiếp tế xuống thị xã Bắc Cạn và Phú Thông. Ban chỉ huy chủ trương: tập trung lực lượng phục kích từ Nà Phặc đến Đèo Giàng nhằm tiêu diệt 1 đoàn xe lớn của địch để làm đà tiến công cứ điềm thị xã.

Toàn bộ lực lượng chiến đấu của ta được triển khai từ Nà Phặc đến Đèo Giàng sẵn sàng chờ đánh đoàn xe lớn của giặc. Để giữ bí mật cho trận lớn, ta không đánh những toán bộ binh đi lẻ và các đoàn xe nhỏ. Hơn nửa tháng phục kích vẫn chưa thấy đoàn xe lớn của địch đi qua, một phần vì thiếu lương thực, một phần vì phải khăn trương chuẩn bị cho trận tiến công cứ điềm thị xã nên bộ đội ta phải rút về các xã phía nam Bạch Thông để làm công tác chuẩn bị.

Trung đội du kích Na Rì ở lại kiên trì phục kích địch tại Đèo Giàng. Do chỉ theo dõi quân địch đi lại trên đường, thiếu cảnh giới phía sau, nên khi xe địch gần tới trận địa gài mìn thì ta bị toán địch đánh tập hậu nên phải bỏ cả mìn rút chạy.

Chuẩn bị cho cuộc tấn công vào thị xã, đại đội Ba Bè, đại đội 81 và dân quân, du kích được giao nhiệm vụ bảo vệ các kho hậu cần ở khu vực xung quanh thị xã. Đại đội 77 bố trí dọc đường cách Bắc Cạn 10 ki lô mét. Tiểu đoàn 55 (trung đoàn 72) và du kích các huyện, xã tăng cường hoạt động quấy rối, uy hiếp các vị trí đóng quân. Dọc quốc lộ số 3 từ thị xã Bắc Cạn tới đèo Cao Bắc, bộ đội và du kích hoạt động nhỏ, đánh tia, phá đường, cản gĩa thông địch. Đầu tháng 8-1949, trung đoàn 72 dùng phân đội nhỏ đột kích sân bay Bắc Cạn, pháo kích khu kho quân nhu, kho vũ khí của địch. Qua những tin tức do C100 quân báo (trung đoàn 72) và tiểu đội

«biệt động» của tinh đội Bắc Cạn cung cấp, ta dự kiến khả năng tiến công Bắc Cạn sẽ hết sức gay go nên đã tổ chức các trạm đón đồng bào từ thị xã chạy ra trước khi nổ súng. Về phía địch, sau khi ta mở chiến dịch «Đường số 4» đánh vào các cứ diêm và đoàn xe của địch từ Na Sầm về Nguyên Bình, đường số 4 không còn là hành lang an toàn nữa. Các trận đánh của Bắc Cạn trên đường số 3 cũng gây cho địch nhiều tổn thất. Việc tiếp tế cho các cứ diêm thị xã Bắc Cạn, Phú Thông gặp nhiều khó khăn. Tình hình của địch ở trên đường số 3 đã ở trong tình thế nguy ngập. Tháng 7-1941, tướng (Caspentier) (mới sang thay tướng Le Clevic) có chủ trương thu ngắn phòng tuyến biên giới, bỏ đường số 3, củng cố đường số 4 làm hàng rào ngăn cách biên giới Việt—Trung.

Ngày 17-7-1949, địch cho 200 quân tràn vào Duộc (đông nam thị xã Bắc Cạn 9 ki lô mét), bắt được 2 chiến sĩ giữ kho gạo của ta. Qua khai thác những người bị bắt, chúng biết ta chuẩn bị đánh lớn vào thị xã. Để tránh khỏi bị tiêu diệt địch khẩn trương chuẩn bị rút khỏi thị xã Bắc Cạn và các cứ diêm dọc quốc lộ số 3. Chúng phao tin để đánh lạc hướng chú ý của ta. Có lúc chúng tung dư luận quân Pháp sẽ đánh thông đường số 3 từ thị xã Bắc Cạn qua Thái Nguyên về Hà Nội, có lúc chúng lại đưa tin Pháp rút bỏ thị xã Bắc Cạn, Phú Thông và Nà Phặc để tập trung xây dựng Bằng Khâu thành một vị trí mạnh làm đầu cầu giao lưu, tiếp vận với Cao Bằng và đường số 4. Đầu tháng 8, địch tung tin sẽ rút bỏ Bắc Cạn, khi rút bỏ nơi nào đều bố trí quân tuần tiểu bao vây khu vực đó, khi quân trong trại đã rút hết, quân tuần tiểu mới rút sau.

Ngày 3-8, một đoàn xe khoảng 100 chiếc từ thị xã Cao Bằng theo đường số 3 xuống thị xã Bắc Cạn. Sau khi qua các cứ diêm Ngân Sơn (chiều 3), Nà Phặc

(ngày 4), Phủ Thông (ngày 5), sáng sớm ngày 8-8, đoàn xe của địch đến thị xã Bắc Cạn. Đè đánh lạc hướng, địch tung tin sẽ có một cuộc đòi quân, đồng thời bọn chỉ huy ra lệnh cho binh lính đốt phá tất cả những thứ chúng không mang theo được. Chúng cho gọi số nhân viên giúp việc người địa phương lên đồn dụ dỗ, nếu theo chúng sẽ được trả hết các khoản tiền lương và hưu trí. Binh lính địch được bọn chỉ huy cho phép « vô kỷ luật 24 giờ » đã ra sức phá phách, cướp bóc, làm khiếp nhân dân.

Báo Sự thật số 118 ngày 10-9-1949 đã đăng bài của Hồn Nhiên viết về ngày 8-8-1949 ở thị xã Bắc Cạn như sau: « Ngày 8-8-1949, 22 tháng sau khi Pháp nhảy dù xuống Bắc Cạn, viên quản lý tiểu đoàn lê-dương ra lệnh cho người làm bánh còn 6 bao bột trong kho làm bánh bằng hết. Làm xong 600 bánh cuối cùng thì phá lò. Viên quan hai La-rốt-Sơ sai tháo vít lấy các bia ở nghĩa địa sĩ quan và hạ sĩ quan xếp thành một đống. Trên đống, trên nhà thương khói bốc um. Bọn da đen mới về đồ ét xăng ra đốt bếp. Linh công binh xách hác ín đi quét dọn lên những khẩu hiệu trên tường.

... Sáng mùng 8, bắt đầu từ Phố Mới, lính giặc xông vào các nhà, vác búa phá hòm, phá tủ. Ai không chạy kịp là bị túm ngực khảo cửa. Chúng biết đàn bà là tay hòm chìa khóa trong nhà nên chúng nhè phụ nữ rẽ dọn tóc, lặn tà áo, nắn thắt lưng, ruột tượng, thọc tay vào những chỗ mà chúng nghi là dấu của kín nhất. Chúng đồ muối xuống cống, đồ dầu tày vào gạo, muối gạo đồ lên lết ở đường, ở đất. Chúng cướp gà, vịt, quần áo, nồi thau. Cái gì không mang đi được thì chúng đập phá, chạn, vại, gương, lọ, bàn, ghế, cả tượng chúa ở nhà thờ cũng bị chúng quật, đầu rơi lông chông.

Bọn chỉ huy địch làm một cuộc triệt hạ.

Lũ lính được dịp tàn phá vợ vét một trận cuối cùng »..

Sáng sớm 9-8-1949, quân Pháp chia thành từng toán rời thị xã Bắc Cạn hành quân theo đường số 3 lên Cao Bằng. Chúng rút quân theo phương pháp « cuốn chiếu »

toán nọ cách toán kia vài giờ, đề nghe ngóng tình hình. Trong từng toán bọn lính đi bộ đề bảo vệ các xe tải. Dịch tồ chức đội tuần tiễu bảo vệ các toán rút quân. Khoảng 4 giờ chiều, toán quân dịch cuối cùng có xe tăng yểm hộ rời khỏi thị xã Bắc Cạn.

Tối ngày 9-8, đơn vị C100 quân báo của trung đoàn 72, một phân đội của đại đội Ba Bè và một số chiến sĩ công an vào thị xã. Không khí trong thị xã trầm lặng, nhân dân đóng kín cửa, không dám ra ngoài.

Bằng phương pháp rút quân «cuốn chiếu» như ở thị xã Bắc Cạn, ngày 11-8, quân dịch rút khỏi cứ điểm Phủ Thông và Nà Phặc, ngày 13-8, rút khỏi cứ điểm Ngân Sơn và Bằng Khâu.

Được tin giặc rút lên Cao Bằng, tiểu đoàn 55 (trung đoàn 72) được lệnh cấp tốc hành quân theo đường tắt chặn đánh địch. Ngày 13-8, tiểu đoàn 55 chặn đánh toán dịch đi sau cùng tại Bằng Khâu, phá hủy 15 xe ô tô, diệt gần 100 tên.

Ngày 10-8. Tỉnh ủy Bắc Cạn họp bàn biện pháp giải quyết các vấn đề sau ngày dịch rút khỏi Bắc Cạn, quyết định thành lập Ủy ban lâm thời thị xã, cử cán bộ đến động viên, giúp đỡ các gia đình nhân dân bị tai nạn chiến tranh. Cũng trong ngày 10-8, ta ra lệnh giới nghiêm trong thị xã. Ngày 12-8, cán bộ lãnh đạo chính quyền tỉnh và chỉ huy trung đoàn 72 vào tiếp quản thị xã, ra lệnh giải tán các đơn vị ngụy binh.

Trước sự việc dịch rút quân đột ngột, ta lại chưa có kinh nghiệm tiếp quản thị xã giải phóng nên lúc đầu rất lúng túng, bỏ quá nhiều việc cần thiết phải làm, do đó việc tổ chức giữ gìn trật tự, trị an, bảo vệ tài sản công cộng, thu hồi chiến lợi phẩm còn rất nhiều thiếu sót, sơ hở.

Nhân dân và các cơ quan tự động kéo về thị xã, tự ý lựa chọn nhà ở, ai về trước ở trước, ai về sau ở sau, ngang nhiên di thu nhật bàn, ghế, đồ đạc, gây nên tình trạng tranh giành nhau. Nhân dân và một số ít cán bộ tự động đào, bới, thu nhặt phụ tùng, máy móc, thuốc men, dầu dạn và vỏ đạn bằng đồng để đem bán (bán cả vỏ đạn và đầu đạn đồng cho con buôn đem vào vùng địch). Có sự chỉ đạo của chính quyền quân quản, tình hình thị xã dần dần trở lại ổn định.

Ngày 19-8, tại thị xã, quân, dân Bắc Cạn tổ chức mít tinh trọng thể kỷ niệm lần thứ 4 Cách mạng tháng 8 thành công. Ngày 24-8-1949, ta tổ chức trọng thể lễ mừng chiến thắng tại sân bay Cầu Phà. Trong buổi lễ, đại diện chính quyền tỉnh Bắc Cạn đọc thư của Hồ Chủ tịch gửi toàn thể lực lượng vũ trang và nhân dân tỉnh Bắc Cạn. Thư của Hồ Chủ tịch có đoạn:

« Sau 2 năm ra sức bám lấy Bắc Cạn, ngày nay giặc Pháp đã bị đuổi ra khỏi căn cứ quan trọng ấy.

Sau 2 năm dưới gót giày dã man, tàn nhẫn của quân Pháp ngày nay Bắc Cạn đã được giải phóng.

Đó là nhờ sự chiến đấu anh dũng của quân đội, nhờ lòng kiên quyết kháng chiến của đồng bào, nhờ đồng bào thị xã đã hăng hái hưởng ứng.

Đó là nhờ quân và dân ta nhất trí trong đánh ra, ngoài đánh vào mà có thắng lợi ấy.

Tôi thay mặt Chính phủ gửi lời thân ái khen ngợi bộ đội và dân quân, du kích cùng đồng bào Bắc Cạn. Tôi gửi lời chào thân ái, an ủi đồng bào thị xã Bắc Cạn đã được trở lại trong cánh tay yêu mến của Tổ quốc.

Trong cuộc trường kỳ kháng chiến của ta, lần này là lần đầu tiên một thị xã quan trọng đã được giải phóng.

Thắng lợi này sẽ làm dà cho những thắng lợi khác to lớn hơn, vẻ vang hơn.

Tuy vậy, tôi cần nhắc lại, quân và dân ta phải luôn luôn nhớ rằng: Càng thất bại thì giặc Pháp càng liều mạng, càng dã man. Ta càng gần thắng lợi to thì càng phải đề phòng gặp khó khăn nhiều.

Vì vậy, chúng ta tuyệt đối chớ chủ quan, khinh địch, chớ sơ xuất kiêu ngạo. Trái lại, càng thắng lợi, chúng ta càng phải cẩn thận, càng phải đề phòng và chuẩn bị, càng phải cố gắng về mọi mặt, đề giải quyết những khó khăn mới và đề tiến đến thắng lợi hoàn toàn, đề tranh lấy thống nhất và độc lập hoàn toàn và thực sự¹.

Sau khi đọc xong thư của Hồ Chủ tịch, đồng chí Võ Nguyên Giáp, Đại tướng Tổng chỉ huy lên đọc Nhật Lệnh. Lễ mừng chiến thắng kết thúc bằng cuộc diễu hành qua thị xã của các tiểu đoàn chủ lực có đoàn quân nhạc dẫn đầu. Được tận mắt thấy đoàn quân tuy dầu đội mũ nan, chân đi đất hoặc dép cao su, nhưng tư thế hùng dũng, trang bị nhiều vũ khí, nhân dân Bắc Cạn rất xúc động, tự hào, phấn khởi. Việc địch buộc phải rút khỏi Bắc Cạn — nơi mà chúng coi là «con dao găm kề sau gáy đối phương» — là một thắng lợi lớn của quân và dân cả nước nói chung, của quân và dân Bắc Cạn, Thái Nguyên nói riêng. Thắng lợi ấy chứng tỏ lực lượng kháng chiến của ta ngày càng trưởng thành và lớn mạnh. Quân và dân Bắc Cạn, Thái Nguyên phấn khởi, tự hào đã góp phần quan trọng làm nên chiến thắng ấy.

Dịch rút, Bắc Cạn trở thành tỉnh đầu tiên trong cả nước được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của thực

1. Bác Hồ với Bắc Thái: Ty Văn hóa Thông tin Bắc Thái xuất bản 1978. tr. 17 — 18.

dân Pháp. Quân và dân Bắc Cạn bước vào thực hiện nhiệm vụ của một tỉnh hậu phương ra sức củng cố hậu phương kháng chiến vững mạnh, bổ sung quân số cho chủ lực và sửa chữa cầu, đường đảm bảo giao thông luôn luôn thông suốt.

Tiểu phi bảo vệ bản làng :

Sau cách mạng Tháng 8-1945, đã có thò phi hoạt động cướp bóc rải rác ở một số nơi trong tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên. Khi chiếm đóng một số vị trí trên đường số 4 (Cao Bằng) Pháp đã trang bị vũ khí cho bọn phản động ở Nguyên Bình, Bảo Lạc (Cao Bằng) đề quấy rối hậu phương ta. Bọn phản động ở Nguyên Bình, Bảo Lạc đã cấu kết, giúp đỡ một số tên phản động ở huyện Chợ Rã (Bắc Cạn) nổi lên hoạt động phi, chống phá chính quyền cách mạng, cướp bóc, giết hại nhân dân.

Huyện Chợ Rã (nay thuộc tỉnh Cao Bằng) có hơn 10 xã, nằm giữa một miền núi trùng điệp với hàng chục ngọn núi cao trên, dưới 1 nghìn mét. Đỉnh Phía Dạ (thuộc xã Nhạn Môn) cao 1640 mét được coi là nóc nhà của khu vực địa giới 4 tỉnh : Bắc Cạn, Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang. Do núi, sông hiểm trở nên dân cư thưa thớt, phân bố không đều. Người Tày, người Nùng, người Hoa làm ruộng bậc thang và nương rẫy ven các thung lũng. Người Dao, người Mèo sống du canh trên các triền núi cao. Ngoài ngũ cốc, nhân dân còn trồng thuốc phiện đề hút và bán, chăn nuôi trâu bò khá phát triển. Từ lâu ở Chợ Rã đã xuất hiện việc mua, bán, đổi, chác, buôn lậu thuốc phiện và trâu, bò theo những con đường riêng lên biên giới, xuống đồng bằng. Vùng Bắc Chợ Rã gồm 3 xã cũ là Giáo Hiệu, Cao Thượng và Bành Trạch, phía bắc giáp huyện Nguyên Bình (Cao Bằng) phía nam giáp 2 xã Thượng Giáo và Mẫu Ninh, phía đông giáp xã Vĩnh Quang

và đường quốc lộ số 3, phía tây giáp huyện Bảo Lạc (Cao Bằng) và huyện Na Hang (Tuyên Quang). Xã Giáo Hiệu được chia thành 7 xã nhỏ là Việt Xô, Việt Hoa, Hưng Thịnh, Xuân La (nay là Liên Minh), An Thắng (Văn Yên), Bằng Thành (nay là Hùng Cường) và Đại Đồng.

Ngày 16-10-1947, quân Pháp từ Phú Thông lên chiếm huyện lỵ Chợ Rã và từ Cao Bằng theo đường quốc lộ 3 xuống chiếm khu vực cầu Bành Trạch (Chợ Rã), giặc Pháp vừa lập đồn, trại cho quân đóng giữ, vừa mua chuộc, dụ dỗ, cấp súng đạn, tiền của giúp đỡ bọn phản động nổi lên hoạt động phi ở vùng bắc Chợ Rã, đề « dùng người Việt đánh người Việt », gây mất ổn định chính trị, xã hội, phá hoại công cuộc kháng chiến của ta. Lực lượng phi đã phát triển nhanh chóng từ các nhóm lẻ tẻ đi lên lút, đến lập cứ điểm, đóng quân kiểm soát từng khu riêng. Tính đến tháng 1-1948, tại các sào huyệt chính, lực lượng phi đã có tới 520 tên. Linh phi đa số là người dân tộc ít người, bị lừa bịp, mê hoặc bởi tập tục và bị cưỡng bức đi làm phi. Với các khẩu hiệu « đánh người Thờ lấy ruộng, người Mán làm vua », « đánh người Kinh cướp muối, đánh người Tày cướp ruộng », bọn cầm đầu phi đã lôi kéo, ép buộc toàn bộ dân ở một số thôn, bản theo chúng làm phi như các thôn Khuổi Bốc, Pù Chóng, Cốc Vản, Tú Chè (xã Xuân La), Pộc Bó, Nặm Khiếu (xã Đại Đồng), Bảo Nghiệp, Nà Bốc (xã An Thắng), Pắc Nặm, Lũng Trè, Trà Cầu (xã Bằng Thành), các bản Canh Kia, Phương Mân, Trà Lầu (thôn Nghiên Loan) v.v...

Phi tồ chức thành đồn đóng ở những nơi xung yếu dễ đi cướp phá, dễ kiểm soát và dễ bảo vệ cho các đồn Pháp như đồn Tin Túc, đồn Cao Sơn, đồn Bành Trạch. Bọn phi tồ chức canh gác ở trên các đỉnh đồi cao, đường ra vào cách nơi ở của chúng từ 1 đến 2 ki-lô-mét.

Sào huyết chính của phi đóng tại Pắc Nặm (xã Bằng Thành), Bản Nghiêng (xã An Thắng), Pù Choáng (xã Xuân La). Chỉ huy phi là Sí Lìn và Triệu Văn Nhất và các tên cầm đầu các nhóm phi như: Lý Trần Cua, Bàn Đức Deng, Trương Văn Khoáng...

Sí Lìn từng làm bang trưởng Hoa Kiều trong Nam Dương Hoa kiều hiệp hội, với nghề buôn bán muối, tạp hóa tại phố Mỏ và Pắc Nặm, Sí Lìn là Hoa thương có quan hệ rộng từ Chợ Rã về thị xã Bắc Cạn với những tên cầm đầu « Nam Dương Hoa kiều hiệp hội » và số chức sắc người thiểu số ở Chợ Rã. Sí Lìn to, khỏe có tài uống rượu. Hắn có 2 vợ một người Thờ ở Chợ Rã và một người Hoa ở Bảo Lạc (Cao Bằng)

Ngày 7-10-1947 khi Pháp tiến công Việt Bắc, Sí Lìn đang có mặt ở thị xã Bắc Cạn. Hắn liên hệ ngay với Pháp, nhận chỉ thị trở lại Chợ Rã tìm cán bộ Việt Minh báo cho Pháp bắt. Sí Lìn tìm cách lôi kéo, mua chuộc Triệu Văn Nhất (Quản Chiêu Nhất) ở bản Nà Còi, xã Giáo Hiệu là người đứng đầu dân Mán, Nùng ở vùng bắc Chợ Rã theo Pháp chống cách mạng. Lôi kéo được Triệu Văn Nhất theo Pháp, Sí Lìn sẽ được Pháp trọng dụng, được độc quyền buôn bán một vùng và thông qua Triệu Văn Nhất Sí Lìn sẽ có đội quân người dân tộc thiểu số để chỉ huy, Sí Lìn sẽ có cơ hội đè ép buộc Triệu Văn Nhất phải gả con gái là Triệu Thị Ngọc Hoa (tức Triệu Thị Nải) cho y.

Được Pháp giúp đỡ, chỉ một thời gian ngắn, Sí Lìn đã lôi kéo được Triệu Văn Nhất ngã theo Pháp làm phi. Pháp đã phong Triệu Văn Nhất làm cố vấn chính trị cho Pháp ở đồn Bành Trạch. Triệu Văn Nhất đã gả con gái cho Sí Lìn đưa sang Tĩnh túc.

Sí Lìn và Triệu Văn Nhất được Pháp cung cấp thêm vũ khí xây dựng lực lượng phi. Đề tập hợp tay chân là người thiểu số, Triệu Văn Nhất đã phong cho Triệu Văn

Mạn làm phó Quản Mán ở bản Nà Còi và phong cho Lý Trần Cua, Triệu Tài Văn làm chỉ huy trưởng và chỉ huy phó các toán phi người Mán.

Bọn phi tập hợp được với nhau đã liên tiếp gây ra các vụ cướp, phá, bắn giết rất dã man ở các thôn, bản trong các xã phía bắc Chợ Rã, gây nên tình trạng hỗn loạn, căng thẳng, lo lắng, sợ hãi bao trùm lên nhân dân trong vùng và các xã lân cận.

Đêm 7-11-1947, gần 100 thổ phi với 60 khẩu súng do Triệu Văn Nhất chỉ huy đã đột nhập vào Bản Lấp (xã Bành Trạch). Rạng 8-11, từ 4 phía chúng tràn vào đốt toàn bộ 30 nóc nhà, cướp 23 con trâu, bò, 7 con lợn, 300 gánh thóc, 11 nồi cháo, 2 súng kíp và nhiều vải vóc, quần áo của nhân dân.

Đêm 13-11-1947, một toán phi do Triệu *TaSlán* chỉ huy đã tràn vào Khuổi Viêng, Bản Mạn (xã Giáo Hiệu) bắn chết 13 người (có người sau khi bị bắn chết còn bị chúng chặt đầu, mổ bụng, moi gan), bắt đi 3 người khác, đốt 37 nóc nhà, cướp 24 con trâu, bò, 700 gánh thóc và 840 đồng bạc trắng.

Đêm 18-11-1947, bọn phi phối hợp với lính Pháp do Triệu Văn Nhất chỉ huy đã tấn công vào Khuổi Lượi (xã Minh Phúc), bắn chết anh Lương Văn Chức, đốt 15 nóc nhà, cướp 8 con trâu, bò, 275 gánh thóc và ngô, 2 khẩu súng kíp và nhiều quần áo, lợn, gà...

Đêm 28-2-1948, một toán phi do Bàn Đức Mạn chỉ huy đã đột nhập vào Nà Miếng (xã Bành Trạch) để tìm giết các cán bộ Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Không giết được cán bộ xã, chúng đã đốt 11 nóc nhà, cướp 12 con trâu, bò, 3 súng kíp.

Trong gần 2 năm 1947, 1948, bọn phi ở bắc Chợ Rã đã giết 39 người, bắn bị thương 3 người, đốt 120 nóc nhà, cướp 171 con trâu, bò, 1541 gánh thóc, ngô, 19 khẩu súng các loại và nhiều lợn, gà, tiền bạc của nhân dân trong

vùng, gây nên không khí hoang mang, sợ hãi trong dân chúng.

Đề đối phó kịp thời với các hoạt động phá hoại của phi, đầu tháng 11-1947, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bắc Cạn đã chỉ đạo chính quyền huyện Chợ Rã lãnh đạo du kích và công an địa phương tích cực đề phòng và tiêu diệt phi. Tỉnh ủy Bắc Cạn đã ra nghị quyết « coi tiêu phi là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu » của tỉnh và quyết định thành lập « Đội vũ trang tuyên truyền » gồm 40 cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ vận động nhân dân tiêu phi.

Trung đoàn 72 điều đại đội 39 từ Ngân Sơn sang Chợ Rã tiêu phi. Ty công an Bắc Cạn thành lập « Đội công an xung phong » làm nhiệm vụ phối hợp với bộ đội, du kích tiêu phi do đồng chí Nguyễn Phú Hùng làm đội trưởng, Trung đoàn 72 đã trang bị đầy đủ vũ khí cho « Đội công an xung phong » tỉnh Bắc Cạn. Tại Chợ Rã, đại đội 39. Đội công an xung phong, Đội vũ trang tuyên truyền được bổ xung thêm du kích địa phương thành lập Liên đội tiêu phi. Bộ đội đã phối hợp với công an và du kích tấn công một số vị trí phi chiếm giữ như Nà Còi, Nùng Diếc (xã Bành Trạch), Canh Kia, Phia Lình (xã Thượng Giáo), Lũng Chè, Đông Phần (xã Bằng Thành) diệt và làm bị thương nhiều tên, buộc chúng phải rút lui, hoặc lần trốn vào vùng rừng núi giáp với 2 huyện Chợ Rã, Nguyên Bình.

Cuộc tấn công tiêu diệt phi chính thức bắt đầu từ cuộc chiến đấu chống thổ phi tập kích vào Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Chợ Rã ở Nà Đon, Bạch Pàn (xã Thượng Giáo) ngày 2-1-1948. Đêm 2 rạng 3-1-1948, 200 phi với súng máy và nhiều súng trường Mỹ do Sí Lìn và Triệu Văn Nhất chỉ huy đã tấn công vào trụ sở Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Chợ Rã đóng ở Nà Đon và Bạch Pàn (xã Thượng Giáo) nhằm chiếm huyện lỵ, diệt Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, và đưa Sí Lìn lên làm Tri

châu Chợ Rã. Bọn phi chia làm 2 mũi: mũi thứ nhất từ bản Canh Kia (thôn Nghiên Loan) đánh úp bản Ngà, qua Nà Sầm bao vây Nà Don, Bạch Pàn. Mũi thứ 2 từ Khuổi Trà đánh qua Lũng Diếc, thẳng xuống Bạch Pàn rồi chiếm tiếp Na Cù.

Về phía ta, Đội công an xung phong đã phát hiện phi tập trung quân đề đánh vào cơ quan huyện nhưng chưa rõ thời gian, Trung đoàn 72 điều gấp đại đội 395 do đồng chí Minh Hạc chỉ huy lên tăng cường bảo vệ cơ quan huyện và tuần tiễu phi tại Chợ Rã.

Tối 2-1, các đơn vị bộ đội và công an họp bàn phương án phối hợp tiêu phi tại huyện lỵ. Sau cuộc họp, Đội công an xung phong đã cử 1 tiểu đội hành quân chặn đánh phi ở hướng Nghiên Loan. Tiểu đội Công an xung phong đã gặp phi và kịp thời nổ súng chặn mũi tiến công của chúng. Bọn phi phải bỏ chạy.

Mũi phi thứ 2 nổ súng tấn công vào gần trụ sở Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, nhưng bất ngờ chúng bị bộ đội và công an đã tập kết tại đó đánh lại. Tuy nhiên ta cũng bị bất ngờ vì bộ đội vừa đến buổi chiều thì đêm đó đã bị phi tiếp cận tiến công. Cuộc chiến đấu giữa bộ đội ta và bọn phi kéo dài tới sáng 3-1 thì phi phải rút bỏ lại 20 xác chết và 10 tên bị thương. Ta thu được 1 cuốn sổ ghi danh sách bọn chỉ huy và lính phi trong vùng. Theo danh sách này, ta đã bắt được tên Nông Kỳ Dầu là Hoa thương buôn bán tạp hóa ở Chợ Rã làm tham mưu trưởng đầu mắt của phi. Sau trận đánh vào cơ quan huyện Chợ Rã bị thất bại, Sí Lìn bị lộ phải rút đi nơi khác. Liên đội tiểu phi đã kịp thời rút kinh nghiệm và chia lực lượng thành 2 hướng: một hướng bao vây khu vực Bành Trạch, một hướng đánh lên phía bắc huyện Chợ Rã nhằm tiêu hao và đôn bọn phi xuống khu vực Bành Trạch để bao vây, tiêu diệt. Cuối tháng 1-1948, hướng đánh lên

phía bắc huyện đã tấn công địch ở Pu Choóng và các vị trí dọc địa giới Chợ Rã, Nguyên Bình, buộc bọn phi phải chạy dạt sang vùng Nguyên Bình (Cao Bằng).

Ngày 29-1-1948, ta tấn công 100 tên phi ở bản Trà (Bành Trạch), quân Pháp đóng ở cầu Tác Bực cho quân ra ứng cứu bị ta chặn đánh phải rút. Sào huyệt phi ở Bản Trà bị triệt phá, hầu hết bọn phi bị tiêu diệt. Ngày 12-2-1948, ta đánh phi ở Lũng Chủ (xã An Thắng), diệt gần hết bọn phi ở đây, thu lại cho dân 50 con trâu, ngựa. Trong trận này, chiến sĩ du kích Nguyễn Văn Y (Đại đội du kích Ba Bè) người đã cướp súng giặc, diệt giặc trong trận tập kích đồn Phủ Thông đêm 30-11-1947, đã anh dũng hy sinh. Để ghi nhớ công lao của người liệt sĩ đã dũng cảm hy sinh vì sự nghiệp giải phóng quê hương, nhân dân xã An Thắng đã lấy tên liệt sĩ Nguyễn Văn Y đặt tên cho xã mình (xã Văn Y).

Đầu tháng 3-1948, do yêu cầu tác chiến của kế hoạch Xuân — Hè 1948, đại đội 395 (trung đoàn 72) và đại đội du kích Ba Bè rút về tập trung cho mặt trận đường số 3. Nhiệm vụ tiểu phi gặp nhiều khó khăn: địa bàn rừng núi hiểm trở, lực lượng quân sự của ta ít, nhân dân các dân tộc chưa được tuyên truyền giác ngộ đầy đủ. Tỉnh ủy Bắc Cạn chủ trương vừa ra sức củng cố, xây dựng lực lượng dân quân, du kích các xã vừa đẩy mạnh công tác xây dựng đảng, củng cố chính quyền, phát triển các đoàn thể quần chúng rộng khắp tại các vùng phía bắc Chợ Rã. Đại đội 39 phân thành các tiểu, tổ độc lập tỏa xuống các xã để xây dựng, củng cố dân quân, du kích và phát triển các đoàn thể quần chúng cùng tham gia vận động tiểu phi. Dựa vào các đoàn thể quần chúng, ta tuyên truyền giáo dục và giác ngộ được một số đồng bào bị bọn phi lừa bịp, chống chế. Thông qua quần chúng, ta nắm thêm một số tình hình về binh lực, tinh thần của bọn phi.

Giữa tháng 5-1948, sau khi được bổ sung thêm lực lượng du kích và công an xung phong, liên đội tiểu phi đã phối hợp với 2 trung đội tiểu phi của Cao Bằng đang hoạt động tại vùng Bảo Lạc (Cao Bằng) mở đợt tiến công mới vào các vị trí phi ở vùng giáp ranh Chợ Rã — Nguyên Bình — Bảo Lạc. Đêm 15-7-1948, lực lượng tiểu phi đã vây chặt bọn phi ở đồn Pác Sáo, Pác Phán, Phiêng Pha, Cao Lù, kiểm soát quãng đường gần 10 km không cho phi tiếp tế cho nhau. Tấn công đồn Pác Sáo, ta thu lại được 5 con trâu, 4 con bò, 11 súng trường Mỹ, phá 5 lán ở của phi. Biết không chống trả được trước lực lượng mạnh của ta, bọn phi buộc phải rời bỏ một số vị trí quan trọng rút lên vùng Tĩnh Túc (Cao Bằng) và chạy sâu vào các triền núi hiểm trở. Bị thất bại về quân sự, gặp khó khăn về kinh tế, nội bộ của chúng càng thêm lục đục, nên từ cuối tháng 5 đến cuối tháng 8-1948, ngoài một vài hành động lên lút cướp bóc nhỏ nhằm giải quyết lương ăn của một vài toán lẻ, còn đại bộ phận phi nằm im chờ thêm lực lượng. Thực dân Pháp vội tìm cách vừa kích động, vừa tung tiền của, cung cấp vũ khí, giúp cho bọn trùm phi củng cố lại các sào huyệt của phi ở Pắc Nặm, Bản Nghênh... Pháp đã tổ chức, móc nối các đội quân phi ở Chợ Rã với phi Nguyên Bình và các đồn Pháp ở Tĩnh Túc. Từ cuối năm 1948 đầu năm 1949, được Pháp trợ giúp, bọn thổ phi lại điên cuồng hoạt động cướp bóc, phá hoại hậu phương ta suốt một vùng từ Bằng Thành đến Giáo Hiệu, Văn Y, Nghiên Loan v.v. Lực lượng phi được củng cố, có lần chúng đã tổ chức tấn công lực lượng tiểu phi của ta. Đêm 17-7-1948, lực lượng tiểu phi tấn công phi ở Pác Sáo. Lực lượng phi có 30 tên được trang bị 1 súng máy, 1 sten, 1 thom sơn, nhiều súng trường, lựu đạn. Ta đang tổ chức bao vây thì bị lộ, bọn phi ở Sấm Tu nổ súng bao vây lại ta. Hỏa lực của phi mạnh, lại bố trí trên núi cao nên ta phải rút. Bọn phi

đuổi theo ta đến tận giáp giới Pác Nặm. Từ tháng 1 đến tháng 3-1949, bọn phi đã tổ chức nhiều cuộc càn quét vào các vùng Thượng Giáo, Vinh Quang, Cao Thượng... cướp 69 con trâu, nhiều thóc lúa và tài sản của đồng bào. Ngày 22-2-1949, khoảng 200 tên phi tràn xuống các bản Phia Liêng, Nà Nhòì, Khuổi Dăm, cướp phá, giết hại 8 dân thường, đốt 42 nóc nhà, cướp 22 con trâu, bò và 450 gánh thóc. Ngày 23-3-1949, một toán 20 tên phi lại tràn xuống cướp phá Khau Pụt (xã Thượng Giáo) và uy hiếp huyện lỵ Chợ Rã.

Cuối tháng 3-1949, ta phối hợp với lực lượng tiểu phi Cao Bằng mở cuộc tổng công kích vào bọn phi dọc vùng giáp giới giữa hai tỉnh Cao Bằng — Bắc Cạn. Ngày 31-3-1949, tiểu đội tuần tiễu do đồng chí Hà Văn Lợi — trung đội trưởng (thuộc đại đội 39) chỉ huy gặp 7 tên phi từ Nà Chèn đi sang Bản Nghiêng. Ta nổ súng diệt 1 tên, bắn bị thương tên Lục Văn Phia chỉ huy toán phi, thu 1 lựu đạn và 60 viên đạn. Trong trận này, đồng chí Hà Văn Lợi đã hy sinh. Bị tiến công đồng loạt, bất ngờ, bọn phi chống cự rời rạc và bỏ chạy toán loạn lên vùng núi cao hiểm trở. Tại các căn cứ chính của chúng ở Chợ Rã như Bản Nghiêng (xã Văn Y), Pác Nặm (xã Bằng Thành), ta tiêu diệt và phá tan sào huyệt của chúng. Trong trận tấn công phi ở Bản Nghiêng, ta đã diệt một số tên cầm đầu các toán phi như Lục Văn Phia (cầm đầu bọn phi vùng Yên Ninh, Thượng Giáo, Giáo Hiệu, Bành Trạch) và Hoàng Văn Chấn (cầm đầu phi tại các vùng Giáo Hữu, Cao Thượng và vùng giáp ranh Nguyên Bình — Bảo Lạc). Đầu tháng 4-1949, các lực lượng tiểu phi Bắc Cạn, Cao Bằng truy lùng phi tại các hang ổ nằm sâu trong rừng, núi giáp giới giữa Chợ Rã, Nguyên Bình, Bảo Lạc, diệt thêm một số tên ngoan cố, đưa hàng chục gia đình bị cưỡng bức theo chúng trở lại quê hương làm ăn.

Đề công tác tiểu phi trở thành phong trào của toàn dân, phát huy sức mạnh của các làng, bản, ngày 8-5-1949, tỉnh ủy Bắc Cạn chủ trương lập bản, làng chiến đấu tại các vùng có phi hoạt động. Thực hiện chủ trương này, đồng bào dân tộc các xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Văn Y, Bằng Thành... trước đây sống phân tán nay quần tụ lại thành bản, làng. Trong các bản, làng, nhân dân tổ chức lại lực lượng dân quân, du kích, trang bị thêm vũ khí và tăng cường canh gác bảo vệ. Các tiểu, tổ võ trang tuyên truyền cùng chính quyền và công an địa phương tiến hành tuyên truyền, vận động các gia đình có người theo phi quay trở về. Một số tên có nhiều nợ máu với đồng bào, không chịu hối cải đã bị bắt và xét xử. Nhiều toán phi tan rã, nhiều tên đã ra đầu thú và được khoan hồng. Một số lần trốn lên các vùng núi cao không dám hoạt động cướp phá. Trong những ngày cuối tháng 3 đầu tháng 4, ta đã bắt và trừng trị 63 tên. Như vậy, lực lượng quân sự phi căn bản bị đập tan. Giữa năm 1949 tình hình vùng bắc Chợ Rã dần trở lại ổn định. Thời gian sau đó, ta tiếp tục dùng nhiều biện pháp tiêu diệt hoặc bắt giữ các tên cầm đầu phi còn cố tình lẩn trốn. Đầu tháng 10-1949, Đội công an xung phong dùng mưu bắt trùm phi Trương Văn Khoáng tại bản Bản Phục. Ngày 11-10-1949, Sí Lin bị một viên đội người Mán Đỏ bắn chết rồi cướp Triệu Thị Nải làm vợ. Giặc Pháp ở Chợ Rã rút về Cao Bằng, các tên cầm đầu phi như Triệu Văn Nhất, Lý Trần Cua, Triệu Tài Văn... hoặc rút theo Pháp, hoặc tiếp tục lẩn trốn. Đến cuối tháng 11, công tác tiểu phi căn bản hoàn thành. Ngày 21 và 22-12-1949, các huyện Bảo Lạc, Chợ Rã, Nguyên Bình, Xuân Trường tổ chức hội nghị liên huyện về tiểu phi. Từ ngày 23 đến ngày 25-12-1949, ta tổ chức hội nghị tổng kết kinh nghiệm tiểu phi tại Chợ Rã. Sau hội nghị, Liên đội tiểu phi giải thể. Nhiệm vụ tiểu phi, bảo vệ vùng núi phía

Bắc giao lại cho đảng bộ, chính quyền, cơ quan quân sự và công an Chợ Rã điềm nghiệm.

*
**

Sau 2 năm tiểu phi ở vùng núi bắc Chợ Rã, quân, dân ta giành được những thắng lợi quan trọng. Với bao khó khăn gian khổ và cả hy sinh xương máu của nhiều cán bộ, chiến sĩ Liên đội tiểu phi, chúng ta đã đập tan căn bản lực lượng quân sự phi, có sự trợ giúp của Pháp về binh lực, vũ khí, đưa đồng bào các dân tộc trở lại làm ăn sinh sống bình yên và bước đầu lập nên một số làng chiến đấu, bảo vệ quê hương. Bằng các đòn tiến công quân sự vào sào huyệt phi, kết hợp với tuyên truyền vận động, tính đến cuối năm 1949, quân, dân ta đã diệt và bắt hàng trăm tên phi giành lại nhiều tài sản cho đồng bào. Thắng lợi này góp phần làm thất bại một bước âm mưu thâm hiểm của thực dân Pháp hòng phá hậu phương kháng chiến của ta bằng lực lượng thổ phi và bè lũ tay sai. Đó cũng chính là một thất bại trong chính sách « dùng người Việt đánh người Việt » của thực dân Pháp xâm lược.

Cùng với cuộc vận động phá tề, ngụy, trừ gian và các tổ chức phản động ở Bạch Thông, Ngân Sơn, thị xã Bắc Cạn, thắng lợi trong vận động tiểu phi tại Chợ Rã đã cô lập quân Pháp trong các vị trí, tạo điều kiện thuận lợi cho mặt trận đường số 3 đánh đuổi quân Pháp khỏi thị xã Bắc Cạn, giải phóng toàn tỉnh. Đập tan lực lượng quân sự phi ở Chợ Rã, ổn định dần hậu phương, lực lượng vũ trang có điều kiện tập trung đánh giặc trên mặt trận chính; nhân dân thêm tin tưởng vào kháng chiến, tích cực chi viện cho các chiến trường.

Trải qua thực tế chiến đấu trên một địa bàn núi, rừng hiểm trở, trong những điều kiện cực kỳ khó khăn phức tạp, các cấp bộ đảng tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh. Bộ đội, công an, dân quân, du kích đã trưởng thành cả về số lượng lẫn phương thức hoạt động và có thêm thêm nhiều hoạt động diệt phi, trừ gian. Các cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được củng cố một bước.

Tuy nhiên do chưa nhận thức đầy đủ tính chất phức tạp của cuộc vận động tiêu phi, cũng như việc xác định phân hóa kẻ thù, nên có nơi, có lúc, ta đã hành động quá «tả», xử lý tràn lan gây nên mối nghi ngờ, bất mãn trong một số quần chúng. Trong điều kiện đời sống của đồng bào các dân tộc vùng cao còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, trình độ giác ngộ còn hạn chế nhưng công tác tuyên truyền giác ngộ và vận động quần chúng chưa được chú ý kịp thời và tương xứng với tiến công quân sự. Vì những hạn chế, thiếu sót trong công tác chỉ đạo và thực hiện nên lực lượng quân sự phi tuy bị đánh tan nhưng cơ sở xã hội của nó chưa thực sự bị xóa bỏ, mầm mống của các thế lực thù phi chưa hẳn được diệt trừ ở các vùng núi cao.

II. DÁNH BẠI CUỘC HÀNH BINH «PHỐC», GÓP PHẦN VÀO CHIẾN THẮNG BIÊN GIỚI 1950

Thực dân Pháp rút khỏi Bắc Cạn, 2 tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên hoàn toàn được giải phóng. Căn cứ địa Việt Bắc được mở rộng. Quân và dân Bắc Cạn, Thái Nguyên vừa làm nhiệm vụ của hậu phương kháng chiến, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương, góp phần bảo vệ và củng cố Căn cứ địa Việt Bắc.

Từ Thu Đông 1948 trở đi, lực lượng vũ trang của ta vừa phải đối phó với các cuộc hành quân lấn chiếm của địch vừa mở nhiều chiến dịch trên các chiến trường toàn quốc¹ do đó nhu cầu huy động sức người, sức của trong nhân dân cho các chiến trường ngày càng lớn.

Tháng 4-1949, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh thành lập bộ đội địa phương. Tháng 8-1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị xây dựng bộ đội địa phương và ngày 12-12-1950, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh tổng động viên. Bắc Thái từng bước huy động thanh niên, con em các dân tộc nhập ngũ, xây dựng lực lượng vũ trang, tiếp tục củng cố và phát triển dân quân, du kích, xây dựng bộ đội địa phương. Đến năm 1950, lực lượng dân quân, du kích phát triển tới hàng vạn người, riêng Thái Nguyên có 92.449 người. Bộ đội địa phương từng bước được hình thành và phát triển ở tỉnh và các huyện. Sự tăng cường lực lượng vũ trang và bán vũ trang đòi hỏi những nỗ lực mới trong việc đảm bảo hậu cần cho bộ đội « ăn no, đánh thắng ». Nhân dân các dân tộc Bắc Cạn, Thái Nguyên hưởng ứng phong trào quyên góp ủng hộ bộ đội nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong khoảng 2 tuần đầu tháng 5-1950, tỉnh Thái Nguyên ủng hộ bộ đội hàng chục tấn lương thực và hàng chục vạn đồng. Riêng nhân dân huyện Phú Bình đã quyên góp ủng hộ bộ đội 3250 ki lô gam thóc và 438.885 đồng. Cùng với việc củng cố, phát triển lực lượng, ở những nơi giáp ranh với vùng địch chiếm đóng như Phú Bình, Phò Yên, bộ đội cùng dân quân du kích vừa sẵn sàng đánh càn quét bảo vệ quê hương vừa phối hợp với chủ lực tác chiến trên địa bàn các tỉnh bạn. Tháng 7-1949, khi Pháp mở cuộc hành quân Bát-xi đánh lên Hà Bắc, Phú Bình

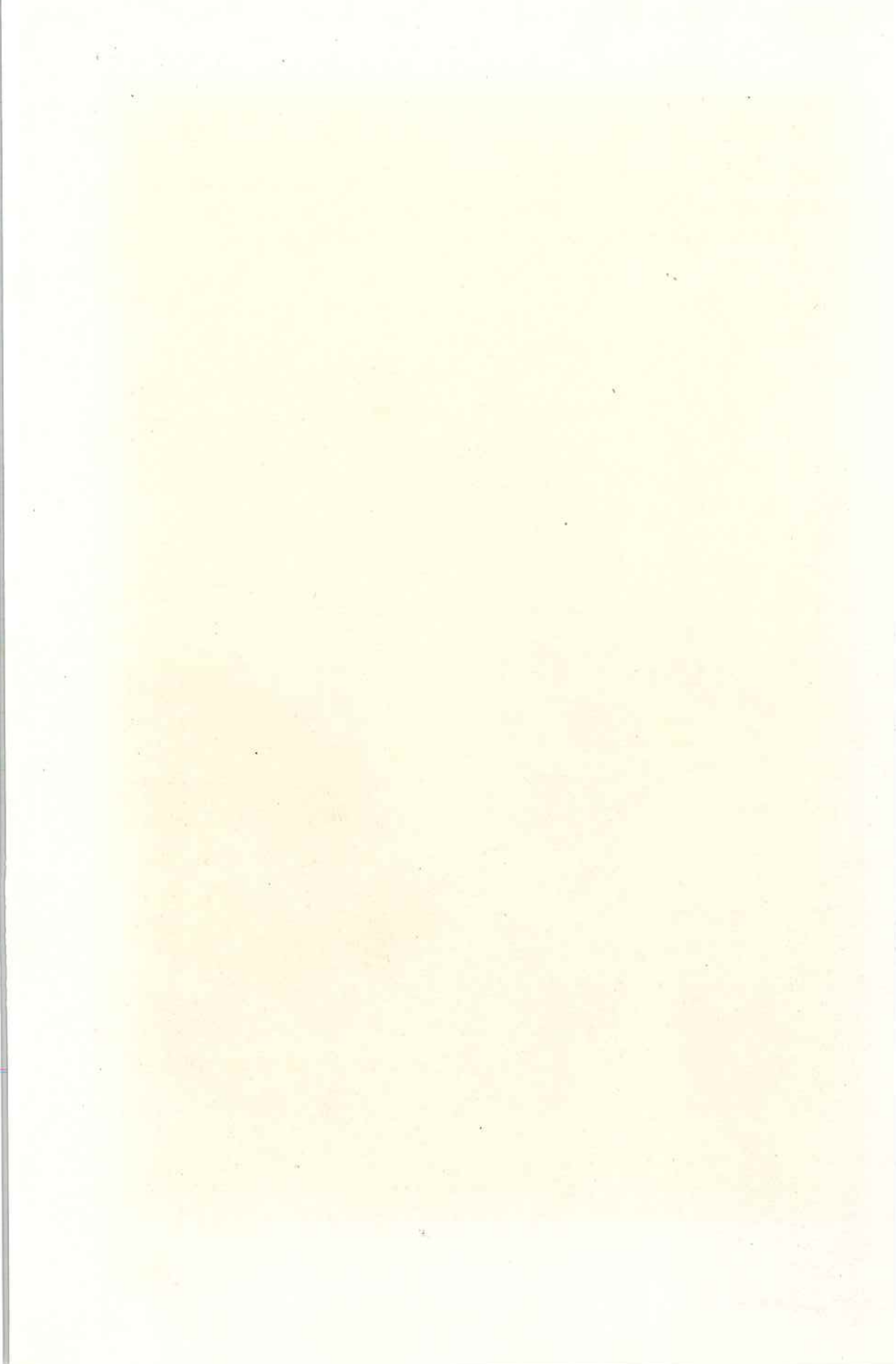
1. Từ cuối năm 1948 đến trước chiến dịch Biên giới 10-1950 ta mở 30 chiến dịch lớn, nhỏ.

đã cử một phân đội sang Bắc Ninh chiến đấu. Tháng 11-1949, Phú Bình cử tiếp 1 trung đội bộ đội địa phương đi tham gia tác chiến ở Phúc Yên. Nằm cửa ngõ phía nam của Căn cứ địa, tiếp giáp với vùng chiếm đóng của địch, các huyện phía nam Thái Nguyên phải thường xuyên đương đầu với các cuộc tiến công, cần quét mở rộng vùng chiếm đóng của địch. Quân, dân Thái Nguyên tăng cường vũ khí trang bị cho tiểu đoàn bộ đội tinh và các đại đội của các huyện phía nam, kịp thời triển khai thế trận, sẵn sàng đánh địch khi chúng hành quân cần quét. Ngày 9-1-1950, một tiểu đoàn địch từ Ngọc Hanh (Kim Anh, Vĩnh Phúc) đánh lên Hạ Đạt (Hợp Thành, Phồ Yên) bị chặn đánh phải rút về Xuân Bảng (Vĩnh Phúc). Ngày 4-3-1950, 2 tiểu đoàn địch (khoảng 500 tên) từ Đa Phúc (Phúc Yên) đánh lên Phù Lôi (Trung Thành, Phồ Yên) cũng bị bộ đội và dân quân, du kích chặn đánh, phải rút về Ni (Đa Phúc). Ngày 20-3, khoảng 1 tiểu đoàn địch (280 tên) từ núi Đồi (Đa Phúc) đánh lên Đình Đồi (Trung Thành, Phồ Yên) bị du kích gài mìn diệt 4 tên. Ngày 18-4, 2 tiểu đoàn địch từ Thanh Lộc (Vĩnh Phúc) có máy bay yểm trợ lại tiến đánh Hạ Đạt (Hợp Thành, Phồ Yên) nhưng bị tiểu đoàn 88 phối hợp cùng du kích chặn đánh, phải rút. Tính chung từ đầu năm 1949 đến nửa đầu năm 1950 ở các huyện phía nam Thái Nguyên, bộ đội và dân quân, du kích đã liên tục chống địch cần quét thắng lợi. Trong 7 cuộc cần của địch vào Phồ Yên (năm 1950), bộ đội và du kích đã diệt gần 30 tên, buộc chúng phải rút lui.

Do nhu cầu xây dựng kinh tế của một tỉnh hậu phương và phục vụ cho nhiệm vụ tác chiến ngày càng lớn, việc khôi phục và phát triển giao thông vận tải trở nên cấp bách. Những trở ngại do thiên tai và giặc Pháp dùng máy bay ngày đêm bắn, phá, ném bom vùng trọng điểm và các tuyến giao thông quan trọng là rất lớn. Trong nửa



Dân công Bắc Cạn đi phục vụ bộ đội trong kháng chiến chống Pháp.



đầu năm 1950, không quân Pháp đã ném 1866 quả bom xuống các vùng Hà Châu, Úc Sơn (Phú Bình), Đồng Tiến (Phồ Yên)... phá nhiều cầu, cống, nhà cửa, gây nhiều khó khăn cho ta. Để bảo đảm giao thông, theo tinh thần «gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị Tổng phản công», đầu năm 1950, tỉnh đảng bộ Bắc Cạn và Thái Nguyên phát động «Chiến dịch cầu, đường lần thứ nhất». Gần 50% cán bộ các cơ quan dân — chính — đảng và lực lượng vũ trang được tập trung cho chiến dịch này. Từ tỉnh xuống các xã đều có Ban huy động dân công do một ủy viên thường vụ cấp ủy phụ trách. Thái Nguyên đã tổ chức 2 đại đội Thanh niên xung phong có khoảng 300 người gồm nam, nữ thanh niên, biên chế thành các trung đội, tiểu đội luôn bám sát bảo đảm giao thông ở các tuyến đường trọng yếu¹. Đồng bào các dân tộc trong tỉnh cùng các tỉnh bạn hăng hái tham gia dân công sửa chữa cầu đường. Đồng bào vùng cao Bắc Cạn vượt đèo, lội qua suối đi bộ 2, 3 ngày ra mặt đường tham gia chiến dịch. Với tinh thần «sửa chữa cầu, đường như đánh địch», bằng lao động khẩn trương và sáng tạo của trên 5000 cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc, sau gần 2 tháng (tính đến ngày 19-5-1950), chiến dịch cầu, đường đã thu được thắng lợi quan trọng. Lực lượng vũ trang và nhân dân với hàng chục vạn ngày công, đào đắp hàng ngàn khối đất đá, sửa chữa và làm mới hàng trăm cầu lớn, nhỏ, khai thông hàng trăm ki-lô-mét đường trên các tuyến giao thông quan trọng, từ Chợ Mới đến đèo Lê A, từ Nà Phặc đến đèo Cao Bắc, từ thị xã Bắc Cạn vào Chợ Đồn, từ Phú Thông đi Chợ Rã và các tuyến đường số 13 A, 1 B.

1. Sau này, đã có 50 người trong các đội Thanh niên xung phong được thưởng Huân chương các loại.

Đến tháng 5-1950. Bắc Cạn đã sửa được 275 ki-lô-mét mặt đường, 150 cầu lớn, nhỏ với chiều dài 1267 mét. Thái Nguyên đã huy động được 3100 dân công với 15.450 ngày công, chuyên 340 mét khối đá, sửa 72 ki-lô-mét đường, sửa chữa và làm mới 9 cầu trong đó có một cầu treo.

Thực dân Pháp thấy « thời giờ gấp rút, cần phải hành động mau » đã cố gắng tăng quân cho chiến trường Đông Dương, mở nhiều cuộc hành quân càn quét đồng bằng và trung du Bắc Bộ, thay đổi cách bố phòng một số khu vực nhằm « chuẩn bị tới Thu Đông 1950 sẽ củng cố bước nữa vùng biên giới và tiêu diệt bộ phận sinh lực của ta »¹.

Về phía ta, bằng những cố gắng vượt bậc của quân và dân cả nước, cục diện chiến trường ngày càng phát triển theo chiều hướng ngày càng có lợi. Khó khăn của ta cũng còn rất lớn, nhất là từ khi Pháp thực hiện kế hoạch Rorve. Việc mở rộng chiếm đóng của địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ làm mất của ta một nguồn nhân lực, vật lực hết sức quan trọng. Việt Bắc — căn cứ, hậu phương chính của cuộc kháng chiến — ốm nghèo về kinh tế lại bị kẻ thù đánh phá, bao vây, cô lập nên không đủ khả năng đáp ứng đầy đủ những nhu cầu về mọi mặt ngày càng tăng nhanh của cuộc kháng chiến.

Phân tích tình hình mọi mặt, với quyết tâm « thắng một trận lớn »² tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, « quét lực lượng địch ra khỏi miền biên giới Bắc Bộ »³ mở đường giao lưu với các nước xã hội chủ nghĩa, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tháng 6-1950

1. Võ Nguyên Giáp: Báo cáo TK chiến dịch Biên giới (bản Đ.M)

2. Võ Nguyên Giáp: Báo cáo TK Chiến dịch Biên giới (đã dẫn)

3. NQHVN Trung ương toàn quốc lần thứ 3 (21-1-2-2-50)

Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở *Chiến dịch Biên Giới*.

Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch trao trọng trách cho Liên khu Việt Bắc là «tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng bên giới mở đường giao thông quan trọng với Trung Quốc và thế giới dân chủ, đánh thông hành lang Đông — Tây từ Nam và Bắc Bộ được thông suốt»¹ mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Đồng thời trên khắp cả nước, «các khu, các mặt trận khác phải ra sức thi đua giết giặc, lập công đề tiêu diệt địch, kiềm chế địch, không cho chúng tiếp viện mặt trận Cao — Bắc — Lạng», đề «quyết thắng trận này»².

Từ mùa Hè 1950 quân và dân Bắc Thái khẩn trương huy động nhân tài, vật lực phục vụ trực tiếp cho chiến dịch. Công tác sửa đường ở phía Bắc được gấp rút đẩy mạnh. Cán bộ đảng, chính quyền, các đơn vị thanh niên xung phong cùng đồng bào kiên trì bám sát mặt đường. Mặc dù máy bay địch bắn phá dữ dội các trọng điểm: Thị xã Bắc Cạn (tháng 5-1950), Cầu Na Cù (tháng 6-1950), Bến Tượng, cầu Gia Bày (tháng 8-1950) và cầu Hòa Mục (9-1950), nhưng ta vẫn đảm bảo được giao thông thông suốt trên các tuyến trọng yếu phục vụ cho chiến dịch Biên giới. Trên quốc lộ số 3, ô tô vận tải di lại bình thường, trên 2 tỉnh lộ số 13A, 1B, xe cơ giới nhỏ và xe thô sơ (xe bò, xe trâu, xe thồ) vận chuyển an toàn. Quân và dân Bắc Cạn được Hồ Chủ tịch gửi thư khen ngợi: «Trong thời kỳ toàn quốc chuẩn bị đề chuyển mạnh sang Tổng phản công, Bắc Cạn được cái vinh dự là có xe hơi đầu tiên ở Việt Bắc... Có kết quả bước đầu ấy là do cán

1. NQHNV Trung ương toàn quốc lần thứ 3 (21-1—2-2-50)

2. Hồ Chí Minh: Huấn thị về chiến dịch Cao — Bắc — Lạng. Văn kiện quân sự của Đảng QĐND, 1976, tr 438.

bộ chính quyền và đoàn thể hợp tác chặt chẽ, cộng tác thiết thực và nhờ đồng bào Bắc Cạn hăng hái sửa đường¹.

Đề triển khai nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu đánh giặc bảo vệ căn cứ, khu vực phía nam Thái Nguyên thành lập Ban chỉ huy tác chiến tỉnh, huyện, xã (nhất là các xã ở các huyện Phú Bình, Phồ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ) bao gồm đại biểu quân đội và các ngành đề huy động lương thực, thực phẩm, xây dựng làng chiến đấu, phá hoại cầu, đường nhằm chặn bước tiến của địch. Dân quân, du kích và nhân dân 3 huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Phồ Yên đã phá cầu, đường, đập ụ chống xe cơ giới, lập làng chiến đấu.

Nhân dân Bắc Cạn, Thái Nguyên hăng hái đóng góp tiền, của cho kháng chiến, phục vụ cho mặt trận Biên Giới và sẵn sàng đánh giặc bảo vệ quê hương. Trong năm 1950, toàn tỉnh đã góp trên 3610 tấn thóc và 17.986.008 đồng (Thái Nguyên: trên 3.000 tấn thóc và 5.190.108 đồng; Bắc Cạn: 12.796.900 đồng, và 610 tấn thóc).

Cùng với Việt Bắc, 2 tỉnh sôi nổi chuẩn bị cho chiến dịch lớn đầu tiên. Ngày 7-7-1950, Ban thường vụ tỉnh ủy Bắc Cạn ra chỉ thị chấn chỉnh lại ban cấp dưỡng bộ đội địa phương và vận động nhân dân góp tiền, góp vải ủng hộ bộ đội. Những con đường trên đất Bắc Thái bị phá hoại trong những năm đầu kháng chiến đã hồi sinh, ngày, đêm rộn tiếng chân người, tiếng xe thô sơ, và cả tiếng động cơ xe díp, xe tải. Các thị xã, thị trấn, các làng, các bản, cánh rừng trở thành nơi tụ hội của biết bao đoàn người, cán bộ, bộ đội, dân công, đề rồi từ đó lại tỏa đi hướng về Biên Giới—nơi mặt trận lớn sắp mở. Đồng bào các dân tộc nơi đây đã từng nuôi dưỡng, mảnh đất này vốn là nơi đứng chân của nhiều đoàn quân chủ lực

1. Bắc Hồ với Bắc Thái. T2, Ty văn hóa thông tin Bắc Thái xuất bản, 1979, tr 9.

giờ đây mừng vui tái ngộ đề rời lại lưu luyến nhớ thương, tin tưởng tiễn đưa các anh «Bộ đội cụ Hồ» của Đại đoàn Quân tiên phong¹ (f308), trung đoàn Bắc — Bắc (e36), trung đoàn Sông Lô (e209) v.v... vào mùa chiến dịch.

6 giờ sáng ngày 16-9-1950, quân ta tấn công cụm cứ điểm Đông Khê trên đường số 4 mở màn cho chiến dịch Biên Giới, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái. Đến sáng ngày 18-9-1950, bộ đội đã tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê, làm rung động hệ thống phòng ngự của địch trên đường số 4. Cùng với thắng lợi mở màn của bộ đội ta ở Đông Khê, ngày 18-9, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên kịp thời phát động «Tuần lễ giết giặc lập công» trong toàn tỉnh. Ba ngày sau, Tỉnh ủy Bắc Cạn tổ chức mít tinh lớn tại thị xã chào mừng những chiến công ở mặt trận Biên Giới và phát động tuần lễ thi đua «giết giặc lập công» chi viện cho chiến trường đường số 4. Được thắng lợi của mặt trận cờ vũ, phong trào thi đua góp công, góp của cho bộ đội đánh giặc rầm rộ sôi nổi khắp Bắc Cạn, Thái Nguyên. Hội mẹ chiến sĩ được tiếp tục mở rộng; đồng bào các dân tộc phấn khởi tham gia các cuộc vận động «may áo gửi người chiến sĩ», «bán thóc quân lương», ủng hộ bộ đội (gạo, tiền, quần áo, thuốc men...) và đi dân công phục vụ chiến trường v.v..

Tại mặt trận Biên Giới, quân Pháp ngày càng nguy ngập, Đông Khê bị diệt, Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cắt đường ứng cứu, lâm vào tình trạng cô lập, có nguy cơ bị tiêu diệt, Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương phải quyết định rút Cao Bằng.

1. Đại đoàn Quân tiên phong thành lập tại Đu (Phú Lương Thái Nguyên) ngày 28-8-1949. Sau một thời gian tác chiến ở các mặt trận sông Thao, sông Lô... quay trở về qua đất Bắc Thái đề rời từ đó ra đi làm nhiệm vụ giải phóng Biên Giới.

Sau khi Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương bí mật thị sát Cao Bằng, Bộ chỉ huy Pháp liền bắt tay vào triển khai kế hoạch «Hành binh kếp» trong đó quyết định mở cuộc hành quân sang mặt danh «Phoque» (Hải Cầu) tấn công Thái Nguyên, một địa bàn trọng yếu phía nam Căn cứ địa Việt Bắc.

Trong kế hoạch của tướng Rove có ý định làm sao quân đội Pháp phải làm chủ được khu «chữ nhật lệch» trong đó có Thái Nguyên. Ngày 2-9-1950 trong một cuộc họp quan trọng ở Sài Gòn (có cao ủy Pháp, Tổng chỉ huy và Tham mưu trưởng quân đội Pháp ở Đông Dương tham dự) đã quyết định đồng thời với việc rút Cao Bằng, Đông Khê mở màn chiến dịch Biên giới thì Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương cũng ra «lệnh đặc biệt» số 46 rút các vị trí Cao Bằng, Đông Khê đề tăng cường phòng thủ khu vực bắc Hà Nội, trước khi rút sẽ đánh chiếm Thái Nguyên.

Vết các tiêu đoàn dự bị chiến lược ở đồng bằng Bắc Bộ mở cuộc hành binh «Phốc» tấn công uy hiếp Căn cứ địa Việt Bắc, Bộ chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương hy vọng sẽ kéo được chủ lực ta về Thái Nguyên, cứu nguy được cho các binh đoàn đang bị đe dọa tiêu diệt, che giấu được thất bại trên mặt trận Biên Giới, trấn an được dư luận, phá được ta về kinh tế, chặn giữ được cửa ngõ căn cứ địa Việt Bắc, phá vỡ được sự tiếp tế, chi viện của ta cho chiến trường Biên Giới, chặn giữ được các tuyến đường chiến lược trọng yếu (quốc lộ số 3 đường số 13A, đường số 1B) và củng cố được vùng chiếm đóng của chúng ở Trung Du. Theo Tổng chỉ huy quân đội Pháp, đòi Cao Bằng lấy Thái Nguyên là «rất tuyệt».

Việc địch đánh lên Thái Nguyên nằm trong dự kiến của ta. Đề đối phó với cuộc tiến công của địch, ngoài bộ đội địa phương và dân quân du kích của Thái Nguyên, còn có trung đoàn 246, trung đoàn 121 và các tiêu đoàn

64, 68 bộ đội chủ lực và bộ đội phòng không của Liên khu Việt Bắc. Lực lượng vũ trang các tỉnh bạn: Vĩnh Phúc, Bắc Giang cũng sẵn sàng phối hợp và chi viện chiến đấu. Ngày 29-9-1950, 6 tiểu đoàn địch với khoảng 3 000 quân có máy bay, tàu chiến yểm trợ bắt đầu tấn công Thái Nguyên theo 3 hướng. Hướng chính từ Đa Phúc theo quốc lộ số 3 đánh lên Phò Yên. Hướng thứ 2 (có 3 ca nô và 10 tàu chiến) theo đường sông Cầu tiến lên Phú Bình. Hướng thứ 3 theo sườn Tam Đảo, vượt Đèo Nhe đánh sang Hợp Thành, Phúc Thuận (Phò Yên) rồi kéo ra Thịnh Đức, Thịnh Dán (Đồng Hỷ). Cả 3 hướng đều nhằm đánh chiếm thị xã Thái Nguyên.

Trên hướng sông Cầu, quân, dân Phú Bình đã bình tĩnh đánh địch ngay từ ngày đầu. Khi địch tới bến Hà Châu đã bị đại đội 224 Phú Bình và du kích phục kích làm ca nô bị hư hỏng nặng, 12 tên chết, 8 tên bị thương. Bọn địch đổ bộ lên bến Hà Châu theo đường số 19 hành quân lên Thái Nguyên. Bộ đội và du kích tiếp tục chặn đánh địch tại kè Đá Gân, Cồ Dạ, Cầu Mây... gây cho chúng nhiều thiệt hại. Tại kè Đá Gân, ta diệt 45 tên. Ngày đầu tiên trên hướng Phú Bình, bộ đội và du kích đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 100 tên địch.

Trên hướng quốc lộ số 3, đại đội 225 Phò Yên do đại đội trưởng Quang Sóc chỉ huy đã liên tiếp chặn đánh địch ở Thanh Xuyên (Trung Thành), Thông Hạc (Nam Tiến), Ba Hàng (Đồng Tiến), làm tốc độ tiến công của giặc bị chậm lại. Sau đó, đại đội 225 vận động về vùng Thu Quang (Lợi Xá) để chặn địch từ hướng Vĩnh Yên vượt đèo Nhe sang Hợp Thành, Phúc Thuận lên Bá Văn, Thịnh Dán, Thái Nguyên. Ngày 30-9-1950, đại đội phục kích chặn đánh địch ở bến Nít từ sáng đến chiều. Tối 30-9-1950, địch tập trung lực lượng ồ ạt tấn công vượt

bến Nit sang xóm Đồng Cam (Lợi Xá) qua Bá Vân, Thịnh Dán lên Thái Nguyên. Đại đội 225 rút lên núi Đát Chọc, củng cố lực lượng sẵn sàng đánh địch đường không. Đại đội bố trí 2 đại liên, 1 trung liên do đồng chí Tân Lợi (trung đội trưởng) chỉ huy bắn máy bay.

Chiều 1-10-1950, giặc Pháp cho 27 máy bay lên bắn phá và thả 200 quân dù xuống sân bay Đồng Bầm. 16 giờ chiều, 1 máy bay địch khi trở về đã tách đội hình bay dọc theo sông Công lao vào trận địa phòng không của đại đội 225. Trung đội trưởng Tân Lợi ra lệnh nổ súng, các loại súng của đại đội đã tập trung bắn vào máy bay. Máy bay trúng đạn, lóe lửa và phát ra những tiếng nổ lớn. Máy bay vút lên cao nhưng cũng chỉ bay được về tới xã Trung Thành (Phồ Yên) thì bị rơi xuống cánh đồng Triều Lai.

Tại sân bay Đồng Bầm, quân dù đã phối hợp với 2 cánh quân từ Phồ Yên và Phú Bình lên chiếm sân bay Đồng Bầm, tràn qua cầu Gia Bầy và ngầm Bến Tượng, chiếm thị xã Thái Nguyên. Bọn địch chiếm giữ, củng cố nơi đóng quân ở các vị trí trọng yếu trong thị xã như núi Cò Kè, đồi Yên Ngựa, kết nước cầu Gia Bầy, chùa Phủ Liễn...

Chiếm được thị xã Thái Nguyên, thực dân Pháp huýnh hoang tuyên bố « đã chiếm được Thủ đô quân sự và chính trị của Việt Minh ».

Từ ngày 2-10, địch bắt đầu càn quét ra các vùng xung quanh và dựa vào bọn phản động, tay sai định lập tề. Đảng bộ địa phương đã kịp thời vận động đồng bào thực hiện « vườn không, nhà trống », bất hợp tác với địch. Âm mưu lập tề của Pháp bị thất bại. Quân dân Thái Nguyên thực hiện chỉ thị « luôn luôn bám sát tiêu diệt

dịch»¹ của Thường vụ Tỉnh ủy và chủ trương «đuổi dịch khỏi Thái Nguyên»² của Thường vụ Trung ương Đảng, trung đoàn 246 phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân, du kích triển khai đánh địch tại nhiều nơi và ngày đêm quấy rối các vị trí đóng quân của chúng. Nhiều trận đánh do trung đoàn 246, các đại đội huyện Phồ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ và du kích tiến hành đã diễn ra tại Gia Sàng, Đồng Quang, Lưu Xá, Cầu Loàng, Thác Hương, Thịnh Dán, Làng Hà, An Khán... diệt gần 200 tên, thu nhiều vũ khí và trang bị. Tại Cầu Loàng, một trung đội của đại đội 223 Đồng Hỷ phối hợp với một đơn vị của trung đoàn 246 diệt 100 tên, thu nhiều vũ khí. Với những chiến công đánh giặc xuất sắc, đại đội 223 được vinh dự nhận Huân chương Chiến công hạng hai. Bộ đội địa phương và du kích Phồ Yên vừa kiên quyết đập tắt những mầm mống bạo loạn của bọn phản động vừa đánh địch 12 trận lớn nhỏ, diệt 36 tên, làm bị thương 52 tên. Tại Lưu Xá và Gia Sàng, đại đội 44 và tự vệ thị xã loại khỏi vòng chiến đấu 49 tên địch.

Cuộc hành quân «Phốc» đánh lên Thái Nguyên không đỡ đòn nổi cho các binh đoàn của Pháp đang sa lầy trên mặt trận đường số 4. Chiều ngày 7-10-1950, Sác-tông cùng toàn ban tham mưu binh đoàn bị ta bắt gọn tại gần Đồng Khê. Chiều 8-10, Lopagior cùng các sĩ quan tham mưu của binh đoàn mang tên hiệp sĩ «Baya» cũng cùng chung số phận như Sác-tông. Cán quân Đờ La Bôm lên ứng cứu cũng vội vàng tháo chạy. Bị uy hiếp mạnh, ngày 10-10, địch chạy khỏi Thất Khê. Giữa tháng 10-1950, quân Pháp ở Đồng Đăng, thị xã Lạng Sơn, Đình Lập rời An Châu, Tiên Yên cũng lần lượt rút chạy. Hệ thống cứ điểm

1. NQ của TVTU Thái Nguyên năm 1950.

2. NQ Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Văn kiện quân sự của Đảng (1945 — 1950) tr.2 — QĐND.

phòng tuyến Đông Bắc mà Pháp cố công xây dựng, cũng
cổ từ năm 1947 bị đập tan.

Không kéo được chủ lực đối phương về hồng cứu nguy
cho mặt trận Biên Giới mà lại sa vào nguy cơ khó tránh
khỏi bị tiêu diệt ở Thái Nguyên, ngày 10-10-1950, Bộ chỉ
huy Pháp buộc phải cho quân rút khỏi địa phận Thái
Nguyên về Hà Nội. Trong gần nửa tháng chiến đấu trên
mặt trận Thái Nguyên, bộ đội và du kích đã đánh trên
60 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến 950 tên địch, bắn
rơi một máy bay, làm hư hỏng nặng 3 ca nô, thu 160 súng
các loại. Việc tư lệnh hành quân của quân Pháp ở Bắc Bộ,
thứ nhận: «Cuộc hành quân «Phoque» chẳng gây được
phản ứng nào..., phải vứt bỏ tất cả mọi ảo tưởng về cuộc
hành binh đã trở thành quá ư vô ích này»¹.

Với thắng lợi đập tan cuộc hành quân «Phốc», quân
và dân Thái Nguyên đã tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận
sinh lực địch, bảo vệ vững chắc hậu phương kháng chiến,
làm thất bại một kế hoạch lớn của Bộ chỉ huy quân đội
Pháp ở Đông Dương. Ân mưu kéo chủ lực của ta từ
Biên Giới về Thái Nguyên hồng dõ dòn cho mặt trận
đường số 4 và ý đồ «đồi Cao Bằng lấy Thái Nguyên»
mà Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương cho là
«rất tuyệt» đều hoàn toàn bị thất bại. Cái gọi là kế
hoạch «chữ nhật lệch» của Pháp bị giáng một đòn mạnh
biến thành «chữ nhật gãy», hành lang Đông Tây bị chọc
thủng, thế bao vây căn cứ địa Việt Bắc bị phá tung,
đường liên hệ của ta giữa căn cứ địa Việt Bắc với đồng
bằng Bắc bộ, Liên khu 4 và quốc tế được khai thông.

Cùng với thắng lợi có ý nghĩa chiến lược to lớn của
chiến dịch Biên Giới, chiến công tập tan cuộc hành quân

1. Mác-săng: Thảm họa Đông Dương (Dame Indchinoise).

« Phốc » của giặc Pháp đã cõ vũ mạnh mẽ tinh thần kháng chiến của quân, dân Bắc Thái.

Phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm, quân và dân Bắc Thái cùng cả nước bước tiếp vào một chặng đường mới của cuộc kháng chiến — một chặng đường chiến đấu gay go, quyết liệt, phức tạp song nhất định thắng lợi về vang. Sau chiến thắng Biên Giới, Hồ Chủ tịch đã căn dặn quân và dân ta : « thắng lợi này mới là một bước đầu. Chúng ta còn phải đánh và phải đánh thắng nhiều trận gay go hơn, to tát hơn nữa mới đi đến thắng lợi hoàn toàn ».

CHƯƠNG BỐN

XÂY DỰNG VÀ CỨNG CỐ HẬU PHƯƠNG VÙNG MẠNH, CHI VIỆN TIỀN TUYẾN ĐÁNH THẮNG (1-1951 - 7-1954)

Chiến thắng vĩ đại Biên Giới cõ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc Việt Bắc xốc tới. Trong niềm vui giải phóng, quân và dân hai tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên lại bước vào thực hiện các nhiệm vụ hết sức nặng nề trong giai đoạn cả nước đẩy mạnh tiến công, phản công: Bảo vệ và **xây dựng** hậu phương căn cứ địa, phát triển lực lượng, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến đánh lớn.

Đập tan toàn bộ lực lượng phi:

Cuộc hành quân « chó biền » đánh lên thị xã Thái Nguyên bị thất bại, giặc Pháp dùng máy bay đánh phá ác liệt địa bàn Bắc Cạn - Thái Nguyên, đặc biệt là dọc đường quốc lộ số 3, tung biệt kích, gián điệp phá căn cứ, móc nối với bọn thổ phi hiện còn lẩn trốn trong các vùng núi cao.

Về phía ta, vì phải tập trung lực lượng làm đường, bảo vệ các tuyến đường huyết mạch phục vụ cho các chiến dịch lớn nên quân và dân Bắc Cạn, Thái Nguyên chưa có điều kiện tập trung ổn định tình hình ở các vùng núi cao, đặc biệt là vùng bắc Chợ Rã. Tại các vùng núi cao giáp ranh giữa 4 tỉnh Bắc Cạn, Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên

Quang, bọn phi và các tổ chức phản động vẫn hoạt động mạnh, ra sức phá hoại hậu phương kháng chiến.

Một số tên cầm đầu phi bị bắt trong đợt tiểu phi 1948 — 1949 đã trốn khỏi trại, cấu kết với những tên phi còn lại trốn, móc nối với Pháp, tiếp tục hoạt động ở các xã Giáo Hiệu, Bành Trạch, Cao Thượng... (Chợ Rã). Chúng thời phòng các thiếu sót khuyết điểm của bộ đội ta trong đợt tiểu phi trước, khoét sâu các mâu thuẫn dân tộc... dè dặt, lừa gạt lôi kéo nhân dân trong vùng theo chúng.

Nhóm phi Đặng Văn Lùi, Trương Văn Đức, Đặng Văn Thành liên hệ với một số tên đặc vụ như Nguyễn Thiết Sơn từ vùng Bảo Lạc sang, Dương Mí Sàng ở vùng Hà Giang tới, hoạt động ở bản Mạn, xã Bằng Thành (Chợ Rã). Đặng Văn Lùi là một lý trưởng cũ người Sán Chỉ cầm đầu một nhóm tự xưng là quốc dân đảng nhưng chủ yếu là làm phi. Đặng Văn Lùi cho bọn tay sai thường xuyên sục sạo điều tra khu vực đóng quân của bộ đội ta để lập kế hoạch đánh phá, cướp của cải, súng ống, đồng thời tăng cường thu gom lương thực để chuẩn bị phản kích ta. Trên các ngã đường Khuổi Phay, Khuổi Sum, chúng cắm chông, gài mìn, đặt bẫy. Lùi khống chế dân rất gắt gao, ai đi đâu đều phải xin phép. Ở các xã lân cận, từng nhóm phi 2 đến 3 tên thường xuyên đột nhập cướp của, đốt nhà, gây hoang mang trong nhân dân. Tháng 9-1953, nhóm phi Đặng Văn Lùi đã liên lạc được với Pháp, được Pháp cấp vũ khí, lương thực. Trùm phi Lý Trần Cua người Mán đỏ, được Pháp giao cho cầm đầu phi ở vùng bắc Chợ Rã và vùng Nguyên Bình, Bảo Lạc (Cao Bằng). Sau khi bị ta bắt trong đợt tiểu phi trước, Lý Trần Cua đã vượt ngục, lên lút hoạt động trên các làng Mán hẻo lánh ở các xã Giáo Hiệu, Cao Thượng, Thượng Giáo, Bành Trạch, Vinh Quang (Chợ Rã) dụ dỗ, ép buộc nhân dân các xã này theo hẳn.

Hoạt động của phi ở bắc Chợ Rã chủ yếu là tiến hành chiến tranh tâm lý, phản tuyên truyền, nói xấu chính phủ ta, phá hoại việc thực hiện các chính sách thuế, tòng quân, di dân công... Chúng đã gây ra một số vụ cướp phá, tạo nên tình trạng căng thẳng, không ổn định ở vùng núi cao. Chúng tổ chức vụ đầu độc những người tích cực tham gia kháng chiến làm 12 người chết. Chúng âm mưu mua chuộc chiến sĩ nuôi quân thuộc đại đội 96 đề đầu độc đội công tác tiểu phi hoạt động ở 4 xã Hùng Cường, Việt Hoa, Văn Y, Hùng Thịnh.

Hơn 200 gia đình vùng rừng núi bắc Chợ Rã đã có người theo phi. Trong sào huyệt phi, từ xã Bằng Thành tới xã Văn Y, bọn phi đã mang vũ khí công khai đi lại giữa ban ngày, quấy phá, uy hiếp những người chưa ngã theo chúng. Tình hình hậu phương ở vùng rừng núi phía bắc Bắc Cạn trở lên hết sức căng thẳng. Bọn phi và đặc vụ luôn luôn uy hiếp, đe dọa chém giết, cướp của cải, đốt nhà, làm cho nhân dân hết sức hoang mang lo sợ. Chúng còn tổ chức ám sát cán bộ, lợi dụng giấy tờ giả danh cán bộ kháng chiến để tuyên truyền xuyên tạc chính sách, giành dân, bắt dân vào các đoàn, hội phản động. Công tác tiểu phi vì vậy đã trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của đảng bộ, quân và dân tỉnh Bắc Cạn. Thực hiện chủ trương phải xóa bỏ tận gốc cơ sở của phi, tỉnh tổ chức «Đoàn công tác tiểu phi» bao gồm các ngành, các giới trong tỉnh (bộ đội, công an, phụ nữ, thanh niên, thông tin, văn hóa...) vừa làm nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục, xây dựng củng cố cơ sở tại các xã có phi hoạt động, vừa phát hiện bắt giữ cải tạo và diệt những tên cầm đầu phản động, nguy hiểm.

Lực lượng chính của «Đoàn công tác tiểu phi» gồm đại đội 96 bộ đội địa phương Bắc Cạn, phó văn phòng công an tỉnh, trưởng công an huyện Chợ Rã, 3 cán bộ

công an xã và 1 tiểu đội công an vũ trang. Địa bàn vận động tiểu phi tập trung vào 4 xã: Văn Y, Hùng Cường, Hùng Thịnh, Việt Hoa. Kế hoạch tiểu phi chia làm 2 đợt, thực hiện theo 4 bước: học tập, gây cảm tình với đồng bào, tuyên truyền chính sách của chính phủ, vận động nhân dân tự liên hệ và phát hiện kẻ xấu, phát hiện người làm thù phi.

Rút kinh nghiệm chiến dịch tiểu phi 1948 — 1949: «trong việc xây dựng nội tuyến đã không chú ý nắm vững tư tưởng và giáo dục kỹ những a tông theo phi mà ta kéo ra được, nên tuy nó có giúp ta ít tài liệu nhưng nó lại lợi dụng danh nghĩa bộ đội để áp bức, bóc lột dân, hoặc khi đã xây dựng được nội tuyến trong số vùng theo phi lại không có mạng lưới bên ngoài kiểm soát»¹. Vì vậy đợt tiểu phi này, ta chú ý phát hiện những tên cầm đầu phi và các cơ sở ngầm của chúng.

Ngay sau khi thành lập, Đoàn công tác tiểu phi học tập, nghiên cứu kỹ chính sách dân tộc của Đảng, kinh nghiệm dân vận và các biện pháp tiến hành vận động phi. Đầu năm 1953, Đoàn lên đường làm nhiệm vụ.

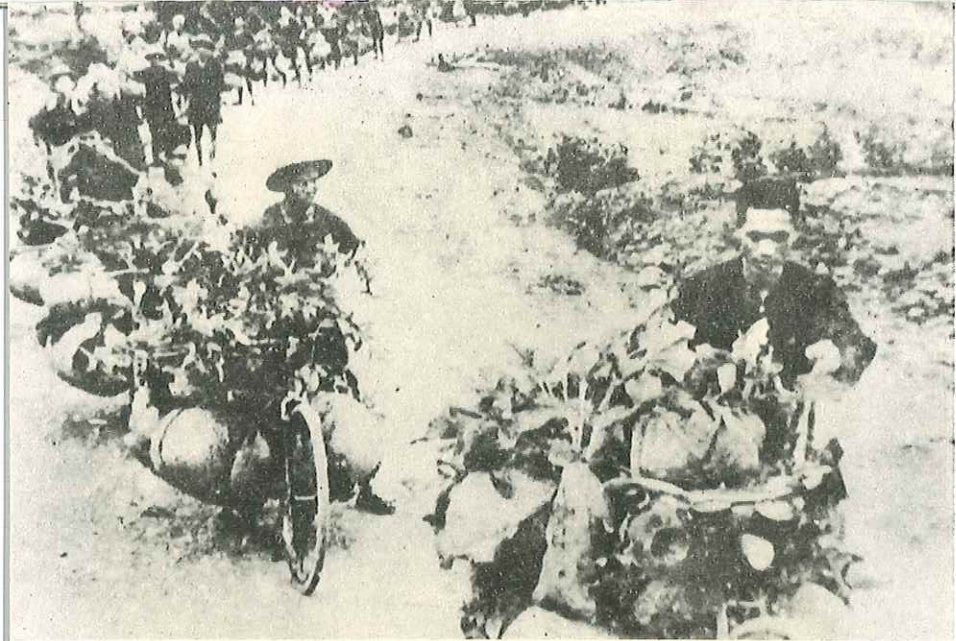
Tỉnh ủy Bắc Cạn nhận định bản Nghiêng (xã Văn Y) là địa bàn trọng điểm nên chủ trương bố trí tại đây 2 tiểu đội bộ đội địa phương, 1 tiểu đội công an xung phong và 1 tiểu đội cán bộ dân vận, thông tin, văn hóa... Ở bản Mạn (xã Bằng Thành) chỉ bố trí 2 tiểu đội bộ đội địa phương.

Sau khi xuống địa phương, Đoàn công tác tiểu phi nghiên cứu tình hình thực tế và nhận định: bản Mạn là trọng điểm vì ở đây bọn phi hoạt động mạnh và công khai hơn. Chúng định dùng lực lượng 20 tên hiện có đánh tía,

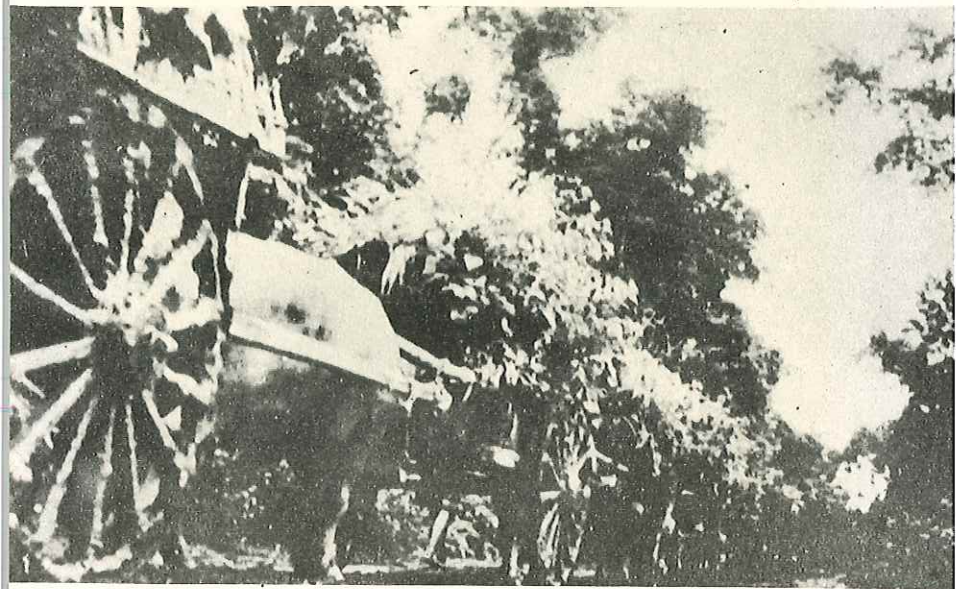
1. Tổng kết tiểu phi ở Chợ Rã 1948 — 1949 (tài liệu lưu tại Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Bắc Thái).

thắng ta một trận rồi làm dà ò ạt tất công ta. Mặt khác, bản Mạn có địa thế thuận lợi cho chúng hoạt động, dễ liên lạc với bộ phi ở Đàng Văn, Mèo Vạc... Có thể lấy thóc gạo của dân ở đây nuôi 50 phi một tháng; còn ở bản Nghiêng, nội bộ phi đang lục đục, tên cầm đầu Lý Trần Cua không dám ở nhà mà phải chui vào hang ăn náu. Dân bản Nghiêng không tin tưởng bọn Lý Trần Cua vì chúng không có súng, chỉ có dao, kiếm. So với bản Mạn, dân bản Nghiêng rất nghèo, phi không thể vợ vét được thóc gạo. Từ nhận định đó, Đoàn công tác tiểu phi đề xuất với Tỉnh ủy Bắc Cạn bố trí ở bản Mạn 4 tiểu đội bộ đội, còn ở bản Nghiêng chỉ để 1 tiểu đội công an vũ trang và 1 tiểu đội cán bộ dân vận, thông tin, văn hóa... Tỉnh ủy Bắc Cạn đồng ý với chủ trương của Đoàn công tác tiểu phi nhưng vẫn để lại 1 tiểu đội bộ đội làm nhiệm vụ tuyên truyền gây cơ sở quần chúng ở bản Nghiêng. Huyện ủy Chợ Rã chủ trương tăng cường biện pháp nghi binh bằng lực lượng du kích và công an. Các xã đều có kế hoạch phối hợp với Đoàn công tác tiểu phi. Một số du kích và công an xã ngủ ở nhà, một số ra rừng ngủ đến sáng lại về, coi như đi hành quân tuần tiễu. Có lúc công an và du kích xã khăn trương tập kết gần nơi bộ đội đóng quân rồi lại phân tán thật nhanh khiến cho nhân dân không phân biệt được bộ đội, công an hay du kích xã. Với biện pháp nghi binh này, ta vừa làm cho bọn phi ở bản Mạn dè dặt chưa dám bạo động vừa tăng cường được quân số sang bản Nghiêng.

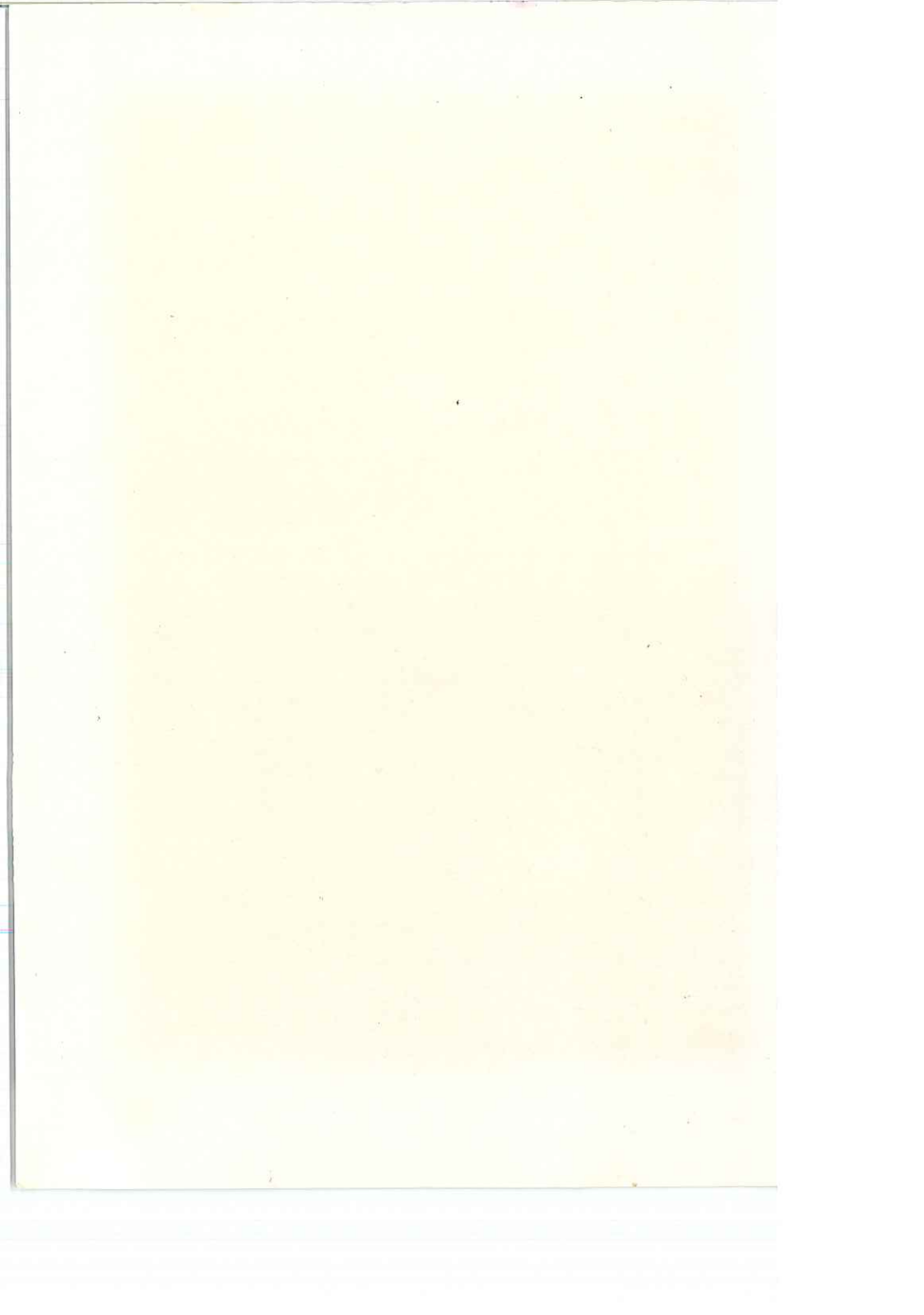
Đoàn công tác tiểu phi đặt trụ sở tại xã Bằng Thành. Vùng Pắc Mạn (xã Bằng Thành) được chọn làm trọng điểm trong đợt 1. Đây là một vùng đông dân với hơn 100 gia đình sống rải rác thành 15 xóm nhỏ, địa hình rừng núi hiểm trở nên bọn phi hoạt động mạnh. Lực lượng vũ trang, ngoài một bộ phận nhỏ bảo vệ cơ quan Đoàn bộ, còn lại chia thành các nhóm nhỏ cùng với các lực



Đàn xe đạp thồ Thái Nguyên phục vụ chiến dịch Đông Xuân
1953 - 1954.



Đồng bào các dân tộc Bắc Thái vận chuyển hàng hóa trong
cuộc kháng chiến chống Pháp (1949 - 1950).



lượng khác bám sát các xóm, sống với dân đề tuyên truyền, vận động. Thời gian đầu, quần chúng xa lánh cán bộ, bộ đội nên công tác của Đoàn gặp rất nhiều khó khăn trở ngại. Cán bộ, chiến sĩ kiên trì bám cơ sở, dựa vào sự giúp đỡ của quần chúng giác ngộ, trung kiên, thông qua lao động sản xuất và các hoạt động văn hóa văn nghệ..., dần dà đã tiếp cận, thâm nhập được với quần chúng. Điều lệ mặt trận Liên Việt, chủ trương kháng chiến, chính sách dân tộc của Đảng, chủ trương đối xử khoan hồng đối với những người lầm đường thật sự chịu hối cải v.v... dần dần được phổ biến sâu rộng trong nhân dân.

Sau một thời gian, Đoàn công tác tiểu phi đã bước đầu giành được sự tin yêu của đồng bào các dân tộc. Một số người lầm phi đã thấy rõ được lỗi lầm của mình hứa với Đoàn quyết lập công chuộc tội. Mùa hè năm 1953, Đoàn sơ bộ rút kinh nghiệm đợt 1, thẳng thắn chỉ ra các khuyết điểm như hoạt động của Đoàn còn đơn độc, không có kế hoạch tận dụng lực lượng địa phương, không mở rộng công tác tuyên truyền đi sâu vào các vùng; công tác điều tra nắm tình hình còn nhiều thiếu sót. Có chú ý dựa vào thành phần cơ bản nhưng chưa thuyết phục đầy đủ đề đồng bào nhận rõ âm mưu của kẻ thù, căm thù giặc Pháp và bọn trùm phi. Quần chúng theo ta, nhưng vẫn sợ bị thù oán.

Sau hội nghị rút kinh nghiệm đợt 1, Đoàn mở cuộc vận động sang vùng bản Nghiêng.

Được nhân dân ủng hộ giúp đỡ, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, ngày 30-10-1953 ta bắt được tên Triệu Tà Khen trùm phi nguy hiểm từng được phong làm phó quản chiều trong bộ máy phản động. Đoàn tiểu phi chủ trương bắt trùm phi Lý Trần Cua. Ngày 08-10-1953, Đoàn đã gặp Đặng Quần Sấn, một tay sai đặc lực của Lý

Trần Cua. Sau khi được ta tuyên truyền giác ngộ, y hứa lập công chuộc tội, tham gia ý kiến vào kế hoạch bắt tên Lý Trần Cua.

Nhận nhiệm vụ, Đặng Quần Sấn lên lời đi tìm bằng được Lý Trần Cua. Đêm 2-11-1953, Sấn tìm cách lừa được Lý Trần Cua về ngủ ở lán bí mật cách đèo Khâu Mẩu 1 kilômét thuộc vùng bản Nghiêng, rồi mật báo cho bộ đội đóng ở bản Nghiêng biết. Nhận được tin, đồng chí Ma Văn Viên trung đội phó được nhân dân đưa đường chỉ huy bộ đội hành quân đến bao vây nơi ở của Lý Trần Cua. Quyết trừ khử một tên trùm phi nguy hiểm, cán bộ, chiến sĩ không quản ngại khó khăn, gian khổ, trèo đèo, lội suối hành quân suốt đêm. Gần sáng 3-11-1953 sau khi khép chặt vòng vây, đồng chí Ma Văn Viên dùng loa gọi Lý Trần Cua đầu hàng, nhưng y ngoan cố bỏ chạy, buộc ta phải nổ súng tiêu diệt.

Từ đầu năm 1953 đến cuối tháng 11-1953, cán bộ Đoàn công tác tiểu phi đã xuống 46 thôn, bản, tiếp xúc với 210 gia đình gồm khoảng 500 người. Đoàn đã chấn chỉnh, củng cố 2 ngành công an và quân báo ở các xã đề năm địch, khám phá các ð nhóm phản động. Sau khi tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, Đoàn phát động nhân dân tố giác những tên cầm đầu phi và các ð nhóm phản động có nhiều nợ máu với nhân dân. Nhân dân đã viết giấy tố cáo và đề nghị trừng trị những tên đầu sỏ và tay sai đặc lực. Theo nguyện vọng của nhân dân, ta đã xử bắn tên Triệu Tà Khen vì hắn có hành động ngoan cố chống lại ta, bắt các tên Đặng Văn Lùi — đầu sỏ phi, Lý Văn Châu, Đặng Văn Thanh (ở bản Mạn), Đặng Trần Cua, Hoàng Văn Văn, Triệu Đầu Nen — đã được Lý Trần Cua phong chức lý trưởng (xã Xuân Phương).

Sau khi bắt được bọn đầu sỏ, tay sai phản động phi và đặc vụ, ta tổ chức cho chúng học tập chính sách của Đảng và Chính phủ, đồng thời mở đợt tuyên truyền rộng

rãi trong nhân dân về chính sách địch vận, nguy vận, phương châm đánh phi. Nhận rõ đường lối đúng đắn, nhân đạo của Đảng và Chính phủ, 23 người theo phi ra đầu thú, trong đó có những người đã từng là tay sai đắc lực của Lý Trần Cua như Triệu Quần Sấn, Triệu Dầu Sơn... sau này đã trở thành người tốt và đã lập công chuộc tội. Tiêu diệt và bắt được bọn phi và đặc vụ đầu sỏ, phá được các ổ nhóm phản động ở vùng bán Mạn và bản Nghiêng, nhân dân trong vùng đã thoát khỏi sự đe dọa, uy hiếp của chúng, tích cực tăng gia sản xuất, ủng hộ bộ đội, tham gia công việc kháng chiến. Tình hình vùng Pắc Mạn, bản Mạn, bản Nghiêng dần dần ổn định, cuộc sống trở lại bình thường.

Cuối năm 1953, Ban thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ra chỉ thị «đẩy mạnh hoạt động tiêu phi ở khu vực giáp giới 4 tỉnh» và quyết định thành lập «Ban chỉ đạo công tác tiêu phi khu vực giáp giới 4 tỉnh». Được sự hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ của các tỉnh bạn, tháng 12-1953 Đoàn công tác tiêu phi tiến hành đợt 3 cuộc vận động tiêu phi. Gần 50 gia đình thuộc 9 xóm nhỏ ở xã Bằng Thành hăng hái tham gia làm hậu thuẫn cho Đoàn công tác tiêu phi. Thề theo nguyện vọng chính đáng của nhân dân, Đoàn công tác tiêu phi đã trừng trị những tên cầm đầu có nhiều nợ máu và trấn áp một số tên tay sai ngoan cố. Đầu năm 1954, cuộc vận động tiêu phi đã được mở rộng sang các xã khác ở vùng núi phía bắc Chợ Rã như Nghiêng Loan, Xuân La, Giáo Hiệu, Bộc Bõ...

Song song với việc đập tan lực lượng quân sự của phi Đoàn công tác tiêu phi đã thực hiện nhiều biện pháp vận động nhằm triệt phá cơ sở xã hội của chúng. Lực lượng vũ trang trong Đoàn trực tiếp hướng dẫn, tổ chức, cùng cổ các đơn vị dân quân, du kích ở các địa phương. Các thành viên khác trong Đoàn dựa vào cốt cán ở địa phương, lựa chọn những người tốt đưa vào các bộ máy chỉ đạo

như Ủy ban nhân dân, Nông hội, Phụ lão, Phụ nữ, Thanh niên... Qua cuộc vận động tiểu phi lần này, chính quyền địa phương và các đoàn thể kháng chiến đã dần dần được củng cố.

Đoàn công tác tiểu phi đã cùng với chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở địa phương vận động nhân dân đẩy mạnh định canh, định cư và tăng gia sản xuất. Hơn 200 gia đình nông dân trước đây phải sống lỉnh canh hoặc du canh, du cư nay đã được cấp gần 23 héc ta ruộng và hơn 10 héc ta đất soi, bãi đê sản xuất. Với truyền thống «lá lành đùm lá rách», cán bộ, bộ đội và nhân dân đã ủng hộ cho đồng bào những vùng bị thổ phi cướp, phá nhiều lương thực, quần áo. Cán bộ, bộ đội, các cơ quan xung quanh huyện đã quyên góp ủng hộ được hơn 200 bộ quần áo. Việc làm này đã làm cho tình cảm cán bộ, quân, dân bền chặt hơn, đồng bào các dân tộc thêm tin yêu cán bộ, bộ đội, ra sức khắc phục những hậu quả nặng nề do thổ phi và bọn phản động gây ra trên quê hương, làng, bản.

Cùng với công tác tiểu phi vùng bắc Chợ Rã, ta tổ chức triệt phá các ò, nhóm, đảng phái phản động như đảng Hòa Bình (Thanh Mai, Bạch Thông), các tổ chức Nam dương Hoa kiều hiệp hội. Các tổ chức phản động này đều hoạt động chống phá cách mạng, chống chính sách của Chính phủ ta. Chúng nhằm vào chỗ yếu của một số nhân dân là mê tín, dị đoan để tiến hành dụ dỗ, lừa gạt, gây cho ta nhiều tổn thất. Ta đã tập trung triệt phá được các cơ sở của chúng, bắt 96 tên, sau khi giáo dục thả 66 tên. Tuy nhiên, một số tên cầm đầu chưa bị bắt nên vẫn còn nguy cơ chúng âm mưu hoạt động trở lại.

Mùa hè năm 1954, cuộc vận động tiểu phi lần thứ 2 đã kết thúc thắng lợi, lực lượng vũ trang đã cùng với các ngành, các đoàn thể quần chúng đưa vùng đất hiềm yếu phía bắc Bắc Cạn trở lại ổn định. Hàng trăm gia đình

nghèo khó bị bọn phi và các thế lực phản động mê hoặc, dụ dỗ, lôi kéo, khống chế theo phi nay đã thực sự được giải phóng, bước vào cuộc đời mới. Đoàn công tác tiểu phi đã hoàn thành nhiệm vụ, lần lượt rút về tỉnh.

Qua đợt tiểu phi lần này, cán bộ, chiến sĩ có thêm kinh nghiệm làm công tác quần chúng, kết hợp chặt chẽ vận động chính trị với tiến công quân sự trong đánh địch và giác ngộ nhân dân. Với thắng lợi đập tan toàn bộ lực lượng quân sự của phi và xóa bỏ các cơ sở xã hội của chúng, tình hình hậu phương ổn định, tinh đoàn kết quân, dân được củng cố, gắn bó, đã góp phần cùng toàn dân đẩy mạnh công cuộc kháng chiến tiến tới thắng lợi hoàn toàn.

Củng cố hậu phương, giữ vững mạch máu giao thông, tích cực chi viện chiến trường đánh lớn.

Sau khi đập tan cuộc tấn công «chó biền» của giặc Pháp tháng 10-1950, Bắc Cạn, Thái Nguyên là 2 tỉnh đầu tiên trong Liên khu Việt Bắc được hoàn toàn giải phóng. Với vị trí đặc biệt quan trọng, vùng Chợ Đồn, Định Hóa (Thái Nguyên) tiếp tục được xây dựng thành căn cứ địa vững chắc.

Tháng 2-1951 Đại hội Đảng cộng sản Đông Dương lần thứ II được triệu tập tại chiến khu Việt Bắc. Đề đẩy mạnh công cuộc kháng chiến, Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang và củng cố căn cứ địa. Đại hội khẳng định «không xây dựng căn cứ địa tức là không tích cực bồi dưỡng nguồn nhân lực, vật tư cần thiết cho việc xây dựng và phát triển quân đội»¹.

Quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 2, từ ngày 10 đến ngày 20-5-1951, Liên khu mở Đại hội Đảng bộ

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 Đảng cộng sản Đông Dương (2-1951).

Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất đề ra nhiệm vụ « xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa vững mạnh và xứng đáng của toàn quốc »¹. Về quân sự, Đại hội chủ trương, « xây dựng lực lượng phải căn cứ vào nhu cầu chiến trường, hợp với khả năng cấp dưỡng và trang bị của địa phương », « không được lệch về bộ đội địa phương, phải đồng thời tiến hành kế hoạch phát triển, củng cố dân quân, du kích ». « Chất lượng phải coi trọng hơn số lượng... Công tác chính trị và công tác Đảng trong bộ đội phải được đặc biệt chú ý chấn chỉnh »².

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2 và Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất, Tỉnh ủy 2 tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên lần lượt triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 3. (Thái Nguyên 4-1951, Bắc Cạn 5-1950).

Đại hội đại biểu Đảng bộ 2 tỉnh đã bàn biện pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ mà Trung ương giao cho là : « Phải tập trung khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, chi viện cho chiến trường, ra sức xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang đủ sức bảo vệ quê hương và bổ sung cho các đơn vị chủ lực của Bộ Tổng tư lệnh ». Một nhiệm vụ có tầm chiến lược mà Trung ương giao cho 2 tỉnh là « khẩn trương khôi phục, giữ vững mạch máu giao thông tiếp vận ra tiền tuyến ».

Dược sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp từ Trung ương xuống địa phương, quân và dân Bắc Cạn, Thái Nguyên vượt qua mọi khó khăn gian khổ, quyết tâm xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt, tích cực chi viện

1, 2. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất.

cho các chiến trường đánh thắng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung.

Xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang.

Đề đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc căn cứ địa, chi viện sức lực cho các chiến trường đánh thắng, việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang trở thành nhiệm vụ quan trọng cấp bách số một của Đảng bộ và nhân dân Bắc Cạn, Thái Nguyên. Cuối năm 1950 lực lượng vũ trang của Thái Nguyên gồm 1 đại đội bộ đội địa phương tỉnh và 7 đại đội bộ đội địa phương ở các huyện, trung bình mỗi xã có từ 1 trung đội đến 1 đại đội dân quân, du kích. Qua chiến đấu, trình độ tổ chức chỉ huy và chiến thuật, kỹ thuật của dân quân, du kích, bộ đội địa phương được nâng lên rõ rệt.

Tại Bắc Cạn, lực lượng vũ trang có 1 tiểu đoàn chủ lực tỉnh (tiểu đoàn Ba Bè) gồm 10 trung đội và 3 trung đội ở 3 huyện: Chợ Đồn, Chợ Rã, Na Rì. Trung đoàn 72 sau khi làm xong nhiệm vụ chiến đấu ở Bắc Cạn đã được giải thể. Một số quân đưa sang Cao Bằng bổ sung cho trung đoàn 174 (trung đoàn chủ lực Cao — Bắc — Lạng), còn 2 đại đội được biệt phái sang tỉnh đội Bắc Cạn, biên chế thành « tiểu đoàn cơ quan ». Cuối năm 1950, lực lượng du kích tỉnh Bắc Cạn là 2351 người,

Lực lượng tại chỗ phát triển mạnh, nhưng khả năng cung cấp rất hạn chế, đời sống bộ đội gặp khó khăn, ăn đói mặc rách, thuốc chữa bệnh thông thường cũng không có. Tại nhiều đơn vị, chiến sĩ bỏ ngũ, về với gia đình ngày càng nhiều. Ở Bắc Cạn, việc xin giải ngũ đã trở thành phong trào ở tất cả các đơn vị¹. Ở Thái Nguyên, hiện tượng đào ngũ cũng khá phổ biến².

1, 2. TK chiến tranh du kích Bắc Cạn, Thái Nguyên.

Tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân 2 tỉnh đã ưu tiên giành nhiều khoản chi cho quân sự. Bắc Cạn đã giành một số tiền lớn để may cho mỗi cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương 1 bộ quần áo. Đây là đợt cấp phát quần trang đầu tiên của bộ đội địa phương Bắc Cạn. Tỉnh đội 2 tỉnh phát động phong trào « rèn cán, chỉnh quân », vận động tăng gia tự túc, phòng bệnh tốt, nuôi quân giỏi... đề củng cố ý chí chiến đấu duy trì tinh thần kỷ luật, nên nếp huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo đời sống bộ đội.

Để có đủ lực lượng bảo vệ căn cứ địa, đề phòng mọi cuộc tấn công của địch và chi viện cho các chiến trường chuẩn bị đánh lớn, Bộ và Liên khu chủ trương: đối với các tỉnh tạm chiếm, mỗi tỉnh thành lập 2 tiểu đoàn địa phương, các huyện có thể thành lập 1 tiểu đoàn. Các tỉnh đã được giải phóng, mỗi tỉnh thành lập 1 tiểu đoàn và mỗi huyện thành lập 1 đại đội. Thực hiện chủ trương của Bộ và Liên khu, cuối năm 1950 Tỉnh ủy Thái Nguyên nhận định: tuy Thái Nguyên không còn địch nhưng lại là vùng giáp ranh với vùng địch chiếm đóng (Đa Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang...) nên đã quyết định thành lập 2 tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh. Tuy nhiên, trong năm 1951 mới thành lập được một tiểu đoàn mang phiên hiệu 427.

Đơn vị nòng cốt để thành lập tiểu đoàn 427 là đại đội chủ lực của tỉnh. Đồng chí Phùng Viết Sáng, đại đội trưởng đại đội chủ lực của tỉnh được bổ nhiệm làm tiểu đoàn phó, quyền tiểu đoàn trưởng. Đồng chí Vũ Đình Trụ, chính trị viên đại đội 223 bộ đội địa phương huyện Đồng Hỷ được bổ nhiệm làm chính trị viên tiểu đoàn. Tiểu đoàn gồm có 3 đại đội bộ binh và 1 đại đội trợ chiến. Giữa năm 1951, trên điều động đồng chí Hoàng Bình Kim về làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Trọng Hộc làm chính trị viên phó tiểu đoàn. Cán bộ đại đội gồm các

đồng chí Lưu Kim Thán, Nông Chính Phát, Hoàng Cao Thanh, Bùi Huy Bằng, Vương Minh Lăng... Cuối năm 1951, tiểu đoàn phải thường xuyên bổ sung quân cho bộ đội chủ lực từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội, có đợt bổ sung cả đại đội, do đó bước sang năm 1952 quân số của tiểu đoàn còn lại chỉ đủ biên chế thành 2 đại đội bộ binh, 1 trung đội trợ chiến và cơ quan tiểu đoàn bộ. Phiên hiệu của đơn vị đời là DF68¹.

Về trang bị của tiểu đoàn, mỗi đại đội chỉ có 50% quân số được trang bị súng trường, 2 khẩu trung liên, mỗi đội viên có 2 quả lựu đạn, tiểu đội trưởng có tiểu liên Tuyn và Sten. Về đảm bảo đời sống của cán bộ, chiến sĩ, do các địa phương dài thọt. Từ năm 1951, nhờ thực hiện thu thuế nông nghiệp, việc cung cấp cho bộ đội về ăn, mặc có khá hơn.

Nhiệm vụ chủ yếu của bộ đội địa phương lúc này là sẵn sàng chiến đấu bảo vệ hậu phương và bổ sung quân số cho chủ lực. Từ năm 1951 đến năm 1954, riêng Bắc Cạn đã bổ sung cho chủ lực, đại đội hoàn chỉnh, không kể những đợt bổ sung lẻ, theo yêu cầu đợt xuất của trên. Có thời gian, Bắc Cạn chỉ còn 1 đại đội, với 6 chiến sĩ cũ, thậm chí có lúc chỉ còn cơ quan tinh đội và một số cán bộ khung² còn toàn bộ quân số bổ sung cho bộ đội chủ lực của Bộ Tổng tư lệnh.

Từ năm 1951, bộ đội địa phương được giao thêm nhiệm vụ tổ chức nghi binh để phối hợp với các chiến dịch theo phương án chỉ đạo của trên. Có lần, bộ đội và du kích tập trung hàng trung đoàn hành quân công khai, rầm rộ từ thị xã Thái Nguyên xuống Phở Yên (giáp Vĩnh Phúc) khiến cho Bộ chỉ huy Pháp phải tập trung lực lượng ở Núi Đồi lên đối phó.

1. TKCT du kích Thái Nguyên, tr. 149.

2. TKCT du kích Bắc Cạn.

Đầu năm 1951, Bắc Cạn, Thái Nguyên thực hiện « chế độ quân vụ » gọi thanh niên làm nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên, việc gọi thanh niên nhập ngũ không đạt yêu cầu đề ra do nhận thức của các cấp chỉ đạo đơn giản và tổ chức thực hiện sơ sài.

Đầu năm 1952, Thái Nguyên đưa 3 đại đội tham gia tác chiến ở Vĩnh Phúc, Bắc Giang, đánh 7 trận, diệt 45 tên, trong đó có 1 sĩ quan, phá hủy 1 đại bác, 1 xe vận tải, bắt 4 lý trưởng, hội, tề, thu 3 xe đạp và 1 cặp tài liệu. Thái Nguyên còn bổ sung đi xây dựng bộ đội chủ lực 381 cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương, chuyển 680 dân quân, du kích ở các thôn, xã lên các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện. Vừa củng cố tiểu đoàn địa phương, Thái Nguyên vừa khẩn trương xây dựng 2 đại đội đối không mang phiên hiệu đại đội 255 và đại đội 256. Các huyện Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương không tổ chức bộ đội địa phương, chỉ có một số cán bộ chuyên trách theo dõi nắm tình hình dân quân, du kích.

Lực lượng bộ đội địa phương ở Bắc Cạn trong năm 1952 có nhiều biến động. Tỉnh đã lựa chọn nhiều cán bộ, chiến sĩ vào học các trường quân sự và đưa nhiều đơn vị đi bổ sung cho chủ lực, chi viện cho các chiến dịch. Cuối năm 1952, tỉnh chỉ còn 1 đại đội đủ quân số, mang phiên hiệu đại đội 1 để làm nhiệm vụ đối không. Đại đội này được xây dựng từ đại đội Ba Bè nên ngay từ đầu có nền nếp tốt, cán bộ, chiến sĩ có tinh thần chiến đấu cao, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm đã đối phó có kết quả 15 trận oanh tạc dữ dội của máy bay địch. Trang bị của đại đội gồm 6 đại liên, 6 trung liên và 30 súng trường.

Thực hiện chủ trương tinh binh, tinh cán, bước sang năm 1953, Bắc Cạn chủ trương củng cố tổ chức, chỉnh huấn chính trị cho cơ quan đoàn bộ, không thành lập các đơn vị mới. Đầu năm 1953, Bắc Cạn chỉ có 1 đại đội bộ

binh làm nhiệm vụ đối không. Lúc này cán bộ tỉnh đội và các huyện đội đều thay đổi. Ở tỉnh đội, quân số giảm từ 66 người xuống còn 37 người, ở các huyện đội, biên chế chỉ có 6 người. Với quân số như vậy, tỉnh đội và các huyện đội không đủ cán bộ để đi sâu chỉ đạo các mặt công tác. Thái Nguyên cũng thực hiện giảm nhẹ cơ quan quân sự tỉnh, huyện để tăng cường cán bộ cho đơn vị cơ sở. Cơ quan quân sự tỉnh từ 189 người giảm xuống còn 45 người, cơ quan huyện đội quân số từ 25 giảm xuống còn 15, mỗi huyện chỉ có 3, 4 cán sự làm công tác dân quân. Sau khi giảm quân số, công việc ứ đọng, nhiều vấn đề đặt ra không được giải quyết kịp thời. Ngày 20-2-1953, đại đội bộ binh làm nhiệm vụ đối không của Bắc Cạn được lệnh bổ sung cho Khu I, tỉnh gấp rút xây dựng 2 đại đội đối không mang phiên hiệu đại đội 91 và đại đội 93. Ngày 16-4-1953, 2 đại đội này được thành lập. Đại đội 91 do đồng chí Triệu Kỳ Phay chỉ huy, Hà Nhân Dân chính trị viên, Chang Văn Hoan đại đội phó, quân số 105 người, gồm 3 trung đội được trang bị 6 đại liên Nhật, 5844 viên đạn, 15 súng trường. Đại đội 93 do đồng chí Nông Văn Cư đại đội trưởng, Ma Ngọc Hối, chính trị viên phó, Nguyễn Thanh Bảo đại đội phó, quân số 120 người, gồm 3 trung đội, trang bị 6 đại liên, 15 súng trường, trong đó có 8 súng trường Mỹ, 6 trọng liên 12 ly (5 khẩu tốt, 1 khẩu đã hỏng cơ bằm). Trong số 6 đại liên Nhật trang bị cho đại đội 91 chỉ có 2 khẩu tốt.

Ngay sau khi thành lập, đại đội 91 và đại đội 93 khẩn trương bước vào huấn luyện, vừa tác chiến vừa luyện quân. Đại đội 91 có nhiệm vụ bảo vệ đoạn đường từ Cao Hòa đến Chợ Mới, trọng tâm là km 137, km 131 — 126 và bến phà Chợ Mới. Đại đội 93 có nhiệm vụ bảo vệ từ đèo Giàng đến thị xã Bắc Cạn, trọng tâm là đèo Giàng. Tuy mới thành lập, các đại đội 91, 93 đã bảo vệ có kết quả các mục tiêu được giao.

Tháng 6-1953, Bắc Cạn thành lập tiếp 1 trung đội vũ trang tuyên truyền gồm 36 cán bộ, chiến sĩ, lấy từ 2 đại đội đối không. Đến tháng 8-1953, Bộ Tổng tư lệnh quyết định Bắc Cạn phải thành lập 3 đại đội bộ đội địa phương đưa ra vùng Ngân Sơn làm nhiệm vụ gây cơ sở, bảo vệ địa bàn. Chấp hành nghị quyết trên, đến tháng 11-1953, Bắc Cạn thành lập được 3 đơn vị, với quân số 146 cán bộ, chiến sĩ. Ngoài ra, tỉnh còn thành lập 1 đơn vị chuyên trách thu nạp đào, lạc binh. Huyện Ngân Sơn cũng thành lập thêm được 1 đại đội.

Cuối năm 1953, quân số cơ quan tỉnh đội Bắc Cạn tăng từ 37 người lên 52 người, cơ quan huyện đội có từ 7 đến 8 cán bộ, nhân viên. Tuy nhiên, các bộ phận chủ chốt như tác chiến, tuyên huấn, động viên vẫn thiếu cán bộ chuyên trách. Trong năm 1953, tỉnh đã cử 44 cán bộ các cấp đi dự chính huấn tại các trường quân chính của Khu, của Bộ Tổng tư lệnh. Tỉnh còn tự đào tạo được 55 cán bộ tiểu đội, nhiều chiến sĩ cứu thương.

Tuy nhiên, công tác nuôi dưỡng, đảm bảo đời sống cho bộ đội địa phương dù đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, vượt quá khả năng của địa phương. Đời sống bộ đội rất thiếu thốn, kham khổ. Đợt tuyển quân đầu năm 1953, sau 3 tháng Bắc Cạn mới cấp được đủ quần áo, chăn, màn cho bộ đội. Cuối năm 1953 việc cấp gạo, muối có khá hơn nhưng không kịp thời, không bảo đảm định lượng. Giá cả đắt đỏ nên bữa ăn của bộ đội hầu như chỉ có cơm muối. Cán bộ, chiến sĩ ốm đau nhiều nhưng thuốc men không có. Lúc này Thái Nguyên phải cung cấp lương thực cho các đơn vị bộ đội chủ lực và cho cục Quân nhu vay, nên không bảo đảm được nhu cầu cho bộ đội địa phương. Bộ đội vẫn phải ăn đói, thiếu thốn mọi mặt, cả đời sống vật chất và tinh thần. Về quân trang, các đơn vị phải lĩnh, bông, vải về tự tổ chức may áo trấn thủ và chăn cấp phát cho bộ đội. Tỉnh giao cho hội Phụ

nữ đưa vải, bông về các xã, may chăn cho bộ đội, không lấy tiền công để tiết kiệm cho công quỹ và đảm bảo quân trang chống rét.

Xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, du kích.

Sau ngày giải phóng, công tác dân quân, du kích ở các địa phương 2 tỉnh có phần bị coi nhẹ.

Ở Thái Nguyên, do chủ quan cho rằng địch không đủ sức tấn công lên Thái Nguyên nữa nên các cấp không chú trọng xây dựng lực lượng và củng cố dân quân, du kích. Các cơ quan quân sự tỉnh, huyện giảm mạnh quân số nên thiếu người theo dõi chi đạo chặt chẽ công tác này. Ở Bắc Cạn cũng xuất hiện nhận thức, tư tưởng cho rằng địch đã rút chạy, không phải bảo vệ làng, bản nữa nên buông lỏng việc củng cố dân quân, du kích. Một số du kích cho rằng nhiệm vụ chiến đấu đã kết thúc, còn việc sửa chữa cầu, đường thì toàn dân ai cũng phải gánh vác, vào dân quân, du kích phải làm thêm bao nhiêu việc khác như huấn luyện, vận chuyển vũ khí, xây dựng doanh trại, canh gác, áp giải tù nhân, phạm nhân..., không còn thời gian chăm lo sản xuất, gia đình sẽ thiếu đói. Bởi vậy nhiều người muốn xin ra khỏi du kích, một số ít người đã tỏ ra chây lười, vô kỷ luật đề được sớm rút khỏi du kích.

Trước tình hình đó, các cấp ủy Đảng không đặt vấn đề lãnh đạo, giáo dục chấn chỉnh một cách tích cực. Các cấp chỉ huy dân quân, nhất là cấp huyện đội thường phải làm việc đơn độc, nên tổ thái độ tiêu cực, làm việc tắc trách, ít quan tâm đúng mức đến việc xây dựng, củng cố dân quân, du kích. Giữa các xã đội, huyện đội và Ủy ban kháng chiến hành chính xã, huyện, thường thiếu nhất trí trong việc điều động, sử dụng dân quân, du kích. Đã có trường hợp cán bộ chỉ huy du kích xã kháng lệnh Ủy ban xã, hoặc huyện đội không thi hành chỉ thị của Ủy ban

huyện (Bạch Thông, Chợ Rã). Đề giải quyết mâu thuẫn này, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính Bắc Cạn đã thí điểm chuyển huyện đội thành phòng quân sự trong Ủy ban huyện. Kết cục, có giám được sự va chạm về lẽ lối làm việc những mâu thuẫn về sử dụng và điều động du kích vẫn xảy ra thường xuyên, tổ chức dân quân, du kích vẫn không được củng cố. Ở 2 huyện Ngân Sơn, Chợ Rã, bọn phản động và thổ phi hoạt động mạnh nhưng ở đây công tác giáo dục, củng cố dân quân, du kích lại làm yếu hơn các huyện khác. Việc vận động thanh niên người Hoa, người Mán vào dân quân, du kích ít kết quả vì ta thiếu cán bộ người dân tộc và thiếu biện pháp vận động tích cực, cụ thể. Số lượng du kích giảm sút rõ rệt. Năm 1950 có 2351 du kích, năm 1951 còn 1484, cuối năm 1952 chỉ còn 1226. Nhận rõ thiếu sót trên, từ đầu năm 1953, Bắc Cạn, Thái Nguyên quyết định phải khăn trương, tích cực củng cố dân quân, du kích. Năm vững phương châm kết hợp chặt chẽ việc tổ chức dân quân, du kích với cuộc phát động giảm tô và cải cách ruộng đất, lấy củng cố dân quân, du kích làm chính, phát triển thích hợp từng nơi, từng lúc theo nguyên tắc tự nguyện ghi tên, nhân dân bình nghị, cấp ủy chuẩn y, tỉnh Thái Nguyên đã cụ thể hóa các tiêu chuẩn, qui định dân quân, du kích phải là những người thuộc thành phần cơ bản, chính trị trong sạch, gia đình trong đối dư lao động, tuổi từ 18 đến 45. Đối với phụ nữ và những người dưới 18 tuổi hoặc trên 45 tuổi, nếu đủ điều kiện trên mà tình nguyện tham gia dân quân, du kích thì cũng được xếp nạp.

Thái Nguyên vừa tiến hành tổ chức học tập, phát động giảm tô, cải cách ruộng đất, vừa tuyên truyền giáo dục quần chúng thuộc thành phần cơ bản và cốt cán đề xét duyệt kết nạp vào dân quân, du kích. Đề củng cố các xã đội, thôn đội, các địa phương đã đưa những cán bộ, đảng viên ưu tú vào các ban chỉ huy. Qua củng cố ở 53 xã, đã

kết nạp thêm 1.257 dân quân, du kích. Đề xây dựng đội ngũ dân quân, du kích trong sạch, vững mạnh, song song với việc xét kết nạp người đủ tiêu chuẩn, Thái Nguyên còn thanh thải 229 người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi dân quân, du kích. Xã Phúc Xuân, (Đồng Hỷ) đã thanh thải 21 người trong tổng số 36 dân quân, du kích.

Tuy nhiên, công tác củng cố, xây dựng dân quân, du kích của Thái Nguyên trong giai đoạn này cũng phạm một số thiếu sót. Có địa phương chỉ nhấn mạnh thành phần cơ bản, dựa cả người ốm yếu, bệnh tật vào; có nơi gạt bỏ hết cán bộ cũ, kể cả cán bộ lâu năm, cán bộ thuộc thành phần trung nông, làm cho anh em hoang mang, dao động. Một số cán bộ mới đề bạt, chưa qua huấn luyện, ít kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ huy, nên phong trào chậm được khôi phục. Một số cán bộ, dân quân, du kích bị qui sai là phú nông, địa chủ nên cũng phát sinh tiêu cực, bất mãn.

Đề dân quân, du kích có thể làm tròn nhiệm vụ hậu thuẫn cho cuộc phát động giảm tô, cải cách ruộng đất, Bắc Cạn đã tập trung củng cố dân quân, du kích ở trên tất cả các địa bàn. Tỉnh ủy triệu tập hội nghị cán bộ dân, chính, đảng đề quán triệt yêu cầu nhiệm vụ và trực tiếp lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Tỉnh đội Bắc Cạn đã cử cán bộ xuống 4 xã thuộc huyện Bạch Thông để chỉ đạo thí điểm rút kinh nghiệm. Do có sự phối hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng dân quân, du kích với các nhiệm vụ khác và huy động được các ngành, các cấp tham gia, nên cuối năm 1953 lực lượng du kích tăng lên 1557 người (năm 1952 là 1226), đến tháng 5-1954 là 2286 người.

Cuối năm 1953, hầu hết các xã thuộc các huyện Bạch Thông, Na Rì, thị xã Bắc Cạn đều đã củng cố tổ chức du kích vững mạnh. Huyện Ngân Sơn củng cố được 3 xã, huyện Chợ Rã củng cố được 2 xã. Số du kích người dân

tộc tăng so với trước, toàn tỉnh có 58 du kích người Mán, 11 du kích người Hoa, 45 du kích người Nùng...

Công tác huấn luyện cán bộ xã đội và du kích cũng đã được các địa phương chú ý. Năm 1953, Bạch Thông huấn luyện được 248 du kích ở các xã dọc đường quốc lộ 3; Ngân Sơn huấn luyện được 50, Chợ Đồn huấn luyện được 136; Chợ Rã huấn luyện 37; Na Rì huấn luyện được 30. Chợ Đồn còn mở thêm được lớp huấn luyện cho 24 cán bộ xã đội. Dân quân, du kích tham gia sửa chữa cầu, đường đều được học tập chính trị, quân sự. Tổ chức quân báo cũng được củng cố. Tỉnh mở lớp huấn luyện nghiệp vụ quân báo nhân dân cho Na Rì, Chợ Đồn và các xã dọc đường quốc lộ số 3. Đến cuối năm 1953 đầu năm 1954, lực lượng du kích các xã dọc quốc lộ số 3 đã được củng cố, đảm đương được công tác canh phòng, bảo vệ an ninh địa phương. Các xã Bành Trạch, Vinh Quang (Chợ Rã) Bằng Vân (Ngân Sơn) quan tâm đầy mạnh huấn luyện dân quân, du kích. Phong trào du kích của Bạch Thông, Na Rì, Chợ Đồn, Ngân Sơn đều có tiến bộ. Tuy nhiên công tác củng cố dân quân, du kích của Bắc Cạn cũng còn nhiều mặt yếu, kém. Ở nhiều cơ sở, cấp ủy Đảng chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, còn có biểu hiện khoán trắng cho cơ quan quân sự. Sự phối hợp của các ngành, các cấp trong cuộc vận động xây dựng, củng cố du kích chưa thật chặt chẽ. Bộ máy quân sự từ tỉnh xuống xã tuy có được củng cố nhưng trình độ năng lực của cán bộ không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phong trào du kích của huyện Chợ Rã tiến bộ chậm vì cấp huyện thiếu tích cực, chỉ tập trung vào việc tuyển quân và thu dụng đào, lạc binh mà không quan tâm đúng mức đến việc xây dựng, củng cố tổ chức du kích.

Trang bị cho du kích nói chung rất thiếu, mỗi xã chỉ có từ 2 đến 10 súng, phần lớn là súng cũ của Pháp, nòng

rộng, dạn dặc. Kinh phí đảm bảo cho du kích hoạt động không có, ảnh hưởng đến chất lượng huấn luyện, công tác và chiến đấu của du kích.

Thi hành chế độ quân vụ và tổ chức quân dự bị.

Đề xây dựng bộ đội chủ lực qui mô tập trung lớn, Chính phủ đã ban hành « chế độ quân vụ » nhằm động viên đông đảo thanh niên tham gia quân đội giết giặc, cứu nước. Từ cuối năm 1949 đầu năm 1950, Bắc Cạn, Thái Nguyên bắt đầu tiến hành công tác thống kê đề cấp thẻ quân vụ cho thanh niên bao gồm cả dân quân, du kích và cán bộ, công nhân viên các cơ quan. Theo thống kê, từ năm 1951 đến năm 1954, trung bình hàng năm số thanh niên mang thẻ quân vụ chiếm khoảng 13% đến 15% dân số, trong đó có gần một nửa mang thẻ loại A. Tuy mức động viên đối với Bắc Cạn và Thái Nguyên thấp, khoảng 6,5% số thanh niên mang thẻ quân vụ, xấp xỉ 1% dân số, nhưng việc tuyên tân binh vẫn gặp khó khăn. Tại Bắc Cạn, theo tập tục sinh hoạt lâu đời ở địa phương, thanh niên quen sinh hoạt tự do, thoải mái, rất quen luyện với các tục lệ địa phương, không muốn vào quân đội, vừa phải xa nhà vừa ngại kỷ luật quân đội gò bó. Mặt khác vì thiếu nhân lực lao động, nên nhiều gia đình cũng không muốn cho chồng, con đi xa. Trước những khó khăn đó, công tác tuyên quân ở địa phương lại tiến hành đơn giản, cấp ủy, Ủy ban xã cùng với xã đội, công an và các ngành có liên quan, nghiên cứu hoàn cảnh các gia đình một cách đại khái theo cảm tính rồi lập danh sách gọi nhập ngũ. Đến đợt tuyên quân, xã đội và Ủy ban chỉ báo cho gia đình có người nhập ngũ biết trước một vài ngày. Đã có trường hợp, thanh niên gọi không đến thì xã cho du kích quây lùng... Nhiều gia đình có người nhập ngũ tìm cách đề con cái trì hoãn tòng quân, như cấp tiền cho đi vùng khác buôn bán, đi làm xa, hoặc lẩn tránh vào rừng, qua đợt tuyên quân mới trở về. Nhiều cấp ủy Đảng cũng coi

nhẹ lãnh đạo công tác tuyên quân, không thực sự tập trung chỉ đạo các ngành, các giới làm tốt công tác vận động tuyên quân. Cấp huyện, xã chưa có biện pháp giúp đỡ gia đình có người nhập ngũ đang gặp khó khăn. Một số cán bộ chính quyền, đoàn thể thiên vị, nê nang, bao che người này, gò ép người khác, một số cơ quan lại tuyển dụng những người đang hoặc sắp đến lượt nhập ngũ, gây thắc mắc trong nhân dân. Trong khi vận động thanh niên mang thẻ quân vụ chuẩn bị nhập ngũ, cơ quan quân sự lại thiếu cán bộ huấn luyện nên số người mang thẻ nhiều, số người được huấn luyện ít, cũng gây cho bà con tư tưởng coi nhẹ việc thi hành chế độ quân vụ. Do những thiếu sót trên nên trong một thời gian dài, công tác tuyên quân ở Bắc Cạn đạt hiệu quả thấp. Nhiều thanh niên đào ngũ, bỏ ngũ. Năm 1953, Bắc Cạn tuyên được 1.155 người vào bộ đội thì có tới 343 người đào, bỏ, lặc ngũ. Đa số thanh niên người Mán, Nùng, Hoa chưa chịu nhập ngũ.

Đầu năm 1954, Bắc Cạn tổ chức một đợt học tập rộng rãi trong cán bộ, nhân dân về chế độ quân vụ, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành các giới cùng cơ quan quân sự làm công tác tuyên quân, nên đến giữa năm 1954 đã cơ bản khắc phục được tình trạng trốn tránh, trì hoãn nghĩa vụ quân sự. Số thanh niên tự giác lên đường nhập ngũ ngày càng nhiều.

Ở Thái Nguyên công tác tuyên quân cũng gặp khó khăn. Số thanh niên di dân công phục vụ các chiến dịch ngày càng nhiều, tình hình chiến sự diễn biến nhanh và ác liệt nên một số thanh niên dao động trốn tránh nhập ngũ. Một số thanh niên thuộc tầng lớp trung gian, nhà giàu có, cầu an, sợ chết... không muốn vào bộ đội... Trong khi đó, yêu cầu bổ sung lực lượng cho chủ lực và bộ đội địa phương ngày càng lớn. Có địa phương phải dùng biện pháp bình nghị, dùng mệnh lệnh chính quyền bắt buộc

nhập ngũ. Một số thanh niên bỏ về nhà, phải gọi đi, gọi lại nhiều lần...

Từ năm 1952, để thực hiện nhiệm vụ bổ sung cho bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, 2 tỉnh đã quyết định thành lập ở mỗi huyện từ 1 trung đội đến 1 đại đội quân dự bị, kinh phí do Bộ Quốc phòng đài thọ. Các đơn vị quân dự bị này liên tục mở các lớp huấn luyện tân binh bổ sung cho bộ đội chủ lực, nhờ vậy số lượng tân binh bàn giao cho chủ lực đều đạt và vượt chỉ tiêu. Đợt bàn giao đầu năm 1954, Bắc Cạn vượt chỉ tiêu 63 người. Tuy nhiên, do thiếu cán bộ huấn luyện, năng lực quản lý, giáo dục, chỉ huy của cán bộ khung hạn chế, nên chất lượng tân binh bổ sung cho chủ lực chưa thật cao. Có đợt huấn luyện, 20 tân binh rủ nhau đào ngũ trong một đêm. Trong đợt bàn giao tân binh tại tỉnh Bắc Cạn vào sát tết Nguyên Đán, các xã đề nghị cho tân binh ở lại ăn tết, tỉnh đội Bắc Cạn không chấp nhận, chỉ vài đêm sau, số tân binh này đào ngũ mất quá nửa, sau tết nhiều ngày mới tập trung lại được.

Với tinh thần « Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng », suốt gần 4 năm từ 1951 đến 7-1954, nhân dân các dân tộc Bắc Cạn, Thái Nguyên đã cung cấp cho quân đội hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ (riêng Bắc Cạn 2.500 người, chiếm 25% số thanh niên mang thẻ quân vụ). Nếu tính suốt 9 năm kháng chiến, 2 tỉnh đã tiễn đưa 16.823 con, em mình gia nhập các lực lượng vũ trang. Đối với một địa bàn miền núi đất rộng, người thưa như Bắc Cạn, Thái Nguyên thì số lượng đó đã nói lên đầy đủ tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí quyết chiến, quyết thắng của cán bộ và nhân dân các dân tộc Bắc Thái đối với sự nghiệp kháng chiến.

Ngoài công tác tuyên quân, Bắc Cạn, Thái Nguyên còn có nhiệm vụ thu dung đào, lạc binh (cán bộ, chiến sĩ ốm đau phải ở lại dọc đường khi hành quân đi các chiến dịch,

sau đó hoặc không tìm thấy đơn vị hoặc tự động trở về gia đình). Số đào, lạc binh này không nhiều, nhưng sự có mặt của họ ở địa phương gây ảnh hưởng không tốt đối với thanh niên đến tuổi nhập ngũ. Chủ trương của các cấp ủy là từng địa phương phải kiên trì thuyết phục giáo dục đề anh em đào, lạc binh tự nguyện trở lại đơn vị. Tuy vậy khi có lệnh thu dung, nhiều xã gặp khó khăn: một số anh em về nhà lâu, gia đình lại neo đơn, túng thiếu, có người không còn đủ sức khỏe tiếp tục tham gia chiến đấu nữa. Khi cán bộ đến vận động, có người không chịu đi, hoặc đi rồi lại trốn về, cá biệt có người đe dọa hành hung cán bộ. Năm 1953, Khu chủ trương đề các địa phương xét và bình nghị hoàn cảnh cụ thể từng người để có biện pháp xử lý. Giữa năm 1954, khu hướng dẫn các tỉnh đội cấp giấy phép nghỉ dài hạn cho những người có hoàn cảnh gia đình quá neo đơn, túng thiếu, cấp giấy giải ngũ cho những người ốm, yếu không còn đủ khả năng phục vụ trong quân đội và cho anh em đó được hưởng quyền lợi của quân nhân xuất ngũ; đồng thời vận động những người còn đủ khả năng chiến đấu tham gia bộ đội địa phương của tỉnh và được giữ nguyên chức vụ cũ. Biện pháp giải quyết hợp tình, hợp lý đó làm cho anh em đào, lạc binh yên tâm, tiếp tục động viên họ tham gia mọi công việc kháng chiến, tùy theo sức lực.

Lực lượng vũ trang tham gia phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất, vận động nhân dân đầy mạnh sản xuất.

Thái Nguyên có 117.032 héc-ta ruộng đất trồng trọt thì 10 địa chủ người Pháp chiếm 66%, 191 địa chủ lớn, nhỏ người Việt chiếm 14%, chủ yếu là ruộng, đất tốt. Đồn điền Nguyễn Thị Năm chiếm 1200 héc-ta (cả rừng). Ở Phò Yên 14 trên 16 xã ruộng đất hoàn toàn nằm trong tay địa chủ. Nông dân chiếm 95% dân số nhưng chỉ có 20% ruộng, đất (bình quân 8 thước một người). Sau Cách

mạng tháng 8, chính quyền nhân dân đã tạm cấp cho nhân dân số ruộng của địa chủ người Pháp và ruộng vắng chủ. Tuy vậy vấn đề người cày có ruộng vẫn chưa được giải quyết.

Tại Bắc Cạn, sau Cách mạng tháng 8 bình quân ruộng đất mỗi đầu người là 5,5 sào¹. Ruộng đất canh tác ở Bắc Cạn nhiều nhưng mỗi năm chỉ làm được 1 vụ nên hàng năm nhân dân thiếu ăn từ 2 đến 6 tháng, chỉ có tầng lớp quan lại, địa chủ, nhà công thương là đủ lương thực quanh năm hoặc có thừa ra ít nhiều. Bọn địa chủ, quan lại ở Bắc Cạn tuy chiếm hữu ruộng đất nhiều nhưng chưa tới mức có thể lập đồn điền, ấp trại. Họ bóc lột nhân dân thông qua các lễ tục phong kiến lạc hậu.

Sau chiến dịch « Chó Biền » tháng 10-1950, Bắc Cạn, Thái Nguyên là 2 tỉnh hậu phương hoàn toàn tự do, có điều kiện để tiến hành phát động quần chúng cải cách ruộng đất.

Năm 1952, Trung ương chỉ đạo thí điểm cải cách ruộng đất ở 2 xã Đông Bầm và Dân Chủ thuộc huyện Đông Hỷ (Thái Nguyên). Việc thí điểm cải cách ruộng đất ở 2 xã Đông Bầm và Dân Chủ tuy có giành được một số kết quả, song còn bộc lộ nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Từ ngày 17 đến ngày 22-4-1953, Trung ương tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm phát động quần chúng cải cách ruộng đất ở 2 xã thí điểm. Hội nghị đã khẳng định những kết quả bước đầu, đồng thời cũng thẳng thắn vạch ra những sai lầm, khuyết điểm trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Sau hội nghị, 2 đội công tác của Đoàn công tác ruộng đất đã về cơ sở uốn nắn, sửa chữa những sai lầm trước, ổn định, mở rộng, củng cố hàng ngũ nông dân để chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh mở rộng sắp tới.

1. TKCT du kích Bắc Cạn.

Qua uốn nắn, sửa chữa thiếu sót, tư tưởng quần chúng ổn định, mối quan hệ đoàn kết giữa trung nông và bản cổ nông tiến bộ hơn trước.

Một số phú nông trước kia hoang mang lo sợ sẽ bị đấu tố như địa chủ nay đã an tâm, tỏ thái độ đồng tình tán thành cuộc đấu tranh của nông dân.

Từ những thắng lợi và kinh nghiệm lãnh đạo, chi đạo ở 2 xã Dân Chủ và Đồng Bào, cuối năm 1953 Trung ương chọn tiếp 6 xã: Hùng Sơn, Bình Thuận, An Mỹ (Mỹ Yên), Trần Phú, (Khôi Kỳ), Tân Thái, Độc Lập (Tiền Hội) thuộc huyện Đại Từ đề thí điểm cải cách ruộng đất. Trong quá trình cải cách ruộng đất, dân quân, du kích là lực lượng bảo vệ quần chúng nông dân, làm áp lực ngăn chặn các hành động chống phá của địa chủ và bọn phản động.

Trong phát động giảm tô, cải cách ruộng đất, các tổ chức phản động tăng cường hoạt động chống phá ta. Ở Phú Bình, một số người đội lốt thầy tu trong tổ chức Việt Dũng đưa yêu sách đòi ruộng đất Nhà Chung, định vận động đồng bào Công Giáo biểu tình đòi thả bọn đầu sỏ. Ở Định Hóa, đảng Tối Mật ngóc đầu dậy, viết khẩu hiệu dả kích, xuyên tạc cải cách ruộng đất, đốt phá trụ sở Ủy ban... Đảng Phục Quốc ở Phú Lương vận động nhân dân chống thuế, chống đi dân công... Lực lượng dân quân, du kích các địa phương đã phát hiện và trấn áp kịp thời những hành động chống đối đó.

Đợt phát động quần chúng cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ đã giành được thắng lợi. Hơn 100 mẫu ruộng của địa chủ, việt gian được chia cho 94 gia đình nông dân không có hoặc ít ruộng. Tháng 4-1954, Trung ương tổ chức hội nghị tổng kết công tác chỉ đạo thí điểm cải cách ruộng đất ở Đại Từ, Hồ Chủ tịch cùng nhiều cán bộ Trung ương đã về dự.

Sau thắng lợi của cải cách ruộng đất thí điểm, phong trào giảm tô được mở rộng ra 146 xã ở Thái Nguyên và 62 xã ở Bắc Cạn. Giữa năm 1954, cuộc phát động quần chúng cải cách ruộng đất được triển khai ở 60 xã của 6 huyện thuộc Thái Nguyên. Gần 1500 mẫu ruộng, hàng trăm con trâu bò và nhiều nông cụ được đem chia cho hơn 900 gia đình bần nông, cố nông.

Đến tháng 7-1954, Thái Nguyên và Bắc Cạn đã căn bản hoàn thành giảm tô và cải cách ruộng đất.

Song song với nhiệm vụ phát động giảm tô, cải cách ruộng đất, 2 tỉnh đã tập trung lãnh đạo nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, tiết kiệm, đóng góp nhân, tài, vật lực cho kháng chiến. Các cơ quan trực tiếp chỉ đạo tăng gia sản xuất được củng cố như : Khuyến Nông — Khai Hoang, Di Dân, Tín Dụng Sản Xuất, Thủy Nông... Bắc Cạn, Thái Nguyên đã giành một phần ngân sách cho nông dân vay để mua sắm nông cụ, trâu, bò phục vụ sản xuất. Đời sống nhân dân dần dần được ổn định, phong trào tăng gia sản xuất có chuyển biến tốt.

Từ năm 1951, Thái Nguyên được Trung ương thí điểm thực hiện chính sách thuế nông nghiệp. Nhận rõ chính sách công bằng hợp lý của thuế nông nghiệp, nông dân Thái Nguyên phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, tích cực khai hoang, phục hóa. Cuối năm 1951, Thái Nguyên đã thu được 12.000 tấn thóc thuế nông nghiệp, đáp ứng kịp thời nhu cầu kháng chiến, nuôi dưỡng bộ đội và lập kho dự trữ phục vụ cho các chiến dịch. Tại Bắc Cạn đầu năm 1951, Tỉnh ủy mở cuộc vận động sản xuất chống đói, kết hợp vận động nhân dân mua công trái quốc gia với vận động cấy lúa chiêm, trồng màu, làm nương. Kết quả, nhân dân đã mua 33.420.000 đồng tiền công trái tương đương 245 tấn thóc, thu hoạch 270 tấn thóc chiêm. Số lượng tuy ít nhưng đối với một tỉnh xưa nay chỉ quen làm một vụ thì đây là một thành tích đáng kể. Phong trào phục hóa

ruộng bỏ hóa, ruộng bỏ hoang trong thời kỳ dịch chiếm đóng đã được đẩy mạnh. Cuối năm 1951, 95 % số ruộng bỏ hoang được phục hóa. Đời sống nhân dân được cải thiện hơn trước. Năm 1951, Bắc Cạn đóng góp được 225 tấn thóc và 8.157.300 đồng để nuôi bộ đội địa phương. Trong cuộc vận động «hũ gạo nuôi quân» và «mùa đông binh sỹ», đoàn thề phụ nữ đã góp được 6.227 kilôgam gạo, may cho bộ đội 663 chiếc chăn và áo trấn thủ, trị giá gần 5 triệu đồng, trung bình mỗi hội viên phụ nữ đóng góp 1.000 đồng. Trong phong trào tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống, các đơn vị bộ đội địa phương thu hoạch được 9.615 kilôgam thóc và sắn. Tiêu chuẩn ăn và sinh hoạt phí của bộ đội mỗi tháng từ 28 kilôgam được nâng lên 30 kilôgam gạo.

Năm 1952, thực hiện cuộc vận động lớn «sản xuất tiết kiệm», phong trào làm phân, trồng màu, trồng cây công nghiệp khắp các bản, làng phát triển mạnh mẽ. Nhân dân các huyện Na Rì, Bạch Thông, Chợ Rã đẩy mạnh nghề dệt chiếu cói, trồng bông, dệt vải... Việc khai thác lâm sản có tiến bộ. Năm 1953, riêng bán 40 tấn sa nhân hạt, Bắc Cạn đã thu được 400 triệu đồng (bằng thuế nông nghiệp toàn tỉnh trong năm). Nhân dân còn khai thác được 700 mét khối gỗ trị giá 30 triệu đồng. Sức mua của nhân dân có tăng lên. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp vẫn gặp khó khăn, diện tích trồng lúa có tăng, kỹ thuật canh tác có tiến bộ, nhưng sâu bệnh phát sinh nên thu hoạch thấp. Lũ lụt đã phá hoại trên 60 % diện tích trồng ngô, ước tính thiệt hại tới 270 tấn. Hai tỉnh đã thành lập các đội phòng chống sâu bệnh, hướng dẫn nông dân trừ sâu, cứu lúa. Để chống đói, các tỉnh đã vận động nhân dân vùng bị lũ lụt chuyển hướng canh tác sang trồng hoa màu ngắn ngày.

Đầu năm 1954, các địa phương tiếp tục phát động phong trào thi đua sản xuất lương thực, cho nhân dân

vay hàng chục tấn thóc giống. Diện tích lúa chiêm và nam ninh tăng lên hàng ngàn mẫu, thu hoạch khá. Đề đảm bảo thu hoạch và tăng năng suất lúa mùa, Bắc Cạn, Thái Nguyên vận động nhân dân làm tiêu thủy nông đảm bảo đủ nước tưới cho hàng chục ngàn mẫu ruộng thiếu nước; xây dựng hơn 2.000 tờ dãi công, dày mảnh làm phân bón, do đó năng suất lúa mùa của các địa phương tăng 18%. Các loại hoa mùa khác phát triển khá, đặc biệt là diện tích sản tăng gấp 3 lần năm 1953. Sản xuất phát triển, thu nhập của nhân dân tăng lên rõ rệt, đồng bào các dân tộc phấn khởi, tích cực tham gia mọi công tác kháng chiến. Lực lượng du kích, dân quân tăng cả về số lượng và chất lượng: dân công ra mặt đường đủ người, đúng hẹn, vượt chỉ tiêu về năng suất lao động.

Sửa chữa, bảo vệ cầu, đường, giữ vững mạch máu giao thông.

Sau chiến dịch Lê Hồng Phong II, biên giới Việt — Trung được khai thông, đường số 3 không những trở thành con đường chiến lược của ta trên chiến trường bắc Đông Dương, mà còn là đường giao thông huyết mạch của các chiến trường trong toàn quốc.

Đường số 3 chạy từ Hà Nội lên Thái Nguyên qua Bắc Cạn, vượt đèo Giàng, đèo Gió lên Cao Bằng gặp đường số 4 (1). Từ quốc lộ 3 trên địa phận Thái Nguyên — Bắc Cạn, còn nhiều tuyến đường giao thông khác nối liền với các tỉnh bạn. Tại thị xã Thái Nguyên, đường 1B vượt sông Cầu qua căn cứ Võ Nhai — Bắc Sơn. lên thị xã Lạng Sơn từ cây số 10 đường Thái Nguyên — Bắc Cạn. đường số 13A chạy qua huyện lỵ Đại Từ sang đèo Khế, Sơn Dương, vượt sông Lô đi Tuyên Quang gặp quốc lộ số 2 từ Hà Nội lên(2).

1. Đường số 4: Cao Bằng — Lạng Sơn, Móng Cái.
2. Đường số 2: Hà Nội, Hà Giang.

Từ thị xã Thái Nguyên, ô tô có thể chạy tới các tỉnh miền núi và đồng bằng một cách dễ dàng, thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa, vũ khí.

Đảng bộ và nhân dân 2 tỉnh được Trung ương giao cho nhiệm vụ thiêng liêng là bảo vệ và sửa chữa cầu, đường giữ vững mạch máu giao thông, đảm bảo cho việc vận chuyển hàng hóa, vũ khí, phương tiện từ hậu phương đến các chiến trường.

Thấy rõ tầm quan trọng của đường số 3 đối với công cuộc kháng chiến của ta, thực dân Pháp đã tập trung không quân đánh phá một cách cực kỳ ác liệt. Chúng ra sức đánh phá những đoạn đường xung yếu khó chữa như đèo Giàng, Chợ Mới, Cao Kỳ, bến phà Bắc Cạn, phà Thác Oánh, bắn phá liên tục cả ngày lẫn đêm, cường độ bắn phá ngày một tăng. Giặc Pháp cho máy bay ném toàn bom hạng nặng từ cỡ 200 ki-lô-gam trở lên, mỗi đợt sử dụng từ 2 đến 4 máy bay, có đợt huy động tới 10 chiếc. Chúng tập trung oanh tạc liên tiếp cả cầu, đường lẫn các làng mạc, thị trấn gần đường để uy hiếp tinh thần của nhân dân, dân công và thanh niên xung phong làm nhiệm vụ sửa đường. Trong năm 1951, chỉ tính riêng Bắc Cạn, máy bay địch đã ném bom phá hỏng 120 nóc nhà, giết chết trên 40 người, làm bị thương 30 người, 160 con trâu bò bị giết, phá hỏng 1 nhịp cầu Na Cù, phá sập cầu Ngân Sơn.

Bên cạnh đó, thiên nhiên cũng gây cho nhân dân 2 tỉnh nhiều khó khăn: 11 trận mưa lũ liên tiếp trong năm 1951 đã tàn phá nhiều quãng đường, nhiều kè cống (đoạn Hà Hiệu, Bành Trạch—Chợ Rã); cuốn đi các cầu đã chiến (ở Nà Phặc, Nà Cù, thị xã Bắc Cạn) đánh lở từng mảng núi lớn xuống mặt đường; đào sâu thêm những hố phá hoại vừa được đắp lại...

Tinh ủy 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn đã tập trung cán bộ (có lúc huy động tới 80%) vào công tác sửa chữa cầu, đường, đảm bảo giao thông. Đề chuẩn bị lực lượng dân

công sửa chữa cầu, đường, Tỉnh ủy Thái Nguyên chủ trương điều tra, phân loại sức khỏe những người làm nghĩa vụ dân công hàng năm theo điều lệ dân công của Chính phủ. Những người có sức khỏe loại A, có nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông ở xa, những người sức khỏe loại B, C phục vụ ngay tại địa phương. Sau khi phân loại sức khỏe, các địa phương tổ chức biên chế thành tiểu đội, trung đội, đại đội dân công. Ban chỉ huy đại đội, trung đội và cán bộ phụ trách tiểu đội dân công phần lớn do cán bộ chỉ huy dân quân, du kích kiêm nhiệm. Cấp ủy cơ sở cử cấp ủy viên vào các Ban chỉ huy, làm chính trị viên đại đội, trung đội. Khi có lệnh huy động dân công, các nơi đều cử 1/3 du kích làm nòng cốt lãnh đạo và làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Để bảo đảm giao thông kịp thời phục vụ các chiến dịch, Thái Nguyên luôn kiện toàn 2 đại đội Thanh niên xung phong thoát ly sản xuất, làm nhiệm vụ sửa chữa cầu, đường, đủ quân số khoảng 300 người gồm những thanh niên nam, nữ khỏe mạnh, hăng hái, tình nguyện. Hai đại đội này biên chế và sinh hoạt như bộ đội, chốt dọc đường quốc lộ số 3 từ Thái Nguyên đến Bắc Cạn, đường số 13A Thái Nguyên, đi Tuyên Quang và các bến phà Thác Oánh, Trại Cau...

Cán bộ, chiến sĩ 2 đại đội thanh niên xung phong của Thái Nguyên đã nêu cao tinh thần dũng cảm, không ngại hy sinh, gian khổ, bất chấp bom đạn, hoàn thành tốt nhiệm vụ sửa chữa cầu, đường, phá gỡ bom, mìn, đảm bảo giao thông. Các huyện của Thái Nguyên còn huy động dân công, tổ chức các công trường sửa đường, làm cầu phao do Ủy ban kháng chiến địa phương phụ trách. Cuối năm 1950, đầu năm 1951, Thái Nguyên đã huy động hàng vạn dân công ra sửa hơn 70 kilômét đường trên tỉnh lộ 13A Thái Nguyên đi Tuyên Quang và san lấp «bổ phá hoại» đoạn đường dài 20 kilômét trên quốc lộ số 3 phục vụ cho vận chuyển quốc phòng.

Tỉnh ủy Bắc Cạn mở cuộc vận động cán bộ các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và cán bộ đảng viên tham gia «Đoàn xung phong lao động» sửa, chữa cầu, đường. Cuộc vận động thu hút được đông đảo cán bộ, bộ đội và các tầng lớp nhân dân các dân tộc tham gia 2 chiến dịch «kiến thiết đường, cầu, phà».

Ngày 28 và 29-3-1951, Hồ Chủ tịch đến thăm và nói chuyện với đông đảo cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đang làm việc trên các công trường sửa chữa kiến thiết cầu, đường, phà. Sự quan tâm của Hồ Chủ tịch là nguồn động viên to lớn đối với những người đang làm việc trên các công trường, là nguồn khích lệ đối với đồng bào các dân tộc Bắc Cạn. Trong những ngày cuối tháng 3 đầu tháng 4-1951, Bắc Cạn đã huy động trên 4.000 dân công ra mặt đường, trên 1.200 con trâu kéo gần 2.000 cây gỗ tốt đến tận các địa điểm làm cầu. Ban ngày đường bị bom phá thì quá nửa đêm, xe đã đi lại được. Những đêm đường chưa thông, hàng lại được chuyển trên vai người qua đoạn đường bị nghẽn để kịp thời đáp ứng yêu cầu của mặt trận. Trung ương rất quan tâm đến công tác kiến thiết, sửa chữa cầu, đường của Bắc Cạn. Hàng ngày, đồng chí Trần Đăng Ninh, ủy viên Trung ương Đảng, các đồng chí Lê Dung, Bùi Quang Tạo luôn có mặt trên các công trường để trực tiếp giải quyết công việc, đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu về ăn, ở, sinh hoạt và làm việc của từng công trường. Cuối tháng 8-1951, tỉnh điều 1 đại đội đối không về làm nhiệm vụ bảo vệ cầu, đường từ Chợ Mới đến Bắc Cạn. Vì chưa có nhiều kinh nghiệm bắn máy bay địch nên đại đội đối không cũng chỉ hạn chế được một phần nhỏ tổn thất do máy bay địch gây ra.

Trước yêu cầu to lớn của chiến trường, mặc dù cán bộ, nhân dân Bắc Cạn, Thái Nguyên đã cố gắng rất nhiều để kiến thiết, sửa chữa cầu, đường, đảm bảo giao thông phục vụ vận chuyển quốc phòng nhưng vẫn không đảm bảo

được kế hoạch. Chiến dịch « kiến thiết cầu, đường, phá » thứ nhất bắt đầu từ ngày 11-3-1951 kết thúc cuối tháng 8-1951 chỉ đạt được 80% kế hoạch. Chiến dịch thứ hai bắt đầu từ 1-11-1951 kết thúc cuối tháng 12-1951 chỉ đạt 19% kế hoạch. Nguyên nhân chính do máy bay địch oanh tạc liên miên, nước lũ tàn phá và phải làm việc về đêm nên năng suất thấp, lực lượng lao động còn phải dành để làm nhiệm vụ tắt lửa, đốt đuốc mỗi khi có máy bay địch. Mặt khác do điều kiện sinh hoạt quá thiếu thốn, các đội « Thanh niên xung phong » sửa chữa cầu, đường đau, ốm nhiều, trung bình số nghỉ việc hàng ngày là 30 % đến 40%, cá biệt có ngày lên tới 80% quân số ; kỹ thuật chuyên môn và trình độ chỉ huy quản lý của cán bộ các công trường yếu kém ; cán bộ một số xã thiếu tinh thần trách nhiệm, chậm trễ trong việc huy động dân công, cấp huyện lại thiếu kiểm tra đôn đốc, nên số dân công ra công trường thường không đủ, có tháng nhiều, tháng ít, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện kế hoạch và lãng phí nhân lực. Quyền hạn, nhiệm vụ của các Ban chỉ huy công trường chưa được qui định cụ thể, có việc làm chùng chèo, có việc không có người phụ trách ; kế hoạch công tác thường thiếu chủ động ; việc tuyên truyền giáo dục nhiệm vụ phòng không cho nhân dân ven đường làm chưa tốt.

Năm 1952, giặc Pháp huy động nhiều máy bay bắn phá liên tiếp, tập trung và dữ dội hơn năm 1951. Có ngày địch tập trung từ 12 đến 16 chiếc trong đó có cả máy bay ném bom hạng nặng như B24, B26 đến bắn phá vào các khu vực trọng điểm. Sáu tháng đầu năm 1952, riêng địa bàn Bắc Cạn, địch đã 54 lần ném bom phá đường, rải nhiều bom nổ chậm từ 3 giờ đến 30 giờ để phá vận chuyển quân sự. Chúng bắn bừa bãi vào những nơi nghỉ ta dấu xe, đặt công xưởng, kho tàng quan trọng, thả các loại bom dù, bom bão, bom bướm, bom côn trùng để phá hoại mùa màng và giết hại nhân dân. Tính chung, trong năm 1952,

giặc Pháp đã dùng không quân đánh phá Bắc Cạn, Thái Nguyên 482 lần, ném 13.900 quả bom các loại gây cho nhân dân ta nhiều tổn thất. Trên quốc lộ 3 đoạn đường chữ chi ở phía bắc đỉnh đèo Giàng bị địch phá dài tới 4 kilômét. Cả một triền núi bị cày lên như đất ruộng, đào bới tơi tả, không còn dấu vết đường cũ, ta phải luôn luôn đắp lại đường mới. Đêm trước, một đoạn đường mới vừa đắp xong, đêm sau lại bị bom, đạn đào phá. Đoạn đường dưới chân đèo Giàng đất đá ngổn ngang dài hàng cây số. Ở đoạn đường độc đạo, hiểm trở từ Sáu Hai đến Cao Kỳ, bị máy bay địch ném bom phá hỏng 2, 3 ki lô mét. Không chỉ bắn phá ban ngày, máy bay địch còn hoạt động cả về ban đêm để bắn phá các đoàn xe vận tải và các công trường sửa chữa cầu, đường.

Để đảm bảo giao thông vận tải cho chiến dịch Tây Bắc và Hà Nam Ninh, nhân dân 2 tỉnh nêu cao tinh thần «nhiệm vụ sửa chữa cầu, đường cũng vinh quang như nhiệm vụ đánh giặc ngoài tiền tuyến», «các thành tích sửa chữa cầu, đường cũng là thành tích chiến đấu». Để khắc phục thiếu sót, khuyết điểm trong công tác kiến thiết, sửa chữa cầu, đường, từ năm 1951 các địa phương đã chấn chỉnh, củng cố các đơn vị Thanh niên xung phong, kiện toàn các đội công nhân thường trực, vừa đảm bảo cung cấp kịp thời nhân lực cho các công trường, vừa điều hòa hợp lý nhân lực giữa các nhiệm vụ: sửa chữa cầu, đường, vận tải hàng và sản xuất nông nghiệp. Việc bảo vệ cầu, đường được đặc biệt chú ý. Các xã dọc đường tổ chức được 216 tổ bảo vệ. Các cơ quan dân, chính, đảng đều được phân công cụ thể nhiệm vụ sửa chữa cầu, đường khi bị máy bay địch đánh phá. Việc tổ chức theo dõi, phát hiện, rà phá bom nổ chậm được kịp thời, chính xác, đảm bảo an toàn cho dân công trên các công trường. Các biện pháp trên đã đem lại nhiều kết quả tốt, giao thông luôn luôn đảm bảo thông suốt. Liên

đội Thanh niên xung phong huyện Bạch Thông và Thanh niên chủ lực tỉnh Bắc Cạn đã được Hồ Chủ tịch tặng giấy khen.

Lợi dụng sức phá hoại mưa lũ, từ tháng 8 đến tháng 10-1952, máy bay địch lại ném bom, bắn phá dữ dội hơn trên các tuyến giao thông. Nhiều đê, đường bị hỏng nhiều đoạn nên ngoài việc sửa đường, ta phải huy động thêm lực lượng bộ đội, thanh niên, dân công, có lúc cả tù binh đê chuyên hàng qua những quãng đường bị tắc.

Đầu tháng 9-1952, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Tây Bắc. Bắc Cạn được lệnh đảm bảo giao thông, chuẩn bị gặp việc vận chuyển người, lương thực, vũ khí cho chiến dịch. Trong khi đó máy bay địch tập trung đánh phá đỉnh đèo Giàng, một trong những đoạn hiểm trở nhất trên đường quốc lộ số 3.

Tháng 10-1952, Bộ Tổng tư lệnh quyết định mở con đường bí mật đi vòng tránh đèo Giàng dài 9600 mét. Mặc dù đang mùa gặt hái nhưng Bắc Cạn đã huy động hơn 10.000 ngày công làm xong trong vòng 20 ngày vượt kế hoạch 10 ngày. Đường làm xong, máy bay địch phát hiện được, đến bắn phá liên tục đèo Mỹ Vi, hỏng bít cửa khẩu.

Đề đối phó với máy bay địch, đại đội đối không hoạt động theo lối du kích. Vì trình độ kỹ thuật trình sát, chỉ huy còn nhiều hạn chế nên 8 tháng đầu năm, đơn vị đánh 29 trận, bắn hết 4.800 viên đạn nhưng vẫn không hạ được máy bay. Từ tháng 9 đến giữa tháng 10-1952, đại đội chuyển sang làm nhiệm vụ vận chuyển hàng qua các quãng đường bị tắc. Cuối tháng 10-1952, đại đội đối không tiếp tục làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ đoạn đường từ đèo Giàng đến, Mỹ Vi. Trong thời gian này, Bắc Cạn được Khu tăng cường thêm 1 đơn vị cơ giới đối không cơ động bảo vệ từ Chợ Mới đến cầu Nà Cù. Các đơn vị đối không biết tập trung bảo vệ trọng điểm nên máy

bay địch không dám bay thấp do đó thả bom ít trúng đích. Ba tháng cuối năm 1952, trên quãng đường từ ki-lô-mét 126 đến ki-lô-mét 137 địch thả 346 quả bom nhưng chỉ có 14 quả trúng đường, đoạn phía bắc đèo Giàng từ 20-11 đến 15-12-1952, địch thả 78 quả bom cũng chỉ có 5 quả trúng đích.

Ngoài việc dùng hỏa lực khống chế máy bay địch, các công trường còn nguy trang, làm nhiều đường vòng, đường tránh đề nghị binh, đánh lừa địch. Nhờ các biện pháp trên mà trong 3 tháng cuối năm 1952, ta đã tiết kiệm được 70% sức dân công.

Năm 1952 quân và dân Bắc Cạn, Thái Nguyên đã góp hơn 60 vạn ngày công (Bắc Cạn 46 vạn, Thái Nguyên hơn 15 vạn) để sửa đường và vận chuyển hàng hóa đảm bảo giao thông vận chuyển kịp thời cho các chiến dịch.

Sang năm 1953 không quân địch phải phân tán bắn, phá trên nhiều mặt trận, nên cường độ hoạt động trên địa bàn Thái Nguyên, Bắc Cạn giảm đi rõ rệt.

Bốn tháng đầu năm 1953, máy bay địch chỉ tập trung bắn, phá vào những đoạn đường xung yếu nhất, các kho xưởng và những nơi cất giấu xe vận tải. Đến cuối năm 1953, Bắc Cạn đóng góp 621.952 công cho công trường 2 Việt Bắc và hàng vạn ngày công sửa chữa đường quốc lộ 3. Đầu năm 1954 Pháp tập trung ném bom phá hoại đoạn đường từ Chợ Mới đến thị xã Bắc Cạn (trên quốc lộ 3). 11 giờ 30 phút ngày 7-3-1954, 11 máy bay địch thả 40 quả bom các loại xuống đoạn đường từ ki-lô-mét 152 đến ki-lô-mét 177, có 5 quả trúng đích làm đứt dây điện, ở ki-lô-mét 152, hỏng nặng đoạn đường từ ki-lô-mét 154 đến 160, phá hỏng hoàn toàn mặt đường ở ki-lô-mét 176, 177.

Ngày đêm 7-3-1953, ty Giao thông Bắc Cạn và các tổ cầu đường đã huy động 438 người ra san lấp hố bom, sửa đường và làm đường tránh, đến 23 giờ cùng ngày, ô tô qua lại được.

10 giờ 45 phút ngày 30-4-1954, 6 máy bay B24 của địch lên thả 16 quả bom loại nhỏ và 4 quả bom nổ chậm xuống đoạn đường ki-lô-mét 124 — 500 đến 700 (Có 1 quả bom trúng đường khoan thành 1 hố sâu). Ta đã huy động gấp 152 dân công ra sửa đường, đến 21 giờ cùng ngày, thông xe.

9 giờ ngày 1-5-1954, 1 máy bay B52 của địch trình sát đoạn đường từ Chợ Mới đi Cao Kỳ. Buổi chiều cùng ngày địch cho 8 máy bay chia làm 3 đợt ném 18 quả bom xuống đoạn đường ki-lô-mét 124. (Có 2 quả trúng mặt đường). Ta nhanh chóng huy động công binh ra phá bom nổ chậm, và 40 dân công ra sửa đường, sau 2 giờ 30 phút thì xong.

Ngày 10-5-1954, giặc Pháp lại cho 7 máy bay làm 3 đợt đến ném bom xuống đoạn đường ki-lô-mét 124 và ki-lô-mét 126. (Có 3 quả trúng địch làm đoạn đường ki-lô-mét 124 bị hỏng nặng).

Ta khẩn trương huy động 20 chiến sĩ công binh ra phá bom nổ chậm và 171 người ở các tổ bảo vệ cầu đường, dân công, Thanh niên xung phong ra sửa đường, kịp thời thông xe.

Đầu năm 1954, Thái Nguyên thành lập 115 tổ bảo vệ cầu, đường, có 1901 tổ viên đề bảo vệ sửa chữa những đoạn đường xung yếu nhất trên các tuyến giao thông quan trọng. Các tổ bảo vệ đã kịp thời san lấp hố bom, sửa chữa đường khi bị địch bắn phá, đảm bảo giao thông thông suốt.

Tháng 2-1954, Thái Nguyên cử tiếp 2.359 dân công đi Công trường 2 và 2200 dân công đi Công trường 1

Việt Bắc, mở đường phục vụ chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Trên những con đường mới mở hoặc vừa được coi rộng, ngày đêm đại quân ta rầm rập tiến về các hướng xuống trung du, đồng bằng, vào địch hậu, sang Thượng Lào, lên Tây Bắc. Càng đến gần Đông Xuân 1953 — 1954, không khí càng náo nức. Nhân dân các dân tộc Bắc Cạn, Thái Nguyên tự hào về sự đóng góp vào thắng lợi của các chiến dịch. Đặc biệt khi chiến dịch Trần Đình vừa mở (bí danh Chiến dịch Điện Biên Phủ), quân, dân 2 tỉnh cùng với cả Việt Bắc ngày, đêm hướng về Điện Biên Phủ, làm việc hết sức mình cho chiến dịch lịch sử toàn thắng.

Suốt 4 năm 1951 — 1954, làm nhiệm vụ của tỉnh căn cứ địa, nhân dân các dân tộc Bắc Cạn, Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ các địa phương, đã nêu cao tinh thần yêu nước, tích cực xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh, ra sức chi viện cho các chiến trường đánh thắng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung.

Ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, hòa bình lập lại ở Đông Dương, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhưng miền Nam còn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm. Hướng về miền Nam ruột thịt, nhân dân Bắc Cạn, Thái Nguyên lại nỗ lực bước vào thời kỳ hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, xây dựng quê hương ấm no, giàu đẹp, tiếp tục chi viện sức người, sức của cho miền Nam đánh Mỹ và thắng Mỹ. Một thời kỳ lịch sử mới lại mở ra đối với quân và dân hai tỉnh căn cứ địa.

KẾT LUẬN

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang Bắc Cạn, Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, trực tiếp là sự lãnh đạo của Đảng bộ 2 tỉnh đã chiến đấu anh dũng, lập nhiều thành tích, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc, làm rạng rỡ thêm truyền thống đấu tranh bất khuất của địa phương.

Bắc Cạn, Thái Nguyên là địa bàn « tiến khá dĩ công, thoát khá dĩ thủ » được Trung ương Đảng và Bác Hồ chọn làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK), nơi làm việc của các cơ quan đầu não kháng chiến. Bắc Thái đã trở thành trung tâm của vùng căn cứ địa thần thánh Việt Bắc. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhân dân Bắc Cạn, Thái Nguyên vừa tích cực xây dựng, củng cố hậu phương, chuẩn bị kháng chiến, vừa tiếp nhận hàng trăm cơ quan, công xưởng của Trung ương và hàng vạn đồng bào từ các tỉnh miền xuôi, từ các vùng địch tạm chiếm chuyển về. Nhân dân các địa phương đã tự nguyện góp công, góp của, xây dựng nơi ăn ở và làm việc cho các cơ quan, công xưởng của Trung ương, giúp đỡ đùm bọc hàng ngàn đồng bào tản cư đến. Khi thực dân Pháp liều lĩnh mở các cuộc tấn công lên Bắc Thái, nhân dân và các lực lượng vũ trang Bắc Cạn, Thái Nguyên vừa trực tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ khu ATK

của Thủ đô kháng chiến, vừa tích cực tăng gia sản xuất, đóng góp cho nhu cầu của tiền tuyến. Nhân dân và lực lượng vũ trang Bắc Thái tự hào đã làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình, bảo vệ an toàn Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, xứng đáng là công dân của «Thủ đô kháng chiến» anh hùng.

Theo thống kê chưa đầy đủ, trên địa bàn Bắc Cạn, Thái Nguyên, bộ đội địa phương, dân quân du kích và nhân dân đã đánh địch 387 trận lớn, nhỏ, diệt gần 1700 tên địch, làm bị thương gần 500 tên khác, phá hỏng 3 ca nô, bắn rơi 1 máy bay... góp phần bảo vệ vững chắc An toàn khu kháng chiến.

Thực hiện vai trò hậu phương, căn cứ địa, trong 9 năm kháng chiến, nhân dân Bắc Cạn — Thái Nguyên đã động viên, tiễn đưa trên 2 vạn con em, nam và nữ của các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Mán, Cao Lan... gia nhập lực lượng vũ trang, tham gia chiến đấu trên khắp chiến trường 3 nước Đông Dương. Huy động hàng vạn tấn lương thực, thực phẩm, quần áo, thuốc men... chi viện cho các chiến trường. Với những chiến công to lớn đó, Đảng và Chính phủ đã tặng các lực lượng vũ trang Bắc Cạn, Thái Nguyên 1596 huân chương chiến công, 8260 huân chương chiến sĩ vẻ vang; tặng nhân dân các dân tộc Bắc Thái 2938 huân chương kháng chiến, 5333 huy chương kháng chiến.

Qua cuộc trường kỳ kháng chiến 9 năm, quân và dân 2 tỉnh trưởng thành về mọi mặt, bộ mặt vùng cao biến đổi sâu sắc, Đảng bộ 2 tỉnh càng dày dặn trong kinh nghiệm chỉ đạo đấu tranh vũ trang chống xâm lược, bảo vệ quê hương, làng, bản.

Bài học cơ bản hàng đầu có ý nghĩa quyết định xuyên suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

của Bắc Thái là: *Coi trọng xây dựng củng cố và tăng cường tình đoàn kết giữa nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh; động viên và tổ chức rộng rãi toàn dân tham gia kháng chiến.*

Đây là thành công có ý nghĩa chiến lược của Đảng bộ và nhân dân Bắc Thái trong việc quán triệt và vận dụng đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh của Đảng.

Bắc Thái vốn là tỉnh có nhiều dân tộc chung sống xen kẽ với nhau từ lâu đời, giữa các dân tộc, đời sống văn hóa, phong tục tập quán có nhiều chỗ khác biệt, trình độ nhận thức xã hội và văn hóa cũng chênh lệch nhau. Từ những ngày đầu kháng chiến, Bắc Thái còn tiếp nhận hàng vạn đồng bào từ miền xuôi tản cư lên. Dưới chế độ thực dân, phong kiến, với chính sách « chia để trị », các lực lượng thống trị đã tìm mọi cách khoét sâu mâu thuẫn, gây hận thù sâu sắc giữa các dân tộc, giữa người miền núi và người miền xuôi, giữa người địa phương này và người địa phương khác. Năm vững đường lối, quan điểm của Đảng, Đảng bộ các địa phương đã giáo dục, giải thích đến bà con các dân tộc nhận rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn chia rẽ thâm độc của kẻ thù, động viên, tổ chức nhân dân các dân tộc đoàn kết, cùng tham gia kháng chiến, xây dựng quê hương, bản, làng. Đề tiến hành kháng chiến, việc giác ngộ và đoàn kết các dân tộc là nhiệm vụ trọng đại và khẩn thiết nổi lên hàng đầu của cấp bộ Đảng và chính quyền các cấp. Đảng bộ Bắc Cạn, Thái Nguyên luôn luôn coi trọng lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc, coi đây là vấn đề cốt lõi nhất đề củng cố khối đoàn kết toàn dân. Cán bộ các cấp từ Trung ương đến tỉnh, huyện, xã khi tiếp xúc với đồng bào các dân tộc đều thể hiện đúng chính sách của Đảng, bình đẳng chân thành, chan hòa, cởi mở, tôn trọng phong tục tập

quán, sinh hoạt của đồng bào, từng bước diu dắt nhân dân tiến lên xây dựng chế độ mới, nếp sống mới. Mặt khác, các cấp vừa coi trọng đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ người dân tộc đề đưa vào các cấp chính quyền, đoàn thể quần chúng, vừa chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng và tích cực, tìm biện pháp giải quyết các định kiến, thành kiến giữa các dân tộc... Những việc làm tích cực đó đã đưa đồng bào các dân tộc bước vào con đường đại đoàn kết, tương thân, tương ái, sát cánh bên nhau, quyết tâm đi theo con đường kháng chiến mà Đảng đã vạch ra. Chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng đã thu hút rộng rãi mọi thành phần dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân dù địa vị kinh tế, xã hội khác nhau đều hăng hái tự nguyện tham gia kháng chiến. Đảng bộ 2 tỉnh lãnh đạo các địa phương quyết tâm bám chắc vào nhân dân các dân tộc, kiên trì công tác giáo dục, vận động, tổ chức quần chúng, đi sâu xây dựng cơ sở chính trị trong từng làng, bản bằng nhiều hình thức tập hợp lực lượng thích hợp.

Nắm vững tư tưởng chỉ đạo của trên: « Dù khó khăn đến đâu vẫn phải nắm chắc lấy dân, có thể tạm thời mất đất chứ không chịu mất dân, còn dân là còn tất cả », 2 tỉnh đã thành lập các Đội vũ trang tuyên truyền (bao gồm con em nhiều dân tộc) thâm nhập xuống từng vùng để xây dựng và củng cố cơ sở chính trị vũ trang nhân dân. Chính dựa vào cơ sở chính trị quần chúng vững chắc mà chiến tranh du kích ở Bắc Thái đã phát triển sáng tạo và phong phú, tạo thế cho đấu tranh toàn diện cả về chính trị, kinh tế và quân sự. Trải qua muôn vàn gian khổ hy sinh trong đấu tranh gay go, quyết liệt với địch, cơ sở quần chúng của ta phát triển và ngày càng rộng khắp trong toàn tỉnh, tạo lên thế vững và lực mạnh để tiến công kẻ thù giành thắng lợi ngày càng lớn.

Suốt 9 năm, nhân dân Bắc Thái hết sức *chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương đáp ứng yêu cầu chiến đấu bảo vệ hậu phương, chi viện cho chiến trường, làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc.*

Sự nghiệp đánh giặc là của toàn dân, trong đó lực lượng vũ trang 3 thứ quân làm nòng cốt. Địa hình Bắc Thái phần lớn là rừng, núi hiểm trở, dân cư phân tán, khó cơ động lực lượng lớn, rất phù hợp với tác chiến tại chỗ của bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Thực tiễn cho thấy các địa phương Cao Kỳ, Yên Đĩnh, Đào Hoa Sĩ, thị xã Bắc Cạn, Bạch Thông (Bắc Cạn), Đồng Tiến, Trung Thành (Phổ Yên), Phúc Xuân (Đồng Hỷ...) có lực lượng tại chỗ mạnh, chiến tranh du kích có điều kiện phát triển, đánh địch, bảo vệ nhân dân, làng, bản có hiệu quả.

Ngược lại, các xã vùng bắc Chợ Rã và các xã thuộc huyện Ngân Sơn trong những năm 1951 — 1953 đánh giặc, bảo vệ bản, làng đạt hiệu quả thấp chính vì có thời gian coi nhẹ xây dựng lực lượng tại chỗ.

Nhận rõ vai trò, vị trí của bộ đội địa phương, từ sớm. Bắc Thái tập trung chỉ đạo xây dựng nâng cao chất lượng bộ đội địa phương tỉnh và các huyện. Từ giữa năm 1949 trở về trước, trên địa bàn Bắc Cạn, Thái Nguyên có các đại đội độc lập của Bộ Tổng chỉ huy phân tán đến hoạt động, phát động nhân dân đấu tranh vũ trang, xây dựng và diu dắt dân quân, du kích đánh địch. Giữa năm 1949, Liên khu chủ trương chuyển các đội du kích tập trung huyện, tỉnh thành bộ đội địa phương, thay thế cho các đại đội độc lập. Từ lực lượng dân quân trưởng thành qua hình thức quá độ là du kích tập trung, các địa phương dần dần tiến lên xây dựng bộ đội địa phương.

Tại Thái Nguyên, có tiểu đoàn bộ đội địa phương ở tỉnh, các đại đội bộ đội địa phương huyện. Bắc Cạn thành lập trung đoàn bộ đội địa phương tỉnh và đại đội bộ đội địa phương ở các huyện. Qua thực tiễn chiến đấu ở Vĩnh Phúc, Phúc Yên, Bắc Giang... bộ đội địa phương Bắc Cạn, Thái Nguyên đã nhanh chóng trưởng thành. Nhiều cán bộ, chiến sĩ Bắc Thái đã trở thành cán bộ lãnh đạo, chỉ huy nòng cốt xây dựng các đại đoàn chủ lực của Bộ Tổng tư lệnh.

Đề nâng cao chất lượng lực lượng vũ trang địa phương, Đảng bộ 2 tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên quán triệt sự chỉ đạo của Liên khu ủy « phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang », có nhiều biện pháp nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang tại chỗ. Các cấp ủy Đảng đã cử nhiều tỉnh ủy viên, huyện ủy viên và tương đương sang tham gia bộ đội địa phương tỉnh, huyện, quy định 1/3 đảng viên ở các cơ sở làng, xã phải tham gia dân quân, du kích và các bí thư hoặc ủy viên thường vụ các cấp ủy đảng phải trực tiếp làm chính trị viên. Các Tỉnh ủy còn quy định tất cả cán bộ đảng các cấp phải nghiên cứu nắm vững đường lối, nhiệm vụ quân sự của Đảng, phải nắm chắc tình hình quân sự ở địa phương để có khả năng tham gia vào lãnh đạo quân sự. Tuy vậy vẫn có cấp ủy chưa quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang, còn khoán trắng cho cơ quan quân sự hoặc cán bộ phụ trách quân sự. Nhiều nơi chưa chấp hành đầy đủ quy định điều động cấp ủy viên và đảng viên sang lãnh đạo dân quân, du kích. Những thiếu sót đó đã hạn chế sức chiến đấu của các lực lượng tại chỗ.

Quá trình xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, Bắc Thái gặp không ít khó khăn và cũng có những

khuyết điểm, nhược điểm. Nền kinh tế tự cấp tự túc với sản xuất nông nghiệp lạc hậu, manh mún, năng suất thấp, cùng với sự phá hoại của thiên tai, địch họa đã làm cho khả năng cung cấp, nuôi dưỡng bộ đội có lúc rất khó khăn. Bộ đội, du kích tập trung phải ăn đói, mặc rét, bệnh tật đe dọa. Một số thanh niên không chịu nổi cuộc sống quá kham khổ đã bỏ ngũ về gia đình, khiến cho kỷ luật, chất lượng chiến đấu một số phân đội giảm sút. Có thời gian, tỉnh, huyện tập trung chăm lo củng cố bộ đội địa phương thì lại lơ lửng, không chú ý, đầy đủ đến xây dựng dân quân, du kích ở các làng, bản.

Cũng cần phải nói đến tư tưởng chủ quan, « đại hậu phương chủ nghĩa » xuất hiện khá phổ biến trong cán bộ và nhân dân trước khi Pháp tiến công Việt Bắc Thu Đông 1947 và sau khi địch rút khỏi địa bàn 2 tỉnh và sau khi đập tan cuộc hành quân « Chó Biền » tháng 10-1950. Lực lượng dân quân, du kích giảm sút cả về số lượng và chất lượng, ảnh hưởng không nhỏ đến việc hoàn thành các nhiệm vụ kháng chiến, củng cố hậu phương, chỉ viện tiền tuyến.

Thắng lợi của quân, dân Bắc Thái còn có nguyên nhân là Đảng bộ hai tỉnh rất quan tâm *xây dựng và bảo vệ hậu phương, căn cứ địa vững mạnh về mọi mặt.*

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Bắc Thái được Trung ương Đảng, Chính phủ, Hồ Chủ tịch chọn làm nơi xây dựng trung tâm căn cứ địa Việt Bắc — nơi đóng đại bản doanh lãnh đạo kháng chiến của cả nước. Bắc Thái trở thành « Thủ đô kháng chiến ».

Đề đập tắt công cuộc kháng chiến của nhân dân ta, thực dân Pháp quyết tâm triệt phá căn cứ địa Việt Bắc. Bắc Thái trở thành một trọng điểm đánh phá của quân đội viễn chinh Pháp.

Xây dựng và bảo vệ hậu phương căn cứ địa trở thành nhiệm vụ thường xuyên có tầm chiến lược của quân và

dân 2 tỉnh. Nhân dân và các lực lượng vũ trang Bắc Thái đã góp phần đắc lực xây dựng, chiến đấu bảo vệ hậu phương căn cứ địa ngày càng vững mạnh. Bắc Thái đã phối hợp, hiệp đồng với các lực lượng đóng trên địa bàn tỉnh, với các tỉnh bạn, tích cực, chủ động tìm địch mà đánh nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bảo vệ an toàn căn cứ địa và mở rộng hậu phương kháng chiến. Ở những vùng giáp địch, thường bị địch quấy phá, uy hiếp, lấn chiếm, cần quét (Phồ Yên, Phú Bình...), nhân dân ở đây coi trọng cả hai mặt chiến đấu và xây dựng, nêu cao khẩu hiệu « vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, vừa xây dựng và bảo vệ tốt ».

Nhờ xây dựng và bảo vệ vững chắc căn cứ địa, nhân dân các dân tộc Bắc Thái đã đóng góp, chi viện ngày càng lớn cho các chiến trường.

Với việc bảo vệ an toàn Trung ương Đảng, Chính phủ, Hồ Chủ tịch, bảo đảm cho sự chỉ đạo của bộ thống soái tối cao đến các chiến trường không lúc nào bị gián đoạn, nhân dân các dân tộc Bắc Thái đã làm tròn trọng trách của mình đối với cả nước.

Đảng bộ và nhân dân 2 tỉnh đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm quý về xây dựng, bảo vệ hậu phương. Trước hết đó là bài học dựa chắc vào đồng bào các dân tộc. Nhân dân là lực lượng to lớn nhất để xây dựng và bảo vệ căn cứ địa. Nhân dân che chở đùm bọc cho các cơ quan, các binh công xưởng. Nhân dân là tai mắt để phát hiện mọi hành vi của kẻ địch chống phá kháng chiến. Suốt 9 năm, các cấp bộ đảng và chính quyền kháng chiến còn chăm lo đến đời sống của đồng bào các vùng cao, từng bước thực hiện các cải cách dân chủ nhằm xóa bỏ dần các hình thức bóc lột phong kiến của các tầng lớp thống trị trước đây. Công cuộc củng cố địa bàn còn được gắn chặt với cuộc đấu tranh tiêu trừ nạn phi thuế triệt phá một

âm mưu nham hiểm của thực dân Pháp gây nên tình huống không ổn định ngay trong hậu phương kháng chiến.

Thực dân Pháp, can thiệp Mỹ rất xảo quyệt trong âm mưu gây phi, nuôi dưỡng bọn trùm phi để lôi kéo quần chúng, phá hậu phương kháng chiến, tạo nên một tình hình thường xuyên không ổn định, khiến ta phải phân tán lực lượng đối phó. Quân và dân Bắc Thái đã phải dồn biết bao tâm sức để phá tận gốc mọi nguồn gốc gây ra phi, giặc ngộ quần chúng, tranh thủ quần chúng, sử dụng sức mạnh quần chúng, có quân sự làm áp lực để tiến công tiêu diệt phi, giải phóng nhân dân. Với thành tích tiêu phi, các lực lượng vũ trang nhân dân Bắc Thái xứng đáng là đội quân chiến đấu và công tác tốt.

••

Sau những năm kháng chiến cực kỳ gian khổ, anh dũng, quân và dân các dân tộc Bắc Thái đã cùng với quân và dân cả nước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đến thắng lợi vẻ vang bằng chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử «chấn động địa cầu».

Dưới lá cờ trăm trận, trăm thắng của Đảng và Hồ Chủ tịch kính yêu, quân và dân Bắc Thái dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương đã phát huy truyền thống đánh giặc giữ nước, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đoàn kết chiến đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ hậu phương căn cứ địa, chi viện đắc lực cho các chiến trường đánh thắng, xứng đáng là công dân, chiến sĩ của «Thủ đô kháng chiến». Miền Bắc được giải phóng nhưng miền Nam còn phải sống dưới nanh vuốt của kẻ thù mới— đế quốc Mỹ và tay sai. Quân và dân Bắc Thái một lần nữa xác định rõ trách nhiệm của mình là tiếp tục xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh, chi viện đắc lực cho miền Nam đánh Mỹ và thắng Mỹ.

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Lời giới thiệu | 5 |
| Chương mở đầu Bắc Thái — Đất nước — Con người truyền thống đấu tranh | 7 |
| Chương một Bảo vệ chính quyền Cách mạng — Chuàn bị kháng chiến chống thực dân Pháp (9-1945 — 9-1947) | 55 |
| Chương hai Cuộc chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Thu Đông 1947 | 82 |
| Chương ba Tiến công địch giải phóng quê hương, góp phần vào chiến thắng Biên Giới 1950 (1-1948 — 10-1950) | 125 |
| Chương bốn Xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh, chi viện tiền tuyến đánh thắng (1-1951 — 7-1954) | 172 |
| Kết luận | 221 |

Sắp chữ, in và đóng sách tại Nhà máy in Quân đội.
Số lượng: 2000c. Khổ 13 19. Số trang: 220. Số in: 170.
Giấy phép xuất bản số: 42. In xong và nộp lưu chiểu 12-1990.